

Lê Minh Quốc

*Có một  
mầm hoa  
đã nhú  
dưới tro tàn*

Tạp bút



NHÀ XUẤT BẢN  
HỌC NHÀ VĂN

# **CÓ MỘT MẦM HOA ĐÃ NHÚ DƯỚI TRO TÀN**

Tác giả: **Lê Minh Quốc**

Thể loại: **Tạp văn,**

Nhà xuất bản: **NXB Hội Nhà Văn**

Ebook: **Cuibap**

Nguồn text: **Waka.vn**

# LỜI TỰA



**L**ê Minh Quốc không phải là người xa lạ với tôi và có lẽ cũng với nhiều bạn đọc khác nữa vì anh là một nhà báo, một nhà văn, và trước hết, một nhà thơ, bởi vì ngay từ thuở trẻ, anh đã chọn thi ca làm nghiệp dĩ: Tôi chạy theo thơ (2003) và cũng đã có nhiều tác phẩm thơ, tùy bút được xuất bản: Thơ tình Lê Minh Quốc, Thơ tình của Quốc, Gái đẹp trong tôi, Tôi và đàn bà...

Tôi được quen biết anh khá lâu, có khi là dịp anh phỏng vấn tôi, có khi anh làm MC cho một buổi trò chuyện, một buổi ra mắt sách của tôi..., và tôi vẫn luôn nhìn anh với đôi mắt quý mến lẫn một chút... ái ngại bởi sự cháy bỏng, tràn đầy năng lượng của anh khác với tôi, già nua tuổi tác. Nhưng, một hôm, anh bỗng gọi tôi: “Anh Đỗ Hồng Ngọc ơi, anh viết cho Quốc một bài giới thiệu tập sách sắp in này nhé. Phải là anh viết mới được...”.

Tôi ngạc nhiên lắm. Tôi biết gì về tình yêu, về gái đẹp, về đàn bà... mà viết cho Quốc đây! Nhưng anh không cho tôi kịp từ chối, gởi ngay bản thảo. Có một mầm hoa đã nhú dưới tro tàn!

Có gì vậy hả Quốc? Sao một người lắm liệt oai phong, hùng hực năng lượng như nhà thơ Lê Minh Quốc mà bỗng thấy “có một mầm hoa đã nhú dưới tro tàn” vậy?

*Cửa đã khép thì khác gì cửa mở  
Anh đứng ngoài khép mở của thời gian  
Dẫu mở mắt cũng là đang nhắm mắt  
Anh thấy mầm hoa đã nhú dưới tro tàn...*

**(LMQ)**

Thì ra... tập sách này của anh cho thấy một Lê Minh Quốc khác. Tưởng rất ngổ ngáo, rạo rực, sôi nổi trong tình yêu; sâu sắc, chặt chẽ trong văn chương nghệ thuật, bỗng trầm lắng xuống, thấy mình “dẫu mở mắt cũng là đang nhắm mắt”...

Và anh quay nhìn lại chính mình. Lắng nghe chính mình. Thử tiếng nói từ sâu thẳm tự bên trong. Anh viết về quê hương, về mẹ, về người xưa, về cái đẹp, về nếp sống hạnh phúc... Những lời ân cần như vừa tâm tình với chính

mình, lại như vừa khuyên nhủ người bạn trẻ vào đời...: Học lại người xưa, Đi là sống một đời sống khác, Sống vui từng ngày, Vui trong hiện tại, Niềm tin tâm linh...

Anh viết về mẹ với tất cả tấm lòng, đọc không thể không rưng rưng: “Còn với tôi, một khuya đẹp trời là lúc mở cửa đón đón vào nhà. Đã quen hơi người, con chó mực không sủa, chỉ quẫy đuôi mừng rỡ. Chân bước rất khẽ, thế mà vẫn nghe một giọng ngái ngủ vang lên trong tĩnh mịch: “Q về đó hả con?”, chỉ trả lời một tiếng: “Dạ”. Không gian lại im ắng lạ thường. Đâu đó đã có tiếng gà gáy. Đêm vẫn tối đen. Bình yên”. **(Một ngày rất đẹp).**

Rất đẹp vì có mẹ. Bởi vì rồi đây, một khi “Mẹ thành mây trắng đã lâu/ Con về thăm mẹ ngồi đâu cũng buồn”...

Anh viết về chữ hiếu: “Dù đứng ở góc độ nào, ta thấy chữ hiếu đã nhập vào tâm thức người Việt như một lẽ sống vĩnh hằng. Kinh Phật có dạy: “Điều thiện tối cao không gì hơn hiếu, điều ác cùng cực không gì hơn bất hiếu” (kinh Nhẫn Nhục), “Gặp thời không có Phật, khéo thờ cha mẹ tức là thờ Phật” **(kinh Đại Tập)**...

Anh nhìn “cái đẹp” cũng đã khác:

“Cái đẹp là gì nhỉ? Khó có thể có câu định nghĩa hợp ý với cả thầy mọi người, nhưng chỉ trong lĩnh vực thời trang, tôi nghĩ rằng, một khi ăn mặc thế nào mà cảm thấy mình ý tứ hơn, dịu dàng hơn và cũng dễ tạo ra thiện cảm, đó chính là đẹp. Với phụ nữ, sự trở lại của chiếc áo dài truyền thống, dù bây giờ đã ít nhiều có cách điệu đi nữa, là một lựa chọn của nhiều người. Sự lựa chọn ấy cho thấy rằng khi xuất hiện trước đám đông, tự nó đã nói lên các đức tính cần thiết của nữ giới” **(Gói mây trong áo).**

Đã đến lúc “về thu xếp lại” của một người vừa chớm nghe “gió heo may đã về” chẳng, đã đến lúc phải “dọn lòng” chẳng? ““Về thu xếp lại” cũng là lúc “dọn lòng” của chính mình, loại bỏ đi những tị hiềm ganh ghét nhỏ nhen đã giăng tơ nhện từ ngày này qua tháng nọ. Sự u ám ấy, sao không gạt bỏ đi cho nhẹ lòng? Mà trong lòng mỗi chúng ta sự ngổn ngang ấy... ” **(Về thu xếp lại).**

Đọc Lê Minh Quốc bây giờ, tôi thấy anh đã thực sự chuyển hóa, khác đi với một Lê Minh Quốc tôi quen biết trước đây. Anh thành thực kể rằng khi viết chuyên mục “Sức khỏe cho tâm hồn” ở một tờ báo, anh luôn tự hỏi mình: “Tâm hồn mình có đủ trong sáng, hướng thiện để bàn luận về sự yêu thương trong đối nhân xử thế?”...Và rồi anh nhận ra, xưa, là con người hành động, anh nghĩ “muốn thay đổi phải có sự tác động giáo dục từ gia đình, nhà trường và môi trường xã hội”, nay thì anh đã nhìn ra hạt giống hướng thiện ở trong

ta: “Hạt giống hướng thiện ấy mình gieo ngay trong tâm hồn chính mình. Ta sống với với nó, nuôi dưỡng nó...”. Đúng vậy. Chỉ có cách quay về nương tựa chính mình. Cõi Phật không ở đâu xa! Tâm thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh.

Trả lời người bạn đồng nghiệp đặt câu hỏi, anh nói: “Tôi luôn ý thức rằng, những gì viết là điều hằng tâm niệm; hoặc mục tiêu đang hướng tới. Viết cũng là một cách tự giáo dục lấy chính mình”.

Đoản văn, tùy bút của Lê Minh Quốc có lẽ là chỗ tâm đắc của anh, chỗ anh gởi gắm nhiều nhất. Có thể nhiều điều chưa nói ra và nhiều điều chưa nói hết, nhưng nó chân tình và sâu lắng. Thơ, ca dao, tục ngữ... được chọn, câu nào cũng đắt. Và dĩ nhiên, không thiếu chút dí dỏm đáng yêu kiểu Lê Minh Quốc.

Và như thế, hôm nay ta có trong tay tập Có một mầm hoa đã nhú dưới tro tàn.

***Bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc***  
**(Sài Gòn 11.2015)**

# VỀ QUÊ ĂN TẾT



*Tôi đi giang hồ từ năm mười sáu  
Còn quay đầu nhìn lại Ngũ Hành Sơn*

**T**ết trong những ngày cuối năm, gió rét tràn về, lá vàng bắt đầu lãng du trên mặt phố Sài Gòn thì tôi lại nhớ đến câu thơ đã viết. Nhớ, vì đó là lúc tôi chuẩn bị quay về quê nhà Đà Nẵng. Ngày Tết, ai cũng có một quê nhà để về, không về được thì bứt rứt không nguôi. “Về quê ăn Tết” chỉ bốn từ bình dị như sẵn, như khoai nhưng gợi trong tâm tưởng của bao người một âm vang da diết.

Ăn Tết còn là dịp để bày tỏ lòng biết ơn. Thật lạ, ông bà ta luôn dạy con cháu phải biết ơn những gì, những ai đã giúp mình, dù ít, dù nhiều trong quá khứ.

*Giã ơn cái cối, cái chày*

*Nửa khuya giã gạo có mày có tao*

Cứ nghe như một lời thủ thỉ tâm sự. Cái chày, cái cối kia không còn là vật vô tri vô giác, nó đã là người bạn của những lúc “tối lửa tắt đèn” có nhau. Xã hội Việt Nam thuở xưa sống bằng nghề nông, thường ngày “*Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa*” thì ngày Tết “*con trâu là đầu cơ nghiệp*” cũng... ăn Tết. Bà ngoại tôi kể ngày xưa ở Quảng Nam, chiều ba mươi Tết chuồng trâu, bò được dọn sạch sẽ và chúng được nghỉ xả hơi. Qua ngày mồng bốn, chúng được đưa ra đồng với cái lễ vui vẻ có cả bánh tét, bánh chưng hân hoi. Sau khi khấn vái, người ta dán giấy vàng mã lên sừng trâu bò, con nghé thì được dán giữa trán - như lời cầu chúc cho chúng luôn khỏe mạnh, không ốm đau, không trở chứng xao nhãng công việc. Cúng xong, bánh trái ấy được phân phát cho trẻ mục đồng. Ấy cũng là một cách bày tỏ lòng biết ơn với gia súc đã quanh năm cùng gắn bó “*trên đồng cạn dưới đồng sâu*”.

Ít ai ngờ rằng, ngay cả giếng trong nhà cũng... ăn Tết.

Tuổi thơ của tôi có những vạt mây trắng. Mây bay trên trời xanh lồng lộng bây giờ đã chìm khuất đâu đó trong trí nhớ, nhưng vạt mây từng soi bóng dưới giếng chắc vẫn còn. Giếng nhà ông ngoại. Cái giếng cũ kỹ ấy là



một thời kỷ niệm khó quên. Nước trong vắt. Mỗi chiều, bà con láng giềng thường đến múc nước. Tình làng nghĩa xóm thân mật và gần gũi lắm. Trong tôi vẫn còn nghe vọng lên âm thanh của những chiếc gàu va vào thành giếng. Âm thanh của tuổi thơ nhiều mộng mị xa vời.

Lớn lên, có lần đọc một khúc dân ca của người Campuchia, tôi nghĩ, đã có những cuộc tình bên cạnh giếng. Tại sao? Vì biết đâu trong đám trai làng ngày ấy, chắc rằng đã có lúc, có người tần ngần nhìn xuống giếng sâu và thì thầm trong tâm tưởng: *“Anh đi ra giếng một mình/ Chiếc bóng dưới nước long lanh đâu rồi?/ Chỉ nhìn thấy bóng em thôi/ Lúc em tắm để quên nơi giếng này”*. Tôi tạm dịch như thế. Và thích tứ thơ này. Khi người con trai thất tình, không thấy bóng mình dưới giếng, chỉ thấy hình bóng người yêu năm xưa. Diệu vợ đến ngậm ngùi đau đớn. Ấy là do tôi tưởng tượng, chứ cái giếng ngay trước nhà, làm gì có ai dám đứng tắm.

Lớn lên, đi xa nhưng mỗi lần nhớ về tuổi nhỏ, trong tôi vẫn luôn hiện lên hình ảnh cái giếng đó. Nếu biết nói, chắc nó sẽ kể cho tôi nghe nhiều thăng trầm năm tháng đã đi qua. Nó sẽ kể rằng, một ngày nọ, đã xa lắc xa lơ, khi trong nhà không còn một hạt gạo, bỗng nhiên sáng mùng một Tết có người đến thật sớm. Đến “đạp đất” mừng tuổi ông bà ngoại tôi chẳng? Không, họ đến để mượn chiếc đòn gánh. Mượn trong ngày đầu năm là điều tối kỵ. Mà lại mượn cái đòn gánh đã mòn trên vai mẹ tôi từng ngày kiếm sống. Lạ quá đi chứ? Nào ngờ đó là một phép lạ. Ra Giêng ngày rọng tháng dài, bỗng gia đình ông bà ngoại tôi làm ăn phát đạt. Các cậu, dì mua may bán đắt đến diệu kỳ. Những tiệm vàng mang chữ “Vĩnh” như Vĩnh Châu, Vĩnh Thái, Vĩnh Phát, Vĩnh Thuận... lần lượt được khai trương - một thời lừng lẫy ở chợ Cồn. Chuyện này, mẹ tôi đã kể tôi nghe trong một ngày đứng bên thành giếng nhà ông ngoại.

Khi tôi đi bộ đội về, việc làm đầu tiên của tôi là lên nhà ông ngoại tìm lại ngày tháng tuổi thơ. Kỷ niệm tốt tươi nhất trong đời tôi vẫn là ngày mùng một Tết, anh em tôi mặc quần áo mới chúc ông bà sống lâu muôn tuổi, để rồi được dì, cậu, ba mẹ “lì xì” những đồng tiền mới đựng trong phong bì đỏ chói. Nhưng rồi, tôi bàng hoàng nhận ra cái giếng ngày cũ đã không còn. Ngày tháng cũ đã mất. Chính vì thế, trong tập thơ *Yêu em*, *Đà Nẵng* có một đoạn tôi viết *“Em đi qua vườn bàn chân bước vội/ Nén nhang thơm trên bàn thờ ông ngoại/ Thơm hoài nỗi buồn về khuya... Quay về tuổi thơ không còn ai/ Chỉ gặp trên mái ngói tiếng chim lặn dài”*. Vì nhiều lý do, các dì, cậu đã bán một phần căn nhà cũ của ông bà ngoại và người mua đã lấp cái giếng ấy, lấy thêm đất dựng nhà. Kỷ niệm cũ của tôi đã chìm sâu dưới đất. Đã chìm sâu cả trò

chơi của tuổi thơ “*Nào oản tù tì! Cái gì? Cái kéo/ Cùng kéo co nhau ngày Tết đến rồi/Nồi bánh chưng xanh con chim lè lưỡi/ Chơi trò chơi nhỏ em gọi Tết ơi!*”.

Bây giờ cũng gọi Tết ơi! Nhưng lại thấy xa xăm quá đỗi...

Nay, tôi đã bước vào lứa tuổi biết “sợ Tết”. Bởi sợ thời gian lướt qua nhanh. Dù vậy, giếng nước nhà ông ngoại vẫn còn trong vắn vắt trong tâm tưởng. Tôi lại nhớ đến Tết xưa, chiều ba mươi mỗi năm, bà ngoại tôi dán tờ vàng mã màu son rực rỡ bên thành giếng, trên giếng có đặt mâm ngũ quả, nén nhang, đèn sáp thắp đỏ rồi khấn vái bà Thủy Long. Xong lễ, bà thả gàu xuống múc một gàu nước trong vắt để dành cúng đầu năm.

Mỗi lần Tết đến, nhiều người lại nhớ những món ăn mẹ nấu cho ăn thuở ấu thơ, nó luôn ám ảnh trong trí nhớ, ngọt bùi trong ký ức. Có thể sau này, khi lớn lên ta được ăn biết bao “món ngon vật lạ” trên đời nhưng cũng không thể sánh nổi... Bởi món ăn của ngày xa xưa ấy không chỉ có ý nghĩa vật chất mà còn chứa cả tấm lòng, tình yêu thương vô bờ bến của mẹ. Món ăn ngày Tết, tôi thích nhất là thịt heo ngâm nước mắm. Không rõ, trong Nam ngoài Bắc có món này không? Là những miếng thịt heo thật ngon, đem luộc chín (nhưng chín đến mức độ nào là một “bí quyết” của người nội trợ tài hoa). Sau đó, vớt ra chờ ráo nước, rồi đặt vào trong thau và đổ nước mắm vào. Điều khó nhất là phải pha chế nước mắm như thế nào mới “đúng điệu”? Cũng là một... “bí mật”! Dù thế nào đi nữa, nhưng chắc chắn phải là loại thượng hạng, phải là nước mắm Nam Ô thì mới... đúng “bài bản”!

Nay tôi đã lớn. Mẹ tôi đã già. Trong ngày Tết, tôi không còn được ai làm cho món ăn ấy nữa. Nghĩ lại, thấy bùi ngùi và thương tiếc năm tháng đã xa...

Hàng ngàn hàng triệu năm nữa, tôi nghĩ, phong vị Tết trong tâm thể của người Việt vẫn thiêng liêng như thuở nào. Dù siêu thị mọc lên ngày càng nhiều, hàng hóa đa dạng hơn, nhịp sống có hối hả hơn, tất bật hơn... nhưng trong ngày Tết, tất cả những thứ ấy lại mang một ý nghĩa khác hẳn. Món ăn của ngày Tết còn có hương vị của sự sum họp, đoàn tụ; trong bộ quần áo mới còn có cả niềm vui trong trẻo của ngày Nguyên đán; trong giọng nói tiếng cười không chỉ mang ý nghĩa thông tin mà còn là nỗi niềm tâm sự và chia sẻ... Ngày Tết của Hôm Nay, tôi vẫn đón nó bằng tâm thể náo nức, chờ đợi, hân hoan của Hôm Qua.

Nói đến Tết, ta không thể quên được tiếng gọi thầm vọng lại từ lòng mình: “Về quê ăn Tết”. Thật hạnh phúc cho những ai còn có nơi chốn để về đoàn tụ, sum họp cùng gia đình. Cũng như mọi năm, năm nào tôi cũng về quê



trên chuyến bay vào ngày cuối cùng của một năm. Mở rộng lồng ngực để đón gió mới. Mở to mắt để nhìn nắng mới. Và hy vọng những niềm vui mới của ba ngày Tết. Vâng, làm sao có thể quên được câu thành ngữ: “*Mồng một Tết cha, mồng hai Tết mẹ, mồng ba Tết thầy*”. Nhìn rộng ra, bao đời nay, người ta dành ngày thiêng liêng nhất cho bên nội (cha), bên ngoại (mẹ) và thầy dạy nhằm thể hiện đạo lý “tôn sư trọng đạo”. Năm nay, tôi sẽ khai bút đầu xuân như thế nào? Chưa rõ. Nhưng chắc chắn, tâm trí tôi nhớ đến mấy câu thơ còn ghi trong gia phả:

*Cây có gốc mới sinh ra ngọn  
Nước có nguồn mới bể rộng sông sâu  
Người ta nguồn gốc từ đâu?  
Có Tổ tiên trước rồi sau có mình.  
(Tết năm Kỷ Sửu)*

# MÙA XANH CỦA ĐỜI



**K**hi bước vào bất cứ ngôi nhà nào, dễ dàng bắt gặp một hình ảnh quen thuộc được chủ nhân treo ở vị trí dễ nhìn thấy nhất: quyển lịch. Nơi ấy, thời gian lặng lẽ đi qua. Thời gian gõ nhịp mỗi ngày. Như một lẽ tự nhiên. Tự nhiên như mỗi ngày xé đi một tờ lịch. Có khác chăng, ngày Chủ nhật, tờ lịch được in màu đỏ. Vậy thôi. Chẳng có gì phải bận tâm.

Từ lúc lần đầu tiên biết xé tờ lịch mỗi ngày đến khi sắp từ già cỗi trần, có một lần, dù cũng lặp lại thói quen ấy nhưng trong lòng cảm xúc đã khác. Tự nhiên, ta nhìn thấy ngoài kia trời xanh hơn, nắng tươi hơn. Tự nhiên, ta sờ tay lên ngực thấy nhịp đập trái tim khỏe khoắn hơn. Khoảnh khắc nào diệu kỳ đến thế? Tôi dám quả quyết rằng, bất kỳ ai cũng có chung cảm giác ấy, đó là lúc đưa tay chạm vào tờ lịch cuối cùng. Chần chừ một chốc, ngẫm nghĩ một lúc, thời gian năm cũ lướt nhanh qua óc. Đã hết một năm rồi ư? Nhanh quá. Chỉ một chớp mắt.

Nghĩ thế, rồi nhẹ nhàng xé đi tờ lịch cuối cùng.

Ngày đầu tiên trong 365 ngày của năm mới hiện ra. Mùa xanh của đời mở ra. Một chặng đường dài mở ra. Tất cả lại bắt đầu. Bắt đầu một hành trình của kiếp người đang vẫy gọi. Ngày đầu tiên trong một năm, lúc ấy nghĩ gì? Cầu trời khấn Phật, năm mới mọi việc mới hơn, hanh thông hơn, thuận lợi hơn.

Đã ngoài 50, mà vẫn còn suy nghĩ trong trẻo thế ư?

Vẫn thế.

Mỗi ngày, đi giữa dòng đời tấp nập, có lúc gặp những gương mặt xa lạ, dù họ tỏ ra thân thiện, hiền từ nhưng tôi vẫn e ngại, nghi ngờ; không dám vồn vập tay bắt mặt mừng, sẽ chia những cảm nghĩ thầm kín, dù lúc ấy rất cần một lời dỗ dành, an ủi. Biết đâu gai nhọn đang ẩn giấu trong cái bắt tay thân thiện? Biết đâu những Lý Thông, Bùi Kiệm, Sở Khanh... đang đeo mặt nạ của Lục Vân Tiên, Thạch Sanh? Sự nghi ngại ấy cũng là lẽ thường tình, bởi cuộc sống có quá nhiều bi kịch do lòng tin đặt nhầm chỗ.

Mà thật lạ, với gương mặt trẻ thơ dù chỉ gặp lần thứ nhất trong đời, ngay

lập tức trong lòng tôi đã dậy lên một niềm tin cậy. Mọi điều nghi ngại đều tan biến đi, chỉ còn lại tình người từ ánh mắt nhìn trong veo, từ tiếng cười vô tư, từ giọng nói hồn nhiên như mưa nguồn đầu mùa gió mới... Cảm giác thân thiện ấy, chắc chắn trong đời, ai cũng đã gặp.

Khi nhìn đứa trẻ, ai không nghĩ đến mầm xanh mới nhú? Với tình cảm tự nhiên, ai lại không muốn mở rộng vòng tay bảo bọc, vỗ về? Có đôi lúc nửa đêm bàng hoàng thức dậy, trong lòng sức nhớ và âu lo điều gì, nếu lúc ấy nhìn gương mặt trẻ em, tự nhiên nhiều người cảm thấy chính mình như đang được che chở. Trẻ thơ kỳ lạ lắm, khi nhắm mắt ngủ, gương mặt ấy đẹp tựa thiên thần. Gương mặt thanh thản ấy khiến ta xấu hổ nếu buông tiếng thở dài mỗi một, bỏ cuộc trên chặng đường gian nan sắp tới.

Có những lúc chính trẻ em đã hướng thiện người lớn. Ta sẽ cảm thấy ngại ngùng nếu phải đối thoại, trò chuyện với trẻ em bằng những ngôn từ phù phép, xảo trá. Do đó, giữ cho mầm non thánh thiện ấy không phải bầm dập trước cuồng phong bão táp của đời sống, chính là trách nhiệm của người lớn.

Tuy nhiên, mỗi ngày đi qua có phải lúc nào cũng nghe vọng về tiếng hát cười đùa hồn nhiên vô tư của trẻ nhỏ? Không. Nhưng than ôi, các em khăn gói cầu cứu những nàng Tiên, ông Bụt có xuất hiện kịp thời? Những tiếng kêu thương ấy, chỉ hằn vết căm thù trong trí óc non nớt khó phai. Thử hỏi, đứa trẻ ấy sau này lớn lên sẽ lấy gì làm hành trang tu dưỡng tâm hồn?

Khi người lớn chúng ta thể hiện sự khát vọng về một ngày mai tươi đẹp, về một thế giới các màu da chung sống hòa bình thì có lẽ, việc làm trước nhất vẫn chính là chăm lo, bảo vệ trẻ em. Mà nói đến trẻ em, không thể quên những nhu cầu rất đổi “tâm thường” như chúng phải được ăn no, được ngủ ngon, được đến trường... Nhưng vì sao có đứa trẻ từ lúc lọt lòng mẹ đã bị tước đoạt những nhu cầu ấy? Đừng nhìn đâu xa, có lúc nào trong tất bật công việc kiếm sống mỗi ngày, chúng ta nhín lại một ít thời gian cho con em mình? Vui chơi, lắng nghe lời tâm sự, san sẻ buồn vui mỗi ngày với chúng có phải là điều quá khó khăn?

Tôi nghĩ, ngay từ thuở lọt lòng, mỗi đứa trẻ là một biểu tượng sống động nhất về hình ảnh Thiên đàng dưới trần thế.

Thiên đàng ấy, mỗi người có một ước mơ.

Ngày xưa ngày xưa, đọc một truyện ngắn của nhà văn Võ Hồng, đến nay, mỗi lần nhớ, lại cảm động. Ngày đầu năm, người cha đã cho treo trên tường một kỷ niệm của gia đình: “Đó là bức ảnh chụp mộ má. Ba ngày sau khi chôn cất má xong, ba đặt thợ xây mộ. Khi mộ hoàn thành, ba đưa chị em ra thăm... Ba chị em đều mặc áo tang. Màu trắng của áo quần tang nổi lên nền

đen của ngọn núi đằng sau”. Với phong tục Á Đông, ngày đầu năm nhắc đến tang ma là điều xúi quẩy. Chẳng phải đâu, người cha trầm ngâm bảo, bức ảnh ấy nhằm nhắc nhở các con “khi có điều gì đáng giận nhau thì hãy nhìn vào trước khi giận”, để nhớ lại các con “đều chịu chung cảnh mồ cô má từ thuở thơ ngây đó cho đến suốt đời. Cả ba đều khổ. Hãy thương yêu nhau”.

Hãy thương yêu nhau, “thông điệp” ấy nào của riêng ai. Chưa bao giờ, lòng yêu thương đang dần trở thành một thứ xa xỉ như hiện nay. Có quá nhiều thông tin cho thấy cái ác đang lấn lướt, như sóng dữ vỗ ập lên đời sống khốn khổ, quá nhiều bất trắc... Trên đường phố, chỉ cần một cú va quẹt, một cái nhìn thiếu thiện cảm, một câu nói nghe không lọt tai, là có thể giết nhau dễ dàng như lật bàn tay. Đâu rồi lời dạy của mẹ từ mỗi nếp nhà: *“Lên xe nhường chỗ bạn ngồi/ Nhường nơi bạn dựa, nhường lời bạn trao”*? Đâu rồi, *“Thương người như thể thương thân”*? Có những câu hỏi, ai cũng hỏi mà chẳng thể trả lời.

Chà, sao lẫn thẩn thế?

Ai đời, ngày đầu năm không ước mơ điều gì to tát hơn mà chỉ quanh quẩn trong vài câu tục ngữ, ca dao xưa như trái đất. Sao không ước mơ “hiện đại” hơn? Chẳng hạn, năm mới sẽ giàu hơn, “sành điệu” hơn, “đẳng cấp” hơn? Đúng quá. Hãy tự chúc trong ngày đầu năm niềm ước mơ ấy. Vừa vục miệng nói xong, bỗng từ trong trí nhớ, di ngôn của cụ Nguyễn Hiến Lê vọng đến: *“Khi nghèo phải tận lực chiến đấu với cảnh nghèo vì phải đủ ăn mới giữ được sự độc lập tư cách của mình. Nhưng khi đã đủ ăn rồi thì đừng nên làm giàu, phải để thì giờ làm những việc hữu ích mà không vì danh vì lợi. Giá trị của ta ở chỗ làm được nhiều việc như thế hay không”*.

Có thể, lấy câu nói này làm lời chúc mừng năm mới, được không?

# HỌC LẠI NGƯỜI XƯA



**C**ó một tâm lý đã trở nên phổ biến, hễ cái gì của nước ngoài, thuộc loại “hàng hiệu” thì người ta tin sái cổ, mặc nhiên thừa nhận giá trị của nó.

Điều này tụt vào lựa chọn mỗi người, chẳng ai có thể “phê phán” ai. Không chỉ những mẫu mã cụ thể, ngay cả vấn đề tư tưởng cũng thế thôi. Đã có lần, thi sĩ Bùi Giáng kêu toáng lên: *“Chúng ta quen thói ngong ngóng chạy đuổi theo mọi thứ trào lưu chủ nghĩa, chúng ta tuyệt nhiên không còn giữ một chút tinh thể còn con nào để thể hội rằng lục bát Việt Nam là một cõi thi ca hoảng viễn nhất, kỳ ảo nhất của năm châu bốn biển ba sông bảy hồ”* (Tạp chí Văn số ra ngày 18.5.1973). Lục bát Việt Nam, ca dao, đình làng, cái chày cái cối, con nghề đầu làng, lũy tre, bến nước... vẫn tồn tại theo năm tháng. Một khi nhìn nhận, phát huy với giá trị văn hóa đích thực của dân tộc Việt, tôi tin rằng nội lực đó còn đủ sức soi đường cho chúng ta đi tới.

Vì lẽ đó, khi bắt tay vào làm bộ *Hào khí Đông A*, trước hết tôi chọn lấy đời nhà Trần bởi đó là một giai đoạn hùng mạnh, vẻ vang nhất thế kỷ XIV mà cha ông ta đã không đầu hàng kẻ thù hùng mạnh nhất của một thời đại: *“Không một dòng suối, một con sông nào không tràn đầy nước mắt. Không một ngọn núi, một cánh đồng nào không bị quân giặc giày xéo!”*. Cuối cùng, dân tộc Việt đã chiến thắng. Bài học xuyên suốt của cha ông ta trong hơn 4.000 năm dựng nước và giữ nước là gì?

Với câu hỏi này, các nhà sử học tha hồ bình luận. Riêng tôi, chỉ xin mạo muội nghĩ rằng, tất cả kinh nghiệm, bài học ấy chỉ gói gọn trong bốn từ chiến lược mà nhà văn hóa, nhà chính trị thiên tài Nguyễn Trãi đã đề ra: *“Mưu phạt tâm công”*. Tức “đánh vào lòng người”, nếu thắng được lòng người, tự khắc thành quách dù kiên cố đến đâu tự nó sẽ sụp; binh mã dù hùng hổ đến đâu cũng quy... Có sức mạnh nào vĩ đại hơn khi lòng người đã gắn kết làm một? Có sự tan rã, thất bại nào nhanh chóng khi lòng người đã chia năm xẻ bảy?

Lâu nay, sử sách đã ghi nhận chiến công oanh liệt của Phó đô tướng quân Trần Khánh Dư lúc được vua Trần giao trấn giữ mặt trận Vân Đồn. Chính ông đã tổ chức đánh đắm thuyền vận tải lương thực lớn nhất của giặc Nguyên. Sử chép: *“Quân ta thu được chiến lợi phẩm nhiều không kể xiết, bắt*

*nhieu tù binh, làm phá sản kế hoạch tiếp tế lương thực của chúng”. Lúc ấy, dân quân nhà Trần lập tức “thừa thắng xông lên” giao chiến với kẻ thù? Không cần vội. Vua Trần Nhân Tông bảo: “Quân Nguyên cốt trông chờ có lương thực, khí giới nhưng nay bị ta cướp cả rồi, thế nào chúng cũng thua thôi. Tuy nhiên, nếu chưa biết tin này ắt chúng còn đắc chí, hung hăng. Chi bằng cho người báo tin, chúng tất ngã lòng, bấy giờ ta đánh mới dễ”. Nói xong, ngài cho thả tù binh để chúng tự tìm đến doanh trại Thoát Hoan báo lại sự tình. Quả nhiên, khi hay tin, quân Nguyên hoang mang tột cùng, không còn tâm trí chiến đấu nữa, vũ khí dầu có trang bị tận răng cũng chẳng là gì. Tự nó, chưa đánh đã bại.*

Ấy cũng là một biện pháp tài tình “đánh vào lòng người” đấy chứ?

Học sử, nếu không liên hệ hiện thực thời đang sống phỏng có ích lợi gì? Một doanh nhân không cần biết đến sử nước nhà vẫn thành đạt chẳng? Đã có những doanh nhân lấy bằng tiến sĩ trường đại học danh giá cỡ như Harvard, họ chẳng biết gì về sử nhưng vẫn thành công ào ào đấy thôi. Thì vẫn biết thế, tuy nhiên, trong cuộc sống này, không có thơ người ta vẫn sống, nhưng nếu có thơ, lúc ấy ăn bánh mì sẽ ngon hơn. Nếu biết sử, ắt có thể tự suy ngẫm và rút ra những bài học xác đáng trong kinh doanh.

Một đời chỉ sống bằng nghề báo, tôi đã gặp nhiều hạng người. Trong số đó, có người đã để lại cho tôi ấn tượng khi tâm sự rằng, nhờ đọc sử, hiểu sử và biết áp dụng trong đời nhân xử thế nên mới “có được ngày hôm nay”. Với một chủ doanh nghiệp, có phải mối quan tâm của họ hầu hết dành cho phía đối tác? Nhờ cậy những người của cơ quan chức năng thuộc vai vế “có sừng có mỏ” chẳng? Anh bạn tôi gật gù: “Dẫu thế nào đi nữa nhưng không thể không quan tâm đến hạng người giữ cương vị thấp nhất trong công ty”.

Tại sao như thế?

Câu chuyện của anh ngược dòng lịch sử vào năm 1390. Lúc ấy, Chế Bồng Nga chỉ huy hơn 100 chiến thuyền đến sông Hải Triều (tức sông Luộc ngày nay). Đối đầu lại là cuộc bày binh bố trận của chiến tướng Trần Khát Chân. Không ai có thể biết trước chiến sự sẽ kết thúc thế nào. Lúc ấy, tên tiểu thần của Chế Bồng Nga là Ba Lậu Kê vì bị Chế vương quở mắng, sợ bị giết nên chạy sang doanh trại quân Đại Việt đầu hàng. Trần Khát Chân dò hỏi Chế Bồng Nga đang đi trên thuyền nào, Ba Lậu Kê liền trả cho biết quốc vương Chiêm Thành đang ngự trên chiến thuyền màu xanh. Trần Khát Chân ra lệnh cho các hỏa pháo tập trung nã đạn vào chiến thuyền đó. Nghe tin Bồng Nga chết tại trận, quân Chiêm Thành thất thần sợ hãi, tháo chạy tan tác. Không đánh mà thắng. Chỉ từ một gia nhân tầm thường nhất mà Chế vương

phải trả một giá đắt bằng chính sinh mạng của mình.

Sức nhớ có một triết gia bảo rằng, “lỗ nhỏ đắm thuyền”. Há chẳng phải là bài học đối nhân xử thế đó sao?

Đọc sử đời nhà Trần, thú thật, tôi rất thích với chi tiết này: “Trước kia, người Nguyên vào cướp, vương hầu, quan lại nhiều người đến doanh trại giặc xin hàng. Đến khi giặc thua bắt được cả một hòm biểu xin hàng. Thượng hoàng sai đốt hết đi để yên lòng những kẻ phản trắc” (Đại Việt sử ký toàn thư). Thượng hoàng Trần Thái Tông đã có một tầm nhìn lớn lao, khoan dung sau chiến tranh cũng không ngoài mục đích gắn kết lòng người.

Mới đây thôi, từ thời còn chia cắt đất nước, bằng linh cảm của một người nghệ sĩ, Trịnh Công Sơn đã nhìn ra vấn đề mấu chốt sau ngày thống nhất là “dừng lại người” - *“dừng người mới như cây sang mùa”* trước cả chuyện nhân sinh, cơm áo “dừng lại nhà”. Hiểu thế nào đây? Tôi nghĩ “dừng lại người” còn là sự thay đổi tư duy.

Suốt một chiều dài lịch sử, quan niệm “trọng nông khinh thương” đã hằn vết lâu dài trong tâm trí người Việt. Ai là người trước nhất đã thoát ra ngoài tư duy cũ kỹ ấy? Khi đặt vấn đề, tôi không nghĩ đến một cuộc tranh luận. Ở đây với kiến văn hạn hẹp, cho phép tôi được dừng lại với nhân vật Trần Khánh Dư. Sau chiến thắng, đánh dẹp xong giặc Nguyên - Mông, Trần Khánh Dư vẫn giữ chốt ở Vân Đồn. Vùng đất này, xưa nay người dân vẫn sinh sống bằng nghề buôn bán trên biển. Khách buôn từ phương Bắc đến giao thương nhiều nên dân quân đều mặc quần áo, đồ dùng rập theo cách của họ. Khi duyệt quân ở các trang hộ, Trần Khánh Dư thấy vậy liền ra lệnh: *“Quân trấn giữ Vân Đồn là để ngăn phòng giặc phương Bắc tràn sang. Quân ta không nên đội nón của người phương Bắc, vì sợ khi có sự vội vàng khó lòng phân biệt, vậy phải đội nón Ma Lô, ai làm trái tất phải phạt”*.

Xin nói rõ, gọi nón Ma Lô vì Ma Lô là tên làng ở Hồng Lộ. Người ở đây có tài khéo đan nón bằng trúc thanh bì nên lấy tên làng để gọi tên nón. Trước đó, ông đã sai người nhà mua nón Ma Lô chứa đầy thuyền, đậu ở cửa sông. Sau khi hạ lệnh, ông sai thuộc hạ lên đi mách cho dân ở trang hộ biết nơi có thuyền bán nón. Thiên hạ tranh nhau mua. Ban đầu giá chưa tới một tiền, sau bán giá cao hơn, mỗi cái nón trị giá bằng một tấm vải.

Nhờ vậy, Trần Khánh Dư thu về được hàng ngàn tấm vải! Theo quan niệm truyền thống ngày trước, thứ tự trong xã hội được xếp “sĩ, nông, công, thương”, nghề buôn bán xếp sau cùng nhưng qua vụ bán nón Ma Lô, Trần Khánh Dư đã đi trước thời đại. Chuyện này, đáng lưu ý ở chỗ Trần Khánh Dư “sai thuộc hạ lên đi mách cho dân”. Cách “rỉ tai” ấy, bây giờ vẫn chưa lạc hậu



trong kinh doanh. Chưa hết, trước đó, khi sa cơ thất chí, ông đã dũng cảm chọn nghề kiếm sống mà thiên hạ cho hèn mọn: bán than. Chỉ có người hèn, chứ chẳng có nghề nào hèn.

Bài học của cha ông ta từ hàng ngàn năm trước vẫn sáng ngời. Cần giữ lại và phát huy những gì đã có trong tư duy của cha ông? Một câu hỏi không chỉ dành cho những người trẻ đang khởi nghiệp, có đúng vậy không?

# MỘT NGÀY RẤT ĐẸP



(Tặng Tẹo, em út)



hế nào là một ngày đẹp khiến lòng vui tươi như đứa trẻ lên mười?

Mỗi người có một cách lựa chọn.

Một buổi sáng đẹp, với tôi, lúc thức dậy, từ trên nhà bước xuống đã thấy cửa mở, có tiếng quét sân, có tiếng bơm nước... Nghĩ là mẹ tôi còn khỏe, bà cụ đã làm mọi việc hằng ngày. Điều này khiến tôi yên tâm. Lo lắng nhất vẫn là lúc mỗi sáng thức dậy, bà cụ vẫn còn nằm trên giường. Như thế, chỉ có thể là ốm đau.

Hình dung gương mặt người mẹ, có lẽ ít ai nhớ lúc mẹ mình cười. Từ hàng ngàn năm nay, người phụ nữ ngay từ lúc sinh ra, không sống cho mình mà sống cho người khác, ngay từ lúc thò lò mũi xanh đã phải biết chăm sóc em, bế núc đỡ dần cho mẹ phần nào. Ngày vui nhất, ngày lên xe hoa về nhà chồng lẽ ra phải rạng rỡ, reo vui, nhưng không, nhìn kỹ, dù miệng đang cười nhưng từ sâu thẳm của ánh mắt kia đã gợn lên sự âu lo, thắc thỏm. Dù theo chồng, nhưng trong lòng vẫn còn nghĩ đến trách nhiệm làm chị, làm em, làm con.

Nhà văn Thạch Lam viết không nhiều, nhưng truyện ngắn của ông, mỗi lần đọc lại nhiều người rưng rưng bởi hình ảnh người mẹ đã trở thành biểu tượng của sự nhẫn nại, chịu thương chịu khó vô bờ bến. “*Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác ta đã phải trở dậy để đi làm mướn cho những người có ruộng trong làng. Những ngày có người mướn ấy, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà. Đó là những ngày sung sướng*” (Nhà mẹ Lê). Nỗi sung sướng ấy giản dị mà cao thượng quá. Với người mẹ, con cái là tất cả, là niềm hy vọng, niềm vui lớn nhất. Nếu người chồng lém phéng với ai khác, năm thê bảy thiếp, họ có thể “dứt áo” ngay, nhưng với con, dù có hư hèn bao nhiêu, vẫn là con của mẹ. Dù con lớn khôn, vợ con đùm đê, có là “ông này bà nọ” ngoài xã hội đi nữa nhưng trong mắt người mẹ, con vẫn chỉ là đứa trẻ bé bỏng, khờ khạo cần phải “ghé mắt” đến.

Khi đón đầu, tuyệt vọng nhất trong đời, ai lại không buột miệng gọi “mẹ

ơì” bởi tin rằng, lúc ấy chỉ có mẹ mới có thể sẵn sàng hy sinh vì mình. Vâng, vì lẽ đó, tôi rất thích câu: “*Thượng đế không có mặt ở khắp mọi nơi nên Ngài đã sinh ra các bà mẹ*”. Đọc lại những câu thơ đã viết, tự dừng cảm động đến nao lòng: “*Đêm mẹ nằm co - ta nhớ cái cò gầy/ Lặn lội bờ sông, đầu ghềnh, cuối bãi/ Đêm mẹ nằm nghiêng - ta nhớ dòng suối chảy/ Lặng lẽ trôi qua giữa náo động ồn ào.../ Bất chợt ta nhìn hai hố mắt mẹ sâu/ Đã thấy sự lo toan, buồn phiền, mệt mỏi/ Mẹ chỉ âm thầm và suốt đời lặng lẽ/ Gương mặt đăm chiêu ngay lúc thanh thoi năm*”.

Một buổi sáng đẹp, với tôi, lúc thức dậy, đã thấy mẹ đi chợ về. Mỗi ngày, mẹ tôi vẫn còn khỏe, minh mẫn. Vẫn đi chợ. Chợ nhỏ nhưng bày bán không thiếu một thứ gì. Có những bài thơ được viết do đã có nhiều lần quan sát mẹ đã mua những gì. Thật lạ, người đàn bà từ bé cho đến lúc gần đất xa trời vẫn không rời xa cái chợ. Ra chợ chỉ vì chồng, vì con, vì tấm lòng thương yêu vô bờ bến:

*Mẹ đã đi chợ về  
Hồng tươi con cá quẫy  
Như câu thơ ngũ ngôn  
Nhịp nhàng và mềm mại  
Kìa bài thơ thất ngôn  
Là chùm đào trĩu trái  
Tôi cầm đưa môi hôn  
Nhớ quê nhà xa ngái  
Kìa thơ tình cỏ dại  
Là những bó rau xanh  
Nằm trên bàn tay mẹ  
Lem luốc bụi thị thành  
Kìa vần thơ lục bát  
Là những ký gạo ngon  
Hạt ngọc từ xứ Quảng  
Phiêu lạc đến Sài Gòn  
Kìa bài thơ tứ tuyệt  
Là nước mắt đậm đà  
Từng giọt thơm điếc mũi  
Sực nhớ lắm quê nhà  
Mỗi ngày mẹ đi chợ  
Dem về vô số thơ  
Qua bàn tay nội trợ*

*Cưu mang con từng giờ  
Từng ngày trôi mãi miết  
Sống trọn vẹn với thơ  
Nhưng thơ con bất lực  
Dù nuôi mẹ trong mơ  
Trăm năm như chớp mắt  
Mẹ đã đi chợ về.*

Sống chung với mẹ nhiều năm, tôi nhận ra rằng, dù ở bất kỳ nơi nào, trong ẩm thực của người đàn bà Quảng Nam không bao giờ bỏ được thói quen uống chè tươi. Mỗi sáng nấu một nồi, nước sôi sùng sục, để dành uống dần trong ngày. Trong nhà, thiếu gì cũng được nhưng không thể thiếu cái bánh tráng nướng. Dù rằng không còn, nhưng thỉnh thoảng bà cụ lại nướng cái bánh tráng trên bếp gas, nhai cho đỡ thèm. Cái bánh tráng ấy ăn nhiều chiều mới hết. Thật ra không riêng gì Quảng Nam, các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên... cũng đều ưa thích cái bánh tráng. Trong nhà, thiếu gì cũng được nhưng không thể thiếu nước mắm Nam Ô từ ngoài quê gửi vào. Phải nước mắm không pha chế, chỉ cần dầm trái ớt xanh là ngon tuyệt. Nước mắm ngon, mắm nhĩ thường sánh, màu trong. Chạm vào lưỡi đã thấy vị mặn đậm. Mùi thơm khiến trong lòng nghe cả nhịp sóng vỗ và cá quẫy đuôi lấp lóe dưới nắng mặt trời...

Thật lạ, tôi luôn tưởng tượng ra rằng, ngày còn nhỏ, lúc ông ngoại đi làm, bao giờ mẹ tôi cũng là người theo ra cổng và nói: “Trưa/ chiều về ba nhớ mua quà về cho con”. Thì bây giờ, tình cảm triu mến ấy lại dành hết cho con. Mỗi sáng, tôi đi làm, bao giờ mẹ tôi cũng là người khóa cổng. Dù đang lục đục sau bếp, nhưng nghe tiếng dẫu xe, bà cụ đã lật đật bước ra, chờ con ra khỏi nhà là khóa cổng. Không nói gì, chỉ nhìn vào ánh mắt, biết rằng mẹ tôi đang nhủ thầm: “Trưa/ chiều về nhà ăn cơm nghe con”.

Lúc mẹ còn thơ ấu, ông ngoại ngồi ăn cơm, chỉ một mâm, một côi riêng. Cưng lắm mới cho ngồi chung. Bằng không, chẳng bao giờ dám lén phéng lại gần. Ăn xong, không cần gọi, con cái đứng lấp ló phía sau liền lên dọn. Bây giờ, tôi cũng không khác gì. Trở về đến nhà đã cơm nước đầy đủ, ngồi ăn một mình. Xong, mẹ lại dọn. Thì ra, với người đàn bà Á Đông: “*Trẻ cậy cha, già cậy con*”. Thuở nhỏ, cha là ông trời. Về già, con là ông trời. Ông trời này, không bao giờ mất vai trò vị trí, uy quyền cho dù có hư đồn, đồn đồn đến đâu.

Có những người con ở xa về, sau những lúc hàn huyên, người mẹ lại hỏi: “Con thích ăn gì, mẹ nấu”. Trong tâm trí của người mẹ nào cũng lo lắng

miếng ăn giấc ngủ cho con, dù rằng sự lo lắng ấy không cần thiết. Thế nhưng, như một sự gắn kết thiêng liêng, tự trong lòng người mẹ vẫn đau đáu nghĩ đến. Đã đọc đâu đó câu chuyện thật cảm động: Đêm nọ cậu con trai đi nhậu về say “quắc cần câu”, người ngợm ướt như chuột lột vì phải đội mưa, về đến nhà bỗng thềm một bát chè, bảo vợ đi nấu. Vợ bực mình, mắng cho vài câu. Ngay lúc ấy, ở phòng bên bà mẹ già vẫn chưa ngủ, bà cụ lắng lắng dậy, lục tìm đường đậu, nhóm lửa. Lúc ấy, bà mẹ chỉ nghĩ đến con, miễn nó hài lòng, sung sướng là vui.

Thế nào là một đêm khuya đẹp khiến lòng vui tươi như đứa trẻ lên mười?

Mỗi người có một cách lựa chọn.

Có thể, lúc ấy đã khuya khoắt, chuông đồng hồ gõ gọn lỏn một tiếng, vừa bước vào nhà đã nghe tiếng vợ tru tréo: “Gớm thật! Giỏi thật! Sao không giỏi đi luôn mà còn vác cái mặt say xỉn tèm nhem vào cái nhà này?”, nghe thế bèn im lặng. Im lặng mà được à? Lập tức một cái ly ném vèo qua mặt, may quá, còn né được, có tiếng kêu loảng xoảng dưới nền nhà.

Có người bước vào nhà, ngã bịch luôn xuống sàn nhà, vợ hoảng quá bèn lấy khăn nóng ra ướp mặt cho mau tỉnh, dù biết là vợ nhưng vẫn xua tay như đuổi tà, đã thế còn hét toáng: “Cô là ai? Cô đừng có tưởng cô đẹp, cô trẻ, cô duyên dáng, cô đoan trang, cô thùy mị, cô giỏi giang mà quyến rũ, mà dụ dỗ tôi nhá. Hãy buông ra để tôi về nhà. Tôi có vợ rồi!”. Bốn tiếng “Tôi có vợ rồi” cứ gào lên một cách thảm thiết, hoành tráng như trong đời chỉ biết duy nhất là “cơm”. Vợ cảm động quá, sáng hôm sau dậy sớm, lo chu đáo thức ăn cho chồng mà không một lời oán trách về vụ nhậu quắc cần câu đêm qua, nôn ọe đầy nhà.

Còn với tôi, một khuya đẹp trời là lúc mở cửa rón rén vào nhà. Đã quen hơi người, con chó mực không sủa, chỉ quấy đuôi mừng rỡ. Chân bước rất khẽ, thế mà vẫn nghe một giọng ngái ngủ vang lên trong tĩnh mịch: “Q về đó hả con?”, chỉ trả lời một tiếng: “Dạ”. Không gian lại im ắng lạ thường. Đâu đó đã có tiếng gà gáy. Đêm vẫn tối đen. Bình yên.

Một ngày rất đẹp.

# MẸ THÀNH MÂY TRẮNG ĐÃ LÂU



**T**ẻ cây cha, già cây con”. Tâm lý của phụ nữ Á Đông, một trong những lý do kết hôn là vậy. Tưởng là thế, nhưng rồi con cái lớn lên lại chạy rượt theo bóng hình xa lạ nào đó. Có thể khiến nó mất ăn mất ngủ, “chết đi được”, trong khi đó, người mẹ bên cạnh có bao giờ nó quan tâm đến mức đó đâu. Rồi lúc nó có vợ có chồng có con có cái, mỗi quan tâm về cha về mẹ thế nào?

Những ngày này, tôi đang ở với mẹ. Sẽ quan tâm, lo lắng nhiều đến bà cụ chẳng? Không hề. Mỗi một ngày, mẹ vẫn lo toan cho bữa cơm trưa, chặt chiu từng cọng rau, củ hành, con cá, miếng cơm dẻo bùi... Nhưng rồi có những lúc, đĩa bát trên mâm lạnh tanh. Trưa ấy, không về nhà. Mải mê theo những cuộc vui vớ vẩn sa đà chân dài váy ngắn. Mẹ nấu cơm mỗi ngày là mừng. Mừng bởi biết mẹ còn khỏe, còn tỉnh táo, còn có thể đi đứng quán xuyên cửa nhà. Ngày tháng này còn kéo dài bao lâu nữa? Khó có thể đoán biết. Nhưng chắc chắn ngày ấy sẽ đến. Sống với mẹ già, tưởng rằng con nuôi mẹ nhưng thật ra không phải. Mẹ vẫn tiếp tục nuôi con. Sự tồn tại của mẹ già trong ngôi nhà, tự hình ảnh đó, đã gợi lên một sức sống để người con tự ý thức phải sống thế nào cho có trách nhiệm hơn. Vừa rồi đọc trên Facebook của anh bạn nhà văn *Ngọc trong đá*, *Vĩnh biệt mùa hè*:

*Mẹ thành mây trắng đã lâu*

*Con về thăm mẹ, ngồi đâu cũng buồn*

Về ngồi lại trong căn nhà mẹ đã ở, lập tức bao nhiêu kỷ niệm buồn vui, hình bóng, dáng đi, giọng nói của mẹ ùa về như thác lũ. Ngập ngừng chân bước. Lẻ loi. Cô độc. Lúc ấy, con người ta mới thật sự cảm thấy bơ vơ biết chừng nào. Viết những dòng này, khi hay tin mẹ của những đứa em dòng họ Lương - con cậu ruột vừa qua đời đêm qua tại Quảng Ngãi. Chắc chắn rằng mọi tin nhắn, mọi ngôn từ chia sẻ gì trong lúc này cũng nhẹ hều. Đành thôi. Im lặng. Và lặng lẽ chia buồn. Khi mất mẹ, nỗi buồn ấy có gì sánh bằng?

Nhớ đến người đã mất - bà vợ Nguyễn Thị Lý (1933 - 2015), người Huế. Thời nhóc tì, mỗi dịp hè, đều được ba mẹ dẫn vào thăm cậu vợ. Ngôi nhà này ở ngay trong Nhà máy đèn Quảng Ngãi. Nhớ nhất mỗi sáng thức

dậy, cả nhà ngồi quanh chiếc bàn tròn dưới tàng cây trứng cá. Ăn bánh tráng nướng, đã nhúng nước và chấm với xì dầu có những mảnh ớt xanh cay lè. Món ăn của tuổi thơ luôn ghi đậm trong ký ức đời người. Khó quên. Quảng Ngãi, nơi ấy, hầu như không có một nỗi nhớ nhưng với vợ nào, vì thuở ấy còn quá nhỏ để nhớ, để ghi nhận trong tiềm thức.

Thật khó có thể tưởng tượng một đứa trẻ vô gia cư, mồ côi, lớn lên không hề có bóng dáng của ông bà, các cô, dì, cậu, mợ thì đời sống tình cảm sẽ thế nào? Đó cũng là một nỗi bất hạnh. Không rõ, những đứa trẻ hôm nay, nếu đọc *Chim hót trong lồng* của nhà văn Nhật Tiến sẽ có cảm tưởng gì?

Trong trí nhớ của nhiều người vẫn còn nhớ đến nhân vật bé Hạnh. Một đứa trẻ ở cô nhi viện, niềm vui lớn nhất mỗi tuần, vào ngày Chủ nhật được mẹ đến thăm. Cô bé Hạnh viết thư cho mẹ: *“Chủ Nhật ở đây hiu quạnh và buồn lắm. Ngoài vườn thì chỉ có sỏi trắng với lá vàng. Trên hành lang tất cả các dãy thì có những miếng đá hoa trắng, lạnh. Còn trong phòng lại càng chán. Giường nào của chúng nó cũng xếp gọn gàng. Đứa nào cũng háo hức được đi. Thế mà má lại bắt một mình con ở lại. Sao thế má? Sao thế má? Con van má, con lạy má, cho con được ra với má một tuần một lần. Con không đòi ngủ với má nữa, con sẽ về trường vào tối Chủ nhật. Má bảo gì con cũng nghe, nhưng má phải cho con đi chơi với má, hay nằm với má buổi trưa, để được ôm lấy cổ má, được gãi lưng cho má, con thích thế, và chỉ cầu mong được như thế. Má có nghe con không, má có bằng lòng không, má có biết con khổ thế nào không, nếu con đợi mà không thấy má. Con sắp sửa khóc cho má xem đây này. Cứ nghĩ đến cái hôm phải đứng một mình ở sân sỏi, đỏ mắt lên chờ má, nhìn ai cũng không phải là má, trông ai cũng muốn người ấy là má, mà cuối cùng phải lủi thủi một mình ngồi ở ghế đá, con lại muốn phát khóc. Như thế thì má biết con gái má mong má như thế nào”*.

Càng lớn lên, càng hiểu thêm một điều giản dị, bất kỳ ai, dù còn bé hay đã lớn cũng có ước mơ đó. Khi đi xa, ngày trở về nhà, trong đầu mỗi người luôn nghĩ đến người đầu tiên gặp ngay cánh cửa vẫn là mẹ.

*Mẹ thành mây trắng đã lâu*

*Con về thăm mẹ, ngồi đâu cũng buồn*

*Nghĩ đến ngày đó, tự dưng ứa nước mắt.*

Văn hóa của người Việt có tiếp thu và chọn lọc những tinh hoa của nhân loại. Đó là lẽ hiển nhiên trong sự giao thoa của các giá trị văn hóa. Dù đứng ở góc độ nào, ta thấy chữ hiếu đã nhập vào tâm thức người Việt như một lẽ sống vĩnh hằng. Kinh Phật có dạy: *“Điều thiện tối cao không gì hơn hiếu, điều ác cùng cực không gì hơn bất hiếu”* (Kinh Nhẫn Nhục), *“Gặp thời không*



*có Phật, khéo thờ cha mẹ tức là thờ Phật” (Kinh Đại Tập)...*

Sống trên đời dễ hay khó? Khó, rất khó. Dứt khoát là khó. Khó nhất vì thừa biết có lúc chính mình phải vĩnh viễn chia tay, không bao giờ gặp lại nữa, dù đó là mẹ của mình. Nhưng phải chấp nhận. Chấp nhận một sự thật, một vết cắt vô hình nhói buốt theo năm tháng. Nhà văn Võ Hồng có viết truyện ngắn *Trận đò hòa giải*. Ba chị em mất mẹ ở với ba. Ba cưng chiều yêu thương lắm. Chị em có lúc hờn giận, giận dỗi nhau rất trẻ con, người cha mệt cả đầu. Rồi mọi việc sau đó thay đổi hẳn. Vì nguyên cớ gì?

Người cha cho các con xem tấm ảnh cũ, ngày ba chị em chụp chung lúc mất mẹ: *“Trong ảnh, ba đứng một bên mộ, ông đứng một bên. Hào đứng cạnh ông, tôi đứng cạnh ba. Thủy nhỏ quá, ba phải bế đứng lên thành mộ, gần bên ba. Ba chị em đều mặc áo tang. Màu trắng của áo quần tang nổi lên nền đen của ngọn núi đằng sau. Mặc áo tang vào, trông đứa nào cũng lụng thụng, thật đáng thương hại. Nhất là khi quen mắt với quần áo mặc hàng ngày là kỹ, thẳng nếp. Đã thế, mặt đứa nào cũng đờ ra. Hào đứng thần thờ buông xuôi hai tay như người chán đời. Thủy cúi nghiêng mặt để tránh nắng chói. Còn tôi thì tóc bay phờ phạc trước trán như một đứa trẻ ốm dậy. Thấm thoát mà thời gian qua mau làm sao. Tưởng chừng má mới mất khoảng mấy tháng nay thôi, sự đau xót còn thắm thía như một vết thương chưa lành kịp. Ấy thế mà bốn năm đã trôi qua. Nhìn lại bức ảnh mới thấy ba chị em bé bỏng đến tội nghiệp, đến buồn cười. Giá mà nhìn thấy ảnh này, chắc má ôm chầm lấy ba chị em mà òa ra khóc”*.

*Mẹ thành mây trắng đã lâu*

*Con về thăm mẹ, ngồi đâu cũng buồn*

Nghĩ đến đó, đọc đến đó, lòng đã rười rượi buồn như chạm đến một cơn gió mới vừa đi qua đù hiu vọng lại tiếng lòng cô quạnh. Thờ Phật, thờ Thượng đế nào phải tìm kiếm đâu cho xa xôi - hiện thân của đức tin vĩnh hằng đó là đấng sinh thành của mình.

*Ngó lên nuộc lạt mái nhà,*

*Bao nhiêu nuộc lạt, em thương mẹ già bấy nhiêu*

Không riêng gì tôi, nhiều người vẫn thầm nghĩ về một điều thiêng liêng sâu kín tận đáy lòng: Nếu có kiếp sau, kiếp sau nữa vẫn là con của mẹ, chẳng có gì phải sợ hãi khi phải tái sinh một lần nữa... Những ngày này, tôi vẫn còn có mẹ.

**(15.5.2015)**

# RÉT TỰ TRONG LÒNG



<sup>66</sup> **S**ài Gòn mùa xuân còn thoáng lá vàng bay? Có mùa thu nào đang ở lại...” (Trịnh Công Sơn). Vào những chiều cuối năm khi lá vàng nô giỡn trên mặt đường, gió rét lùa trong tóc, bỗng nhiên tôi lại có một niềm vui nho nhỏ: “Sắp Tết rồi”. Lạ chưa, khi ấy trong gió rét chập chờn vẫn còn sót lại những nắng vàng tơ lụa. Nắng mơn trớn. Vỗ về. Và thiên hạ tung tăng xuống phố. Khác mọi ngày, họ choàng thêm trên vai chiếc áo ấm, dù mỏng. Mỏng, dày không quan trọng vì chỉ cốt để làm duyên. Sài Gòn quanh năm nắng ấm, nắng chói chang, nếu không, làm gì có dịp chưng diện? Nhờ vậy, Sài Gòn lãng mạn, đa dạng hơn, có nhiều sắc màu chuyển động trên mặt đường của một thành phố công nghiệp.

Thật lạ lùng, khi thời tiết Sài Gòn lãng đãng một chút gió, một chút rét để tạo ra không gian phiêu bồng như nhịp Đường thi, y như rằng, nơi nào đó trên dải đất hình chữ S này đang phải gánh chịu một tiết trời khắc nghiệt.

Ở ngoài Trung đã ngập lụt, bão bùng giông gió, Sài Gòn chỉ lơ phơ lất phất vài giọt mưa như giọt lệ nũng nịu của thiếu nữ mới chớm dậy thì. Lúc Hà Nội rét đến độ “bà già chết cứng”, Sài Gòn cũng rét nhưng chỉ khiến ta vụt nhớ đến câu thơ tình tứ của Hồ Dzếnh: “*Trời không nắng cũng không mưa/ Chỉ hiu hiu rét cho vừa nhớ nhung*”. Gọi nhớ đến không gian tơ lụa của Hà Nội vào thu. Run rẩy lá biếc. Hắt hiu nắng nhạt. Tê tái bóng chiều. Từ nhiều năm qua, những ngày cuối năm, người Sài Gòn hào hứng chờ đón cái rét thơ mộng ấy.

Nhưng rồi, có những sáng thức dậy, tôi bần thần khi chạm vào da thịt là cái lạnh đến ngờ ngàng. Không mơn man, không ve vuốt mà như cắt da cắt thịt. Mới vừa thời tiết oi bức. Máy lạnh mở hết công suất. Vẫn nóng. Nắng hanh khô tưởng chừng như vạt nắng ấy, nếu cầm trên tay, sẽ có thể bóp vụn. Rồi đột nhiên, trời đổ mưa. Thác lũ từ trời cao trút xuống. Mưa trắng trời. Những con đường vẫn nghìn nghịt người và xe. Đường phố hóa thành sông lênh láng nước.

Tội nghiệp cho người nghèo - những người lao động chân tay, kiếm sống tât tả trong cái lạnh. Tôi đã thấy ở ngã đường Nguyễn Thị Minh Khai,

Lê Quý Đôn... vẫn những người công nhân đêm đêm quét rác. Chậm rãi. Nhẫn nại. Vẫn chiếc áo mỏng quen thuộc mỗi ngày. Trên góc đường Trương Định, ông cụt hai chân bán vé số, từ nhiều năm nay ngồi trên xe lăn, nay co ro trùn thêm cái áo mưa như chống lại cái lạnh đang vồ vập tới, che gió lạnh được phần nào hay phần đó. Cuộc mưu sinh đã trở nên khó khăn hơn. Rồi những người lâu nay chỗ ngả lưng hằng đêm trong góc chợ, mái hiên đường phố sẽ chống chọi với lạnh ra sao?

Sự đời cũng trái khoáy, bất hạnh của người này đôi khi lại tạo ra niềm vui kẻ khác.

Mới đây thôi, khi Sa Pa tuyết trắng xóa như ở châu Âu, lập tức thiên hạ đổ xô lên đó nhìn, ngắm, chụp ảnh, tận hưởng cái lạnh “ngàn năm có một” vừa hả hê, vừa sung sướng. Một cậu nhóc viết thư gửi mẹ: *“Họ trong những trang phục không thể ấm hơn, cười nói rôm rả, hạnh phúc bất tận khi chứng kiến những bông tuyết vô tình đang phủ trắng lên căn nhà của mẹ; họ chụp ảnh và họ thỏa mãn. Nhưng chừng ấy là chưa đủ đâu mẹ ạ, họ muốn nhiều hơn thế, thậm chí họ muốn tuyết phủ quanh năm trên chuồng bò của mẹ cơ; họ muốn biến ngôi làng của mẹ thành “thiên đường tuyết”, thành nơi mà họ có thể thoải mái đi đến - xem - cười và chụp ảnh”*.

Đọc mà buồn.

Với cái lạnh thấu xương đó, người dân nghèo sợ chết khiếp, bởi thời tiết khắc nghiệt đã cướp đi trâu, bò vốn là tài sản quý giá nhất. Thế nhưng sự đón nhận lại tếu ngoe, cách biệt, vẫn còn có người thầm mong trời lạnh hơn nữa, dài ngày hơn nữa để có thể chứng diện thêm nhiều bộ áo ấm lông lầy. Vui mừng đón nhận sự thay đổi đột ngột của thời tiết, chẳng có gì đáng trách. Chỉ tự hỏi lòng mình. Mỗi ngày đi trên đường phố, tự nhiên buồn buồn. Đêm đêm tiếng rao hột vịt lộn, mì gõ... vốn quen thuộc lâu nay đã nghe thấy khác. Giọng rao nhỏ hơn, hiu hắt hơn, run rẩy hơn trong gió lạnh.

Sức nhớ, mùa đông năm 1056, rét lắm, vua Lý Thánh Tông bảo cận thần: *“Trẫm ở thâm cung, đốt than, mặc hồ cừu mà còn rét khổ đến thế này, nghĩ đến tù nhân ở trong ngục thất, bị gió rét thế nào. Vậy phải nên cung cấp cho họ đủ chăn chiếu và đồ ăn uống”*. Lòng nhân ấy, không xa lạ với cốt cách của người Việt. Kể cũng lạ, khi đứng trước một “tai ương” chung, dường như con người ta lại tỏ ra thân thiện hơn trước. Bằng chứng, dọc đường đi đã có người tắt máy xe, phải hì hục đẩy bộ, đâu đó có tiếng kêu lớn: *“Đẩy xe vào đây”*. Mừng húm, đẩy xe vào mái hiên, nơi có nhiều người đang trú mưa. Lập tức người thợ già thao tác nhanh, “có nghề” đã chỉnh sửa cho tiếng máy lại nổ vang giòn. *“Bao nhiêu tiền vậy chú?”*. Câu hỏi ngân ngừ. Cảnh giác. Mưa

vẫn như trút. Bỗng nghe tiếng cười, có những giọt nước mưa lăn qua giọng nói vui vẻ: “Sá gì ba chuyện lẻ tẻ. Cứ đi đi. Hôm nào có sửa gì đi ngang qua đây trả cũng được”. Mà đâu phải riêng tôi, lại còn những xe khác đang tắt máy nữa.

Tự nhiên thấy ấm lòng.

Trở về nhà và ướn nhem. Nhìn lên trần nhà, đã thấy những giọt nước mưa tong tã. Chà, ướn hết sách rồi còn gì? Không một chút chần chừ, lại đánh vật với đồng sách đang ướn. Những quyển sách cầm trên tay, thấy thân mật. Lâu nay, có những quyển sách mua về, bạn bè tặng do chưa có thời gian đọc nên chất đầy một góc nhà. Nay lật ra từng trang, từng trang nhìn thấy nét mực bạn ghi tặng đã nhòe nước mưa. Xổn xang lạ lùng. Những trang sách ấy dù mỏng, dù dày nhưng đã ngốn hết biết bao thời gian của một người ngồi gõ từng mẫu tự trên bàn phím. Nhìn trang sách, tưởng tượng đến bước chân lẻ loi của người đi qua sa mạc. Đi từng bước. Đi từng ngày. Và khi khép lại trang viết cuối cùng là đã về đến đích.

Mỗi nhà văn đều gửi gắm một nỗi niềm sâu kín nào đó. Nhưng rồi, đã có tri âm nào chia sẻ? Hay cuối cùng chỉ là những con chữ lãng quên theo năm tháng? Dù có thể đi nữa, nhưng nhà văn, người cầm bút cũng phải viết như một lẽ thôi thúc tự nhiên từ đáy lòng. Cũng như mưa, tự nó đến mùa lại hội ngộ cùng cỗi nhân sinh. Chẳng cần phải có sự nhắc nhở nào. Ngoài trời vẫn đang mưa. Âm thanh ấy vọng lên một điều gì? Tùy tâm trạng của từng người. “*Mưa không cần phiên dịch*” - câu thơ của Phùng Quán nghe ra “triết lý” ghê gớm.

Mà lại đúng.

Xếp cẩn thận lại từng chồng sách, mở quạt hong khô từng trang, cảm thấy hài lòng, bởi ít ra đã không phụ lòng người viết từng trang sách ấy.

Trong giấc ngủ, vẫn còn nghe tiếng mưa vọng về. Vẫn còn nghe từ Hà Nội, người bạn gái thì thầm: “Anh à, rét buốt xương, em đang thêm một chút nắng”. Bèn hỏi: “Sao không là môi hôn nồng nàn như lửa ấm?”. Nàng khúc khích cười: “Rét xuống vài độ âm, chứ chẳng đùa đâu. Rét như kim châm vào da thịt. Tê buốt. Môi tím tái. Học trò phải nghỉ học và không ít người nhập viện. Ra phố, em phải áo len, áo nỉ, áo ấm, găng tay... cứ như nhân vật trong tiểu thuyết kiếm hiệp đi trong vùng băng tuyết. Anh thấy ghê chưa?”.

Trời đất ơi! Với cái rét này, đành xin chào thua, không thể gửi những vần thơ cho nàng sưởi ấm. Làm sao có thể gửi chút nắng từ phương Nam? Nghe thế, nàng cười: “Anh à, đã có lòng nghĩ về nhau, em đã thấy ấm áp lên một chút”.

# ĐI LÀ SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG KHÁC



**Đ**ọc thú ở trên đời, có nhiều thứ cho ta được lựa chọn. Đọc sách cũng là một, với tôi đó là khoảng thời gian “du lịch tại gia”, ít tốn kém mà không kém phần hào hứng thú vị, bởi sự lịch lãm, từng trải, kiến thức của người viết khiến ta phải “ngất ngây con gà tây”! Nhưng cho tôi hỏi, nếu bạn nhìn người ta ăn con gà tây rồi kể lại cái ngon lành ấy, bạn có... nuốt nước bọt cái ực xuống cổ họng một cách khoái trá không? Chưa chắc. Nếu cho bạn ăn trực tiếp, tôi tin rằng, bạn sẽ thấy sướng miệng, “đã mắt” hơn và có thể dễ dàng miêu tả lại cảm giác ấy.

Du lịch cũng vậy thôi.

Thế thì, tự mình sắp xếp mọi vật dụng cần thiết, đặt cái ba lô ấy lên vai và sải chân bước đi, tôi tin rằng bạn sẽ hào hứng hơn gấp bội phần.

Trước hết lúc đi, hãy thử lần thần như cụ Vương Hồng Sển khi thăm soi một cổ vật, chẳng hạn với cái bình vừa được vớt lên tại cửa biển Hội An, ta hỏi: Người ta chế tạo ra nó với công dụng gì? Từ đời nào? Nước nào sản xuất? Loại bình cổ này có tương đồng với loại bình khác? Tại sao? Tương tự, với những câu hỏi đặt ra trước lúc viễn du, ta thấy thấy chuyến đi của mình sẽ có ý nghĩa hơn.

Nghe vậy, ắt bạn đọc nheo mắt cười mà rằng: “Tôi du lịch là mua sắm cho thỏa chí đam mê “hàng hiệu”, chứ không vì gì khác”. Điều này không sai. Lại có ý kiến: “Tôi du lịch đăng mở mang tầm mắt, xem người đã làm được gì, đã văn minh, tiến bộ hơn ta thế nào?”. Cũng đúng luôn. Thế thì, khi du lịch mỗi người có những mục đích riêng. Với tôi, đến một vùng đất mới phải cố gắng tận hưởng cho được ba thứ: tham quan danh lam thắng cảnh, di tích văn hóa; ăn những món ăn đặc trưng và cuối cùng (nói thật nhá, đừng cười) là... yêu một người nơi đó.

Du lịch lúc người ta còn trẻ, tôi nghĩ nên tập cho mình một thói quen: quan sát và ghi chép. Nếu đi chỉ mà đi, nhìn chỉ mà nhìn thì các hình ảnh ấy sẽ lướt qua rất nhanh. Và quên.

Tập bút ký *Du lịch của người cầm*, tôi đã viết sau chuyến đi công tác tại Hà Lan, sở dĩ được nhiều người yêu thích vì có phần trong đó, tôi đã phát

hiện ra cái sự “tầm thường” bởi ai cũng nghĩ tầm thường! Đó là một văn bản tiếng Việt khi tham quan quần thể du lịch Zaanse Schans ở Amsterdam. Trời, ở một nơi hiếm có thể “bói” đâu ra người Việt mà tìm thấy được tiếng Việt thì lòng ta sẽ tự hào và sung sướng như trẻ thơ gặp Tết. Tôi nghĩ đó cũng là “hàng độc” bên cạnh những đặc sản tiêu biểu của Hà Lan. Họ viết như sau: *“Chào mừng quý khách đến quạt gió làm bằng màu sơn “De Kat”. Sự tham quan quạt gió hoàn toàn chịu trách nhiệm khi tai nạn xảy ra. Ông bà giúp đỡ chúng tôi trong quạt gió này không hút thuốc, không bước qua những nơi đã chặn lại, hoặc kéo cờ - tông...”*.

Đến thế kỷ XXI, mà tiếng Việt còn sử dụng ngô nghê đến vậy, tôi không chua xót cũng không buồn cười, vì ít ra tiếng Việt yêu dấu cũng đã đến được xứ sở của những danh tài như Van Gogh; của những đặc trưng văn hóa như hoa tulip, guốc gỗ, cối xay gió...

Khi đến nước Mỹ, trở về, tôi viết *Một ngày ở Mỹ* cũng là cách để trình bày những gì mình đã quan sát và ghi chép. Điều khiến tôi kinh ngạc mà đến nay vẫn chưa ai lý giải giúp tôi cái sự thắc mắc rất trẻ con này: Tại sao trong các khu vui chơi, đường phố của họ lại sạch đến thế. Họ quét rác lúc nào vậy? Tại sao trong các khu vui chơi ấy, khi ăn xong, lúc đứng lên, họ lại tự giác dọn sạch sẽ bàn ăn của mình? Tại sao họ lại tự giác xếp hàng một cách bình thản và nhẫn nại đến thế? Đó là do văn hóa hay là nền tảng của giáo dục? Đi cũng có nghĩa là học. Học từ trong thực tế mà hai con mắt ta đã nhìn, đã quan sát và trí óc ta vừa nhận thức được.

Nói thật, tôi rất khoái nhìn hình ảnh các Tây ba lô, những cô gái Nhật... lang thang trên đường phố Sài Gòn. Chỉ dăm ba người, với vật dụng cần thiết, họ có thể đi đến nước ta và vui sống như người bản xứ. Những góc ngách, phố xá, họ cũng lê la, tò mò, tìm hiểu... Nhìn hình ảnh đó, ta thấy họ rất đổi tự tin. Tuổi trẻ Việt có được sự tự tin ấy khi *“Ra khơi, thấy lòng phơi phới, thấy tình thế giới; thấy mộng ngày mai, thấy niềm tin mới”* (Phạm Duy)?

Du lịch theo đám đông cũng có cái thú riêng, nhưng nếu chỉ mỗi mình hoặc chỉ thêm vài “tri âm tri kỷ” tự thiết kế một chuyến đi, tôi nghĩ vẫn thú vị hơn. Bởi lúc ấy, ta đi theo mách bảo của sự hăm hở về điều mình muốn khám phá riêng chứ không phải “cỡi ngựa xem hoa” theo chương trình của đám đông “chín người mười ý”.

Thời gian gần đây, tôi được đọc nhiều tập sách của những người viết trẻ kể lại những chuyến du lịch của họ. Tôi thật sự khoái những nam thanh nữ tú luôn ném thời gian còn lại sau những ngày làm việc tích cực và mệt nhọc vào

những chuyến đi xa. Họ cúi xuống và thắt chặt dây giày; đứng dậy và ưỡn ngực “khoác ba lô lên và đi”, họ bảo: “Đi để thấy mình còn quá hạnh phúc trong cuộc đời này, đi để sống nhân ái hơn, đi để run rẩy chìa bàn tay ra với đồng đội, đi để qua những khoảnh khắc cận kề với cái sự sinh ly tử biệt mới thấy cuộc sống này đẹp đến nhường nào”.

Còn tôi? Tôi nghĩ, đi là lúc ta sống với một đời sống khác - khác với đời sống đã mòn, đã cũ, đã thói quen trên ghế công chức mỗi ngày - điều đó khiến tâm hồn ta khoáng đạt hơn, được mở rộng tầm nhìn và tận hưởng lấy thế giới này.



# GIANG HỒ TA CHỈ GIANG HỒ VẬT



**T**rong một tập tùy bút của Nguyễn Tuân, ông có lấy câu văn của nhà văn Paul Morand làm đề từ, đại khái: “*Ước gì sau khi chết đi, người ta lấy da mình thuộc làm va li*”. Để làm gì vậy? Để chiếc va li ấy tiếp tục được theo khách viễn du đến những chân trời mới. Với ý tưởng ấy, Nguyễn Tuân đã triển khai thêm một ý mới hẳn: “*Cái va li đẹp nhất ở cuộc đời này vẫn là một cái va li chứa toàn bản thảo của những năm, những tháng đi làm việc thui thủi ở phương xa trở về*”. Đó là quan niệm “đi để viết”. Phóng tầm mắt đến những chân mây cuối trời để đem về những câu văn tươi rói.

Nguyễn Tuân là một trong những nhà văn tiêu biểu cho “lý thuyết” ấy. Lúc vợ mới sinh con trai đầu lòng được hai tháng, Nguyễn Tuân cùng bạn bè rủ nhau trốn đi Thái Lan, vừa chân ướt chân ráo đến Bangkok thì bị bắt và giải về Hà Nội. Được thả về, ông làm chân giữ kho ở Nhà máy đèn Thanh Hóa. “Một hôm chủ sở bắt gặp tôi đang đánh máy - đây không phải là công việc của tôi - nó hỏi tôi đánh máy cái gì, bạn bè chung quanh nói anh ấy đang làm thơ, thẳng chủ sở tức mình, xách cả cái máy định ném vào đầu tôi, may mà tôi tránh được, thế là tôi bỏ việc”. Vợ ông kể lại: “Không được bao lâu, nhà tôi lại xách va ly ra đi. Tôi không hề ngăn cản nhà tôi trong những chuyến đi. Rất yêu quý và phục ông ấy, tôi không muốn làm phiền ông mặc dù xa ông, tôi buồn biết bao nhiêu”.

Biết làm sao được, khi mà Nguyễn Tuân là người tôn thờ “chủ nghĩa” xê dịch và thềm đi “*giữa buổi Tây Tàu nhớ những làm lạc mất cả quan niệm cũ, làm tiêu mất bao giá trị tinh thần*” (Vang bóng một thời). Chính trong thời đi giang hồ, ông có gửi về cho vợ... bài thơ! Ấy là lúc ông theo đoàn làm phim của Nguyễn Doãn Vượng sang Hồng Kông đóng phim *Cánh đồng ma*. Bài thơ viết vào dịp cuối năm nơi đất khách quê người mới nào ruột làm sao!

Bốn bề cũng là nhà  
Tết này lại ở xa  
Hồn quê theo lá rụng  
Đất khách đóng trò ma  
Gió bụi quên ngày tháng

*Biển hồ gặp xông pha  
Đừng cho đàn trẻ biết  
Rối ruột khách thiên nha*

Thời đó, với các văn nghệ sĩ Việt Nam có thể “đi để viết”, nhưng cũng lắm khi đi chỉ để mà... đi! Vậy thôi. Nhà thơ Nguyễn Bính vào chơi Huế, gặp tiết mưa dầm sụt sùi ông đã ngao ngán ngẫm nghĩ đến thân phận mà viết được tuyệt bút *Giời mưa ở Huế*: “...Chúng tôi hai đứa xa Hà Nội/ Bốn tháng hình như kém mấy ngày/ Lăn lóc có dư mười mấy tỉnh/ Để rồi nằm mốc ở nơi đây/ Thuốc lào hút mãi người ra khỏi...”.

Nhưng đã “thèm đi” thì không thể chôn chân mãi ở một xó đời. Năm 1943, ông cùng nhà văn Tô Hoài, Vũ Trọng Can vào Sài Gòn. Trong hồi ký, tác giả *Dế mèn phiêu lưu ký* có kể lại những chi tiết khá cảm động những ngày của “*Những lang thang, những thất vọng, vô vọng bất đắc dĩ*” rằng: “*Ở trên tàu bước xuống ga xe lửa giữa thành phố, chẳng có người quen đến mức phải ra ga đón và trong túi không ai còn một xu. Chợ Bến Thành với cái bãi bùng binh trước mặt, người ta ăn uống rào rào như tắm ăn rồi. Làm thế nào bây giờ?*”.

Điều khá bất ngờ với thế hệ chúng ta là lúc ấy, ba chàng trai trẻ trong cảnh “*Quê nhà xa lắc, xa lơ*” đã thuê rạp Thành Xương để “diễn thuyết” kiếm sống! Nhưng chẳng bao lâu, họ chia tay nhau, trong khi hai người kia khăn gói về Hà Nội thì Nguyễn Bính tiếp tục trôi nổi gió bụi giang hồ, ông đi xuống tận Hà Tiên thăm thi sĩ Đông Hồ và Mộng Tuyết. Một chuyện tình tuyệt đẹp đã diễn ra trong những ngày ngắn ngủi này. Nữ sĩ Mộng Tuyết có kể lại: “*Dưới ngọn đèn dầu lửa lù mù, một cô cháu tôi, cô Tú Ngọc, đọc truyện Tam Quốc Chí của Phan Kế Bính dịch cho má tôi nghe. Có khi Bính vào trẽ, cửa đã cài then thì Bính ngồi ngoài hiên cho tới khuya mới về mà không dám gọi cửa. Bính nói: “Ngồi trong đêm sương khuya, nghe trộm tiếng người ngọc đọc sách cách một lần cửa đóng kín, cũng có một thú vị riêng”.* Nhưng rồi, Nguyễn Bính lại tiếp tục viễn du, chia tay với Tú Ngọc:

*Nàng ra bờ sông đứng khóc mãi  
Tàu đi xa mấy dặm sông dài  
Ngoảnh lại vẫn còn tay Ngọc vẫy  
Người ở những mong ngày gặp nhau  
Kẻ đi biết khó kỳ quay lại*

Đúng vậy, Nguyễn Bính không còn gặp lại người con gái mà ông từng ký bút danh “*Người Yêu Ngọc*”.

Nhưng có lẽ “âm ỉ” nhất vẫn là chuyến đi của họa sĩ Hoàng Lập Ngôn.

Trong một phút cao hứng, chàng họa sĩ tốt nghiệp Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương đã đưa cả bầu đoàn thể tử, rủ thêm hai người bạn nữa lên nhà xe Mê Ly đi khắp Đông Dương để vẽ tranh, triển lãm, kể chuyện, ngâm thơ, diễn kịch... Chuyến đi này được văn nghệ sĩ tiền đưa khá đông, Nguyễn Bính có tặng mấy câu thơ, họ xuất phát từ Hà Nội năm 1941 nhưng đến năm 1944 thì “quy cổ hương” bởi chiến tranh thế giới đang nổ ra...

Có nhà thơ nổi tiếng với “say” và “tiên nâu” những tưởng sẽ rất yếu đuối, thế mà chàng cũng làm một chuyến “giang hồ vật” hay ra phết. Khoảng năm 1942, Vũ Hoàng Chương, Tô Hoài và Nguyễn Bính “viễn du” lên Bắc Giang để thăm nhà thơ Bằng Bá Lân. Trong chuyến đi này ông “Say” với ông “*Lỡ bước sang ngang*” đã có được bài thơ liên hoàn:

*Tô Hoài, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương,  
Còì thét vào ga Phủ Lạng Thương.  
Sở tại bàng quan châu xuống xóm,  
Thi nhân bá ngọc chuyển lên đường.  
Dòng trong dòng đục thêm ngao ngán,  
Chùm chín chùm xanh uống vẩn vương.  
Năm mười qua đêm chờ sáng dậy,  
Còì xe phong hỏa xé màn sương.*

Thật thú vị cho cái sự “đi”, nếu nhạc sĩ tài hoa Đặng Thế Phong không đi giang hồ sang tận xứ Cao Mên, làm sao có được tuyệt tác *Con thuyền không bến*? Những ngày đói khổ này, chàng phải bán brillantine giả làm thuốc cao để có tiền hồi hương.

Với Quảng Nam, cụ thể là Hội An thì cũng là một trong những “địa chỉ” hấp dẫn văn nghệ sĩ tìm đến. Năm 1946, văn, thi sĩ kiêm đạo diễn kịch Thế Lữ cùng nhóm nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát, Văn Chung... trong đoàn ca vũ nhạc Anh Vũ của Thế Lữ đến Hội An trình diễn. Qua giao lưu với anh em văn nghệ nơi này, “kiện tướng của phong trào Thơ mới” rất yêu thích giai điệu của bài *Xuân và tuổi trẻ* của nhạc sĩ tài hoa La Hối. Ca khúc này, lúc bấy giờ gọi theo tiếng Pháp là *Printemps et jeunesse* và chưa có lời ca. Tìm hiểu cuộc đời tài hoa của người nhạc sĩ sớm hy sinh vì đại nghĩa, Thế Lữ rất xúc động nên đã xin phép gia đình nhạc sĩ viết lời cho nhạc phẩm giá trị này. Sau đó, Nguyễn Xuân Khoát soạn hòa âm, Văn Chung soạn vũ điệu và khi trình diễn đã làm nức lòng người dân phố Hội. Cho đến nay vẫn là ca khúc không thể thiếu trong mỗi độ xuân về.

Mà người đi chơi xa, dù không thông thả tiền bạc thì ít ra cũng không nặng nợ gia đình, vợ con. Quả thật, tôi chưa đọc được một tài liệu nào nói

đến ông vua hoạt kê Số đỏ Vũ Trọng Phụng đã đi giang hồ những nơi đâu. Chỉ bằng ngòi bút vừa nuôi mẹ, nuôi vợ và con để đến nỗi phải thổ huyết ho lao trên trang bản thảo thì làm sao có thể “dứt áo” ra đi một cách nhẹ nhàng? Vì thế nghĩ cho cùng, trong đời được đi chơi xa nhiều lần, há cũng là một lạc thú.

Ngày nay, những người cầm bút vẫn tiếp tục “đi để viết”. Tất nhiên, về mọi phương diện thì họ hơn hẳn các đàn anh thuở trước. Nhưng về tác phẩm “thu hoạch” sau mỗi chuyến đi thì sao? Đó là một chuyện khác nữa. Thôi thì, cứ ngâm ư ử mấy câu thơ của anh bạn Phạm Hữu Quang:

*Giang hồ ta chỉ giang hồ vật  
Nghe tiếng cơm sôi cũng nhớ nhà.*

# TẢN MẠN CHUYỆN DU LỊCH



*Mưa mãi mưa hoài  
Lòng biết thương ai  
Trăng lạnh về non không trở lại  
Mưa chi mưa mãi  
Lòng nhớ nhung hoài  
Nào biết nhớ nhung ai  
Mưa chi mưa mãi  
Buồn hết nửa đời xuân  
Mộng vàng không kịp hái...  
(Lưu Trọng Lư)*

**N**hững cơn mưa thú trời thú đất của xứ Huế chính là nguồn cảm hứng vô tận để nhiều nhà thơ “gặt hái” được những bài thơ buồn nào ruột. Không riêng gì Lưu Trọng Lư, tác giả *Tiếng thu*, mà Nguyễn Bính, trong một chuyến đi giang hồ, rồi “nằm mốc ở nơi đây” đã thốt lên nào nùng: “Giời mưa ở Huế sao buồn thế/ Cứ kéo dài ra đến mấy ngày.../ Sầu nghiêng mái quán mưa tong tả/ Chén ứa men lành lạnh ngón tay...”

Và ngay cả nhà thơ Tố Hữu, khi cảm nhận về mưa của quê mình đã tự hỏi: “Nỗi niềm chi rứa Huế ơi/ Mà mưa xối xả trắng trời Thừa Thiên?”. Ừ thì mưa! Nơi nào cũng có mưa. Nhưng có lần trao đổi thân mật với chúng tôi, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã “tiết lộ” một thông tin đáng để những người làm du lịch suy nghĩ. Ấy là tại sông Hương núi Ngự sẽ hình thành tour du lịch... mưa Huế!

A! Nghe ra thấy cũng ngộ ngộ. Lâu nay, người ta vẫn thích đi chơi lúc trời trong nắng mát, để ngắm cảnh, chụp hình, để nghe chim kêu vượn hót... chứ mấy ai thích đi trong mưa dầm dề, ướt át, lạnh đến buốt xương! Nhưng nghĩ như thế là... nhầm. Vấn đề đặt ra là cách tổ chức như thế nào cho hợp lý, phù hợp tâm lý của những người muốn được tận hưởng những cơn mưa bất tận ở Huế! Chứ không như cái thời thi sĩ *Lỡ bước sang ngang* chỉ nằm khoèo “Thuốc lào hút mãi người ra khói”, “Để rồi nằm mốc ở nơi đây”. Mà phải được “hỗ trợ” thêm nhiều thứ nữa, chẳng hạn được ăn, được nghe cái gì

cho “đã”, cho đúng “điệu nghệ” lúc chìm đắm trong mưa Huế nữa chứ!

Năm kia, tôi có được đọc một truyện ngắn của nhà văn Nhật Bản, trong đó có hai nhân vật, họ có thú vui lạ lùng là đôi lúc đi bộ vài trăm cây số đến một ngôi chùa, đến nơi cả hai ngồi im lặng, đối diện nhau, cùng ngắm nhìn cây bonsai suốt một ngày rồi lặng lẽ... đi về! Thế thì, làm du lịch không phải “thấy người ta ăn khoai mình cũng vác mai đi đào”. Mà phải tìm cho mình một hướng đi riêng, tận dụng thế mạnh vốn có của địa phương mình, tất nhiên, nó cũng nằm trong quy hoạch tổng thể du lịch cả nước, như phát triển du lịch Đà Nẵng trong thế liên kết chặt chẽ với du lịch miền Trung - Tây Nguyên, đặc biệt là du lịch Huế và Hội An - Mỹ Sơn.

Vậy ở Đà Nẵng có gì? Câu hỏi này, tôi tin chắc rằng Sở Du lịch Đà Nẵng cũng từng “nung nấu tâm can vò võ trán” để tìm câu trả lời. Vẫn biết Đà Nẵng có tiềm năng, lợi thế là nằm trong vùng tài nguyên du lịch phong phú, vị trí trung tâm của những di sản văn hóa thế giới; có bờ biển đẹp dài hơn 60km và nhiều danh lam thắng cảnh... Có lần qua trò chuyện với giám đốc Sở Du lịch Đà Nẵng, tôi biết, các anh đang xúc tiến mở tour du lịch sinh thái, làng quê. Chẳng hạn, đó là các khu du lịch làng quê Hòa Xuân, làng văn hóa dân tộc Katu Hòa Phú, khu vực sông Trường Giang...

Thoáng nghe qua đã thấy hấp dẫn rồi. Thử nghĩ, tại sao một làng quê Đường Lâm ở Bắc Bộ, như nơi hiện đang thờ danh tướng Ngô Quyền lại hấp dẫn du khách đến thế? Tại sao làng quê Bát Tràng lại gợi hứng cho cảm xúc đến thế. Tôi đã tìm đến, và tưởng chừng như không ghi nhận ngay thì đêm ấy sẽ không sao ngủ yên trước vẻ đẹp dân dã đã chín dần trong tâm tưởng:

*Con đường quê cỏ mượt  
Khói chiều lên biếc xanh  
Gạch Bát Tràng mát lạnh  
Mang giày đi sao đành?  
Dưới ao sâu con cá  
Quẫy đuôi cũng hiền lành  
Gái men lam óng ả  
Rơm vàng mượt bước chân  
Một tiếng chim ngọt lịm  
Tan trong chiều nhẹ tênh  
Trong làn gió cổ kính  
Ru lòng yên tĩnh hơn  
Ngói âm dương lẳng miếu  
Rêu xám ướt và mềm*

*Một chiều qua vội vã  
Nỗi nhớ lại lâu quên...*

Thì ra nhà thơ khi du lịch vẫn là kẻ “có lợi” nhất, vì ít ra ngoài những sản vật, khiến thức đem về, anh ta còn có dịp tiếp cận với một nguồn năng lượng mới để làm giàu cho cảm hứng sáng tạo.

Lại nghĩ, làm du lịch mà không “móc túi” được du khách thì đâu phải làm du lịch. Với tôi, có hai trường hợp đáng nhớ: Năm kia khi đặt chân lên Mỹ Sơn, ngay giữa trời nắng chói chang, chúng tôi phải lội ngược về Đà Nẵng, vì nơi ấy không có gì để... ăn cho khoái khẩu! Và năm nọ, nhân dịp 30.4, chúng tôi ra Vũng Tàu chơi, cứ tưởng tiền thuê khách sạn cũng “ngày như mọi ngày”, nhưng không ngờ do đón số lượng khách nhiều nên các khách sạn lập tức... tăng giá đồng loạt gấp đôi! Bực mình quá, chúng tôi phải bấm bụng. Lúc về, tôi viết bài phản ánh đăng trên báo *Vũng Tàu*. Nhưng sau đó, dăm lần tôi gọi điện thoại cho anh Phạm Quốc Toàn - Tổng biên tập báo, hỏi Sở Du lịch có trả lời gì không, anh cho biết là... không! Thế là mỗi lần nghĩ đến nơi ấy, muốn đi chơi lần nữa, cũng ngại chạm phải kiểu “cửa cổ” trên nên đành chuyển đi chơi ở Mũi Né vậy.

Trong khi đó, tại Thái Lan, họ nghĩ ra nhiều “độc chiêu” để “mồi” tiền của du khách một cách hợp lý. Mà thôi, kể lại làm gì, ai cũng biết cả rồi, lại không khéo có người cho rằng “đi xa về nhà nói khoác”, vì sự so sánh nơi này với nơi kia bao giờ cũng làm người chưa đi xa bực mình. Thế nhưng, cho tôi được tâm đắc với một chuyện khá thú vị, là lâu nay ta đã và đang báo động về việc một số làng nghề Việt Nam có nguy cơ bế tắc, sản phẩm làm ra không có người mua... Sao ta không thử làm như Thái Lan, ví dụ như đem tranh dân gian Đông Hồ in vào vải lụa thật đẹp theo đủ kích cỡ để bán cho du khách?

Tôi đã thấy trong các siêu thị, trên hè phố Bangkok bày bán rất nhiều tranh dân gian Thái - in trên lụa với giá rất rẻ, chỉ khoảng 25 - 30 “baht” (tương đương 10.000 - 12.000 đồng Việt Nam) mà thôi. Nếu đến Huế - chỉ đến Thành Nội là ta mới có thể mua được loại tranh in các phiên bản cảnh trên đỉnh đồng triều Nguyễn bằng giấy dó. Sao không phát triển rộng rãi loại tranh độc đáo đó như ở Thái Lan. Họ cũng cho in các điều khắc văn hóa của họ bằng phương pháp thủ công, nhưng đường nét thật sắc sảo, sắc nét trên vải lụa. Có thể treo trên tường cho mọi người cùng chiêm ngưỡng.

Mà này, có thể gắn du lịch với tín ngưỡng tôn giáo không? Có chứ, bà chị tôi vào chơi núi Bà Đen (Tây Ninh), không biết người ta nhỏ to thế nào mà vay tiền của Bà. Tất nhiên là tiền âm phủ, không xài được trên trần thế,



nhưng lại là “lộc” để mua may bán đắt. Vậy là mỗi năm sau Tết, chị Ái tôi từ Đà Nẵng lại vào Sài Gòn, lên Tây Ninh viếng Bà, chưa có tiền trả thì khẩn nguyện, rồi bao giờ trả đủ thì thôi! Khoan bình luận gì cả, mà rõ ràng, nơi ấy có thể giữ chân được một số lượng du khách nhất định, người ta quay lại nhiều lần là vì ý thức tín ngưỡng trong tâm linh, tự nguyện chứ nào ai bắt buộc gì đâu!

Danh lam thắng cảnh là nơi luôn quyến rũ những bước chân “đi cho biết đó biết đây”. Nhưng thiết tưởng phải có thêm “cái gì đó” để họ còn quay lại. Tôi nhớ mãi ấn tượng, lần nọ đi chơi Angkor Wat, leo lên tháp lại gặp ngay... bà thầy bói! Bói trúng trật như thế nào không rõ, nhưng cũng tạo cho mình cảm giác khó quên. Vì cứ nghĩ nơi thiêng liêng mà có người biết xem “tương lai quá khứ” ắt không phải... người trần mắt thịt(!)

Trở lại với tour độc đáo “mưa Huế”, đôi lúc tôi nghĩ sao Đà Nẵng không thử mở thêm tour... “đi bộ”? Theo thiên ý, du lịch Bà Nà có một sắc thái riêng không giống như những nơi khác có thể “cỡi ngựa xem hoa” trong một tour ngắn ngày. Vì muốn tận hưởng sự thú vị hơn cả khi đến Đà Lạt, Sa Pa hoặc tận hưởng mùa xuân của nước Pháp như nhiều người từng ca ngợi thì du khách phải “sống”, thật sự đắm mình trong không gian Bà Nà thì mới có thể cảm nhận được hết sự độ lượng của thiên nhiên từ chân tơ đến kẽ tóc, mới cảm nhận hết được thời tiết lạ lùng: sáng, mùa xuân; trưa, mùa hạ; chiều, mùa thu và tối, mùa đông. Vậy vấn đề đặt ra, là phải thường xuyên có nhiều hoạt động khác nhằm thỏa mãn mọi nhu cầu của du khách. Nếu chỉ đưa du khách “đi cho biết” Bà Nà bằng cách lên núi buổi sáng, xuống núi buổi chiều mà chỉ có mỗi một... thiên nhiên cũng khó lôi cuốn họ lên lại lần thứ hai.

Trong khi các nhà làm du lịch chuyên nghiệp đang suy nghĩ, sao không thử làm tour... đi bộ lên núi Bà Nà? Không phải đi bằng đường trải nhựa rộng thênh thang, an toàn mà đi đường rừng để tạo cho du khách cảm giác phiêu lưu, mạo hiểm, khám phá và chinh phục. Đi để chiêm nghiệm với phương ngữ địa phương “*Nói dốc như dốc Bà Nà*” và tôi cũng từng cảm nhận:

*Khúc khuỷu dốc với đèo*

*Vực sâu run mắt ngó*

*Suối thét gầm đầu non*

*Thác từ trên trời đổ*

*Vượn hú còi càn khôn*

*Âm với Dương tri ngộ*

*Ta bay lên trời chơi*

*Thấy trần gian cũng nhỏ...*

Thêm chuyện “tầm thường” nhưng đối với du khách rất có ý nghĩa, là khi họ đã đến tận đỉnh Bà Nà nên cấp cho họ... một giấy chứng nhận là đã có mặt tại chốn này! Cũng là điều vinh dự, một kỷ niệm đầy chữ! Nhất là lúc ấy, chỉ tại Bà Nà, họ mới có thể:

*Vọc xuống hai bàn tay*

*Vỗ lên chùm mây trắng...*

Đã có lần, được ngồi trên xe để người ta đưa lên tận đỉnh Lang Biang, tôi thấy sung sướng vô cùng. Nhưng lần khác, lại cùng dăm ba người bạn... đi bộ lên lại thì quả thật, nỗi sung sướng ấy tăng thêm bội phần. Bởi lẽ, du lịch không chỉ là tận hưởng những gì người đem lại cho mình mà còn là dịp “kiểm chứng” lại sức khỏe, tình yêu thiên nhiên của chính mình nữa chứ!

Trong đời được đi chơi xa nhiều lần, há cũng là một lạc thú. Nhưng du lịch “ngon” nhất, nếu chọn lấy một người, tôi vẫn chọn thi sĩ Tản Đà - người đã nâng “chủ nghĩa xê dịch” thành một triết lý: “*Chơi cho biết mặt sơn hà/ Cho sơn hà biết ai là mặt chơi*” thì quả đáng cho đám hậu sinh phải ngưỡng mộ. Qua thơ của ông, ta thấy “thi sĩ trích tiên” đã từng lên chơi trên... trời! Nếu đó là một sự tưởng tượng phong phú thì trong đời thường, Tản Đà đã từng có một khát vọng... mở công ty du lịch!

Số là năm 1938, lúc nghèo túng nhất, phải mở cửa hàng xem lá số Hà Lạc, dịch thơ Đường cho báo *Ngày Nay*, thi sĩ đã tuyên bố với báo giới: “Tôi đang tổ chức một đoàn du lịch lấy tên là “*Hồng Bàng dân tộc, Tản Đà du lịch đoàn*”. Trong đoàn ấy chỉ chọn lấy mười người thôi. Mười người thật xuất sắc về mọi phương diện, trong đó phải có đủ cả thầy thuốc, võ sĩ, kịch sĩ, thợ thuyền, đi đến đâu làm lấy mà ăn và đi toàn máy bay cả”. Nghe thế, nhà báo hỏi: “Hình như thi sĩ quên mất phi hành gia thì phải?”. Tản Đà nói nhanh: “Có chứ! Phải có hai phi hành gia trong bọn mình để nhờ một người say rượu hay nhức đầu số mũi đã có người thứ hai thay ngay. Nhưng theo ý tôi thì cần nhất là võ sĩ. Võ sĩ cũng phải có hai: một chánh du côn, một phó du côn tuyệt bướng. Đến đâu có người sinh sự là giở võ choang liền, để cho người ngoại quốc biết dân Việt Nam không phải là hèn kém gì” (*Ngày Nay* số 147 - 1939).

“Phương án” du lịch của thi sĩ “*Bạn bè sum họp, vợ chồng biệt ly*” đã khiến ta phải... phì cười một cách hết sức thú vị.

# MÌNH ƠI! TÔI GỌI LÀ NHÀ



*Mình ơi! Tôi gọi là nhà  
Nhà ơi! Tôi gọi mình là nhà tôi*

**C**âu thơ ngẫu hứng giang hồ của trung niên thi sĩ Bùi Giáng đã nói về cái nhà theo nghĩa bóng hay nghĩa đen? Có lẽ cả hai.

Nhà tôi? Sao không là người đầu ấp tay gối, đêm thương ngày nhớ, ngày đưa chung đôi, đêm nằm chung chiếu? Nhà tôi? Sao không là nơi “*Tôi như trẻ nhỏ ngồi bên hiên nhà chờ xem thế kỷ tàn phai*” mà nhạc sĩ Trịnh Công Sơn trong vô vọng đã từng thốt lên? Nhà tôi? Vâng ạ, nhà của tôi. Một cái nhà có thật trong đời sống xô bồ và bất trắc này. Sao lại cái nhà mà không là gì khác? Mẹ tôi bảo, đời người khó nhất vẫn là làm nhà và cưới vợ. Tục ngữ ca dao lại bảo, “đàn ông làm nhà, đàn bà nuôi lợn”. Còn tôi, tôi nghĩ gì? Thưa,

*Cùng tất cả đàn ông trên trái đất này*

*Xin nâng cốc rượu*

*Chúc mừng sự vĩnh cửu viết hoa:*

*Phụ nữ chờ che ta độ lượng tựa ngôi nhà*

Nói cách khác, chức năng của cái nhà đối với người đàn ông, cũng phải tiện ích như đến với... một người phụ nữ (!?). Buồn cười nhỉ? Sao lại buồn cười? Trước hết, phải là sự riêng biệt, không chung chạ. Sự chung chạ, chặt chội, xô bồ của các thành viên sống trong một căn nhà không chóng thì chầy cũng mệt. Cũng éo le. Cũng “oải trời đậu”. Cũng như nỗi khổ tột cùng của đôi uyên ương trong phim *Chìa khóa vàng* mà đạo diễn Lê Hoàng dựng từ kịch bản *Đi tìm chỗ ngủ* của Đoàn Tuấn: Ngày mai chàng ra trận, nhưng cả hai không thể tìm ra một chỗ để “nhỏ to tâm sự”. Trăm sự phiền toái, oải oăm cũng do không có cái nhà cho riêng mình. Khổ thế đấy. Cũng chưa khổ bằng nhân vật của Y Ban, cũng do nhà chặt chội, tù túng rồi trong giây phút chau mày nghiêng rằng không thể “kìm hãm lại cái sự sung sướng” thì đột ngột, bỗng nhiên, bất ngờ người nhà... mở tung cửa bước vào! Hoặc nhân vật Bồng đề của Đỗ Hoàng Diệu cũng thế thôi. Rặt những chuyện cười ra nước mắt. Cười ra tiếng thở dài.

Gì nữa? Mà thôi.

Hãy trở lại với cái nhà của riêng mình. Thử hỏi, trong cái nhà nơi nào quan trọng nhất? Phòng khách? Đúng rồi. Khách bước vào nhà, trước hết ngồi đó chờ ở đâu nữa? Vì thế, chủ nhà đã phải trang hoàng thật “oách”, thật hoành tráng. Mấy chục năm trước, bước vào phòng khách của những “trưởng giả học làm sang”, nhà văn Vũ Trọng Phụng cái tiết, đại khái, lẽ ra chỗ này phải chưng cái tủ sách nhưng chủ nhân lại đặt cái “búp-phê” khoe mẽ nào rượu Tây, nào “mề đay” ngẫu xỉ! Bây giờ cũng thế thôi. Thật ra, phòng khách dù có trang hoàng đến cỡ nào đi nữa cũng không vừa lòng khách, bởi lẽ họ phải e dè, thận trọng chứ không thoải mái nếu như được chủ nhà tiếp trong... quán nhậu! Đi đứng ngả ngớn tự nhiên chứ không phải nhất nhất gò bó tuân thủ “nhập gia tùy tục”.

Vậy trong nhà, nơi nào quan trọng nhất?

Theo tôi, nếu sắp xếp thứ tự phải là phòng ngủ, nhà bếp và toilet. Trong đời sống hiện đại này, suốt ngày chạy như cở lông công ở ngoài đường, ai không mong được ngả lưng trên chiếc giường của mình. Nơi ấy, dù nhỏ như hộp diêm nhưng là của mình. Họ được trở về với bản năng sống một cách tự nhiên nhất, không phải cảnh giác bất cứ một điều gì. Cái phòng ngủ kỳ diệu đến nỗi tôi nghĩ nó chính là nơi hòa giải tình cảm của vợ chồng lúc trức trặc, trức trặc hữu hiệu nhất. Không hữu hiệu sao được khi mà ca dao có câu:

*Mù u bầy lá mù u*

*Vợ chồng hờn giận... giảng hòa*

Nghe ra thô, nhưng nó rất đời và cũng rất người. Theo phong thủy, trong phòng ngủ đừng bao giờ đặt tấm gương lớn đối diện với giường nằm. Tại sao? Sự phản chiếu ấy sẽ tạo thêm nhân vật ảo thứ hai, thứ ba... điều đó không có lợi cho hạnh phúc lứa đôi. Ngẫm lại cũng có lý.

Nhà bếp? Tất nhiên là quan trọng rồi. Thi sĩ Tản Đà đã “triết lý” một cách thành thật rằng, với người sành ăn, sành điệu thì trước hết món ăn phải ngon, người ngồi chung phải tri kỷ, đồng điệu và nhất là chỗ ngồi cũng phải “ngon”. Chỗ ngồi “ngon” nhất trong căn nhà vẫn là nơi phòng ăn, nơi cái bếp ngày ngày chứng kiến tấm lòng thơm thảo của vợ dành cho chồng con, qua những món ăn nàng đã nấu.

*Râu tôm nấu với ruột bầu*

*Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon*

Bỗng hiện lên trong mắt tôi cái hình ảnh giản dị mà sao diệu vợi thủy chung đáng yêu đến thế. Phong thủy lại bảo, dưới bếp lò không nên thiết kế đường ống thoát nước đi qua, ngầm phía dưới. Có lẽ người ta nhắc nhở đến

sự kỵ nhau giữa “thủy” và “hỏa” chẳng? Nhưng nói gì thì nói, không thể không nói đến cái khoảng sân trước nhà. Nếu không có, tôi đồ Trần Đăng Khoa thuở lên năm lên mười có thể viết được câu thơ thật gợi, thật cảm:

*Ngoài thềm rơi chiếc lá đa*

*Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng*

Những ngôi nhà trong phố thị, nếu có được một khoảng sân trước hoặc sau nhà hẳn chủ nhân hả hê lắm. Không hả hê sao được, đêm trăng sáng, chồng ngồi bên vợ nghe nàng khe khẽ hát lại bài đồng dao “*Ông trăng xuống chơi cây cau thì cau sẽ cho mo. Ông trăng xuống chơi học trò, học trò cho bút...*”. Chồng con hứng chí vỗ tay theo. Kìa, trăng đang sáng đấy chứ và trải dài những ánh vàng trên sân cỏ... Đôi lúc trong đời sống chỉ cần những giây phút thư giãn nhẹ nhàng như thế cũng là đủ. Tôi ước mơ căn nhà của mình cũng vậy. Chỉ cần một khoảng sân nhỏ có trồng vài cây cau, có nơi hòn non bộ để thả vào đó vài con cá bảy màu bơi lội tung tăng...

Quái lạ, ông bà mình nói có những điều mà ngẫm lại thấy đúng. Chẳng hạn, “*sống cái nhà, chết cái mồ*” thế mới biết cái nhà cần thiết cho mỗi đời người như thế nào. Phải là nhà của mình. Ở nhà vợ có được không? Tất nhiên là được, nhưng ông bà lại bảo “*ở chuồng heo còn hơn ở theo nhà vợ*”. Chà! Gay nhỉ? Thế này thì phải tự lực “*ra riêng*” thôi. Dù gì đi nữa, dù nhỏ ta cũng có quyền ưỡn ngực, nghếch mặt lên trời, bảo: “*Cái nhà là nhà của ta*”. Nhà của ta cũng giống như... vợ của ta vậy. Dù vợ người có sắc nước hương trời, có “*chim sa cá lặn, nguyệt thẹn hoa nhường*” ắt cũng không thể sánh với vợ mình. Không thể sánh thật ư? Vì chỉ nàng mới có thể hiểu được nét tốt lẫn tính xấu của ta mà thông cảm, chia sẻ.

Cái nhà cũng thế. Phải là nhà của ta, vì nghĩ cho cùng mỗi căn nhà được xây dựng cũng không ngoài mục đích phục vụ cho sở thích của chủ nhân. Tôi tin rằng, dù được sống trong ngôi nhà của Bill Gates - chủ nhân của Microsoft thì ta cũng không có cảm giác thoải mái, sung sướng như được ở trong căn nhà của riêng mình. Tôi lại tin rằng, căn nhà không phải là vật vô tri vô giác, nó cũng có linh hồn đấy chứ! Nếu không, làm sao khi xa nhà đi công tác, ta lại có cảm giác lạ lẫm:

*Xa nhà lại nhớ cái nhà*

*Chiều chẵn êm ấm như là lúa đôi*

*Xa nhà, ta vẫn lẻ loi*

*Xa ta, nhà cũng đơn côi một mình*

Xa nhà hay xa vợ mà tôi viết thống thiết quá vậy? Xin thưa, có lẽ cả hai.

# NGÃU HƯNG PHỞ

# 1.



*Nhắm mắt vẫn còn mơ Hà Nội  
Như một tình nhân ám ảnh hoài  
Hương thơm trinh nữ? Ồ không phải  
Hương phở thơm đầy những sớm mai*

**T**hi sĩ Tản Đà là người sành ăn vào bậc nhất. Có lẽ, ông là người đầu tiên đã “phát hiện” ra... chân lý: Thức ăn ngon nhưng chỗ ngồi không ngon thì ăn không ngon, thức ăn ngon nhưng không có bạn đồng điệu thì ăn không ngon, thức ăn ngon nhưng bát đĩa không sạch sẽ thì ăn cũng không ngon... Biết đại khái như thế thì mới thấy nghệ thuật về ăn quả là không dễ.

Phở là món quà “căn bản” của miền Bắc, nhưng ai là người đầu tiên đưa vào Sài Gòn? Tôi vẫn nghĩ là Tản Đà. Những năm tháng cùng Ngô Tất Tố lang thang vào Nam Kỳ cộng tác với Diệp Văn Kỳ làm báo *Đông Pháp thời báo*, có lần “ông thần nông” này đã cao hứng cạy gạch bông trên nền nhà, cuốc đất để trồng các loại rau húng, quế... Rồi một buổi chiều rét mướt hiếm hoi của vùng đất phương Nam, ông đã làm món phở để đãi những người đồng hương và các bạn Nam Kỳ. Ai ăn cũng khen ngon. Từ đó, món phở dần dần... phổ biến công khai một cách rộng rãi!

Tất nhiên, đây chỉ là tưởng tượng của tôi vì yêu Tản Đà quá đấy thôi. Thật ra, phở chỉ mới có mặt ở Sài Gòn từ thập niên 40 của thế kỷ XX. Trong những ngày trong lòng buồn vui không rõ rệt, tự nhiên tôi lại thêm một bát phở với lòng dạ nôn nao, với cảm giác như nhớ người yêu đã hẹn mà nàng không đến, tôi bèn thả bước chân lang thang mọi góc ngách Sài Gòn. Nhờ thế, qua anh Nguyễn Hạnh - tạp chí *Xưa và Nay* của Hội Khoa học lịch sử phía Nam, tôi tìm ra một nhân chứng của... phở.

Đó là căn nhà trong hẻm Pasteur, số 63/5 - sau rạp hát Vinh Quang. Bà cụ Trần Thị Năm, nay 80 xuân, lưng còng, tóc bạc trắng, cụ điềm đậm kể: “Từ năm 1942, ông bác của tôi là ông Kinh từ làng Vân Đình (Hà Đông) vào Sài Gòn lập nghiệp. Ông bán gánh phở Bắc trên đường Lagrandière (nay là đường Lý Tự Trọng). Mãi đến năm 1949 mới chuyển về đây mở xe phở, tôi

còn nhớ lúc đó mỗi tô chỉ có 2 xu, tô đặc biệt 3 xu. Sau ông Kinh truyền nghề cho cụ Minh - là anh ruột tôi. Thuở ấy, phở Bắc không có giá và linh kinh các loại rau như bây giờ, nhưng vì khẩu vị của người Sài Gòn nên chúng tôi phải chiều theo”.

Ăn một tô phở có mặt xưa nhất ở phương Nam nay còn sót lại, tôi nhận thấy, dù có thêm các loại rau khác nhau, nhưng hương vị Bắc còn nồng nàn, đậm thắm ở chỗ nước lèo thơm mùi bò mà ta vẫn tưởng không phải mùi bò và nhất là nước trong, không gây béo dù loáng thoáng mỡ. Tô kiểu nhỏ. Đũa là loại đũa “sóng lá” màu đen làm bằng cây dừa nước nên không “bắt” mỡ. Đang trầm ngâm như một triết gia “nghiên cứu” về sức hấp dẫn của phở thì ông An - con của cụ Minh - nay là chủ nhân phở Minh ân cần đến tiếp chuyện với tôi. Ông cho biết, ngày xưa ở trong hẻm này là một loạt quán phở mọc lên nhưng nay chỉ còn mỗi một gia đình ông “trụ” lại được.

Thuở ấy, khoảng thập niên 1950, các văn nghệ sĩ, chính khách... nườm nượp đến đây bất kể ngày đêm. Hỏi thêm những người cao niên ở Sài Gòn, họ xác nhận là đúng, thuở ấy ai mà không mê phở trong hẻm Pasteur này! Chao ôi! Trong số những thực khách ấy, có lẽ ông Trần Rắc - chủ hiệu giày trên đường Espagne (nay là đường Lê Thánh Tôn) mới thật sự là người có tâm hồn... thi sĩ nhất. Vì khoái phở Minh mà ông đã sáng tác mấy câu thơ tặng chủ quán treo trong quán chơi. Thơ rằng:

*Nô nước đồn vang khắp thị thành  
Trần Minh phở Bắc đã lừng danh  
Chủ đề: tái, chín, nạm, gầu, sụn  
Gia vị: tương, rau, ớt, mắm, chanh.*

Những vần thơ chân thành và đáng yêu ấy đã khiến tôi nhớ đến Tản Đà. Bây giờ, Tản Đà phụ trách trang thơ. Nhưng do say sưa suốt ngày nên nhiều lần bài vở không đưa kịp quy trình nhà in, ông chủ bút sai người đến giục. Tản Đà nổi cáu và nói một câu nổi tiếng: “Làm thơ có phải bỏ củi đâu mà lúc nào cũng có thơ!”. Từ thơ, bỗng dưng tôi liên tưởng đến... phở. Bởi lẽ, không phải lúc nào ăn phở cũng ngon mà phải có “thời điểm” cần thiết. Nhưng trước hết thử hỏi phở là cái gì? Thôi thì, ta thử nghe những người sành ăn giải thích bằng sự cảm nhận riêng và đây ngẫu hứng:

*“Nước dùng nóng lắm đấy, nóng bỏng rẫy lên, nhưng ăn phở như thế mới ngon. Thịt thì mềm, bánh thì dẻo, thỉnh thoảng lại thấy cay cái cay của gừng, cay cái cay của hạt tiêu, cay cái cay của ớt; thỉnh thoảng lại thấy thơm nhẹ nhẹ cái thơm của hành hoa, thơm hăng hắc cái thơm của rau thơm, thơm dịu dịu cái thơm của thịt bò tươi và mềm... rồi thì hòa hợp tất cả những vị đó*



*lại, nước dùng cứ ngọt lừ đi, ngọt một cách hiền lành êm dịu, ngọt một cách thành thực...” (Vũ Bằng).*

*“Mùa nắng ăn một bát, ra mồ hôi, gặp cơn gió nhẹ chạy qua mặt lưng, thấy như giời quạt cho mình. Mùa đông lạnh, ăn bát phở nóng, đôi môi tái nhợt thắm tươi lại...” (Nguyễn Tuân).*

*“Nếu là gánh phở ngon thì nước dùng trong và ngọt, bánh dẻo mà không nát, thịt mỡ gàu giòn chứ không dai, chanh, ớt với hành tây đủ cả. Chả còn gì ngon hơn bát phở như thế nữa” (Thạch Lam).*

Vậy phở đã ngon thì ăn vào “thời điểm” nào mới tuyệt ngon? Ăn vào lúc sớm mai thì ngon đã đành rồi. Nhưng ấn tượng khó quên nhất vẫn là lúc khuya khoắt thả bước chân lang thang trên phố, bụng đói, ngật ngà trong men say lẫn đang buồn ngủ và lơ mơ nhớ lại bao phiền muộn trong ngày, làm một tô phở thì ta như thấy tỉnh hẳn. Tỉnh như sáo. Lại yêu đời lạ thường!

## 2.



*Em dẫn tôi đi trong nắng mới  
Lơ đễnh bàn tay níu dịu dàng  
Còn tôi rét cóng mơ về phở  
Từng cọng hành thơm... gió tơ vàng.*

Giống như sự phát minh nào đó về mẫu mã thời trang, phải có thời gian để hoàn thiện dần, phở cũng vậy. Từ trước những năm 1930, có lẽ phở chưa định hình như bây giờ mà còn phải mày mò cải tiến để ngày càng phù hợp với khẩu vị của người sành ăn. Giống như thơ vậy. Từ bài *Tình già* của Phan Khôi thoát đầu gây tiếng vang dữ dội trong dư luận, nhưng phải đợi đến sự xuất hiện của những “kiện tướng” như Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Xuân Diệu, Huy Cận, Bích Khê... thì phong trào Thơ Mới mới thật sự chiếm lĩnh trên thi đàn.

Theo một tài liệu đáng tin cậy thì vào những năm 1928, người ta còn thêm vào trong bát phở cả dầu vừng, đậu phụ và gọi là “phở cải lương”. Sự “thể nghiệm” như thế không phù hợp với nguyện vọng của quần chúng nên đột nhiên một ngày kia nó lặng lẽ rút lui khỏi bát phở mà không cần có một lời giải thích nào cả. Những người sành điệu nhất thiết phải ăn phở bò. Nhưng rồi phở gà lại xuất hiện.

Thử hỏi một cách nghiêm túc rằng, nó ra đời trong ngày tháng năm nào?

Này nhé, thời “tiền chiến”, ở Hà Nội trong những ngày thứ sáu và thứ hai không có thịt bò, tất nhiên những người mê phở đau khổ lắm vì những gánh phở đành phải “treo gánh”. Thế là, trong “cái khó ló cái khôn”, nhiều người bèn xoay ra lấy thịt gà thay cho thịt bò. Tất nhiên, những chuyên gia về phở cực lực phản đối, chửi chiết bằng những lời cay độc như con dâu gặp phải bà mẹ chồng khó tính. Giống con dâu thảo nhịn nhục, nhẫn nại qua bao thăng trầm rồi một ngày kia bà mẹ chồng mới nguôi giận mà chấp nhận!

Giống như Thơ Mới thuở bình minh của nó, phe thơ Đường luật thất ngôn bát cú cũng mặt sát không tiếc lời. Phở gà cũng có số phận như vậy. Cho đến bây giờ, người yêu phở “cổ điển” cũng đã chấp nhận nó. Để được

như thế, phở gà không thể thiếu những cọng hành thơm... gió tơ vàng (!). Một màu xanh nõn nà đến phơi phới trình nguyên làm bát phở thêm đẹp mắt lẫn ngon miệng.

### 3.



*Phở ợ! Sao mà trân trọng vậy  
Thường thức quán nào cũng thấy ngon  
Nước trong. Khói biếc. Tương cay đậm  
Tuyệt lắm. Trời ơi! Tái nạm giòn.*

**M**ột cao thủ võ lâm trong làng văn Nam Bộ là Trang Thế Hy, người quan niệm nhà văn là “người bào chế thuốc giảm đau” cho đồng loại, từng đoạt giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam, ông cũng là một người sành ăn. Trong những phút ngẫu hứng, ông nói chơi chơi: “*Tao là dân Nam Bộ gốc, nhưng vào quán phở, thấy họ bày phở khá đẹp, hấp dẫn, vậy mà có cha nện vào cục tương đen, nhìn hết muốn ăn*”.

Ngẫm ra, chí lý thay. Nhưng người thủy chung với phở bao giờ cũng muốn nhìn bát phở nước trong, chỉ gợn chút xíu mỡ. Giống như người đàn ông trung thành với vợ, chỉ muốn nhìn ngắm nàng trong nét đẹp chính chuyên không son phấn.

Phở cũng vậy. Chẳng ai nỡ tàn nhẫn đến độ vừa cho tương đen lẫn tương đỏ vào trong bát phở của mình cả. Màu sắc ấy không phải là sắc màu “cổ điển” của bát phở đã định hình từ mấy thập kỷ nay. Có những người mê phở quá nên có lúc lẫn lộn thần tự hỏi lòng mình một cách suy tư và đầy... tính nghiêm túc: “Ấy thế, khi dịch ra tiếng nước ngoài thì thiên hạ dịch như thế nào nhỉ?”. Chẳng rõ. Nhưng người Pháp gọi phở là “**Soupe Chinoise**” (**súp Trung Quốc**). Thế là sai đứt đuôi con nòng nọc rồi chứ gì nữa! Có người cho rằng, phở bắt đầu từ mấy chữ “Ngưu nhục phấn” nữa chứ. Nghe sao mà khó lọt lỗ tai đến thế.

## 4.



*Thêm một chút tiêu. Thêm chút ớt  
Cong cốn môi hồng cứ xuýt xoa  
Yêu em có lẽ vì mê phở  
Vị ngọt trên môi cũng đậm đà.*

Giống như thơ - có thời hoàng kim “người người làm thơ, nhà nhà làm thơ”, nhưng cũng có lúc mỗi tập thơ in ra chỉ có thể khiêm tốn với số lượng... 1.000 bản mà có người còn hào hứng khoe: “Thơ của tôi... biểu rất chạy!” - phở cũng vậy. Phở đã trải qua cái thời mà những người “tôn sùng” phở bàn tán nhiều nhất, nhiều hơn cả chuyện tranh luận Đội tuyển bóng đá Việt Nam có giành được Huy chương vàng trong Tiger Cup hay không.

Đó là chuyện trong bánh phở có cái gọi là “phoocmôn”!

Sự kiện này rất quan trọng, quan trọng đến nỗi nhiều người đề nghị ghi vào trang đầu tiên của lịch sử thăng trầm về phở. Ấy là chiều ngày 5.1.2000, tại trụ sở Ủy ban nhân dân Hà Nội đã diễn ra buổi họp cấp bách có đủ đại diện các ban ngành lên quan để công bố và bàn biện pháp “vệ sinh an toàn thực phẩm”. Sợ “phoocmôn” nhiều người cương quyết nuốt nước bọt, nhin ăn chứ không dám bén mảng đến quán phở. Các quán phở Hà Nội đìu hiu như chợ chiều Ba Mươi Tết thì ở Sài Gòn, các quán phở cũng vắng vẻ không kém.

Chao ơi! Trời vẫn nắng, gió vẫn xanh, em vẫn ngoan và môi vẫn thơm mà không được làm một tô phở thì quả là một cực hình! Còn có chịu đựng nào “thê thảm” hơn chăng? Giống như thơ - sau những ngày tháng thiên hạ xa rời thơ để chạy theo các phương tiện truyền thông đại chúng hiện đại khác, có lúc cũng quay về với nàng thơ ỏn ẻn, yếu điệu nhan sắc - thì phở cũng vậy. Làn sóng “phoocmôn” lại lắng xuống dần dần và phở dần dần trở về thời hoàng kim của mình.

## 5.



*Phở Bắc nóng, nồng như gái Bắc  
Quán xá nhường nhau chật chội ngồi  
Tôi nâng tô phở như... thành khẩn  
Mơ thấy nắng vàng lưng thừng rơi.*

Cho dù từ phương Bắc vào đây, phở đã nghiêm túc thực hiện nhuần nhuyễn câu tục ngữ “nhập gia tùy tục” như thêm giá, rau các loại... Nhưng cho đến nay, vẫn còn một quán phở giữ đúng hương vị Bắc. Ấy là phở bà Đậu, quê ở Nam Định, ở cuối hẻm 288, khu phố 4 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Giới sành ăn gọi là phở Cây Trứng Cá, vì từ năm 1950 ở trước quán có trồng cây này. Thời gian trôi qua, cây không còn, bà Đậu cũng mất, con của bà là ông Bình lên thay thế, cho nên dù quán không có bảng hiệu, ta cũng có thể gọi là quán phở ông Bình hoặc phở Lâm cũng không sao vì anh chàng Lâm là người thu tiền!

Ở quán phở này tôi đã gặp khá nhiều người nổi tiếng từ nghệ sĩ, ca sĩ đến nhà báo... đến ăn. Phở ấy có gì lạ? Này nhé! Bánh phở sợi nhỏ mềm nhưng không nát. Nước lèo đậm đà cái vị ngọt thanh dịu của xương, tủy bò hầm rục chứ không phải của bột ngọt. Các thứ nạm, gân, sụn, gân... đều ra đó. Không có bất cứ loại rau gì kèm theo, chỉ có hành tây hoặc những cọng hành chần. Ăn xong mồ hôi vã ra như tắm. Sướng nhé!

Điều hấp dẫn của phở Bắc, tôi nghĩ không chỉ là cách pha chế mà còn là cung cách phục vụ “vui lòng khách đến, vừa lòng khách đi”. Ở quán phở Minh và phở bà Đậu đã cho tôi một nhận xét: Khách đến quán chỉ một hai lần là chủ quán biết ngay “gu”. Giữ xe không mất tiền, có người trông coi chu đáo. Khách lưng thừng bước vào. Ngồi thông thả xuống ghế. Không cần lên tiếng gọi. Lập tức một tô phở đúng ý được bưng ra ân cần, đặt nhẹ nhàng ngay trước mặt, khói nghi ngút, thơm điếc mũi. Người đến ăn tưởng mình không phải đến quán mà cảm giác như ăn ở nhà người bạn thân vậy. Ngoài ra, các thứ tiêu, ớt, hành... thì ta cứ “vô tư”.

Ngày xưa, từ Bắc chỉ có cái nghề ẩm thực truyền thống đặt trên vai, họ

tự tin đi vào Nam lập nghiệp. Một gánh phở dựng lên. Rồi truyền nghề lại cho con. Con biết giữ lấy nghề cũng là một cách trả ơn bố mẹ. Và cũng chính nghề ấy đã tạo cho con cháu họ có cơ ngơi như ngày nay, học lên đại học, đi nước ngoài đến năm châu bốn biển cũng chỉ bắt đầu từ một gánh phở. Ông Minh, ông An đã tự hào tâm sự với tôi. Chắc hẳn còn có nhiều người bán phở cũng tự hào như thế.

Đang nghĩ lan man, bỗng tôi chợt nhớ có một nhà văn từng viết, đại khái: có những món ăn không đủ ngon để lan rộng ra các nơi và cũng không đủ... dở để mất đi. Ta có thể ưỡn ngực lên mà tự hào rằng, phở đủ ngon để đến các nơi trên thế giới - miễn sao nơi ấy có cộng đồng người Việt. Này nhé! Những bát phở nổi tiếng như phở “quân khu”, phở “tàu bay”, phở “xe lửa”... cũng đã có mặt ở Cali (Mỹ), ở Paris (Pháp), ở Mạc Tư Khoa (Nga)... Chắc hẳn những người xa xứ trong một sớm tuyết mờ mịt, ngồi trong quán, nhìn ra ô cửa kính trắng đục mà lòng nhớ quê nhà da diết. Khi ấy, vừa nâng tô phở lên, chao ơi đã thấy lục phủ ngũ tạng của mình được chia sẻ, vỡ vụn với cái hương vị đậm thắm, quyến rũ không nguôi.

Phở ạ! Sao mà thân thiết, thân mật đến thế. Nước nóng bỏng. Khói biếc xanh. Lòng bỗng ấm áp lạ thường như được tận hưởng cái nắng chói chang của quê nhà đang lờng lờng đến gần... Không chỉ đi xa ngàn dặm như thế mà phở còn được bỏ vào trong gói, chỉ cần một ít nước sôi là có thể... ăn liền. Xem ra một gói phở này có vài món gia vị: bột nêm, dầu sa tế, hành lá, ngò gai sấy khô. Thôi thì, đêm khuya sức nhớ đến phở thì ta cũng có thể tạm hài lòng với nó vậy.

Sức quyến rũ của phở thật dữ dội quá. Nhưng xin hỏi ông anh, bà chị vậy phở là cái gì mới được chứ? Thì là... phở chứ còn gì nữa!

# **HẠT GẠO CHIỀN TRƯỜNG**



# 1.



<sup>99</sup> **H**ết gạo rồi”. Tiếng kêu thảng thốt của đồng chí anh nuôi nén lại trong ngực, nhưng vẫn bật qua kẽ răng. Răng nghiến lại và tưởng chừng như cái vị ngọt, bùi quen thuộc lại thấm tê đầu lưỡi. Nhưng không, gạo đã hết nhãn. Nửa đêm, đại đội trưởng quyết định mở một con đường tìm về hậu cứ. Để tải gạo. Không thể bám chốt trên đồi Con Cá ở Anlungveng với cái bụng đói meo, đói xé lòng mà từng ngày qua chỉ là cháo loãng trộn với rau rừng.

Chúng tôi đi trong đêm. Lính trinh sát cầm bản đồ, la bàn đi trước, tiểu đội tôi vác súng đi sau và cùng mơ về hạt gạo. Cái hạt gạo ấy, bình thường, chẳng mấy ai để tâm quan sát nó, nhưng khi đói mới thấy hết tự thân nó là một sức mạnh vĩ đại. Nó lớn lao đến nỗi, khi đó, trong giấc mơ tôi đều mơ về hình thù của nó. Mơ trong sự thèm thuồng và ước gì được nhai ngấu nghiến. Mơ ấy thật đẹp, đẹp nhất trong cuộc đời chiến binh, cũng như lúc khát đến cong lưỡi, lưỡi khô rang như một chiếc lá khộp, như cái bánh trắng tôi thường mơ chết đuối dưới sông dài...

“*Đi tải gạo*”.

Phập phồng trong lồng ngực là một niềm hân hoan như ngày xưa được mẹ dẫn đi chợ. Hân hoan vì sẽ còn thấy được hình ảnh: “*Chờ bình minh cuộn tròn trong giấc ngủ/ Anh nuôi vo gạo bước qua sân*”. Đó là những đêm ngủ yên giấc sau một ngày mệt nhọc chết chóc, không bị đánh thức bởi tiếng gầm đại bác từ nơi xa vọng đến. Bấy giờ, trong đêm đen, chúng tôi lại lầm lũi bước đi. “*Vai hằn quai súng sau lưng/ Gấu quần rách toạc luôn rừng AnLung*”, luôn nhắc nhở đến ngày tháng tươi trẻ này. Cho dù có cắt rừng bởi những tay trinh sát thiện chiến nhất, thì có lúc chúng tôi cũng vấp mình. Tiếng mìn KP.2 nổ chát chúa như tiếng thét của tử thần xé ngang người. Người ngã nhào xuống đất như thân chuối bị nhát dao sắc lẹm bất thần vụt ngang.

Thật lạ, trăm lần như một, trước lúc trở về hư vô lạ lẫm, bao giờ đồng đội tôi, ai cũng như ai đều há miệng gọi lần chót trong đời, chỉ hai từ: “*Mẹ ơi!*”. Hai tiếng gọi “*Mẹ ơi*” buồn rầu như tiếng kinh cầu của ngày tận thế. Có phải, đó là lúc bạn tôi nhớ nhất đến những hạt gạo được sàng, sấy dưới bàn

tay mẹ? Hình ảnh ấy thơ mộng biết bao nhiêu. Biết bao giờ mới được ăn lại hạt ngọc thơm thảo ấy như ngày thơ bé? Không bao giờ được nữa rồi. Không bao giờ bạn tôi còn có thể thấy lại một hình ảnh đã đi vào thơ của một thi sĩ miền Nam nước Việt:

*Nghiêng nghiêng bóng xế sau lưng mẹ*

*Gạo trắng như màu tóc trắng phau.*

**(Kiên Giang)**

## 2.



**G**ái hình ảnh hạt lúa có một sức mạnh khủng khiếp, thúc giục từng bước chân “đi tải gạo” nhanh hơn, nhưng cũng thận trọng hơn. Khi trở về đến hậu cứ thì trời cũng rạng sáng. Tiếng gà rừng gáy le te phía chân đồi như thúc giục bình minh đến sớm hơn. Vén màn sương, chúng tôi vào kho quân nhu nhận gạo. Trong lúc gạo được đổ đầy ba lô, đổ đầy vào ruột tượng, chúng tôi thường tranh thủ bốc từng nhúm gạo bỏ vào mồm nhai trệu trạo. Nhai như một đứa trẻ nhai bầu sữa mẹ sau lâu ngày đói sữa. Chao ơi! Có đói, có thèm, có mơ, có nhớ thì mới cảm hết cái vị bùi bùi, cái hương giòn ngọt tan dần, tan dần trên lưỡi. Nước bọt ứa ra chân răng. Tôi nhủ tôi, đừng vội nuốt, hãy ngậm miệng lại để từng phút cảm nhận trên từng centimet của cảm giác cái hương vị nhà quê.

*Vâng, gạo là quê nhà chứ còn gì nữa.*

Có những ngày bám chốt, chúng tôi phải ăn gạo sấy. Trời! Bẽ bàng làm sao, vô duyên làm sao cái hạt gạo đã được chuyển qua công nghệ sấy khô, đựng trong bịch nylon. Nước sôi đổ vào, cột túm lại giữ hơi nóng. Lát sau, gạo nở ra từng hạt vàng hoe. Từng hạt rời rạc. Nửa mềm nửa cứng. Nửa nam nửa nữ. Nửa đêm nửa ngày. Chẳng ra làm sao. Nhưng rồi cũng phải cố mà nhai, cố mà nuốt và cố mà sống cho qua những ngày tàn khốc của cuộc chiến. Lúc ấy mới thấy ông cha mình tài tình thật. Nói về cái ma lực ngàn đời quyến rũ của hạt gạo, chỉ với bốn từ “*dẻo thơm muôn hạt*” là đủ sức khái quát hết giá trị nhân văn của nó. Bốn từ ấy, thuyết phục ta hơn cả hàng trăm trang luận văn phân tích về phẩm hạnh hạt gạo của những vị tiến sĩ chưa một ngày cầm trên tay hạt gạo, chưa một lần được thấy cây lúa.

### 3.



**P**hẩm hạnh của hạt gạo là gì?

Tôi không dám lý sự dài dòng. Chỉ xin kể lại một kiểu làm bánh chỉ có thể có ở chiến trường Tây Nam. Đến bây giờ, nhớ lại, tôi vẫn thấy cái vị “dẻo thơm muôn hạt” còn ấm trong lưỡi, thơm trong răng. Khi có gạo, nhất là vào những dịp Tết, để có thức ăn mừng năm mới, mừng thêm một tuổi được sống sót sau những lần bị phục kích. Không biết ai nghĩ ra cái từ nghe là lạ, ngồ ngộ - nghĩa là hôm nào có cái gì ăn khác hơn, ngon hơn hằng ngày đều gọi tuốt là “cải thiện”! Anh nuôi của chúng tôi đã “cải thiện” như sau:

Trước hết là sàng, sảy để lựa ra những hạt gạo ngon, vo sạch rồi đổ vào xoong quân dụng. Mọi ngày chỉ bằng nước sôi, nay có thêm cả nước thốt nốt nữa. Khi cơm sôi, mở nắp vung ra ta sẽ thấy dậy lên trong không gian một mùi thơm man mác, như hương trinh nữ lần thứ nhất hẹn hò bên lèn. Cái thơm như rứt rề, thấp thoáng khiến ta vừa muốn vỗ vập, nhưng lại ngần ngại... Ngần ngại cũng đúng thôi, vì lúc ấy chúng tôi đói, đang rất đói nên những muốn ăn ngay nhưng phải nén lòng chờ phút Giao thừa thiêng liêng đang đến gần.

Lúc cơm đã chín, anh nuôi đổ ra cái rổ lớn, đặt mau nguội và chúng tôi được phân công nén lại thành từng chiếc bánh dẻo, hình tròn. Bánh chỉ ngon khi khoảng một chén cơm nóng được bỏ vào khăn tay rồi nhồi đi, nhồi lại nhiều lần. Hạt cơm vỡ ra, quện vào nhau bền chặt. Chặt chẽ như vần thơ song thất lục bát không bao giờ chệch vần! Đến lúc thấy bánh cơm dẻo đã đạt yêu cầu của “*hàng Việt Nam chất lượng cao*”, chúng tôi ấn ở giữa một lõm sâu vào và đặt vào đó một cục đường thốt nốt chỉ bằng ngón tay út. Cái “nhừn” ấy rất quan trọng, khi đói người ta luôn có cảm giác thèm ngọt!

Đơn giản vậy thôi sao?

Vâng, chỉ có thế.

Các chiếc bánh cơm dẻo này được đặt trang trọng ở bàn thờ Tổ quốc trong căn hầm của đại đội trưởng. Ai canh gác, ai cảnh giới thì cứ làm nhiệm vụ. Ai ngồi tụ năm tụ ba tán phét, kể chuyện ngày Tết thì cứ việc. “*Giao thừa*

*là để người câm/ Ngồi yên không nói nghe trầm hương bay”. Ấy là lúc sắp chạm đến thời khắc thiêng liêng. Không ai nói với ai một lời. Trầm ngâm và chụm tai nghe lời chúc Tết từ quê nhà qua làn sóng truyền thanh từ chiếc radio mà chỉ riêng đại đội trưởng mới có. Sau đó, chúng tôi chia nhau thưởng thức những cái bánh cơm dẻo do chính tay mình đã làm ra từ lúc trời vừa chập chững xế bóng. Đó là bữa ăn được “cải thiện” bởi đường thốt nốt, bởi phần quà quý báu mà thường ngày không thể có...*

Cầm trên tay chiếc bánh cơm dẻo, tôi nghĩ về hạt gạo. Nghĩ về mệnh lệnh ngăn gọn nhưng dứt khoát: “Đi tải gạo” trong lúc nửa đêm. Nghĩ về đồng đội tôi, có người “bỏ cuộc chơi” khi trên vai cồng ba lô đầy gạo, nhưng lại trở về cát bụi với bụng đói meo. Cái bánh cơm dẻo “như” đường thốt nốt luôn luôn sống trong tôi như một niềm ân sủng mà tôi đã tìm được từ hạt gạo trong những ngày tháng sống ở chiến trường.

# GÓI MÂY TRONG ÁO...



**G**ó lẽ ấn tượng mạnh mẽ, khó quên nhất trong ký ức tuổi thơ tôi là năm tháng hoa niên, có lần đi cắm trại ở Huế. Ngày đó, trên đường lên chùa Từ Hiếu, bất ngờ nghe vọng lại lạnh lạnh tiếng rao bán chè. Từ con đường làng vi vút thông reo, tôi nhìn thấy một phụ nữ mặc áo dài màu lam, đi chân đất, trên vai là đôi quang gánh. Chè ngọt và ngon. Khi bà bước đi, từ phía sau, tà áo phất phới reo vui, thoảng nhẹ theo gió. Hình ảnh như thật như mơ ấy đã đi vào tâm thức của cậu trò mới lớn. Và sau này, tôi còn bắt gặp áo dài trên xuôi ngược đường phố.

Có lẽ xốn xang lòng người nhất vẫn là mùa hè, hoa phượng đỏ ngập sân trường, tiếng ve kêu râm ran, giữa trưa nắng lại thấy dập dìu nữ sinh khoác áo dài trắng. Ông thi sĩ Hoàng Trúc Ly, có lần đứng trước trường Nữ Trung học Hồng Đức ở Đà Nẵng, nhìn thấy hình ảnh đó, thốt lên: “*Ô hay, con gái bay nhiều quá/ Hai cánh tay mềm như cánh chim*”. Tà áo trắng ấy, như cánh chim ư? Tại sao không?

Tùy theo tâm trạng lúc vui hoặc buồn, ngậm ngùi hay hào hứng khi bắt gặp tà áo dài, mỗi người có sự liên tưởng khác nhau. Ông *Paris có gì lạ không em* Nguyễn Sa bằng tâm thức rất mơ mộng đã băn khoăn tự hỏi: “*Có phải em mang trên áo bay/ Hai phần gió thổi, một phần mây/ Hay là em gói mây trong áo/ Rồi thở cho làn áo trắng bay?*”. Ngay cả người Việt Nam “chính hiệu con nai vàng” cũng chưa thể lý giải hết ma lực quyến rũ, nên nã của tà áo dài thì người ngoại quốc còn ngắc ngứ đến dường nào? Nói như nhà văn Võ Phiến, có thể họ chỉ trầm trồ thốt lên ngạc nhiên: “*Chời ơi! Áo dzài*”. Nghe mà thương quá!

Tà áo dài từ bao đời nay đã “hớp hồn” biết bao tao nhân mặc khách. Mỗi người có một sự liên tưởng khác nhau và có cảm giác ai cũng “choáng ngợp” trước vẻ đẹp đơn sơ, trong trắng ấy.

Nói đầy đủ về lịch sử áo dài, phải là một công trình nghiên cứu công phu. Tôi dám quả quyết rằng, áo dài chính là sự cách tân từ kiểu áo dài năm thân truyền thống. Ngày 11.2.1934, trên báo *Phong Hóa* có bài viết *Vẻ đẹp riêng tặng các bà các cô*, tung ra kiểu “áo dài Le Mur” của họa sĩ Cát Tường.

À, lạ chưa? Nhìn hình ảnh tư liệu, tôi nhận ra áo dài của thuở mới phôi thai là “*cổ bánh bẻ*”, “*cổ viền*” và phần tay áo là kiểu “*đuôi tôm*”, “*quả tim*”... Chắc hẳn nhà văn Nhất Linh cũng góp phần không nhỏ tạo bởi các tranh minh họa do ông vẽ. Bấy giờ, từ *Phong Hóa* rồi sau đó *Ngày Nay* do nhóm Tự Lực Văn Đoàn chủ trương in số lượng lớn nên áo dài “tân thời” được quảng bá rộng rãi.

Ngay từ khi ra đời, áo dài mặc nhiên đã trở thành trang phục đặc trưng của con cháu Hai Bà Trưng, Bà Triệu. Nét đẹp ấy đã trở thành biểu tượng của Việt Nam và mãi mãi trường tồn cùng Đất nước. Sau này, suốt một thời gian dài, do đời sống khó khăn, như một lẽ tự nhiên, tà áo dài biến mất trong sinh hoạt đời thường. Nếu có ai thắc mắc, vậy áo dài “sống” lại tự lúc nào? Không riêng gì tôi, cả thầy đều có một “đáp án” chung: Từ khi đất nước bước vào thời kỳ Đổi mới. Sự trở lại này đã tạo một tiếng vang lớn trong dư luận thời ấy và đến nay vẫn còn âm vang.

Sự hấp dẫn kỳ lạ của trang phục đã tôn vinh vẻ đẹp nữ tính của phụ nữ Việt khó có thể có câu trả lời chính xác, “trầm trọng” cỡ như: “Tại sao? Vì lý do gì?”. Mà đôi khi, cũng chẳng nên tìm hiểu bằng lý trí rạch ròi như cộng trừ nhân chia, cứ để cảm nhận ấy đến tự nhiên, như đã gió thì bay, và rõ ràng trong áo dài tự nó đã có... gió. Bằng chứng, khi nhìn một người phụ nữ bước đi, nhìn những đường nét gợi cảm của hình thể, ta chỉ thấy thấp thoáng mờ mờ ảo ảo bởi tà áo đã chuyển động che khuất. Chuyển động theo gió. Chuyển động theo mỗi bước đi nhịp nhàng.

Có lẽ cô bé *Chùa Hương* của Nguyễn Nhược Pháp nếu mặc quần jeans, áo thun, đi giày thể thao thì khó có thể hấp hồn các chàng trai qua nhiều thế hệ. Tại sao như thế? Với cách ăn mặc tân thời, dù có thuận tiện cho việc đi chùa đông đúc, phải đi qua “*đường vách đá cheo veo*” thì cũng làm sao có thể sống trong tâm trạng nhí nhảnh, thốn thức, đáng yêu đến lạ thường: “*Làn gió thổi hây hây/ Em nghe tà áo bay/ Em tìm hơi chàng thổi/ Chàng ôi, chàng có hay?*”.

Mẹ tôi đã già rồi nhưng bà vẫn nhớ như in ngày về quê chồng. Thuở cưới nhau trong kháng chiến, chỉ là quần đen, áo cộc tay như mọi thiếu nữ ngày đó. Rồi đất nước chia cắt, mãi đến lúc ngoài bảy mươi xuân, mẹ mới có dịp về quê chồng. Về lúc chồng đã mất, về với cảm giác cô dâu về nhà chồng nên không thể không mặc chiếc áo dài. Nhìn hình ảnh: “*Mẹ bần thần đứng lại/ Vân vê vạt áo dài/ Nhìn xuống đôi guốc mộc/ Mòn vệt gót chân chai*”, tôi như nhìn thấy ở đấy chân dung của người thiếu nữ thuở vẫn còn xuân sắc. Kỳ lạ chưa, tự bản thân chiếc áo dài có thể “trẻ hóa” lại diện mạo, dù người đó đã

bước sang tuổi “xưa nay hiếm”.

Tôi không phải là nhà điều tra xã hội học nhưng tôi biết rằng, có những nữ sinh thời tiểu học nghịch ngợm như “con yêu bánh nậm” nhưng lên trung học lại dịu dàng hẳn. Hỏi tại cố làm sao? Nhiều cô tỏ vẻ “niêm hoa vi tiểu” mà rằng: “Mặc áo dài thì không thể đi đứng nghênh ngang như trước”. Thì ra thế, hai vạt áo uyển chuyển nhẹ nhàng đã khiến tự người ta phải ý thức hơn trong hành xử. Đó không phải “quyền lực” của áo dài là gì?

Cần nói thêm rằng, mặc áo dài là một sinh hoạt bình thường trong đời sống. Ai cũng có thể mặc, dù vóc dáng “như cánh vạc bay” hoặc “quá khổ” cũng thấy phù hợp bởi áo dài “hóa giải” một cách hợp lý. Không phải ngẫu nhiên trong ký ức của nhiều người vẫn còn nhớ như in hình ảnh phụ nữ mặc áo dài ra phố. Có thể đó là cô bán cá, bán rau, bà bán tạp hóa ngoài chợ, chị bán chè gánh hàng bán rong... chứ nào phải áo dài là riêng của những hội hè, hội nghị. Điều này có nghĩa, trang phục ấy phù hợp cho mọi hoàn cảnh, cho mỗi “giai tầng” giàu nghèo khác nhau. Hình ảnh thân thiện đó đã từng có, rồi một thời lại mất đi. Chẳng hề gì, “ăn theo thuở, ở theo thời”. Giờ đây, tà áo dài đã bắt đầu xuất hiện trở lại như một lẽ tự nhiên trong việc làm đẹp.

Cái đẹp là gì nhỉ? Khó có thể có câu định nghĩa hợp ý với cả thầy mọi người, nhưng chỉ trong lĩnh vực thời trang, tôi nghĩ rằng, một khi ăn mặc thế nào mà cảm thấy mình ý tứ hơn, dịu dàng hơn và cũng dễ tạo ra thiện cảm, đó chính là đẹp. Với phụ nữ, sự trở lại của chiếc áo dài truyền thống, dù bây giờ đã ít nhiều có cách điệu đi nữa, là một lựa chọn của nhiều người. Sự lựa chọn ấy cho thấy rằng khi xuất hiện trước đám đông, tự nó đã nói lên các đức tính cần thiết của nữ giới.



# LẦN THẦN TỪ CHUYỆN XIN LỬA



**T**huở còn nhỏ, có những ngày rét mướt, gió chạy ù ù trên ngọn cây sấu đông, bà ngoại tôi bảo sang hàng xóm xin lửa. Chẳng nhiều nhận gì, chỉ vài cục than hồng bỏ trên cái đĩa sành, phía dưới lót tro để khỏi nóng tay cầm. Chạy vù về nhà, chỉ lát sau bếp nhà tôi đã riu riu ngọn lửa ấm.

Ngày xưa, láng giềng “*tắt lửa tối đèn có nhau*” là chuyện thường tình. Hình ảnh ấy có thể tìm trong thơ Nguyễn Bao, chắc ít người còn nhớ: “*Dậy từ mờ tối/ Gọi nhau xin lửa qua rào...*”. Còn nhớ một mẩu chuyện nhỏ, có một đứa trẻ - chắc cũng bằng tuổi hoa niên thơ mộng của tôi ngày trước, sang nhà văn hào Lev Tolstoi xin tí lửa. Nhận xong, cậu quay lưng bước đi, bỗng nghe tiếng nói hiền từ gọi lại: “Ta vừa nghe cháu nói gì phải không?”. Cậu bé ngạc nhiên quay lại: “Thưa, cháu nào có nói gì đâu ạ”. Nhà văn thở dài: “Ấy mà ta cứ tưởng cháu vừa thốt ra hai tiếng cảm ơn”.

Một bài học nhẹ nhàng về lòng biết ơn.

Dễ nhớ nhưng khó quên.

Có phải bi quan hay không khi nghĩ rằng từ “cảm ơn” hầu như đã thất lạc đâu đó trên đường đời xuôi ngược này. Đã nhiều lần, tôi được chứng kiến cái cảnh khá phổ biến trên phố xá. Chỉ cần phóng xe nhưng quên gạt chống xe, sẽ lập tức có tiếng người đi sau hoặc ngược chiều nhắc nhở: “Kìa, cái chống xe”. Nhưng mấy ai đáp trả lại bằng tiếng: “Cảm ơn”? Hay chỉ phản xạ gạt chống xe lên rồi rú ga chạy luôn? Thậm chí, tôi thấy có kẻ còn quay lại nhìn soi mói vào người vừa nhắc nhở với con mắt đầy cảnh giác.

Tưởng chỉ là chuyện nhỏ, nhưng thật ra nó phản ánh cái tâm lý không dám tin nhau. Biết ai đó là ai mà tin?

Đã có quá nhiều chuyện lừa đảo ngoài phố cũng từ những chuyện “làm ơn” như thế. “Kìa! Chị vừa đánh rơi cái gì phía sau xe đấy!”. Tưởng thật, ta vừa ngoái lui, dáo dác nhìn thì sợi dây chuyền trên cổ đã bị giật phắt! Nhanh như chớp. Riết, người ta đâm ra nghi ngờ chẳng dám tin ai, lúc nào cũng e dè, cảnh giác lẫn nhau. Mà cũng không trách được. Đôi khi chỉ là cái cố hỏi đường, nhưng thoát một cái người hỏi đường đã giật lấy cái túi xách của người vừa chỉ đường cho mình. Những màn kịch như thế đã diễn ra khá hoàn

hảo. Thế thì, lần sau gặp một người hỏi thật, người ngu ngơ không biết phở xá và cần một lời hướng dẫn thì anh có dám dừng xe lại tận tình giúp đỡ không?

Đời sống cũng buồn. Đã không biết “cám ơn”, liệu cái lòng “biết ơn” có còn sâu nặng?

Trở lại với chuyện xin lửa. Ngày nay, hầu như nhà nào cũng dùng bếp gas. Chẳng cần phải “*Gọi nhau xin lửa qua rào...*” nữa. Nhà nào cũng kín cổng cao tường. Đèn nhà ai nấy sáng. Không riêng gì đời sống đô thị, ngay cả nông thôn cũng thế thôi. Có phải khi xã hội ngày càng hiện đại, con người càng ít quan tâm đến nhau? Người ta có thể biết chuyện đông tây ta bà thế giới chỉ bằng một cú click chuột. Nhưng chuyện buồn vui của nhà sát bên cạnh, chỉ cách một vách tường lại mù tịt. Sự quan hệ, giao tiếp với người chung quanh dường như càng thu hẹp lại. Chúng ta ngày càng ít có điều kiện giúp đỡ nhau để được nghe tiếng cám ơn triu mến của nhau.

Nói như thế chưa hẳn đúng, nhưng có lẽ lời cám ơn, sự bày tỏ lòng biết ơn cũng khác trước, đòi hỏi phải có cách biểu hiện khác.

Bạn tôi vừa ra Hà Nội nhận công tác mới. Anh kể, dịp Tết vừa qua, anh dẫn vợ con đến nhà riêng của sếp để nói lời biết ơn tận đáy lòng mình, bởi nếu không có sếp “đỡ đầu” thì bạn tôi khó có thể “chăn êm nệm ấm” ở công việc mới. Anh thật tâm làm như thế, một phần cũng vì thuở nhỏ đã đọc mẩu chuyện về cụ Lev Tolstoi đã nhắc nhở cậu bé nọ lúc xin lửa. Trời ạ! Tưởng sao, nghe xong lời thổ lộ chân thành của anh, sếp bèn hỏi sỗ sàng: “Chỉ là nước bọt suông thôi sao? Anh bày tỏ lời cám ơn hay đang nhổ bọt vào mặt tôi đấy?”.

# LÀM SAO ĐỂ VUI SỐNG?



**S**ống trên đời khó hay dễ? Trả lời thế nào là tùy vào nhận thức, quan niệm sống và góc nhìn của mỗi người. Tuy nhiên, có đôi lúc cảm thấy khó sống quá, chẳng phải vì đời sống kinh tế khó khăn, do vợ/ chồng “mèo mả” lãng nhãng, công việc không ổn định... mà lý do lại cực kỳ lãng nhách. Bỗng dưng một ngày thức dậy, nghe thiên hạ kháo nhau về mình với những lời thị phi ác ý, gán ghép cho bao nhiêu thứ mà mình không hề có. Nhiều người đã từng trải qua tâm trạng trái khoáy, éo le ấy mà chẳng biết làm sao có thể cải chính, “thanh minh thanh nga”.

Ngày kia, anh bạn tôi nghe phong thanh thiên hạ đồn nhảm là anh muốn leo lên ghế giám đốc. Do đó, không chỉ viết thư nặc danh tố cáo người đương nhiệm mà anh còn kết bè kết bạn, “dây mơ rễ má” với phần tử xấu nhằm thực hiện âm mưu “đảo chính”! Đại loại những chuyện nhảm nhí này được rĩ tai, bỏ nhỏ khiến ai ai cũng cảnh giác, dè chừng anh mà trong khi đó, chính “đương sự” lại... không hề hay biết gì. Khi các thông tin này lọt vào tai, anh bàng hoàng, sửng sốt, nổi giận bởi không ngờ tại sao lại có chuyện kỳ quặc này?

Những lời thị phi, đàm tiếu bôi nhọ người khác có muôn vàn động cơ khác nhau. Chỉ những người trong cuộc mới biết rõ sự thật nằm ở đâu.

Trường hợp của anh bạn tôi, sau khi tìm hiểu kỹ mới thấy chỉ đơn giản như “đang giỡn”. Vậy mà cũng không tránh khỏi “búa rìu dư luận”. Lâu nay, làm việc tại cơ quan hầu như anh không “bà tám”, “buôn dưa lê”, chỉ chú trọng vào chuyên môn, tích cực hoàn thành nhiệm vụ. Đâu phải ai cũng nhìn nhận đó là sự tích cực? Có người suy luận anh khéo “đóng kịch”, tạo ra một hình ảnh “năm bờ oan” để “lấy điểm” đồng nghiệp, chứ nào tốt lành gì. Rồi đến lúc bầu bán, sắp xếp nhân sự, nhiều người cảm thấy anh có thể đạt phiếu tín nhiệm cao nên tung tin “lập lòe đánh lận con đen” cho bồ ghét!

Sự đời đôi lúc thật éo le, nếu cứ nghĩ ngợi rồi tâm tư bực dọc với những thứ u ám, xấu xa tự dưng trút xuống đầu, thử hỏi, làm sao vui sống?

Tôi xin kể câu chuyện mà chính anh bạn tôi đã tâm tình, nhờ đó, đã bình tâm trở lại.

Chuyện rằng, ngày nọ một vị giám đốc gọi cô nhân viên lên phòng làm việc. Sau khi trừng mắt nhìn, ném một xấp thư tố cáo trước mặt, ông ta mời cô ngồi xuống ghế và nói rành rọt từng câu, từng chữ nghe nổi da gà: “Tôi biết trong công việc, cô là người tích cực, năng suất tốt nhưng tại sao vẫn nghe anh em xì xào, đàm tiếu chuyện này chuyện nọ không hay ho gì về cô?”. Với người khác, ắt sẽ gân cổ lên bù lu bù loa: “Chuyện gì? Bằng chứng đâu? Tại sao lại gặp lửa bỏ tay người?” rồi ùng ùng nổi giận.

Thế là cuộc trò chuyện có nguy cơ trở thành cuộc đối thoại, đấu khẩu rất ác liệt.

Nhưng không. Sau khi nghe sếp hỏi, cô vẫn bình tĩnh, nhỏ nhẹ: “Thưa sếp, sếp có nghĩ thế này không? Suốt cả mấy tháng trời hạn hán, nắng gắt bỗng dưng có trận mưa rào, phải chăng ai cũng vui mừng? Vâng, có người vui mừng vì ruộng đất hoa màu tươi tốt, trời đất mát mẻ nhưng cũng có người bức bối, cáu gắt vì đường bẩn, mưa ướt người”.

Thấy giám đốc chăm chú lắng nghe, cô mạnh dạn nói tiếp: “Mùa xuân, hoa nở. Mùa hè, trời nóng. Mùa thu, gió mát. Mùa đông, lạnh lẽo. Ấy là lẽ thường tình nhưng vẫn có người thích, kẻ không. Trời đất vốn “tự nhiên như nhiên” không thiên vị mà vẫn bị thế gian trách hận ghét thương. Sinh ra đời, chẳng có ai vẹn toàn cả, vì thế, tôi làm sao tránh được lời chê bai, chỉ trích? Có điều trước những lời thị phi, xin sếp cân bình tâm xét lại. Nếu cấp trên nghe lời thị phi, ắt nhân viên bị hại. Cha mẹ nghe lời thị phi, con bị ruồng bỏ. Vợ chồng nghe lời thị phi, gia đình ly tán...”.

Cô vừa nói đến đó, vị giám đốc gật gù: “Cô nói đúng. Tôi đang suy nghĩ lại. Cô hãy trở về phân xưởng và làm tốt công việc của mình”.

Trong trường hợp này, có hai điều đáng quý: thứ nhất, người đứng đầu cơ quan đã biết nghe lời phải, không vội tin những lời xàm bậy, đồn đãi hại đến danh dự một người; thứ hai, dù bị chế giễu, nói xấu nhưng cô nhân viên vẫn bình tâm xử lý những đồn thổi không tốt về mình. Điều này, tưởng đơn giản nhưng rồi trong xử thế, không phải ai cũng có thể làm được.

Đọc *Chiến quốc sách*, có lẽ ai cũng rung mình cho câu chuyện của vua Sở. Ngày kia, vua Ngụy tặng cho vua Sở một giai nhân sắc nước hương trời. Nhà vua cưng chiều nhất trong đám cung tần mỹ nữ. Dù vậy, bà Trịnh Dữu vẫn lẳng lặng cấp thêm cho nàng nhiều lụa là, châu báu. Vua Sở tin bà không ganh ghét, ghen tuông. Tuy nhiên, lần nọ bà bảo mỹ nữ kia: “Vua yêu vẻ đẹp, nhưng ghét cái mũi của em. Khi gặp vua, em hãy che cái mũi đi nhé”. Cô này tin thật và làm theo. Vua ngạc nhiên hỏi Trịnh Dữu: “Vì sao hễ gặp ta, cô ấy lại che mũi?”. Trịnh Dữu đáp: “Cơ hồ như nó không ưa cái hơi thối của đại

vương”. Chỉ câu nói đó, nghe mà không suy xét nên vua Sở nổi giận: “Hỗn láo thật”. Rồi ra lệnh... cắt mũi của mỹ nữ!

Làm sao có thể dò xét hết tâm địa của con người, một khi họ muốn ám hại ai khác? Nghe ai đó rỉ tai rằng, anh A, cô B đã nói về mình thế này, thế nọ, lập tức có người nhảy dựng lên như đĩa phải vôi, đỏ mặt tía tai quyết “ăn thua đủ”. Cái nguy hại nhất, chưa kiểm chứng thông tin chính xác đến mức độ nào mà đã bày tỏ chính kiến. Thái độ và hành động đó khôn ngoan hay ngốc dại?

Trong khi đó, những kẻ tung tin, rỉ tai nhằm “hạ bệ”, bôi nhọ người khác có lúc nào tự nghĩ, lời lẽ ác ý của mình cũng có thể “giết chết” một con người theo nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Thái độ và hành động đó quân tử hay tiểu nhân?

# SỐNG VUI TỪNG NGÀY



**N**gay đầu năm, nắng ngoài đường mơn mớn như thiếu nữ dậy thì. Lòng dạt dào cảm xúc. Nếu tĩnh tâm, ngồi một mình và nghĩ về năm tháng đã qua, lúc ấy, con người ta thường nghĩ về điều gì? Chẳng biết người khác ra sao, còn tôi, lại nghĩ đến một “nghịch lý” mà bất kỳ ai cũng có lúc ngồi thử người, tặc lưỡi: “Thời trẻ, cái gì cũng có. Có từ nhan sắc, thời gian, sức khỏe đến khát vọng đội đá vá trời nhưng than ôi, điều quan trọng nhất là tiền thì trong túi không một xu teng nào. Ngược lại khi đã về già, có tất tần tật mọi thứ, tất nhiên có tiền, thậm chí có nhiều tiền, có từ vợ đẹp con ngoan, nhà cao cửa rộng đến địa vị xã hội, chỉ oái oăm nhất là không có nhiều sức khỏe”.

Giữa tiền và sức khỏe, cái nào quan trọng hơn?

Thật khó trả lời.

Chỉ biết rằng, khi cơ thể “trục trặc” gì đó, dù chỉ là cảm cúm nhức đầu sổ mũi, con người ta mới thấy sức khỏe là cái quý nhất. Nằm trên đồng tiền, nhưng nói không ra hơi, đi đứng không nổi phải chờ người khác dìu từng bước quả là một cực hình. Những đồng tiền khi ấy chỉ có ý nghĩa nếu nó đem lại sức khỏe. Rồi lúc ấy, người ta chợt “ngộ” ra có tiền chưa chắc đã “mua” được sức khỏe.

Thế thì, có được thân thể cường tráng, mạnh khỏe là mong muốn của nhiều người, kể cả ông Bành Tổ trong huyền thoại phương Đông trường thọ đến ngàn tuổi. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn có ca từ: “*Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui. Chọn những bông hoa và những nụ cười*”. Theo tôi, ấy là người biết tận hưởng cuộc đời này. Để tâm trí thư thái, phơi phơi yêu thương ắt không thể chọn những tiếng cãi vã, đôi co tục tằn, ganh ghét, tị hiềm... Nhìn thấy một bông hoa tươi tắn, trong lòng vẫn gợi lên nhiều cảm xúc thẩm mỹ hơn là nhìn gương mặt yêu thương, dầu là vợ mình nhưng lúc nào cũng nhăn nhó, cau gắt.

Ông bà ta thường “ăn cục nói hòn” không văn vẻ, cầu kỳ nhưng chuẩn xác: “*Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ*”. Ấy cũng là điều mà Phật dạy. Hãy mở rộng cánh cửa tâm hồn mình bằng sự từ bi hỉ xả, có như thế, con người ta mới có thể cười vui với cuộc đời này. Sống trong đời, ai lại không

có lúc thất bại, gặp những điều không như ý? Nhưng tôi nghĩ rằng, hơn nhau ở chỗ mỗi người đón nhận như thế nào. Có người u sầu, chìm đắm vào ảo não đó; có người mạnh dạn chấp nhận để tìm cách thay đổi.

Hãy nhìn vòm xanh kia, bông hoa nọ thì sẽ thấy cuộc đời mình cũng thế. Lá xanh rồi đến lúc vàng úa, rụng xuống. Rồi thời gian sau mầm xanh lại nhú lên. An nhiên ấy cũng là phẩm chất của người tự tin và chấp nhận quy luật thay đổi trong cuộc sống.

Không riêng gì dân tộc Việt, mọi dân tộc trên thế giới đều tự “quy ước” ngày năm mới không ai được giận dữ, mắng nhiếc, cãi cọ... mà dành cho nhau nụ cười, trao cho nhau niềm vui. Nếu một năm, lúc nào, ngày nào con người ta cũng ứng xử với nhau như thế, có lẽ tuổi thọ sẽ tăng thêm nhiều lần. Sở dĩ câu thơ của Kahlil Gibran được yêu thích bởi nó đã nói đúng khát vọng thăm sâu trong tâm hồn con người:

*Cảm ơn đời mỗi sớm mai thức dậy*

*Ta được thêm ngày nữa để yêu thương.*

Câu thơ này trích trong tập thơ *Nhà tiên tri (The Prophet)* xuất bản năm 1923, nhà văn Nguyễn Nhật Ánh dịch. Ai lại không ý thức, tin tưởng để vui sống mỗi ngày? Nhưng rồi trong bộn bề công việc, có lúc không thể tránh khỏi va chạm, tranh cãi chí chóe đã khiến lòng chùng lại. Trời đang xanh bỗng chuyển gió mây mù. Kỳ cục cho tâm lý mỗi chúng ta, có nhiều mối quan hệ đã là ruột thịt, bạn bè thân tri kỷ, nhưng rồi, lúc không hài lòng lập tức trong lòng dậy sóng u ám. Bao nhiêu tính tốt của họ, ta quên bồng hết; phần “chơi được” ở họ tan biến đi, chỉ còn lại hình ảnh “không ra gì”, chỉ thấy sự xấu xa, đáng ghét.

Mà một khi oán ghét ai đó, chính là lúc tự làm khổ mình vì phải canh cánh gánh lấy sự bức bối, nhìn đâu cũng thấy ngao ngán, mỗi mết. Nghĩ về điều tốt, hướng thiện thì trong lòng nhẹ nhàng, có thể vui vẻ huyết sáo thông dong, ngược nhìn trời xanh mây trắng. Thi hào Nguyễn Du đã nói được một điều hiển nhiên, ai cũng thừa nhận là đúng: “*Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*”. Hết thấy các sự việc dù bi quan, lạc quan nghĩ cho cùng cũng tự lòng mình mà ra. Vậy làm thế nào để giữ được sự nhẹ nhàng tâm hồn, luôn có cái nhìn thân thiện với anh em, bạn bè?

Thời hoa niên, ngày ấy, nhà tôi sống gần chùa Tỉnh Hội. Có một điều khó lý giải là vì sao các chú tiểu trạc tuổi bọn tôi, lại điềm tĩnh, chững chạc và “người lớn” chứ không hề “tâm viên ý mã”? Tại sao thế? Nghe tôi hỏi, bà ngoại tôi bảo, do các tiểu sống trong không gian thanh tịnh và ăn chay nên tính tình điềm lại. Có đúng vậy không? Mãi đến lúc đã “ngũ thập” tôi mới

nhận ra bà tôi nói đúng. Ích lợi của việc ăn chay, không gian sống tác động đến sức khỏe, tâm tính như thế nào, các bác sĩ đã giải thích, tôi xin phép không lạm bàn. Tuy nhiên, chỉ như thế có lẽ vẫn chưa đủ. Thêm một điều quan trọng vẫn là sự “định hướng” của chính mình.

Đọc tập sách *Công nhau trong một cõi người* (NXB Trẻ) của Hoàng Công Danh, tôi chú ý đến chi tiết: Chú tiểu Sanh (còn gọi là “điệu”) chỉ mới chừng lên mười, do nặng nghiệp Tam bảo nên được cha mẹ gửi vào chùa sống với sư thầy. Ngày nọ, dọc con đường lên chùa, bỗng dưng mọc lên la liệt... quán nhậu! Từ đó, điệu Sanh và đạo hữu: “*Đi quá một đoạn rồi nhưng vì mùi hành mỡ khiến điệu chững lại, đi chậm hơn. Cho đến khi nghe tiếng chuông chùa điệu mới rảo bước đi cho dứt được*”. Thậm chí có lúc: “*Đến ngang quán nhậu, mùi thịt hầm đã xốc ngay vào mũi. Nước bọt cứ ứa ra chèn lấy cổ họng khiến điệu không thể niệm chú được nữa. Bước chân cũng nhấc chậm lại, nặng nề hơn*”. Một ngày kia, điệu Sanh buồn buồn mếu miêng thưa với thầy: “*Thầy ơi, con không đi đường đó nữa*”.

Có phải đó là giải pháp hữu hiệu nhất?

Nếu khu phố mình đang sống không hề “văn hóa” chút nào, này nhà nọ có thói xấu đổ bừa rác ra ngoài đường, thú nuôi phóng uế bừa bãi, nọ nhà kia thường chửi vợ mắng chồng..., mình phải dọn đi nơi khác chẳng? Do cãi cọ với đồng nghiệp, không được sếp cất nhắc, mình tìm cách “giải thoát” bằng cách nghỉ để qua một công sở khác chẳng?

Trước khi tìm câu trả lời, ta hãy trở lại với câu hỏi của điệu Sanh, sư thầy đã trả lời thế nào? Thế này: “*Có một con đường ấy thôi con, chẳng thể còn lối nào khác. Đi cho khéo là được*”. Ta hiểu rằng, “*Đường đạo đường đời chung nhau, dẫu có chỉ dẫn hay không thì điều quan trọng là do người đi mà thôi*”. Đúng quá, cách nhìn nhận, giải quyết vấn đề cuối cùng vẫn do nhận thức của chính mình.

Trên đời, không có một ai hoàn toàn xấu và ngược lại. “Nhân vô thập toàn” kia mà. Ngay cả tử tù vẫn còn có điểm sáng cuối cùng, ít ra đó là giây phút ăn năn, hối hận vì tội ác đã gây ra. Nhìn thấy “điểm sáng” của người khác tưởng dễ nhưng thật ra lại khó, nếu cái tâm không khoáng đạt, khoan dung, hỷ xả. Đứng trước công chúng, vị giáo sư nọ cầm tờ giấy trắng và quệt lên một dấu chấm đen. Ông ta đưa lên và hỏi người đứng gần nhất: “Anh thấy gì?”. Người này trả lời: “Một dấu chấm đen”. Ông lại tiếp tục hỏi những người khác và cũng đều nghe câu trả lời tương tự. Cuối cùng, ông nói: “Vâng, có một dấu chấm đen nhưng không ai nhìn thấy tờ giấy trắng”.

Bài học này nhẹ nhàng nhưng gợi lên nhiều suy nghĩ.



# KHÔNG VIỆC GÌ PHẢI VỘI



Sau một giấc ngủ dài, ngay lúc vừa thức dậy, việc đầu tiên là bật dậy khỏi giường. Rồi khỏi phòng ngủ. Không chần chừ. Không nấn ná. Công việc của một ngày đã bắt đầu. Ai nấy cũng đều có cảm giác thời gian trôi qua rất nhanh. Vừa điểm tâm vừa thắt cà vạt; vừa ủi quần áo vừa thắt dây giày; vừa trang điểm vừa dỗ con ăn sáng; vừa phóng xe đến công sở vừa tranh thủ đưa con đến trường... Thời gian quay nhanh như chong chóng. Mà mọi việc đâu đã thu xếp xong.

Buổi sáng nào cũng thế. Bận rộn quá thế. Bận lắm. Vì thế, lúc mở mắt dậy, chẳng ai đủ kiên nhẫn nấn ná nằm lại trên giường chỉ một phút, một giây dù đang muốn. Chẳng ai cho phép mình mơn trớn thêm một chút nào nữa với chăn êm nệm ấm. Phải vùng dậy thôi. Lịch làm việc dài dằng dặc đã hiện ra trong óc với biết bao công việc phải làm trong ngày.

Thế mà, kỳ cục chưa, khi đọc tập sách nổi tiếng *Sống đẹp* của nhà văn Lâm Ngữ Đường qua bản dịch của Nguyễn Hiến Lê, ta lại thấy có một quan niệm khác. Theo ông, mỗi sáng thức dậy, không việc gì phải vội đến thế: “*Lý Lạp Ông trong thiên “Dương liễu” khuyên ta nên nằm trên giường nghe tiếng chim hót lúc bình minh. Sáng sớm tỉnh dậy nghe chim hót thì cảnh giới nào đẹp bằng nữa*”.

Chà, buổi sáng nằm nán trên giường nghe tiếng chim hót kể ra không phải điều gì mới lạ. Nhưng rồi, đã mấy ai tận hưởng được lạc thú đó? Có phải đó cũng là một trong những nghệ thuật sống chậm trong đời sống của văn minh cơ giới đấy không? Hơn nữa, mấy ai đã nhìn ra một điều hiển nhiên như Lâm Ngữ Đường: “*Khi nằm ở giường bắp thịt ta được nghỉ ngơi, mạch chạy chậm hơn, đều hơn, các dây thần kinh thị giác, thính giác bình tĩnh hơn, nên ta thấy thoải mái, gần như có thể tập trung tinh thần một cách tuyệt đối vào các ý tưởng, các cảm giác. Và lại chính lúc đó những giác quan của ta như khứu giác, thính giác mẫn tuệ nhất, cho nên phải nằm mà nghe âm nhạc thì mới thưởng hết được cái hay*”.

Chính nhờ thế, đôi khi chỉ một khoảnh khắc thư giãn nhẹ nhàng trong buổi sáng, người ta phát hiện ra nhiều điều thú vị chung quanh. Nhà văn Lâm

Ngữ Đường hào hứng “khoe”: “*Tôi còn nhớ cái vui lớn nhất của tôi suốt mùa xuân năm nọ là được nghe tiếng chim hót của một loài chim giá cô (perdrix)*”. Rồi ông phân tích âm giai của khúc giao duyên đã được nghe trong một sáng yên lành.

Tự dừng, tôi thoáng nghĩ, đôi khi lạc thú trên đời chẳng phải tìm kiếm xa xôi nơi đâu, nó hiện diện đâu đó rất gần gũi mà tại sao lâu nay không biết đến? Không biết đến, chẳng qua ta không dành lấy một khoảng thời gian tĩnh mịch, trầm tư cho riêng mình. Thời gian vội vã cuốn người ta trôi theo dòng chảy mỗi ngày. Rồi sẽ đến lúc: “*Mệt quá đôi chân này. Tìm đến chiếc ghế nghỉ ngơi*” (T.C.S). Có điều đơn giản như sống thì phải thở, đói thì ăn, mệt thì nghỉ. Nhưng mấy khi ta dám nghỉ ngơi giữa một ngày tất bật, ồn ào, đua chen, náo nhiệt đang giăng lưới vây bủa trong từng khoảnh khắc? Có những lúc đã mỏi mệt đủ đủ với công việc, phải tính toán căng mắt với từng con số, phải tranh cãi chí chóe về kế hoạch này nọ, vậy mà ta có dám nghỉ ngơi, xả hơi một chút hay cứ tiếp tục găng thêm, cố gắng thêm một chút nữa? Than ôi, cái sự bận rộn ấy cũng có thể do chính ta tự tạo ra đấy thôi.

Không có gì phải vội. Nếu vội làm sao có thể tìm thấy lạc thú ở trên đời?

*Để có một tình yêu, tôi trồng một cây xanh*

*Để có một cây xanh, tôi gieo vào lòng tôi một hạt mầm hy vọng.*

Hình ảnh tốt tươi nhất của nhiều người, có lẽ là những lúc ngay tại mảnh đất nho nhỏ trước nhà, họ gieo một hạt giống, ngày ngày tưới nước và mong ngóng, chờ đợi hạt mầm sẽ nhú lên. Chờ đợi ấy đem lại niềm vui nho nhỏ trong sự nhẫn nại, niềm hy vọng và mở ra nhiều điều kỳ diệu của trí tưởng tượng. Rằng ngày mai, từ khoảnh sân nhà mình sẽ mọc lên một cây xanh, bóng mát rợp một khoảng trời. Chỉ nghĩ đến thế, đã thấy rạo rức một niềm vui.

Trong cái đời sống của một công chức mẫn cán, đôi lúc tôi đã quên hẳn đi một góc vườn nhỏ nhoi đã từng hằn vết trong trí nhớ. Sung sướng nhất của ngày tuổi nhỏ, với tôi là những buổi trưa trốn ngủ, lăm lét nhìn trước ngõ sau rồi chạy vụt ra ngoài vườn. Vườn nhà ông ngoại tôi có cây ổi, cây đào, hồ cá, những chậu hoa hồng và những vật cỏ non. Một góc vườn nhỏ nhoi, tôi đã ngồi làm thơ trong tháng ngày hoa niên. Tuổi thơ tôi là cả một vòm thiên nhiên ùa vào mắt trong mỗi ngày. Thức dậy sớm, đi học bao giờ tôi cũng nghe tiếng chim ríu ran trên vòm xanh. Cây cối đã trở nên thân thiện, đã là những “người bạn”. Mỗi chiều đi học về, tưới cây, và ngắm nhìn từng búp nõn biếc xanh, từng nụ hồng khoe sắc.

Rồi một ngày kia, ông ngoại tôi mất. Biết ông yêu quý cây, lũ nhóc chúng tôi lấy vải trắng quấn quanh mỗi thân cây. Cây để tang cho người. Có một điều kỳ lạ, sau đó, dần dần các cây hồng, cúc, thược dược, huệ... đều héo úa. Lá rụng dần. Hoa rũ cánh. Người đi, hoa cũng đi theo. Giữa người và hoa có chung một nỗi niềm gì chăng? Từ đó, tôi nghĩ vu vơ rằng, cây cối quanh ta cũng có linh hồn, có những buồn vui như con người đấy thôi. Có điều ta đủ tinh tế để nhận ra từng “tiếng nói” xào xạc, thầm thì mỗi ngày? Góc vườn quanh hiu ấy, luôn gọi trong tôi một dĩ vãng êm đềm. Vào lúc tuổi đã sắp già mới thấy yêu, thấy thấm thía câu thơ của Hồ Dzếnh:

*Đừng mong ước cả thiên đường*

*Hãy xin lấy nửa tấc vườn vắng hoa*

Bây giờ, sống giữa Sài Gòn tấp nập. Sợ nhất là lô cốt chắn ngang đường. Có đôi lúc, tôi nhẩn nhục nhích từng vòng bánh xe lăn. Rã rời, mệt mỏi đến vô cảm. Thần xác như vô hồn. Không một buồn vui gì, chỉ chăm chú nhích từng bước giữa tiếng động cơ gầm rú, bụi khói mịt mù.

*Mỗi một ngày tôi lại ra đi*

*Lô cốt lô cốt lô cốt*

*Kèn xe cấp cứu rú nghiêng trời*

*Tôi bất lực đứng yên như tượng đá*

*Cỏ dại cũng mờ côi...*

Về đến nhà, tôi đâm ra hoang. Chẳng lẽ, mình cứ lao ra đường mỗi ngày rồi lại trở về nhà với một tâm thế như người máy? Thế còn thơ? Còn cảm xúc? Còn đâu những lúc ngồi tĩnh lặng nhìn mây trắng phiêu lãng trên vòm xanh, tự tình với câu thơ vừa vụt đến trong trí nhớ?

Rồi một ngày kia, bất ngờ, tôi tìm được cho mình một quán cà phê ở trên trời, nơi ấy mọc rất nhiều cỏ. Gọi “trên trời” đơn giản vì muốn lên chốn ấy, tôi phải bước những nhịp cầu thang để được phóng một tầm mắt. Quán cà phê này là mặt sau của một khách sạn nổi tiếng. Lên những bậc cầu thang, trước mặt tôi, từ phía xa xa kia là bức tường bằng gương xanh đậm của một cao ốc. Phía sau lưng tôi cũng là một bức tường, nhưng xám xịt, loang lổ xi măng trơ gan cùng tuế nguyệt của một chung cư đã xuống cấp. Hai hình ảnh trái ngược ấy khiến tôi thấy mình vừa gần và vừa xa Sài Gòn.

Ngồi với tôi, nàng nói: “Anh à, em rất yêu Sài Gòn”. Tôi cũng vậy. Trên bàn là những lọ hoa nhỏ. Bông hoa nhỏ xíu nhiều sắc màu rực rỡ. Gió từ phía sông Sài Gòn thổi lên nhẹ nhẹ. Và âm nhạc. “*Một quá đôi chân này. Tìm đến chiếc ghế nghỉ ngơi*”. Nghỉ ngơi đi chứ. Vâng, chỉ có những lúc ấy, tôi mới có thể tĩnh tâm quan sát những cây chuối dân dã quê kiểng, hiền lành bên

cạnh mình. Không biết, tại sao lúc ấy, lúc này và lúc nào nhìn cây chuối ấy, trong tôi lại nhớ đến những câu thơ của thi hào Nguyễn Trãi. Người xưa tinh tế biết bao chừng, khi hạ bút:

*Tình thư một bức phong còn kín,*

*Gió nơi đâu, gượng mở xem.*

Thư tình viết trên tàu lá chuối, từng câu còn xanh, còn thơm, còn hương, có nồng nàn yêu nhớ. Người run rẩy. Người rụt rè không dám mở. Người chờ gió xuân nhẹ nhàng đến đặng “*mở xem*”... Tôi lặng lẽ, bồi hồi nhìn tàu lá chuối nõn và bỗng nhiên tâm hồn mình chùng xuống, như vừa được cởi rũ những bụi bặm nhỏ nhen mà lâu nay mình cứ đánh đu theo ngày tháng. Tàu lá chuối xanh vô tội giữa một không gian riêng ở Sài Gòn đã khiến tôi nhẹ nhõm. Nhẹ nhõm như khi nghe: “Anh ạ, em rất yêu Sài Gòn”. Sức nhớ nhà thơ Chế Lan Viên viết: “*Khi ta đi đất đã hóa tâm hồn*”. Không những thế, ngay cả khi ta chọn cho mình một chỗ ngồi, dần dà nơi ấy cũng sẽ đồng điệu với tâm hồn mình.

Thật phúc cho những ai, lúc mệt mỏi, còn biết, còn có tìm đến một nơi chốn để nghỉ ngơi, đâu chỉ là trong chốc lát.

Không việc gì phải vội.

# TÌM VUI TRONG BẬN RỘN



**K**hi bóng chiều đổ dài trên đường phố, liếc nhìn đồng hồ, có người lại thở dài, tặc lưỡi: “Lại về nhà”. Câu thơ của ông Tú Xương khái quát tâm trạng tẻ nhạt, thói quen lặp đi lặp lại: “*Sáng vác ô đi, tối vác về*”. Mỗi ngày, chẳng có gì mới mẻ hơn. Thức giấc, cuống cuống phóng xe ra khỏi nhà; trưa, ăn vội, qua loa, rồi lại sắp sửa chạy vào cơ quan. Chẳng mấy chốc, chiều xuống, tan sở lại quay trở về nhà, nếu cao hứng, tạt vào quán bia bù khú với bạn bè. Ngày nào cũng thế, tự dưng thấy chán.

Ba trăm sáu lăm ngày không gì mới.

“*Hết ngày dài lại đêm dài*” cũng chỉ là công việc đã quen thuộc; bạn bè lai rai bia bọt cũng một vài gương mặt cũ rích, cũng những câu chuyện cũ mồi, mỗi chiều đều gặp lại còn có chuyện mới gì để “tám”? Quay trở về nhà, lại chán nốt. Cũng vợ, cũng con, cũng cái bàn, cái ghế, cái giường; các sinh hoạt nề nếp mỗi ngày vẫn lặp lại giống y chang. Rồi đi ngủ. Rồi sáng mai, thức giấc đi làm.

“*Ôi! Nhân loại văn minh trí tuệ một cách kinh khủng. Tôi xin bái phục. Làm sao có thể hiểu nổi cái văn minh bắt người ta làm việc khổ cực đến bạc đầu để kiếm ăn mà quên mất đi sự nghỉ ngơi, chơi bời*”. Nhà văn trứ danh Lâm Ngữ Đường đã thốt lên nào nùng trong tác phẩm *Sống đẹp*.

Thử hỏi: Khoảng lặng sau công việc mỗi ngày, có thể nghỉ ngơi, chơi bời, vậy tại sao nhiều người không những không hứng thú mà còn thở dài, ngao ngán?

Tôi đoán rằng, do ngoài thời gian lao lực kiếm sống, hầu như họ không còn có thêm một đam mê nào khác. Mà đam mê ấy chính là thú vui tao nhã khiến họ “được” bận rộn như một cách thư giãn. “*Nghề chơi cũng lắm công phu*”, nhưng kỳ diệu thay, sự “*công phu*” ấy khiến họ cảm thấy dù bận rộn nhưng lại hào hứng, thích thú và cảm thấy thời gian trôi qua nhanh hơn.

Tùy theo sở thích, mỗi một người đều có quyền chọn cho mình một đam mê nào đó. Miễn không phiền lòng đến vợ/chồng, con cái và không đi ngược nếp sống chung của cộng đồng. Đam mê này giúp ta có thể tiếp cận với một thế giới khác, dù không “cao siêu”, tốn kém.

Anh bạn tôi, lúc rảnh rỗi thích lang thang trong các hiệu sách. Anh tâm tình: “Pétrarque - thi sĩ nước Ý nói rằng: *“Tôi có bằng hữu đủ hạng người và thuộc đủ các nước. Bạn không khi nào phiền nhiễu tôi, và một khi tôi hỏi han điều gì, vẫn có câu trả lời tức trực. Có bạn nhắc tôi những dĩ vãng êm đềm năm cũ, có bạn chỉ tôi những huyền diệu trong vũ trụ hiện thời. Có bạn dạy tôi sống cho phải đạo, có bạn dạy tôi chết cho phải cách. Trong những bước đời éo le bối rối, tôi đều có thể trông cậy vào bạn, người bạn quý ấy, chỉ cầu xin có một chỗ yên tĩnh, nhỏ gọn trong vương phòng thanh nhã của tôi là đủ”.*”

Những “người bạn” ấy đã giúp anh tìm thấy nhiều sự thông tuệ mới mẻ; rồi lúc tâm trạng không vui, anh “giết thời gian” bằng cách bao bọc bìa, dán lại gáy bị lỏng... như một cách đẩy sự phiền toái ra khỏi tâm trí.

Lại có người thích “chơi” tem. Từ hình ảnh trên tem, họ có thể mở mang thêm kiến thức về kiến trúc, động vật, di sản văn hóa, danh nhân... năm châu bốn biển. Có người thích nuôi cá, lúc mỗi mệt, ngồi lặng lẽ quan sát đàn cá tung tăng đủ sắc màu mà cảm thấy nhẹ lòng. Có người thích trồng cây, mỗi sáng thức dậy, mỗi chiều đi làm về đều không quên ghé mắt nhìn. Từ hạt giống nhỏ xíu, nay đã nhú lên mầm xanh, tự dưng trong lòng có sự chờ đợi với niềm vui nho nhỏ.

Tôi quen với vợ chồng người bạn nổi tiếng trong giới viết lách. Anh chị cưới nhau đã lâu nhưng không có con, bù lại, cả hai có chung sở thích sưu tập các bài báo theo từng chủ đề. Nhờ “đồng thanh tương ứng”, họ chung sống hạnh phúc. Lúc bè bạn tìm đến nhà, nhờ họ tra cứu giúp một vài tư liệu từ “công trình” đồ sộ đó, họ cảm thấy cuộc sống càng thêm ý nghĩa.

Tương tự, tôi còn quen đôi vợ chồng chính khách nọ, sinh hai gái, không có con trai. Ban đầu anh cũng muốn léng phéng “chân trong chân ngoài” nhằm “cải thiện” cho “có nếp có tẻ”, “có ngô có khoai” như người ta. Nhưng rồi anh nào dám vì biết sẽ phá hỏng hạnh phúc gìn giữ bấy lâu. Có người an ủi: “Anh tuổi Hợi, chi bằng anh sưu tập các con lợn, biết đâu con vật ngộ nghĩnh ấy giúp anh nguôi ngoai phần nào chăng?”. Anh làm theo. Không ngờ, lời khuyên đó khiến anh bận rộn hơn, không còn tốn thời gian lẩn tẩn như trước nữa. Với “gia tài” vài trăm chú ỉn đủ mọi chất liệu, kích cỡ khiến căn nhà anh như “bảo tàng” mi ni. Vợ con anh thích thú, nên thỉnh thoảng được khen ngợi là anh sung sướng phổng mũi.

Tôi nghĩ, với những thú vui này, do trải qua nhiều thời gian sưu tập, chăm sóc nên ta không sở hữu các vật dụng vô tri mà dành nhiều tình cảm, như đối xử với những người bạn... Có như thế, khi ngắm nhìn ta mới có thể

ngâm nga: *“Nhãn tiền nhất tiểu giai tri kỷ/ Tọa thượng toàn vô nại mục nhân”* (Trước mặt cười cười đều là bạn tri kỷ/ Bên cạnh không có người nào chướng mắt mình). Chọn lối thư giãn trong tâm thế đó, há chẳng phải dưỡng chất của tâm hồn đó sao?

Mỗi một ngày, ngoài thời gian phải toàn tâm toàn ý kiếm tiền lo gia đình, ai cũng có một khoảnh khắc hoàn toàn của riêng mình. Nhưng nếu không biết cách tận hưởng, ta lại cảm thấy nhàm chán vì đã bị “lập trình” một cách máy móc. Dòng chảy xiết khốc liệt của thế giới công nghiệp hiện đại đã khiến nhiều người không chịu đựng nổi sự tẻ nhạt nên đã có sự lựa chọn bi đát. Đó là điều có thật. *“Trên đời này chết là điều không mới/ Và tất nhiên, sống cũng chẳng mới hơn”*, với suy tư bi quan đó, thi sĩ Sergei Yesenin đã tự kết thúc số phận thế nào, ta đã rõ.

Vậy thì, “làm mới” lại nhịp điệu cuộc sống là điều cần thiết, tất nhiên có nhiều cách, tùy theo sự lựa chọn của mỗi người. Cho phép tôi chia sẻ thêm: Nếu biết tạo ra sự “bận rộn” qua một hai thú vui tao nhã nhằm tiêu khiển, thư giãn cũng là một xu hướng tích cực... cho “sức khỏe tâm hồn”.

# VUI TRONG HIỆN TẠI



**T**hời nhỏ còn đi học, chắc hẳn ai cũng biết đến cô Perét (Preette) bán sữa trong thơ ngụ ngôn La Fontaine. Ngày nọ khi đem sữa ra chợ bán, vừa đi cô vừa tính toán: sau khi bán sữa xong, đem tiền mua gà về nuôi. Gà ăn no chóng lớn. Gà đẻ trứng. Trứng nở ra con. Chẳng mấy chốc, cô có cả bầy gà. Bán bầy gà đó, mua lợn về vỗ béo. Rồi bán lợn mua bò. Ngày qua ngày bò đẻ ra bê. Nghĩ đến đó, cô tưởng tượng lúc: *“Chàng bê con lợn tợn nhảy nhót/ Giữa đàn bò sừng mắt ta xem/ Đến đây Perét hứng lên/ Nhảy rơn, hũ sữa lăn chiêng, đổ nhào”*.

Mọi tính toán từ trí tưởng tượng đến hiện thực, rõ ràng có một khoảng cách khá xa. Tuy nhiên, vẫn có người không tận hưởng những gì đang có thật trong tầm tay, lại mơ màng đến ảo ảnh xa vời. Cuộc đời mỗi người là một chuỗi ngày dài, giây phút nào quan trọng nhất? Xin thưa, chính là giây phút hiện tại. Bởi lẽ, chỉ trong nháy mắt hiện tại đã trở thành quá khứ. Câu nói trứ danh của nhà triết học cổ đại Héraclite: *“Không ai có thể tắm hai lần trên một dòng sông”* đã gợi mở, nhắc nhở về một dòng chảy liên tục, về vận động biến đổi liên tục của sự vật. Đã ý thức như thế, nhiều người luôn tự nhủ tích cực: *“Những gì làm được hôm nay, chớ để ngày mai”*.

Đến giờ, chị bạn tôi vẫn chưa quên được câu chuyện nhỏ giữa hai mẹ con. Trước lúc chị đi công tác xa, cô bé ôm cổ mẹ, hứa sẽ “bật mí” một tin vui với điều kiện phải được mẹ ẵm bồng một chút. Nhưng rồi, đang tối tắm mặt mũi phải chuẩn bị mọi thứ cho chuyến công tác nên chị không thể. Mãi đến khi xong việc, chị muốn ẵm bồng thì cháu đã ngủ. Sáng mai, do đi sớm nên chị chỉ có thể hôn con lúc nó đang còn ngái ngủ, rồi vội vã ra sân bay.

Sau khi đi công tác về, quên bém chuyện của con, chị lại lao theo công việc bận rộn mỗi ngày. Đến một ngày kia, chị hoảng hồn khi nhà trường báo tin con mình học sa sút hẳn. Gặng hỏi, con gái chị mới bảo: “Mẹ không nhớ à? Ngày đó, con được cô giáo chấm điểm 10, muốn khoe với mẹ nhưng mẹ đâu có thêm quan tâm”. Chị như bừng tỉnh. Nếu lúc ấy, chỉ cần nhín một ít thời gian lắng nghe con trẻ chia sẻ, bây giờ có thể mọi việc đã khác.

Chắc hẳn nhiều người đồng tình với quan niệm của nhà văn García



Márquez: “Không ai dám chắc chắn về ngày mai cả, dù trẻ hay già. Hôm nay có thể là lần cuối cùng bạn được nhìn thấy những người thân yêu; vì vậy, đừng chờ đợi, hãy làm vào hôm nay, kẻo lỡ ngày mai không tới. Tôi chắc chắn rằng bạn sẽ tiếc nếu bỏ phí cơ hội để trao cho ai đó một nụ cười, một cái ôm, một nụ hôn vào ngày hôm nay, chỉ bởi vì bạn quá bận rộn”. Có nhiều người sống trong dẫn vật bởi ngày mẹ còn sống, chỉ cần mỗi ngày con cái hỏi han đôi câu cho đỡ tủi thân thì nào có ai. Ai cũng bận rộn mưu sinh, hoặc chạy theo hư danh phù phiếm: “Ừ, mai mốt cũng chẳng sao. Mẹ mình còn sống sờ sờ đây mà, lo gì”. Đến lúc mẹ già mất, giật mình nhìn lại, mãi mãi không bao giờ còn cơ hội báo hiếu nữa.

Năm xưa, mỗi hè tôi đều được mẹ dẫn vào Quảng Ngãi thăm cậu. Những ngày ấy, tôi có lên chơi chùa Thiên Ấn. Quan sát các sư, các thầy, tôi nhận ra họ sống thông dong, nhẹ nhàng và luôn mỉm cười thân thiện, đôn hậu. Nhờ đâu họ có được tâm thế tự tại ấy? Sau khi hớp chén trà cúc, một lão sư bảo: “Con hãy sống hết mình, hãy tận hưởng những gì đã có trong giây phút hiện tại”. Câu nói ấy về sau, tôi mới thấu hiểu. Mới có thể nghĩ ra rằng, hành trình sống là đi trên con đường một chiều, không một ai, không một quyền lực nào có thể quay ngược lại. Mà cứ thế, cứ mỗi ngày lại dẫn thân về phía trước. Sao ta lại không biết quý, không tận hưởng giây phút đang có trong hiện tại?

Những ngày này, không khí cuối năm đã cận kề, chỉ cần nhắm mắt lại đã có thể tưởng tượng đến niềm vui: “*Mừng ngày Tết trên khắp quê tôi/ Ngàn hoa thơm khoe sắc xinh tươi*”. Hãy nhìn bông hoa kia, đến thời điểm khoe sắc thắm thì “tự nhiên như nhiên”, không lẫn tẩn gì khác. Chúng ta có được thế không? Chắc là được. Sự việc đang đến nghĩa là đang đi đấy thôi. Cứ đón nhận nhẹ nhàng như nó vốn có với tâm thế tự tại như hàng trăm năm trước thiền sư Mãn Giác đã dạy: “*Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết/ Đêm qua sân trước một nhành mai*”...

# NƠI CHỒNG LẠI TẠI ƯƠNG CỦA SỐ MỆNH



(Tặng An May)

Những năm nay, mẹ tôi đã bước qua tuổi 90, tất nhiên sức khỏe không thể như thời mười tám xuân xanh. Mắt đã lòa. Chân đã yếu. Tay đã run. Một ngày nọ, sau những giờ miệt mài làm việc, từ trên gác, tôi bước xuống nhà và đi vào nhà bếp. Trước mắt, đã thấy mâm cơm thơm tất như mọi ngày. Bỗng dừng nghe tiếng tập đánh vần nho nhỏ. Rõ ràng, từng mẫu tự ê a vọng lên nho nhỏ. Ở hay, nhà không có trẻ con, sao lại nghe có giọng tập đánh vần? Tò mò, tôi ghé mắt nhìn vào phòng ngủ của mẹ. Trời đất ơi, bà cụ đang khoan thai vắt chân chữ ngũ, tay cầm tờ giấy lớn, kẻ sát mắt và đọc từng từ, từng chữ. Tôi biết, đó là cái giấy in trang trọng mừng mẹ tôi thượng thọ do Hội đồng gia tộc kính chúc.

Hình ảnh này khiến tôi cảm động khôn xiết.

Mỗi một ngày, trong nhà vẫn còn có hình bóng của mẹ già, tự đứng trong lòng mỗi người cảm thấy yên tâm. Tự biết rằng, đây là chỗ dựa vững chãi, đáng tin cậy nhất. Ba tôi mất đã lâu, nhưng mỗi lần nhìn mẹ, tôi đã hình dung ra thời thơ ấu. Vâng, trong góc khuất tâm hồn mỗi người, có một hình ảnh mà lúc nhớ lại, bao giờ cũng gợi về cảm giác yên ấm nhất, tình cảm nhất. Đó là những tháng ngày, cả gia đình cùng quây quần bên mâm cơm. Có thể lúc ấy nhà mình còn nghèo, bữa cơm đạm bạc nhưng lúc nào cũng đầy ắp tiếng nói cười.

Thời buổi này, cuộc sống vội vã quá, mở mắt ra là công việc mỗi ngày bủa vây. Sống không kịp thở. Lấy đâu ra thời gian chợ búa, bếp núc? Thế nhưng vẫn có nhiều nhà duy trì được bữa ăn gia đình. Tại sao? Dù phụ nữ bao giờ cũng ý thức phẩm chất nữ tính “*Xem trong bếp, biết nết đàn bà*” nhưng câu trả lời không phải họ mà chính... đàn ông.

Khi cả vợ lẫn chồng cùng sử dụng quỹ thời gian như nhau, hà cớ gì lúc về nhà chỉ mỗi người vợ vào bếp? Đôi khi chúng ta phấn đấu cho sự bình đẳng giới với những mục tiêu lớn lao, nhưng lại quên đi công việc hằng ngày trong chính nhà mình. Vợ cùng chồng xắn tay áo lo bữa cơm nhà chắc chắn tình cảm sẽ gắn bó nhau hơn. Những món ăn tự tay mình nấu, bày biện cũng

đem lại cảm giác ưng ý nhất bởi có thể chưa ngon bằng nhà hàng nhưng chắc chắn an toàn thực phẩm, chi tiêu hợp lý.

Từng tự nhủ: “*Trời sinh ra bác Tản Đà/ Quê hương thời có cửa nhà thời không*”, nhưng trong thâm tâm con người kiêu bạt giang hồ ấy vẫn đau đáu về tháng ngày:

*Tan buổi học, mẹ ngồi tựa cửa  
Mắt xa trông, đưa đưa về dần  
Xa xa con đã tới gần  
Các con về đủ quây quần bữa ăn  
Cơm dưa muối khó khăn mới có  
Cơm không ngon nhà khó cũng ngon  
Khi vui câu chuyện thêm giòn  
Chồng chồng vợ vợ con con một nhà.*

Chỉ bữa ăn ở nhà, lúc ấy, các thành viên mới có thể mở lòng, chia sẻ tâm tình. Ngoài quán, lúc ăn xong, tính tiền rồi là hoàn toàn có quyền xô ghế đứng dậy. Nhưng ở nhà không thế, phải lấy tăm, rót nước và lễ phép mời cha mẹ như một cách bày tỏ kính đáo lòng biết ơn. Bữa cơm nhà còn là lúc thể hiện phong cách của mỗi nếp nhà. Các bài học khai tâm, dạy dỗ con cháu cũng bắt đầu từ đó.

Nói cách khác, đạo lý làm người của người Việt thể hiện rõ nét trong bữa cơm gia đình. Trước lúc ngồi vào bàn, con trẻ phải lễ phép mời người lớn trước, phải nhớ lời dặn dò cha mẹ đã dạy: “*Ăn trông nồi, ngồi trông hướng*”. Có hôm, do “*có cá khá cơm*” nên dù còn thòm thèm vẫn tự giác nhín lại, dành phần cho người ăn chậm. “*Chia ngọt sẻ bùi*” là vậy. Nhiều người còn nhớ như in, lúc bé, mỗi lần ăn cơm nếu làm rơi hạt nào, ông bà cũng đều bảo nhặt lên nếu không “mang tội”. Chẳng phải bài học đầu đời về tiết kiệm đó sao?

Có lẽ, bất hạnh nhất vẫn là những đứa trẻ mồ côi, không còn có được người thân yêu nhất cận kề trong mỗi bữa ăn. Cô bé bán diêm của nhà văn Andersen đã khiến hàng triệu trái tim thổn thức, rưng rưng nước mắt cũng bởi trước lúc lìa đời, nỗi nhớ da diết nhất của em vẫn là những bữa ăn tối mà lúc ấy còn có mẹ, có bà nội. Kỷ niệm êm đềm ấy sống mãi theo năm tháng và đậm sâu trong trí nhớ con trẻ.

Sau này dù có đi chân trời góc biển, được thưởng thức nhiều món ngon vật lạ trên đời nhưng rồi ta cảm thấy vẫn không ngon bằng món ăn mẹ nấu thuở thơ ấu, ngày sum vầy cả gia đình. Không chỉ đầy đủ dinh dưỡng mà: “*Những miếng ăn từ bàn tay mẹ nấu/ còn có cả tấm lòng/ cả gió rét mùa*

*đồng/ mẹ tất tả giật gấu vá vai kiếm từng xu ngoài chợ/ một đồng lãi gánh mười đồng nợ/ ăn măm mút dòi/ dè sền chặt chiu/ ngay cả lúc cơm sôi/ còn có cả giọt mồ hôi/ của mẹ”. Tình yêu thương, lòng hiếu thảo về cha mẹ cũng từ suy nghĩ ấy mà sống lại trong tâm trí. Và tự nó đã dạy cho mỗi chúng ta về lòng biết ơn mà có lúc ngược xuôi đường đời, tất bật kiếm sống ta đã vô tình quên đi song thân đã cưu mang từ tấm bé.*

Không phải ngẫu nhiên, ai ai cũng đồng tình rằng, khi bước chân vào căn nhà của chính mình, là lúc đó, tai ương, buồn phiền, giông tố, ganh ghét đã bị chặn ngay ngoài cửa. Sức mạnh nào vậy? Không chỉ được mẹ mình, vợ mình nấu cho món ăn thể hiện lòng yêu thương dành cho nhau, mà còn là lúc có thể thanh lọc được tâm hồn. Chỉ cần nhìn ánh mắt trù mẫn, quan tâm của chồng, người vợ đã tin cậy, biết mình không hề đơn độc. Nghe tiếng con trẻ tập nói bi bô, tiếng cười đùa trong trẻo, dù chán nản, bi quan đến cỡ nào, người cha cũng vững lòng đứng thẳng dậy. Và đứa trẻ thì sao? Một nhà hiền triết bảo: *“Đứa trẻ không chỉ cần ăn. Ai luôn gần nó để tập cho nó những tình cảm tốt đẹp, lòng hướng thiện? Người mẹ. Ai chỉ cho nó những nguy hiểm, cạm bẫy của cuộc đời, luyện cho nó sức mạnh của ý chí? Người cha”.*

Từng nghe kể rằng, có lũ quỷ xấu xa luôn tìm cách phá hoại hạnh phúc mọi gia đình nhưng chúng luôn thất bại. Tại sao? Chỉ vì các thành viên trong nhà luôn ý thức gắn kết thành một. Họ tâm đầu ý hợp và lúc nào cũng nghĩ tốt về nhau. Ai có lỗi, phải tự giác nhận lỗi trước. Ai làm việc tốt ắt được nhận lời khen. Khi người này đau khổ, các người khác chăm sóc. Khi người kia hạnh phúc, các người khác chung vui. Nói cách khác, chính nơi ấy, chỉ có nơi ấy trái tim người này mới đập nhịp trong lồng ngực người kia như một sự gắn bó máu thịt.

Do đó, không phải ngẫu nhiên nhà viết kịch lòng danh thời Hy Lạp cổ điển Euripides nhấn mạnh: *“Chỉ có nơi gia đình, người ta mới tìm được chốn nương thân để chống lại tai ương của số mệnh”.*

# DẠY CON

**K**hi nhà thơ Tế Hanh về huyện Nghi Xuân (Hà Tĩnh), gặp một bà cụ lam lũ, quê mùa, ông đã nhờ chỉ giúp ngôi nhà của Nguyễn Du. Bà cụ ngớ ra hỏi lại: “Nguyễn Du nào, tôi chẳng nhớ tên?”. Nhưng khi nhắc đó là người viết kiệt tác Truyện Kiều, bà cụ vội vã chỉ đường ngay và đọc liền mấy đoạn thơ Kiều, kể luôn vanh vách về cuộc đời thăng trầm của Kiều.

Nhà thơ Hoa niên những tưởng bà cụ phải là người học cao, có bằng cấp nên mới có thể “thấu thị” viên ngọc quý này đến mức thượng thừa đến vậy. Nhưng không, cụ gật gù cho biết mình mù chữ, thất học chỉ biết Kiều qua lời ru của mẹ. Và cứ thế, từ lời ru của mẹ, câu thơ Kiều được gìn giữ mãi mãi cùng sự trường tồn của non sông nước Việt. Những bà mẹ này đã sinh ra những anh hùng, những Trạng nguyên, Tiến sĩ và cũng thừa bản lĩnh để dạy con nên người.

Trong ngày đầu xuân, tôi trở về Quảng Nam để tiếp thu lại năng lượng sáng tạo từ những chân mây, cây đa bến cũ, cỏ dại đã cưu mang mình từ ngày thơ ấu. Tôi đã nghe người già trong làng kể lại một câu chuyện lạ lùng. Nghe xong bỗng nổi gai ốc. Chuyện này liên quan đến nhân vật lừng lẫy của lịch sử nước nhà: Tổng đốc Hoàng Diệu! Lúc ra làm quan, từ Hà Nội ông có gửi về tặng mẹ một vốc lụa như sự bày tỏ lòng biết ơn. Không ngờ, bà cụ gửi trả lại và kèm theo một nhánh dâu. Ông tự hiểu, nhánh dâu - tượng trưng ngọn roi, là mẹ cảnh cáo không được nhận quà cáp của dân. Làm quan đã có bổng lộc của nhà nước, đủ tiêu xài, tiền bạc có thừa thãi gì mua lụa là gấm vóc tặng mẹ? “Ý tại ngôn ngoại” là đây. Chao ôi! “Bài học làm quan” của bà mẹ nhẹ nhàng nhưng sâu sắc biết chừng nào.

Ai đó đã nói, phía sau sự thành công của người đàn ông luôn có bóng dáng của một người phụ nữ. Có thể là mẹ. Có thể là vợ. Nhưng thử hỏi, người vợ của quan chức có dính dáng gì đến chuyện... tham nhũng của chồng? Nếu câu hỏi này dành cho Tiến sĩ người Huế là Đặng Huy Trứ, hẳn ông trả lời rằng “có”. Ít ai biết, ông là người đầu tiên đưa nghề nhiếp ảnh vào Việt Nam, cũng là người trước nhất hệ thống lại các hình thức tham nhũng và đề ra biện pháp chống tham nhũng thời Nguyễn. Đọc tác phẩm Từ thụ yếu quy ra đời cách đây hàng trăm năm, ta thấy thiên hạ đã biết hối lộ bằng cách tiếp cận từ người vợ. Tại sao? Người đàn ông nào không tỏ ra “dễ dạy”, nhất là lúc đầu

ấp tay gối nòng nài với người phụ nữ mình dấu yêu? Thỏ thẻ, xin xỏ, nhỏ to tâm sự, giây phút ấy là đáng mà râu dễ xiêu lòng nhất...

Chuyện xưa không khác chuyện nay.

Chuyện rằng, có người cần chữ ký của quan chức nọ, không dám đưa thẳng, bèn đưa của đứt lót qua tay người vợ. Nhưng do đưa “héo” quá, bà ta ném trả vào mặt và gằn giọng, vừa “dẫn mặt” vừa “làm sang” cho chồng: “Làm cái giấy này cho anh chỉ mất có một ngày, anh nghĩ là quá đơn giản chứ gì? Nhưng phía sau đó là bao nhiêu năm lăn lộn quan trường, là bao nhiêu mối quan hệ dọc ngang trên dưới, anh có biết không?”. Đã biết ư? Thế thì khôn hồn “nôn” tiền thêm. Chả phải chuyện này do tôi nghĩ ra, mà nhà văn Nguyễn Đông Thức viết trong truyện ngắn có tựa Giấy, vẫn biết hư cấu, nhưng tất phải trên nền tảng của hiện thực. Khép lại trang sách, bỗng tôi băn khoăn ngẫm ngợi một cách đau đớn: người vợ ấy sẽ dạy con như thế nào?

Trở lại với Truyện Kiều, tôi ngờ rằng không phải nhà nghiên cứu Kiều nào cũng nghĩ đến cách dạy con từ cảm nhận “văn hóa đọc Kiều” như bà mẹ của thiền sư Thích Nhất Hạnh. Rằng, trong Kiều có câu: “*Phận sao phận bạc như vôi*”, khi đọc đến đó, mẹ của thầy ngừng lại, bảo phải đọc “*Phấn sao phấn bạc như vôi?*”. Ủa sao lại kỳ khôi đến thế? Ngày đây, ta hãy nghe một bà mẹ chưa hề có một ngày ngồi trên giảng đường đại học đã “thấu thị” đến mức lũ chúng ta có võ vẽ dăm ba chữ trong đầu phải giật mình thán phục: “Viết là “*phận*” nhưng nếu mình đọc “*Phận sao phận bạc như vôi*” thì mình cũng đang than thở như Kiều vậy. Mình sẽ vận nó trong người. Rất nguy hiểm. Thành ra phải đọc là “*phấn*” (để chứng tỏ mình là khác)”. Thiền sư Thích Nhất Hạnh cho biết: “Lúc đó, chị em tôi mới hiểu là trong văn hóa của mình có truyền thống tự bảo hộ như vậy. Không phải chỉ trong đạo Phật người ta mới cẩn thận tưới tẩm hạt giống, chính trong văn hóa Việt Nam cũng có truyền thống kiêng cử”.

Lại sức nhớ đến bà ngoại mù chữ của tôi, bà cũng có “*phương pháp sư phạm*” rất lạ, trong nhà không bao giờ bà cho lũ trẻ con nói đến những từ “*gớm ghiếc*”, “*ô trược*” như: đâm chém, giết, chết chóc... hoặc những từ dùng mặt sát nhau có thể làm người khác nổi giận. Chỉ sử dụng những lời lẽ ôn hòa, có phép tắc. Ấu cũng là một cách gieo vào đầu trẻ thơ sự hướng thiện đầy thôi. Mà bây giờ, cứ nhìn trẻ con của mình đi, suốt ngày chúng dán mắt vào máy tính, biết bao game bạo lực bắn giết, đạn tuôn xối xả, máu đỏ loang đầy, thử hỏi tại sao mầm bạo lực không “*đâm chồi nảy lộc*”?

Hỏi thế, bất chợt lại nhớ đến một câu Kiều: “*Cỗi nguồn cũng ở lòng người mà ra*”.

# NIỀM TIN TÂM LINH



**T**ại một sân ga tỉnh lẻ, ngày kia có người đàn ông giàu sang, đi xe hơi bạc tỷ nhưng gương mặt rầu rĩ như thời bao cấp bị “mất sổ gạo”. Chủ nhân bước xuống xe, tay cầm bó hoa tươi thắm, chậm rãi đi đến quầy bán vé. Sau câu chào hỏi, ông ta nhỏ nhẹ với cô nhân viên: “Thưa cô, tôi muốn tặng cô bó hoa đẹp này thay cho lời muốn nói”. Cô nhân viên từ chối: “Xin lỗi, ông có đùa không đấy? Tôi đã có chồng”.

Người đàn ông vẫn nhã nhặn: “Cô hiểu nhầm rồi. Sở dĩ thế vì tôi muốn cảm ơn cô”. “Cảm ơn tôi? Tại sao?”. Người đàn ông đáp: “Vâng, thuở còn khốn khó, mỗi lần đến mua vé, bao giờ tôi cũng đều được cô tặng nụ cười thân ái. Nhờ nụ cười ấy khiến tôi phấn chấn, tự tin hơn. Có lúc mệt mỏi, muốn buông xuôi nhưng nhớ lại nụ cười tươi tắn của cô, tôi lại nghĩ đến sự may mắn đang ở phía trước nên tiếp tục đi tiếp, nhờ vậy tôi mới được như ngày hôm nay. Tôi thắc mắc, không hiểu vì sao lúc nào cô cũng khả ái, vui tươi? Có bí quyết gì không?”.

Ngẫm nghĩ một lát, cô nhân viên mỉm cười: “Chẳng có bí quyết gì đâu ạ. Tôi chỉ nghĩ, “gieo nhân nào, gặt quả nấy”. Nói như thế, mơ hồ quá phải không, thưa ông? Có những điều chúng ta không nhìn thấy, không thể cầm trên tay cân, đo, đong, đếm cụ thể nhưng thật ra nó vẫn đang tồn tại miễn là có niềm tin”.

Niềm tin ấy là gì?

Xin được khái quát bằng cụm từ “niềm tin tâm linh”.

Niềm tin đó, chính tự lòng mình tâm niệm “có” nên tự giác tuân thủ. Ông bà ta dạy những điều không phải ai cũng dễ dàng nhận thấy sờ sờ ngay trước mắt: “Ở hiền gặp lành”, “Gieo gió gặt bão”, “Đời cha ăn mặn, đời con khát nước”, “Ác giả ác báo”...Biết bao giờ điều đó mới xảy ra? Mà có thật sự xảy ra hay chỉ là một cách nói văn vẻ?

Với câu hỏi đó, tôi ngẫm nghĩ lại và nhận ra, không chỉ phần số một đời người mà hành trình cả dân tộc còn có cả sự phù trợ của các đấng khuất mày khuất mặt. Nếu tin có sự trợ giúp ấy thì đừng khiếp sợ nghịch cảnh, đừng thấy “sóng cả mà ngã tay chèo”. Đọc sử, tôi thích chi tiết: Sau chiến thắng

giặc Nguyên Mông, ngày 18.4.1288 vua Trần Nhân Tông trở về Chiêu Lăng làm lễ báo tin thắng trận tại lăng vua cha Trần Thái Tông. Lúc làm lễ, nhìn thấy chân ngựa đứng chầu quanh lăng đều lấm bùn, nhà vua cho là thần linh hóa thân vào ngựa đá ngầm giúp. Do đó, vua Trần xúc động ứng khẩu hai câu thơ hào sảng mà cũng rất tâm linh:

*Xã tắc hai phen chôn ngựa đá,  
Non sông nghìn thuở vững âu vàng*

Không phải là nhà nghiên cứu sử, nhưng tôi dám quả quyết rằng, trong hơn bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước, nếu thâu gọn lịch sử nước nhà trong một chữ, chỉ có thể là chữ “đánh”. Trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, cụ Đồ Chiểu viết một câu thần sầu quý khốc. Đọc nổi da gà: “*Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh, muôn kiếp nguyện được trả thù kia*”. Rõ ràng âm dương không cách biệt. Có đời sau, có kiếp trước. Có người âm phù hộ, phán xét, trừng phạt hoặc ngầm giúp người dương. Sự vong như sự tồn nên khi làm việc mờ ám, dù không ai biết nhưng đừng quên còn có trời đất chứng kiến.

Đọc *Cổ học tinh hoa*, nhiều người còn nhớ mẩu chuyện này: Dương Chấn được bổ đi làm Thái thú quận Đông Lai. Lúc đi phò nhậm, qua đất Xương ấp, quan huyện ở đấy là Vương Mật, trước nhờ ông mà được đề bạt, vào yết kiến. Rồi đợi đêm khuya lại đem vàng đến lễ. Dương Chấn bảo: “Trước tôi biết ông là người khá, mới cử ông lên, thế mà ông vẫn chưa biết bụng tôi, còn đem vàng đến cho tôi ư!”. Vương Mật cố nài thưa rằng: “Xin ngài cứ nhận cho. Bây giờ đêm khuya không ai biết”. Dương Chấn trả lời: “Trời biết, đất biết, ông biết, tôi biết, sao lại bảo là không ai biết?”. Vương Mật nghe nói xấu hổ lui ra”.

Nói cách khác, lòng tin “trời biết, đất biết” chính là “rào cản” về mặt tâm linh, dù vô hình nhưng con người ta phải biết sợ hãi để tự sửa mình, tự răn mình. Có phải “rào cản” ấy, ngày càng nhạt đi chẳng? Nếu không, ta sẽ lý giải thế nào về quá nhiều chuyện trái khoáy. Vì sao nhiều người không sợ lương tâm cắn rứt? Không ít kẻ nhắm mắt chằm bằm thu về cái lợi, cái danh bằng mọi cách, kể cả “hy sinh đời bố củng cố đời con”? Do không sợ pháp luật hiện hành nên họ dám làm càn, làm ẩu nhưng nếu sống với tâm linh “*có vay có trả*” ắt họ sẽ phải chùn tay.

Niềm tin tâm linh là tin vào chính mình, chứ không phải nhắm mắt làm càn rồi sau đó, vì sợ hãi, vì ăn năn nên cầu trời khấn Phật, quỳ lạy thần linh, thổ địa... Không những thế còn “lấy lòng” các đấng khuất mày khuất mặt bằng cách đốt giấy vàng mã.



Tục lệ kỳ quái này do đâu mà có?

Theo Thượng tọa Thích Trực Giáo, nó xuất phát từ Trung Quốc: “Khi nhà vua băng hà, triều đình đã bỏ thật nhiều vàng bạc vào trong áo quan để vua tiêu dùng. Sau, các quan bắt chước theo và từ đó lan nhanh đến dân chúng. Đây cũng chính là nguyên nhân đánh động lòng tham của bọn bất lương, như mộ vua Hán Văn Đế bị khai quật. Đến năm Khai Nguyên thứ 26 (năm 738) đời Đường Huyền Tông ra sắc dụ cho phép dùng tiền vàng giả để thay thế. Không bao lâu sau, dân chúng chán bỏ vì thấy việc đốt vàng mã không hiệu nghiệm nên không đốt nữa. Không muốn thấy nghề gia truyền của ông cha mình bị mai một, do đó, Vương Luân là con cháu của Vương Dư bèn lập mưu với người bạn thân, lên kế hoạch giả bộ chết, sau đó khâm liệm bỏ vào quan tài chờ ngày đem chôn. Đến ngày đưa đám, Vương Luân đem giấy tiền vàng mã và những đồ dùng bằng giấy như nhà cửa, quần áo, hình nhân thế mạng, đích thân cúng tế, sau khi đốt xong thì tự nhiên quan tài rung động, ai nấy đều mục kích rõ ràng, cùng nhau mở nắp quan tài ra, rõ ràng người chết sống lại và kể rằng, chư thần dưới âm phủ nhận vàng mã và hình nhân thế mạng nên mới thả hồn ông về dương thế. Tin đó lan truyền đi rất nhanh và cũng từ đó, giấy tiền vàng mã lại thịnh như xưa”.

Khi văn hóa, phong tục tập quán Trung Quốc du nhập vào Việt Nam, tất nhiên có cả hình thức “tiền người âm” như trên. Từ thông tin này, ta thấy đây không phải là “sáng kiến” của người Việt. Lập luận này còn được bổ sung bởi ý kiến của Giáo sư Thượng Minh Thanh. Bằng những chứng cứ văn bản học, ông cho biết, tuy chưa xác định tập tục này vào nước ta từ lúc nào nhưng qua áng văn *Thập giới cô hồn quốc ngữ văn* thời vua Lê Thánh Tông (thế kỷ XV), trong đó không hề lưu lại dấu vết của tục đốt vàng mã, chỉ có “thí thực” đầy tính nhân đạo là bố thí thức ăn cho người sống thiếu đói. Nhưng đến thế kỷ XVIII, trong *Vũ trung tùy bút*, Phạm Đình Hổ cho biết bấy giờ đã có “đốt vàng mã là để giúp người chết tiêu dùng”; *Văn tế thập loại chúng sinh* của Nguyễn Du có nhắc đến:

*Đàn chẩn tế vâng lời Phật giáo  
Của có chi, bát cháo, nén nhang  
Gọi là manh áo, thoi vàng  
Giúp cho làm của ăn đàn tăng thiên  
Truyện Kiều cũng có câu:  
Ngõ ngang gò đồng kéo lên  
Thoi vàng vó rắc, tro tiền giấy bay...*

Lâu nay trong tâm thức dân gian vẫn cho đây là nghi tiết của Phật giáo,

nhưng thật ra không phải, Giáo sư Thượng Minh Thanh cho biết trong *Thiền uyển tập anh* - một tác phẩm cổ về Phật giáo Việt Nam, được biên soạn từ đời Lý “không có dấu vết của tập tục này”. Nhiều người tán thành ý kiến của Thượng tọa Thích Trúc Giáo: “Thay vì bỏ tiền ra mua giấy vàng mã, tại sao chúng ta không lấy tiền đó dùng vào những việc khác có lợi ích hơn như bố thí, cứu giúp những người cơ nhỡ, người già neo đơn... đem những việc mang tính từ thiện này, hồi hướng về cho người mất thì lợi lạc biết bao, đây gọi là chánh lý “Âm Dương lưỡng lợi” đúng với quan điểm từ bi và trí tuệ của đạo Phật”.

Niềm tin tâm linh là tin vào chính mình.

Dù không hề thấy cảnh Thiên đàng, cõi Niết bàn cụ thể ra làm sao nhưng nhiều người vẫn tin nếu sống tốt thì sẽ được lên nơi ấy. Do tin nên còn đó những người biết sống cho cộng đồng, san sẻ bất hạnh của người khác. Nhìn hình ảnh lộc nhú đầu cành, ai cũng nghĩ đến sự may mắn, an lành đang nảy nở từng ngày. Nhìn trong nắng xanh vẫn còn thấy người đi lễ, làm từ thiện... tự đứng trong lòng rộn ràng niềm vui mới. Khi niềm tin tâm linh còn tồn tại, tự mỗi con người sống sẽ biết cách ứng xử thế nào cho “phải đạo”. Không là sự ràng buộc của văn bản pháp lý nhưng chính nó lại có một sức mạnh vô biên. Sức mạnh ấy chính là ý thức vun đắp mầm thiện đơm hoa kết trái theo từng ngày. Và vun đắp ngay trong hành động tự giác của chính mình, chứ nào phải đâu xa.

# TRONG GẶP GỠ ĐÃ CÓ MÀM LY BIỆT



Đã giẫm hai chân trên trái đất, dù khác màu da, dù tồn tại ở chân trời góc biển nào, trong tình cảm con người cũng đều có những điểm giống nhau. Một trong những nỗi khổ tâm là phải sống xa người mình yêu. Phải gạt lệ tiễn người đi trong cách biệt ngàn trùng. Đọc *Quốc văn giáo khoa thư* thấm thía với câu: “*Ôi! Cái cảnh biệt ly sao buồn vậy?*”. Buồn quá đi chứ? Con xa mẹ, vợ xa chồng, anh xa em, người tình xa người tình... Chỉ cần nghĩ đến đó, lòng đã quặn thắt rồi sụt sùi giọt lệ sâu, giọt lệ thảm.

Vâng, có buồn mới nhớ, có thương mới mong.

Nhớ mong ngong ngóng từng ngày, tự trong lòng réo rắt các cung bậc tình cảm. Ngày xưa, lúc người yêu ra chốn sa trường, người chinh phụ búi ngùi nhìn theo vó ngựa khuất dần sau ngàn dâu, thốt lên: “*Ngàn dâu xanh ngắt một màu/ Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*”. Khó có thể cân đong, đo đếm cụ thể lòng thương nỗi nhớ giữa người đi kẻ ở. Trên đời này, có một ai thoát ra ngoài tình huống đó không? Tôi dám quả quyết rằng không. Do đó, không phải ngẫu nhiên thi sĩ Xuân Diệu khái quát: “*Hoa nở để mà tàn/ Trăng tròn để mà khuyết/ Bèo hợp để chia tan/ Người gần để ly biệt*”.

Nói cách khác “*Trong gặp gỡ đã có mầm ly biệt*”, đã là một quy luật tự nhiên, cho dù đã thề nguyện ăn đời ở kiếp nhưng biết đâu sẽ có lúc chia tay tạm thời; hoặc vĩnh viễn xa nhau. Vậy, phép ứng xử khôn ngoan mà cũng bản lĩnh nhất, phải là sự chấp nhận chẳng? Chắc hẳn nhiều người đồng tình với suy nghĩ này.

Anh bạn tôi là một doanh nhân thành đạt, anh thường xuyên đi công tác xa nhà, có lúc đi cả nửa tháng là chuyện thường tình. Khoảng thời gian ấy, tình cảm vợ chồng nhợt nhạt dần? Anh cười khà khà: “*Mặn nồng hơn rất nhiều*”. Tại sao vậy? Sự tương tác mỗi ngày của họ nhiều hơn qua điện thoại, online, gửi email... Thật lạ, những ngày gần nhau mọi trao đổi hầu hết chỉ đơn thuần thông tin, nhưng nay lại có cả sắc thái tình cảm mùi mẫn hơn. “*Gìn vàng giữ ngọc cho hay/ Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời*”. Người ở nhà, người đi xa cũng đều tự ý thức phải nỗ lực nhiều hơn. Khi xa cách, nhớ lại những kỷ niệm êm đềm, lúc ấy không chỉ kỷ niệm mà còn là chất men

dậy sóng trong tình cảm. Người ở nhà, sự thương nhớ mong ngóng cũng nhiều hơn, chờ đợi từng ngày...

Để rồi lúc gặp lại, họ cảm thấy từ trong lòng đã dội lên, đã vọng về những cảm xúc mới mẻ hơn, tươi trẻ hơn. Do đó, khi xa nhau tạm thời hoặc vĩnh viễn cũng chẳng nên buồn rầu, bi quan, bi lụy mà hãy nhìn theo một chiều hướng tích cực.

Anh bạn tôi là bác sĩ ở một bệnh viện lớn kể lại, có lần sau ca cấp cứu nọ, anh đã khuyên cô gái tự tử vì tình: “Mạng người là quý, trước khi quyết định việc gì em hãy dành thời gian suy nghĩ chín chắn. Mà em hãy tin rằng, mọi việc sẽ thay đổi. Lúc này, người đó là tất cả; nhưng biết đâu về sau cũng chẳng là “cái đỉnh rỉ” gì. Đừng bi quan”. Dăm năm sau, anh nhận được thiệp của ai đó mời đến nhà riêng dự tiệc mừng năm mới. Không rõ người mời là ai, đã quen biết thế nào? Dù ngần ngừ, phân vân rồi cũng đi dự bởi công việc của anh có nhiều mối quan hệ, biết đâu chính anh đã quên?

Khi đến một biệt thự sang trọng, anh nhận ra chủ nhân là người mà anh đã chữa trị. Đến gần anh, sau khi bày tỏ lòng biết ơn, cô dẫn con đến chào rồi nhẹ nhàng: “Thưa, ngày ấy, bác sĩ nói đúng. Nhờ lời khuyên đó, em đã vượt qua cú sốc trầm trọng nên mới có được ngày hôm nay”.

Ai đó đã nói, cánh cửa này khép lại, sẽ có một cách cửa khác mở ra.

Điều này hoàn toàn đúng.

Nỗi khổ nhất của con người, theo tôi, vẫn là những lúc không thoát khỏi ám ảnh của phiền não đã xảy ra trong quá khứ. Đôi khi cũng phải biết quên đi. Và chấp nhận lấy sự thật đang hiển hiện trong giây phút hiện tại, bởi dẫu có chìm đắm vào đó cũng không thể tìm lại được những gì đã xa, những gì đã mất. Đã có người khi bị người yêu “đá giò lái”, thất tình rồi đại tự hủy hoại thân xác; có kẻ điên cuồng, không làm chủ được bản thân đã sát hại người mà mình đã từng yêu dấu...

Việc làm tồi tệ ấy, có ích gì?

Nói thì hay lắm, thú thật, trước kia tôi cũng đã có thời gian không thoát ra cái vòng lẩn quẩn đó. Nhưng rồi, nhờ đọc mẩu chuyện này, tôi đã thay đổi suy nghĩ: Ngày nọ, có một kẻ chán đời đến tột cùng, có thể do vợ bỏ; hoặc tình nhân vừa đi lấy chồng; hoặc vừa mất con... Anh ta đứng trên cầu nhìn xuống dòng nước đang chảy xiết, và quyết định lao xuống bởi không thể chịu đựng nổi nỗi đau giằng xé từng phút giây.

Bỗng dưng, ngay lúc đó, có bà lão ăn xin khốn khổ bước đến bên cạnh, chìa tay xin giúp đỡ. Không một chút chần chừ, anh ta đưa luôn cái ví dày cộm: “Cụ hãy giữ lấy, cháu sắp về thế giới bên kia nên không cần đến số tiền

lớn này nữa”. Bà cụ lắc đầu: “Cám ơn cháu. Dù nghèo đói, không chốn nương thân, phải ăn xin nhưng lão không muốn nhận lấy sự bố thí của một kẻ hèn nhát”.

Nhìn bà cụ bỏ đi, anh chàng chán đời như bưng tỉnh.

Sự bưng tỉnh này, có thể là lúc người ta đã nhìn ra quy luật tự nhiên trong đời sống. Do không thể cưỡng lại được một khi đối mặt, cách tốt nhất hãy chấp nhận. Kể từ đó, có suy nghĩ, nhận thức khác phù hợp hơn với những gì đang diễn ra. Nếu đã biết: *“Trong gặp gỡ đã có mầm ly biệt”* thì sự việc đã xảy ra cũng là lẽ tất yếu. Thái độ tích cực đó, giúp ta thoát khỏi ám ảnh của “bóng ma” quá khứ để mạnh dạn lật sang một trang mới. Và bắt đầu, bước tới.

Kìa, *“năng xuân về trên muôn hoa, năng xuân về tươi thắm mọi nhà”*, sao ai đó lại còn chần chừ?

# TẬP QUÊN



Còn có sự thất vọng nào khủng khiếp hơn, nếu vào phút chót của sự mỏi mòn chờ đợi, con người ta phải đối đầu với một sự thật mà họ không hề dám nghĩ đến? “*Thửa đợi chờ, ôi thời gian rét lạnh*” (Huy Cận). Trong đời, ai lại không từng sống trong cảm giác ấy? Lo lắng. Bồn chồn. Rạo rức. Có lẽ, chỉ khi đợi chờ tình nhân bước đến, lúc ấy, trong trái tim mới nghe được nhịp gõ hân hoan từng phút, từng giây; và thậm chí còn chờ mong giây phút ấy trôi qua thật chậm. Thật chậm chạp có thể gặm nhấm cảm giác sung sướng, hồi hộp ấy như chàng thi sĩ Hồ Dzếnh thốt lên nhẹ nhàng: “*Tôi khẽ nói: Gớm, sao mà nhớ thế?*”.

Nỗi nhớ cũng làm thăng hoa đời sống.

Còn người đi xa, thông thường, lúc quy cố hương, cảm giác của họ là mong thời gian trôi thật nhanh để mau chóng được gặp lại tình cảm ấm áp nhất. Trong lúc đó, người ở nhà cũng mong ngóng, trông chờ và trong đầu đã hiện lên biết bao hình ảnh, bao câu nói thương yêu dành cho họ. Nếu người ấy lại không về? Chỉ thoáng nghĩ đến điều hắc ám ấy lập tức từ trong lồng ngực đã nhói đau, tưởng chừng nghẹt thở.

Trong thế giới phẳng có những nỗi lo âu của sự chờ đợi, tưởng rằng của ai khác nhưng tự sâu thẳm tâm hồn mình cũng như đang sống với cảm giác ấy. Còn nhớ trước đây, cả thế giới quan tâm, lo lắng đến số phận của những con người trên chuyến bay MH 370 của Hãng hàng không Malaysia Airlines. Cả thế giới thấp thỏm, bàn tán, ngong ngóng thông tin trên các phương tiện truyền thông. Một phần, do chưa ai có thể trả lời câu hỏi tò mò, tại sao lại có thể xảy ra cố sự đáng buồn đó; nhưng cái chính vẫn là từ tấm lòng nhân văn khi nghĩ đến số phận của hàng trăm con người đang rơi vào cõi vô định, không còn có cơ hội sống sót. Thân nhân của họ đã sống trong cảm giác âu lo tột cùng, họ luôn nguyện cầu một phép lạ thần kỳ có thể đưa người thân quay trở về, chứ không dám nghĩ, dù chỉ trong thoáng chốc một điều tệ hại nhất có thể đã xảy ra.

Có lẽ điều đớn đau, trông ngóng tột cùng nhất trên đời vẫn là lúc người mẹ canh khuya thao thức đợi chờ con, vợ chồng đợi nhau, con chờ bố mẹ.

Đường bay đang bất trắc, sao giờ này người của mình chưa về, có thể gặp tai nạn gì trên con đường tăm tối kia chẳng? Và làm sao có thể chống chọi lại tai ương đè ập xuống đầu? Chỉ nghĩ đến đó, tiếng thở dài đã sườn sượt một nỗi niềm bi thảm.

Khủng khiếp nhất của sự chờ đợi là lúc giây phút phải đón nhận thông tin xấu nhất, thông tin mà trong đầu họ dù có thoáng nghĩ đến cũng cố gắng xua đuổi, không dám nghĩ có thật trong đời. Vậy mà, điều đó đã đến. Không bàn cãi, không tranh luận nhằm trả lời câu hỏi tại sao, họ nuốt ngược nước mắt vào lòng; hoặc trào ngược ra khỏi mí để gào lên những tiếng kêu thương và chấp nhận điều bi thảm nhất đã xảy ra. Cả một bầu trời tăm tối đã ập xuống ngay trước mắt. Cảm giác mất mát của bất cứ ai cũng buồn thảm, cũng nặng như đá tảng đè nặng trong tâm trí lẫn thể xác, tưởng chừng như không thể gượng dậy nổi.

Nhà văn Tô Hoài có truyện ngắn *Ông giăng không biết nói*, đại khái anh chàng kia hay tin người yêu đi lấy chồng, lúc tuyệt vọng đã đến bên cái giếng làng: *“Lúc ấy hai tay gã đã vừa với tới nước và lưng gã đã tuột xuống khỏi thành đá, mà hai bàn chân không thể là hai cái móc nữa. Thế là gã lặn xuống giếng sâu. Một bàn chân hất rơi theo cả một tảng đá. Hai tiếng, người và đá rơi tùm vào nước, giống như nhau. Róc rách một cái. Rồi im. Cánh đồng mông mênh ánh trăng”*. Nếu lúc ấy, chàng trai làm chủ được mình thì đã không kết thúc cuộc đời một cách lãng xẹt. Cái chết ấy vô nghĩa, vì cô gái vẫn lên xe hoa như thường. Nếu lúc ấy, chàng trai nghiêng rằng: *“Thôi thế từ đây anh cố đành quên rằng có người/ Cầm bằng như không biết mà thôi/ Lá thu còn lại đôi ba cánh/ Đành lòng cho nước cuốn hoa trôi”* ắt sẽ có sự lựa chọn khác. Lúc ấy, những lời động viên, an ủi, chia sẻ của người xung quanh cần thiết vô cùng, cũng tựa như hớp nước trong lành cho kẻ chết khát trên sa mạc.

Thế rồi, nghĩ cho cùng, từ suối nguồn sẻ chia ấy, tự mỗi người phải đứng dậy, biết chấp nhận và gượng dậy bước tới. Biết chấp nhận điều bi thảm nhất đang gánh chịu cũng là một bản lĩnh, một thái độ sống. Không ai có thể sống nổi nếu cứ triền miên trong nỗi đớn đau ấy. Phải biết quên. Người thân của mình đã mất, đã không về thì liệu sự thương tiếc có thể cứu rỗi được không? Do không thể cứu rỗi nên phải biết chấp nhận và bắt đầu một hành trình mới.

Nhà văn Cổ Long (1937 - 1985) tác giả nổi tiếng nhất của trường phái Kiếm hiệp tân phái đã viết hàng triệu con chữ, đã “ra tay” cho hàng ngàn nhân vật phải chết trong cuộc giang hồ “gió tanh mưa máu” mà cuối cùng

ông tự nhủ: “Bất kể buồn bã đau xót sâu xa tới đâu, ngày dài tháng rộng sẽ làm phai đi, làm quên đi. Quên lãng vốn là bản năng mà nhân loại nhờ vào đó để sinh tồn”. Vâng, tin như thế không phải lạc quan tếu mà chính là liều thuốc thần kỳ nhất thúc giục, nâng đỡ những số phận bất hạnh tiếp tục cuộc sinh tồn. Rồi một trang đời lại mở ra. Ý nghĩa của cuộc sinh tồn chính là ở chỗ hướng tâm trí này, cõi lòng này về phía ngày mai.

Ngày mai còn biết bao nhiêu điều mới lạ, kỳ diệu đang chờ đón.



# TẬP THỞ



uái lạ, có những điều hết sức cần thiết cho sự sống nhưng chẳng ai thềm quan tâm đến; thậm chí, không ít lần người ta quên đi sự tồn tại của nó.

Một trong những điều lớn lao ấy chính là hơi thở. Ai đã có một lần kẹt trong thang máy? Lúc ấy, mới cảm nhận trọn vẹn nỗi khủng khiếp của thần chết đang nhích đến dần. Đến dần từng tích tắc. Chỉ tích tắc nữa thôi, lưỡi hái thần chết sẽ gặt lấy linh hồn. Không khí đang cạn dần. Không gian đông đặc lại. Và tự nhiên như bản năng, ta há hốc mồm ra thở. Nhưng rồi cũng không thể. Cánh cửa sắt chỉ là vật vô tri không hề chia sẻ âu lo tột cùng ấy. Vẫn đóng kín mít. Không một ngọn gió nào có thể xuyên qua cánh cửa. Thềm được thở như thế đang rơi xuống hun hút vực sâu mà không thể bầu vịu vào được sự cứu rỗi nào.

Khoảnh khắc ấy ghê rợn biết bao.

Vậy mà lúc đang khỏe, đang vui vẻ, chẳng mấy ai thềm quan tâm đến hơi thở. Trong nhịp sống náo nhiệt, ồn ào, vội vã hầu như chẳng mấy ai có dịp tĩnh tâm đặt câu hỏi: “Lâu nay mình đã thở như thế nào?”. Thoạt nghe, ắt nhiều người đã cười ồ lên. Cũng đúng thôi. Ai cũng nghĩ đơn giản, còn sống là còn thở, vậy hà cớ gì phải bận tâm?

Thật ra, lâu nay chúng ta đã quên thở. Quên còn có nghĩa là thở không đúng cách. Hình ảnh của người bận rộn dễ nhận ra trong đời sống công nghiệp hiện đại vẫn là lúc: kê vai áp điện thoại vào tai, tay kia hý hoáy ghi chép, tay này rê “con chuột”, mắt dán vào màn hình, thỉnh thoảng há mồm ra trao đổi đôi câu. Toàn tâm toàn ý giải quyết công việc sao cho nhanh chóng nhất. Lúc ấy, người ta có thở không? Tất nhiên có, có điều hơi thở ấy không tự nhiên, có thể là trạng thái “thở không kịp ngáp”; “thở dồn dập”, hoặc “nín thở” tùy theo áp lực công việc.

Dù không được nghe các bác sĩ tư vấn nhưng chắc chắn ai cũng biết hơi thở có tầm quan trọng như thế nào đối với sự sống. Có những người dù sức khỏe không tốt nhưng rồi, do biết cách làm chủ hơi thở theo đúng phương pháp nên đã sống thọ. Nói như thế, không phải cho vui mà có “nhân chứng

vật chứng”, cụ thể trường hợp bác sĩ Nguyễn Khắc Viện.

Năm 1942, làm việc ở một bệnh viện gần ngoại ô Paris, ông bị bệnh lao. Hồi đó chưa có thuốc chữa như hiện nay nên ông phải lên bàn mổ bảy lần, cắt hẳn lá phổi bên phải, 1/3 lá phổi bên trái và tám xương sườn. Vì sức yếu, mỗi lần chỉ cắt hai cái, đợi hai tháng sau mổ ra cắt tiếp hai cái khác, nhiều lần tưởng nguy hiểm đến tính mạng. Sau này, ông cho biết: “Trong những năm nằm viện, tôi đã có dịp đọc rất nhiều sách, trong đó có sách triết học của Trung Quốc và Ấn Độ. Là người bị giảm nghiêm trọng về sức thở, tôi đặc biệt chú ý đến phần Yoga - Trung Quốc gọi là khí công, trong đó yếu tố rất quan trọng là biết thở cho đúng phương pháp. Tôi đã tìm ra con đường sống cho mình từ đây”.

Phương pháp tập thở của ông gói gọn trong mấy câu về nôm na, dễ nhớ: *“Thót bụng thở ra/ Phình bụng thở vào/ Hai vai bất động/ Chân tay thả lỏng/ Êm, chậm, sâu, đều/ Bình thường qua mũi/ Khi gấp qua mồm/ Đứng ngồi hay nằm/ Ở đâu cũng được/ Lúc nào cũng được”*. Rõ ràng, phương pháp thở đúng quy cách rất đơn giản mà hiệu quả cho sức khỏe nhưng rồi chúng ta có thực hành?

Trong đời sống lúc va chạm nảy lửa, có người kiềm chế được sóng gió để cặp bên trời yên biển lặng; có kẻ mất tự chủ nên đối mặt cuồng phong bão táp để cuối cùng rơi vào vòng lao lý. Làm sao có thể tránh khỏi sự đáng tiếc “chết người” ấy? Kinh nghiệm của không ít người cho biết, những lúc gay cấn ấy hãy làm chủ việc điều khiển hơi thở của mình. Sự tĩnh tâm, lắng nghe hơi thở sẽ giúp cho ta dần dần lấy lại bình tâm, sự tỉnh táo để có thể giải quyết vấn đề một cách khôn khéo nhất.

Tôi còn nhớ, thời nhỏ đi học, lũ “nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò” thường có những cuộc cãi như mổ bò rồi xông vào ẩu đả chẳng ai nhường ai. Thầy giáo bắt chúng tôi ngồi yên trên ghế, đưa cho mỗi đứa một ly nước lạnh và chỉ được uống hết trong vòng mười, mười lăm phút. Lạ thay, lúc uống từng ngụm một, ngồi thở nhẹ nhàng chẳng mấy chốc sự bức tức, ganh ghét đã trốn đâu mất biệt.

Kinh nghiệm này, đâu chỉ dành cho trẻ con. Ngay cả người lớn cũng cần đó chứ. Anh bạn tôi được tiếng khen là gia đình hạnh phúc, anh cười khì khì bảo: “Sống chung với nhau, vợ chồng cãi cọ là lẽ thường tình. Có điều lúc giận quá, muốn nói điều gì thì trước hết hãy tập thở như cách bác sĩ Nguyễn Khắc Viện hướng dẫn”. Và cũng kỳ diệu thay, bản thân tôi có lần thực hiện đã thấy mình trở về với một trạng thái khác, nhờ đó, cách ăn nói cũng khác hẳn hạn chế sự bất hòa đang có nguy cơ sắp... chạm ngòi nổ!

Vậy đó. Ai cũng thở mỗi ngày, thở từng phút, thở từng giây. Nhưng mấy ai tự ý thức phải làm chủ hơi thở của mình?

# TẬP CƯỜI



*Thoát sinh ra thì đã khóc chớ,  
Trần có vui sao chẳng cười khi?*

**N**guyễn Công Trứ - ông thi sĩ “chịu chơi” nhất trong các bậc túc Nho cuối thế kỷ XVIII – giữa thế kỷ XIX đã nói đúng quá. Cứ nghĩ lại mà xem, lúc nhàn rồi ngồi bấm đốt ngón tay nhẩm lại năm tháng đã đi qua, hầu như ai cũng cảm thấy buồn nhiều hơn vui. Những cay đắng, những âu lo, những nghi ngại hằn vết sâu trong tâm tưởng nhiều hơn niềm vui, tiếng cười. Nghĩ xong, tặc lưỡi náo nùng với câu nói xưa như trái đất: “Đời là bể khổ”!

Đôi khi, cứ tưởng rằng để trưởng thành, con người ta chỉ cần “*học ăn, học nói, học gói, học mở...*” là đủ. Nhưng than ôi, không hẳn thế, còn phải tập cười nữa. Nói gì nghe lạ quá, bởi cười là một thuộc tính của con người. Chỉ con người mới biết cười. Vui, dễ cười; buồn, khó cười là lẽ tự nhiên của tâm sinh lý, hà cớ gì phải tập cười? Nói thế có đúng không? Vâng, không sai chút tẹo tèo nào.

Tuy nhiên, tập cười không phải mỗi ngày đứng trước gương như thí sinh sắp dự thi hoa hậu toàn cầu phải tập nhoén nụ cười thật mê ly, đắm đuối. Lúc ấy, cười lên, nhếch mép lên cười, nhìn rõ vào trong gương và tự điều chỉnh, đại khái, nụ cười chưa đẹp lắm, chưa tươi lắm mà dường như hơi có nếp nhăn khóe miệng, dường như ánh mắt chưa long lanh như nàng công chúa ngủ trong rừng... Tóm lại, nụ cười ấy chưa “hồn nhiên như cô tiên”, cần phải “chỉnh sửa” lại hoặc phải tập qua kiểu cười khác!

Thử hỏi, đó có phải là cười?

Tôi quyết rằng, không.

Ý nghĩa đích thực của nụ cười, tiếng cười là phải xuất phát từ lòng mình, tự sâu thẳm linh hồn đang sống trong tâm trạng muốn cười. Ở hay, có lúc chưa muốn cười thì sao? Chẳng lẽ, phải “nặn” ra nụ cười à? Vậy làm sao có thể lúc nào cũng cười được? Thừa, muốn như thế, phải tập. Có những lúc nhìn vào mắt nhau, trong lòng bức bối quá, đang cấu gắt những muốn quát lên một câu cho nhẹ lòng nhưng có người lại cười. Nhờ thế, mối quan hệ đôi bên dần dà chuyển qua một gam màu khác, tươi sáng hơn. Khi Chí Phèo vác

dao đến nhà Bá Kiến những muốn rạch mặt ăn vạ, dù muốn đặng đặng sát khí cho bổ tức, nhưng không, Bá Kiến vẫn nhẹ nhàng cười. Thế là bao nhiêu hậm hực, “khí phách” của kẻ “bán trời không mời thiên lôi” xẹp lép như bong bóng xì hơi.

Một nụ cười kịp thời, đã hóa giải được bao nhiêu chuyện “gay cần” có thể sấm vang chớp giạt sẽ xảy ra trong tích tắc. Lúc ấy, những tưởng đôi bên có thể nhảy vào ăn tươi nuốt sống, nhưng rồi, khi nhìn thấy nụ cười trên môi “đối phương”, lòng lại dịu xuống.

Các bác sĩ là người đủ thẩm quyền và kiến thức phân tích ích lợi của nụ cười, đại loại, có tác dụng tốt cho trí não, tim mạch, cung cấp ôxy cho cơ thể, giải phóng suy nghĩ tiêu cực, giảm đau... Theo nhà văn Nam Cao: “Khi người ta cáu, mặt người ta co rúm lại. Cổ người ta bị tắc. Máu tiết ra chất độc. Có hại cho sức khỏe ghê lắm đấy! Nhưng nếu ngay lúc ấy người ta cố mỉm cười một cái thì mọi sự tiêu tan hết. Mặt tươi ra. Có thoáng thoáng chất độc trong người theo hơi thở thoát ra ngoài hết. Người trẻ lại. Nụ cười chính là một vị thuốc tiêu đàm, tẩy độc, lượng huyết và bổ tâm, bổ phế, bổ tì, bổ vị, bổ can, bổ thận, chẳng cái gì không bổ. Tiên dược đấy. Nó cải lão hoàn đồng rất mạnh”. Từ góc độ tâm lý, đừng tìm đâu xa, cứ đọc lại ca dao sẽ thấy sự khôn khéo của ông bà ta. Ngày nọ, anh chồng dùng dùng nổi giận, quát tháo ầm ĩ thì cô vợ vẫn nhẹ nhàng, không “tay đôi” hơn thua “một mất một còn”:

*Chồng giận thì vợ làm lành*

*Miệng cười chúm chúm: Thưa anh giận gì?*

*Thưa anh, anh giận em chi*

*Muốn cười vợ bé em thì cười cho.*

Nhìn “*miệng cười chúm chúm*”, lạ thay bao nhiêu nổi bực bội trong lòng tiêu tan hết, cứ như u ám tan dần khi ánh nắng quang đặng đặng rọi tới dần! Vậy, để hằng ngày có được nụ cười, phải làm sao? Hãy tập cười. Tập như thế nào? Hãy hỏi tự lòng mình. Có câu chuyện rằng, ngày nọ người đàn ông có bộ mặt rầu rĩ như đưa đám, thiếu nảo bước vào phòng khám của bác sĩ: “Thưa ngài, tôi không thể cười được. Xin chữa trị giúp tôi”. Sau khi chẩn đoán, dò hỏi tâm lý... bác sĩ kết luận: “Anh nên tìm xem các tiết mục biểu diễn của danh hài X, chắc chắn anh sẽ bật cười khoái trá”. Người đàn ông rầu rĩ: “Danh hài X, là chính tôi đây”.

Lòng yên vui ắt có tiếng cười. Lòng an tịnh, khoan dung ắt trên môi nụ cười tìm đến. Tôi không tin một người sống trong tâm trạng u uất, trầm cảm, nhìn đâu cũng thấy sự bi quan, đáng ghét lại có thể cười. Muốn cười được, trước hết phải tự mình quét sạch mây mù ấy đang cuộn cuộn trong lòng. Chà,

dễ dàng quá. Vâng, dễ dàng lắm nhưng không phải ai cũng ý thức được điều đó. Có những lúc thay vì cười, họ lại quên bém đi mà chìa ra cái bộ mặt đưa đám, cau có nên lời lẽ chèn ép cứ thế tuôn ra....

Có người bảo, cần gì phải tập cười. Đã từ rất lâu, ông Nguyễn Văn Vĩnh đúc kết rằng, “An Nam ta có một thói lạ là thế nào cũng cười. Người ta khen cũng cười, người ta chê cũng cười. Hay cũng hì, mà dở cũng hì; quấy cũng hì. Nhăn răng hì một tiếng, mọi việc hết nghiêm trang”. Thưa, cười kiểu ấy là cười giả lả, không thật lòng, chỉ muốn khóa lấp sự việc mà lẽ ra phải tranh cãi đến cùng đang tìm ra chân lý của nó. Kiểu cười ấy, cách cười ấy không cần thiết, cũng tựa như “chưa nói đã cười, chưa đi đã chạy là người vô duyên”.

Vậy thế nào là cười? Ai cũng có câu trả lời, tùy quan niệm mỗi người. Với tôi, dù quan niệm thế nào thì phải tập cười, nghĩa là tập thay đổi cái nhìn về thế giới chung quanh theo hướng tích cực hơn; tập tìm lấy sự tích cực trong sự hỗn độn và chạp của mỗi ngày để có thể nở cười lạc quan và yêu lấy cuộc đời.

# TẬP ĂN



**A**n để sống, chứ không phải sống để ăn. Mỗi một ngày, mở mắt dậy, có biết bao lo toan mà lịch làm việc dày đặc, thoáng nghĩ đến, có người đã thở dài. Ồi dào, biết bao công việc đang hiển hiện trước mắt. Thôi kệ, việc đâu còn có đó, trước mắt phải... ăn cái đã.

Thử một ngày, nhiều ngày không được ăn, ta sẽ có cảm giác thế nào? Trong cái nhìn của nhà văn Thạch Lam, lúc ấy: “Cơn đói lại sôi nổi dậy như cào ruột, xé gan, mãnh liệt, át hẳn cả nỗi buồn. Chàng muốn chống cự lại, muốn quên đi, nhưng không được, cái cảm giác đói đã lan ra cả khắp người như nước triều tràn lên bãi cát. Mỗi lần cơn gió, mỗi lần chàng ngửi thấy mùi ngậy béo của miếng thịt ướp, mùi thơm của chiếc bánh vàng, mũi Sinh tự nhiên nở ra, hít mạnh vào, cái mùi thơm thấu tận ruột, gan, như thấm nhuần vào xương tủy”. Rõ ràng, ăn đã là một nhu cầu không thể thiếu. Ngày trước, chỉ cần ăn cho no, dù cơm độn bo bo, sắn, ngô, khoai gì gì cũng đắng, miễn là phải chắc ruột. “*Ngày ba bữa, vỗ bụng rau bịch bịch*” đã là ước mơ của nhiều người. Thế nhưng, thời buổi này không chỉ ăn no và còn phải ngon nữa.

Thế nào là ăn ngon?

Có phải trên mâm ê hề sơn hào mỹ vị, này đùi gà vàng mỡ bóng nhẫy, nọ cá chiên thật giòn, kia tôm hùm béo ngậy...? Chưa chắc đã ngon bởi cái ngon không lệ thuộc vào giá trị cụ thể của thực phẩm mà chính tâm trạng của thực khách lúc ấy thế nào. Ngồi bàn tiệc sang trọng với món ngon vật lạ chỉ có trong cung đình nhưng lòng ngổn ngang phiền muộn, âu lo thì liệu ăn có ngon? Đang ngồi ăn với người tình mà cứ lăm la lăm lét, láo liên nhìn trước ngó sau vì biết đâu “sư tử Hà Đông” sẽ đến đánh ghen, liệu ăn có ngon? Chả bù cho đôi tình nhân kia, yêu nhau quá, yêu như Roméo - Juliette mỗi ngày chỉ cần gặp mặt nhau, tay cầm tay, mắt nhìn vào mắt, dầu ăn loại gạo hầm cũng có cảm giác như đang nhai ngọc ngà châu báu!

Chắc chắn là thế.

Cần gì phải các món ăn do các đầu bếp trứ danh nấu nướng mới là ngon. Ngon vì khi ăn không phải nghĩ ngợi lăm lăm gì khác cho mệt đầu, chỉ nghĩ

rằng thức ăn đó ngon và nhất là đang đói. Đọc phóng sự *Cái ăn trong ngày ngập nước* của nhà văn Ngô Tất Tố, ta nhận ra rằng, với tâm thế đó, dầu có ăn đất sét cũng ngon. Nhân vật Ba Tụy tâm tình với tác giả: “Người ta bảo chết thì ăn đất, nhưng chính nhà cháu sống về đất đấy ông ạ! Món này là một thứ cơm nắm của nhà cháu, làm công trình hơn một tí. Mới đầu là lấy đất sét trắng về, vật đi vật lại như ta nặn đầu rau, rồi thái từng miếng mỏng như ta thái bánh giầy, đặt vào mùng, mẹt đem phơi khô. Khi dùng nó thì phải có nồm sẵn lót thật dày xuống đáy nồi, rồi mỗi lượt đất lại một lượt cá tép, rồi cho vài duộc tương. Bắc lên đun thì tra thêm tí nước cho khỏi khô, cứ nhỏ lửa đun mãi cho tương cạn cá chín, những cái béo của tương, của cá ngấm vào đất sét đỏ như miếng hồng tàu thế là được”.

Không ngoa ngôn chút nào khi nói rằng, muốn biết thưởng thức, tận hưởng cảm giác ngon thì ai cũng phải tập. Tập ăn là một nghệ thuật, chứ không phải hể mở mắt làm người thì tự khắc đã biết ăn. Nghe thế, ắt có người sẽ cãi vung tí mẹt hoặc cười ruồi không thềm chấp! Cứ cho là thế, cũng chẳng sao. Xin hỏi, có phải từng ngày đến lúc ăn, mỗi chúng ta lại ăn theo thói quen hay tận hưởng lấy cảm giác ăn trong lúc ấy?

Vừa rời khỏi công sở, bụng đói meo nên không ít người vội vã, hấp tấp lao vào “quán cơm trưa văn phòng”; tạt qua ngã phố kia với “tiệm cơm bình dân”, “cơm bụi”... Trong lúc ăn, đang cầm cúi ăn thì “réng rềng reng” từ “đế yêu” nên phải dừng lại “à lô, à lô”! Nghe xong, có lúc bỏ ngang mà vội vã phóng xe đi gấp giải quyết việc nọ; hoặc có lúc đang ngồi ăn lại thần thờ cố nhai nốt cho xong! Ăn trong tâm trạng công việc đang lẫn quẩn trong đầu, phải tính toán này, phải ngẫm nghĩ nọ thì làm sao có thể cảm nhận được cọng rau đang xanh nồm, con cá kho tiêu thật bùi, miếng cơm dẻo thơm muôn hạt?

Tôi tin chắc rằng bà lão trong truyện ngắn *Một bữa no* của Nam Cao dù ăn no nhưng đâu cảm nhận được cái ngon: “Bụng bà từng tức. Bà nói thắt lưng ra một chút cho dễ thở. Bà tựa lưng vào vách để thở cho thỏa thích. Mồ hôi bà toát ra đầm đìa. Bà nhọc lắm. Ruột gan bà xộn xạo. Bà muốn lăn kên ra nghỉ, nhưng sợ người ta cười, cố gượng. Ôi chao! Già yếu thì khổ thật. Đói cũng khổ mà no cũng khổ. Chưa ăn thì người rời rã. Ăn rồi thì có phần còn nhọc hơn chưa ăn. Ôi chao!”. Lúc ấy, không phải là ăn, chỉ là động tác cố nhồi nhét thực phẩm cho chặt, cho đầy bao tử.

Muốn biết ăn thì phải tập. Tập ăn là thế nào? Đơn giản thôi, là lúc ấy tự ý thức mình đang ăn. Tự nguyện ăn chứ không phải cố gắng. Ăn thư thái. Ăn hào hứng. Nhai thật kỹ. Không vội vàng. Không hấp tấp. Không nghĩ gì ngoài ăn. Ăn với sự huy động của thị giác, thính giác, vị giác, khứu giác và



xúc giác. Mà ăn chỉ vừa đủ no. Không nhất thiết phải thật no đến độ không thở nổi. Ăn cũng tựa như đang tập thiền, thiền sư Thích Nhất Hạnh đã từng nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm viết thành thơ: *“Lúc đó mỗi hạt cơm trong miệng con thật ngọt bùi, thơm thảo/ Con không cần ăn đến sợn hào hải vị/ Để biết đến vị ngon có thể có trong đời/ Chỉ cần trong một sát-na con biết lắng mình vào cuộc sống/ Một hạt cơm là cả cuộc đời”*.

Lòng yêu thương cuộc đời cũng chính từ những bữa cơm thân thiện. Không chỉ là ăn cho ngon, cho no mà còn là sự cảm nhận và biết ơn cuộc đời đã cho ta giây phút ấy. Lòng yêu thương dành cho cuộc đời, dành cho tha nhân chan chứa trong mỗi miếng ăn sẽ khiến ta càng cảm nhận được vị ngon của miếng ngon đó. Đôi khi, có những điều đơn giản nhưng rồi, công việc bận rộn, sự tính toán mỗi ngày lại cuốn ta đi trong những vòng xoáy khác nhau. Đến lúc giật mình, có lúc ta tự hỏi, lâu nay ta có ăn không hay chỉ là những động tác “đến hẹn lại lên” nhồi nhét bao tử cho qua bữa?

# TẬP "NHẪN"



*Lên xe nhường chỗ bạn ngồi  
Nhường nơi bạn dựa, nhường lời bạn trao*

**C**âu ca dao này, nghe lại, chúng ta tưởng như đang sống trong cổ tích. Thời buổi này, sự nhường nhịn ấy còn có thể xảy ra? Trong đời sống có những điều tưởng dễ dàng có câu trả lời, nhưng rồi con người ta cũng phải ngắc ngứ, dăm chiêu, mím môi suy nghĩ. Đã có nhiều người đặt vấn đề một cách nghiêm túc, chẳng hạn, có phải người Việt ngày càng dễ nổi nóng?

Sự va chạm trên đường phố, dù chưa xảy ra điều gì đáng tiếc nhưng đôi bên sẵn sàng “chơi tới bến”. Lúc ấy, một câu nói thân thiện, một sự nhường nhịn, một thái độ ôn hòa có thể giải quyết ổn thỏa mọi chuyện, thế nhưng điều đơn giản ấy đã không ai nghĩ tới. Đôi bên sừng cò, nổi nóng, quyết ra tay một phen sống mái nhằm giành phần thắng. Và cuối cùng sự thắng thua ở đâu chưa thấy thì họ đã “tri ngộ” ở phòng cấp cứu, thậm chí có kẻ phải nhập hộ khẩu tại “hội nghị tì”. Thế đấy, mạng sống một người, đôi khi lại kết thúc một cách lãng xẹt!

Có một nhà viết thư pháp nổi tiếng, thiên hạ thường đến mua chữ. Riêng một chữ, viết rất đẹp như “rồng bay phượng múa”, ông không bán, chỉ dành để tặng mà không có một đòi hỏi nào khác. Chữ gì vậy? Chữ “nhẫn”.

Sở dĩ như thế, bởi ông biết rằng tài năng của mình không nhiều nhưng vẫn có thể giúp ích cho đời nếu biết gieo trong lòng mọi người một niềm hướng thiện. Ông bảo: “Đọc trên các trang mạng, tôi thích câu này, nhưng thú thật không rõ tác giả là ai: *“Nhẫn một lúc trời yên biển lặng/ Lùi một bước biển rộng trời cao”*. Ngẫm nghĩ mãi càng thấy thú vị nên muốn được chia sẻ với mọi người”.

Từ câu chuyện này, tôi nghĩ rằng, mỗi chúng ta, ai cũng có thể giúp ích cho cuộc đời một điều gì đó, tùy theo khả năng của mình. Mà đôi khi chưa cần phải có thái độ hào hiệp ấy, chỉ cần tự mình biết giúp cho chính mình cũng đã tốt lắm rồi. Giúp bằng cách nào? Xin thưa, tự mình biết “nhẫn” cũng là một cách không gây phiền toái cho thiên hạ. Tự mình biết “nhẫn” trước ồn ào bão táp sẽ đem lại an lành cho chính mình.

Hôm nay và ngàn đời sau, sự nghiệp hiển hách của bậc đại trí, đại dũng Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn vẫn còn được đời đời ngưỡng mộ. Một trong những tính cách hơn người của ông là biết “nhẫn”. Sử chép: Năm 1277, nghe tin vua Trần Thái Tông mất, nhà Nguyên muốn nhân cơ hội này thôn tính nước ta bèn sai Thượng thư bộ Lễ Sài Thung sang sứ. Tự cho mình là nước lớn, là “thiên triều”, Thung ngạo mạn, vô lễ cứ phóng ngựa đi vào cửa Dương Minh. Quân ta ngăn cản, y dùng roi ngựa quất tóe máu đầu. Đến cửa Tập Hiền thấy giăng đầy màn trướng, y mới chịu xuống ngựa. Vua Trần Nhân Tông sai Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải đến tiếp, hăn năm khèn không thềm dấy. Biết chuyện, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn xin vua đến đó để xem hăn còn giở trò gì nữa.

Trước khi đi, ông gọt tóc, mặc áo vải. Đến nơi, ông ung dung đi thẳng vào trong phòng. Thung bật người ngồi dậy vì tưởng ông là nhà sư đến từ phương Bắc. Ông điềm đạm ngồi xuống pha trà, cùng đàm đạo. Sau đó, một người hầu của Thung nhận ra ông, liền cầm mũi tên nhọn hoắt đâm vào đầu, máu chảy ra lênh láng. Nhưng lạ thay! Mặt của ông không biến sắc, thái độ vẫn ung dung, tự tại. Thung kinh ngạc. Khi ông ra về, Thung phải ra tận cửa để tiễn”.

Sự lặng im, lắng nghe và cùng tìm cách giải quyết sự cố tưởng dễ dàng nhưng thật ra rất khó. “Tâm viên, ý mã” vốn là bản chất của con người. Khi gặp chuyện không hài lòng, bao nhiêu “lục tặc tam bành” cứ như ngựa xồng chuồng lao ra phía trước, chẳng ai có thể ghìm cương. Thật đáng tiếc cho nhiều trường hợp, sau cơn giận dữ, “xem trời bằng vung” ấy, đã không ít người tặc lưỡi nuốt tiếc, ân hận: “Giá mà...”.

Sự tha hóa tâm hồn con người, một trong những biểu hiện rõ nét nhất vẫn là tính cách dễ nổi nóng. Thử hỏi, nó bắt đầu từ đâu? Câu trả lời này, các nhà tâm lý học, điều tra xã hội đã nghiên cứu chán chê, đã đưa ra những chuyên đề dày cộm nhưng chung quy vẫn từ chỗ háo thắng mà ra. Trước một sự việc, ai cũng khẳng khẳng mình đúng và trúng một cách tuyệt đối; còn thiên hạ thì sai lè lè. Vì thế, quyết giành phần thắng bằng mọi giá, kể cả việc “hạ cấp” nhất là thượng căng tay hạ căng chân, u đầu sút trán!

Vừa rồi, ở trường trung học nọ đã kỷ luật hai nữ sinh vì đã đánh nhau trong trường học. Lý do rất buồn cười: trên Facebook của em A post tấm ảnh “tự sướng”; em B nhảy vào *comment* bằng vài câu đùa trêu chọc. Thế là, từ thế giới ảo, cả hai choảng nhau một trận ra trò. Tôi được nhà trường mời đến có cuộc nói chuyện ngoại khóa, ít ra cũng có thể góp phần định hướng các em trong phép ứng xử. Trong buổi nói chuyện hôm ấy, cuối giờ, một cậu học

sinh nhiều năm liền học giỏi, hạnh kiểm tốt, được thầy yêu bạn mến đã xung phong kể lại câu chuyện tác động đến nhận thức của em. Từ “người thật việc thật” chứ không phải lý thuyết suông với những lời rao giảng đạo đức chung chung nên ai nấy đều hào hứng lắng nghe.

Và tôi đã ghi lại câu chuyện này: Ngày học lớp 9, cậu bị một bạn bè trong lớp lăng mạ, miệt thị nên tức giận, quyết chí phải trả thù cho bằng được. Khi cậu thổ lộ ý định này với ông bố, nghe được lời khuyên: “Con không nên làm như thế”. Cậu cãi: “Nhưng con bị nhục mạ”. Ông bố cười: “Con ơi, sự nhục mạ cũng giống như bùn”. Cậu ngạc nhiên quá, không hiểu tại sao lại có sự so sánh kỳ quặc đến thế? Ông bố của cậu ôn tồn giải thích: “Bùn sẽ được gạt bỏ dễ dàng sau khi nó đã khô”. Câu nói ấy, đã thức tỉnh và đem đến cho cậu bé một nhận thức mới.

Trong cuộc sống, có nhiều chuyện để bàn luận, trao đổi, tôi nghĩ rằng, nếu mỗi một ngày, trước lúc ra đường thì tự mình hãy ngồi xuống một chút, một chút thôi và nghĩ đến chữ “nhẫn”. Sự đơn giản ấy, ai cũng làm được và dần dà sẽ thấy được hiệu quả của nó trong phép ứng xử. Ai đó đã nói một câu chí lý, sự nhẫn nhục, trầm tĩnh, biết cách giải quyết va chạm bằng tiếng nói giữa người và người đó mới chính là kẻ mạnh. Mạnh từ sức mạnh của nội tâm, từ tâm hồn chứ không phải vung tay múa chân loạn xạ như một thằng hề giễu võ giương oai trước đám đông.

# TẬP NÓI



**N**iềm vui lớn lao nhất của những người sinh con đầu lòng là lúc nghe con nói. Tiếng nói đầu đời ấy thiêng liêng vô tận, vô cùng bởi âm thanh bập bẹ gọi ba, gọi mẹ. Sự kết nối đời đời đã mở ra từ giây phút ấy. Từ đó, mọi sự giao tiếp đã có thể chia sẻ nhau từ tiếng nói. Ai cũng biết nói. Ai cũng có thể gửi đi một thông tin đến người khác bằng tiếng nói. Vậy, ơ hay, chẳng lẽ ông nhà thơ này đang quá chén? Đã say? Can có gì lại bàn chuyện “tập nói”?

Xin thưa, có phải ai cũng biết nói chẳng?

Tôi quyết là không.

Có người dù không xinh đẹp, nhan sắc chỉ cỡ Thị Nở nhưng khi mở miệng, lập tức người đối diện lại cảm tình như đang trò chuyện với Tây Thi. Bí quyết gì? Dễ lắm: “*Chim khôn cất tiếng rảnh rang/ người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe*”. Ngược lại có những hạng người dù cỡ hoa khôi quý bà, hoa vương quốc tế nhưng khi trò chuyện, ta lại liên tưởng đến “dùi đục chấm mắm cáy”. Với những thí dụ này, cho thấy rằng, bàn chuyện “tập nói” hoàn toàn không thừa chút tẹo tèo tèo nào.

Trên đường đời, không phải lúc nào cũng gặp hoa hồng mà có khi va vấp phải sóng gió nhưng tại sao có người bình thản lướt qua, có kẻ u đầu sứt trán? Lúc ấy, có những người lại cãi nhau chí chóe, tuôn ra những lời sắc mùi chết chóc rồi phồng mang trợn mắt gấu ó và cuối cùng ầu ả một phen sống mái. Sau đó, họ kéo nhau vào bệnh viện “tân trang” hình thể; nếu nặng thì rủ nhau ra “hui nhị tì”! Trong khi đó, cũng trường hợp đó, chẳng hạn, do phóng nhanh vượt ẩu nên va chạm người kia, nhưng rồi cả hai giải quyết êm thấm, nhẹ nhàng là do đâu? Lời nói trên đầu lưỡi nếu là sự xin lỗi, mong cảm thông cho nhau thì “nói phải củ cải cũng nghe”. Lời nói chân tình, mềm mỏng có thể hóa giải được sự việc đang căng thẳng như sợi dây đàn sắp đứt.

Tôi có anh bạn, từ phòng làm việc ở nhà đến cơ quan, anh luôn treo bức thư pháp chỉ mỗi chữ “nhẫn”. Ý nghĩa nó ra làm sao? Anh bảo: “Có nhiều cách giải thích, nhưng với tôi đó chính là sự im lặngặng suy nghĩ thật kỹ trước lúc muốn nói”. Sở dĩ như thế là do lần nọ, nghe bạn gọi điện thoại mách rằng trong giờ hành chánh nhưng vợ anh ngồi sau xe người đàn ông.

Máu ghen nổi lên ùng ùng, lập tức anh gọi điện thoại cho vợ rồi xô ra một hơi cho đã nư, đã tức. Nào ngờ, những lời rửa mắng sa sả ấy đã khiến cô vợ tổn thương bởi chị cùng đồng nghiệp đang đến ngân hàng thanh toán công nợ của cơ quan, chứ nào bồ bịch gì. Anh gật gù: “Phải chi lúc ấy, mình im lặng, lặng lẽ tìm hiểu rõ sự việc rồi mới nói thì hay biết bao”.

Người xưa bảo, “nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy” - một lời nói ra, cả bốn con ngựa đuổi theo cũng không kịp là vậy. Do đó, lời dạn dỏ cần trọng lời ăn tiếng nói chẳng bao giờ thừa.

Có những điều ai ai cũng biết, nhưng lại quên bém mắt, ấy là khi bực tức với phát ngôn đằng đằng sát khí thì cực kỳ có hại cho sức khỏe. Rồi bực dọc, bực bội, bực mình ấy nếu còn bám theo cũng khiến ta mất ăn mất ngủ như chơi. Đau cả đầu, mệt cả óc. Mà đâu chỉ có thế, khi tuôn ra những lời hằn học ấy, ai là người nghe trước nhất? Có phải chính người vừa nói không đó? Có câu châm ngôn, bệnh vào từ miệng, hoạn nạn từ miệng mà ra. Ngẫm lại, cảm thấy sâu sắc biết chừng nào. Không chỉ cần ăn ngon mà con người còn có nhu cầu cần nghe những lời hay ý đẹp.

Các thầy thuốc thường khuyên nhủ về sức khỏe. Họ cho chúng ta nhiều lời khuyên hữu ích, phải ăn như thế nào cho đủ chất đạm, mỗi ngày phải ngủ đúng mấy giờ đồng hồ, phải hạn chế bia rượu, phải bỏ thuốc lá, phải siêng tập thể dục... Những lời khuyên ấy cần thiết lắm chứ. Nhưng rồi tất bật cuộc sống, lại có lúc chúng ta quên đi và tự biện hộ do không có thời gian, do ràng buộc của nhiều mối quan hệ xã hội... Tôi có đọc đâu đó một mẩu chuyện có liên quan đến sự biện hộ trên.

Lúc ấy, có vị thiền sư gật gù bảo, nếu vì lý do này, lý do kia không thể thực hiện những lời khuyên trên, vậy cách tốt nhất ta hãy thực hiện ngay từ lời nói của mình. Nghe lạ tai và khó hiểu quá, phải không? Thử xem mỗi ngày ai lại không nói? Vậy mỗi lời nói ra phải như thế nào? Có những lời mà ta vừa thốt ra đã khiến người nghe buồn bã, thất vọng; ngược lại, ta vẫn vậy thôi? Không đâu, ta cũng ám ảnh lấy sự bực bội trong người. Có những lời khi nghe đã khiến tâm hồn ta thư thái, hăng hái; lại có những lời khiến ta nhụt chí tinh thần. Vậy thì, mỗi khi nói hãy cân nhắc thận trọng.

Ngẫm nghĩ sâu xa, ta thấy rằng lời khuyên của vị thiền sư ấy có ý nghĩa rằng, lời nói cũng là một thực phẩm tinh thần. Có thể nuôi sống và cũng có thể đầu độc. Khi nói những lời nói đẹp, những lời yêu thương vẫn là cách tự tiếp nhận một giá trị dinh dưỡng cần thiết cho tâm hồn.

Ông bà ta dạy: “Học ăn, học nói, học gói, học mở” là một triết lý sống. Sống là phải học, học ngay cả những điều nhỏ nhất nhất. Nói thì ai không biết

nói? Ấy mà cũng phải học. Học nói những lời yêu thương cho chính mình và dành cho người khác. Một công trình nghiên cứu y học cho biết, khi tức giận, hận thù, ganh ghét thì lúc ấy, sự già nua, tàn héo đã có cánh cửa để thâm nhập vào cơ thể con người. Nếu từ bi, hỉ, xả, vui vẻ, độ lượng thì sự phơi phới yêu đời như mưa nguồn đã làm cơ thể bừng lên sức sống.

Tôi tin rằng nếu có dịp ngao du sơn thủy giữa một không gian tuyệt vời trăng thanh gió mát, nếu Thúy Kiều cải vã âm ỉ với Kim Trọng thì lúc ấy vàng trăng cũng lặn, gió cũng ngừng, bầu trời sẽ xám xịt lại chứ cả hai không thể đón nhận được cảm giác: *“Lắng nghe lời nói như ru/ Chiều xuân dễ khiến nét thu ngại ngùng...”*.

Trong mỗi quan hệ xã hội, có những kẻ khiến người khác xa lánh chẳng phải do xấu xa, lừa đảo, đầu trộm đuôi cướp mà cũng chỉ vì không kiểm soát được những gì đã nói. Có kẻ mở miệng ra là cố tình châm chọc người này, hạ nhục người kia nhằm tôn “cái tôi” trước bàn dân thiên hạ. Hành xử ấy, đạo Phật có từ “khẩu nghiệp”, *Từ điển Phật học* của Đoàn Trung Côn giải thích rõ ràng, cụ thể là: *“Vọng ngữ (nói láo); ỷ ngữ (nói trây); lường thiệt (nói đâm thọc làm cho người ta xa nhau); ác khẩu (chửi mắng)”*. Đừng tưởng nói cho sướng miệng, kẻ “khẩu ác nghiệp” phải chịu báo ứng từ lời nói của mình. Thử vấp tay lên trán, suy ngẫm lại là trong đời có bao giờ ta đã va vấp vào chuyện này chưa? Chắc chắn là có.

Tôi có chị bạn thuộc hạng “cao thủ võ lâm” trong làng “buôn dưa lê”. Bất kỳ chuyện gì đã lọt vào tai thì lập tức phát tán khắp mọi ngóc ngách từ đầu làng đến cuối xóm. Anh chồng bức quá, chẳng biết phải “trị” làm sao cho dứt thói xấu ấy? Ngày kia, vâng theo lời khuyên của một nhà giáo nên anh ra tiệm sách mua tặng vợ bức thư pháp ghi dòng chữ: *“Khi im lặng chính là lúc đang nói”*.

Vẫn biết rằng, chẳng ai có thể trong một ngày không nói. Có điều, lâu nay lời nói tuôn ra dạt dào, rồn rảng khiến người nghe không ít lần chói tai, thì nay cũng thế. Nhưng bằng cách nào khiến lời nói ấy đem đến sự thư thái, hài lòng cho người đối diện? Mỗi người đều có cách tự tìm cho mình câu trả lời.

# LỜI NÓI NHƯ HOA HỒNG



**A**i cũng thừa biết rằng, một trong những điều tệ hại của cuộc sống là đôi lúc... mất ngủ. Những lúc ấy, ta phải làm gì? Trằn trọc mãi, cố nhắm mắt nhưng rồi vẫn tỉnh như sáo. Khó có thể dỗ giấc ngủ. Chi bằng, hãy nằm yên và nghĩ đến vợ/ người tình một chút. Có lẽ, cảm giác ấy sẽ khiến ta thấy đêm không còn dài và bóng tối đôi khi đem lại sự tĩnh tâm. Tĩnh tâm đáng có thể nhớ lại những ngày tháng êm đềm đã trôi qua. Nghĩ cũng lạ cho tâm lý tự nhiên của con người ta: Một khi những gì đã “thuộc về mình”, ít ai còn dành thời gian quan tâm đến nữa.

Nhớ lại đi, có phải đã lâu lắm rồi có nhiều lời nói nồng nàn của thuở “*em tan trường về, đường mưa nho nhỏ*” đã trốn biệt? Ngày ấy, lúc còn đang tán tỉnh, còn “trồng cây si” trước nhà nàng, còn hồi hộp chờ đợi những dòng tin nhắn, cuộc điện thoại thì cảm giác ấy thế nào? Dù thế nào, chắc chắn những tín hiệu dành cho nhau bao giờ cũng du dương từ ngữ, bay bổng ngôn từ. Rồi cảm giác lần đầu tiên môi chạm vào môi, có lẽ ai cũng xao xuyến, bồi hồi: “*Lần đầu ta ghé môi hôn/ Bỗng con ve nhỏ hết hồn kêu vang/ Vườn xanh cỏ biếc chưa tàn/ Vòm cây phượng vĩ huy hoàng trở bông*” (Trần Dạ Từ). Dù không là thi sĩ, có lẽ giây phút nhiệm màu ấy ai ai cũng có thể hào hứng buột miệng ra thơ!

Nếu thực hiện một cuộc thống kê nghiêm túc, chắc chắn sẽ có kết quả: Tần số xuất hiện lời ăn tiếng nói âu yếm nhất, ngọt ngào nhất của người đàn ông vẫn trong khoảng thời gian đang tìm mọi cách chinh phục trái tim của nàng. Trời, lúc ấy, dù không cố gắng nhớ, không cần lật từ điển, vậy mà bao nhiêu mỹ từ cứ tuôn ra dạt dào. Với phụ nữ, họ yêu bằng tai. Nghe những lời tỏ tình như mật rót vào tai, họ... ngất trên cành quất cũng tất nhiên thôi! Rồi cả hai đám cưới. Nằm chung một giường, ăn chung một mâm. Chia sẻ buồn vui như hình với bóng.

Lạ thay, khi đã thuộc về nhau, những lời ăn tiếng nói nồng nàn như lửa bén, mướt mà nắng mới thêu bỗng trốn biệt đi đâu mất. Những “cưng yêu”, “em à” đã thay bằng một từ gọn lỏn “cô”, “bà”, thậm chí còn tệ hơn như nhiều lúc gọi “trống không” lạnh lùng.



Ngay sau đám cưới của chị, ai cũng mừng bởi chồng có địa vị, nhà cao cửa rộng, thu nhập rủng rỉnh mà chị không phải vất vả với cơm áo gạo tiền. Ấy thế, có lúc chị vẫn buồn. Không buồn sao được lúc cả hai ngồi ăn chung ngoài quán nhưng anh chồng không buồn há mồm nói một câu cho ra hồn. Nếu nói, chỉ là những câu không một sắc thái tình cảm: “Xong chưa? Tính tiền nha?”. Hoặc trên giường ngủ cũng mệnh lệnh: “Khuya rồi, ngủ thôi”. Bằng không, chỉ câm như thóc. Nhiều phụ nữ cảm thấy bức bối cho những ông chồng quá kiệm lời. Khi đấu láo với bạn bè thì nói như khướu; nhưng về đến nhà lại miệng ngậm tăm, câm như hến.

Nhiều đấng mày râu cứ nghĩ, không bồ bịch lăng nhăng, hàng tháng “nộp” tiền lương cho vợ không thiếu một xu đã là người chồng gương mẫu. Điều này có thể đúng nhưng chưa đủ. Ngày sinh nhật, cô em gái tôi chẳng hề vui vẻ dù nhận được quà của chồng. Cô bảo: “Anh ấy tặng mà cứ như thực hiện cho xong “của nợ”. Lúc đưa quà, anh chỉ nói đúng hai từ: “Quà nè!” rồi lảng qua chuyện khác. Chẳng bù ngày xưa, dù chỉ nhận một cánh hồng nhưng lời nói của anh say đắm biết chừng nào”. Người ta thường bảo: “Của cho không bằng cách cho” là vậy. Cho với thái độ “xí bòn bon” kiểu đó, người nhận chẳng mấy may xúc động gì cũng phải thôi.

Sau khi “lên xe hoa”, đa phần đàn ông cho rằng đã kết thúc một hành trình lao tâm khổ tứ, tán tỉnh, đeo đuổi. Người đó đã thuộc về mình rồi, chẳng sợ ai “hót tay” trên nữa. *“Lo chi việc ấy mà lo/ Kiến trong miệng chén có bỏ đi đâu”*? Chính suy nghĩ hạn hẹp này, họ đã quên đi sự tinh tế cần thiết dành cho người bạn đời. Người phụ nữ nào cũng cần lời nói ngọt, sự ân cần hỏi han của chồng/ người tình. Họ cần những câu nói có sắc thái tình cảm lứa đôi, chứ không phải lúc nào cũng chỉ cần chồng... đưa tiền cất vào tủ. Có thể do sự bận rộn, mệt mỏi với công việc hằng ngày nên nhiều người đàn ông quan niệm một khi chu toàn đời sống gia đình là xong trách nhiệm. Không đâu. Hạnh phúc gia đình đôi khi lại bắt đầu từ những chuyện vặt vãnh, chỉ một tin nhắn, một lời nói thật lòng cũng khiến cho chồng/ vợ vui (hoặc buồn) suốt một ngày, dài ngày...

Đã có những gia đình sung túc, không lo toan nhiều về vật chất nhưng rồi họ vẫn cảm thấy hạnh phúc là cái gì đó quá xa vời bởi không tìm được tiếng nói chung. Ngược lại, dù nghèo nhưng có những đôi uyên ương lúc nào cũng ríu rít, tíu tít như vành khuyên vì họ biết trao cho nhau lời hay tiếng đẹp. Làm vui lòng người bạn đời cũng là lúc đem lại niềm sáng khoái cho chính mình. Một trong những điều đơn giản ấy, chẳng tốn tiền mua mà chỉ cần mỗi ngày tặng cho nhau những cánh hồng bằng lời nói. Lời nói ấy đã là quà tặng

của cuộc sống mà ai cũng có.

Tại sao chúng ta lại hà tiện không sử dụng, chia sẻ với người thân yêu của mình?

# CẢM ƠN & XIN LỖI



**K**hi con người biết sử dụng tiếng nói, chắc chắn từ đó, các tộc người không chỉ tìm được sự thỏa thuận, có thể thu xếp được những mối hiềm khích, bất hòa mà còn hạn chế được các cuộc giao tranh, đâm chém, chết chóc. Rồi trong mưu sinh hằng ngày, có những ngôn từ được sử dụng nhiều lần cũng không ngoài mục đích đem lại sự thân thiện, hiểu hòa và tạo niềm cảm thông cho nhau. Tuy nhiên, những ngôn từ cực kỳ quan trọng ấy, hiện nay con người ta người ít sử dụng.

Đó là những ngôn từ nào?

Tôi âm thầm làm một cuộc “điều tra xã hội học” nho nhỏ trong phạm vi người thân, láng giềng, bạn bè công sở... thử xem sao. Điều thú vị, hầu như các ý kiến đều có “mẫu số chung” là cụm từ: “cảm ơn” và “xin lỗi”.

Khi làm ơn cho ai điều gì, tự mình phải biết quên đi, không cần người ta phải trả ơn nhưng nhận ơn của người khác thì trong lòng phải tự khắc ghi. Lễ hiển nhiên của cuộc sống vốn thế. Thể hiện lòng biết ơn người khác đôi khi không gì to tát, vượt ngoài khả năng mà chỉ cần thốt ra chân tình hai tiếng “cảm ơn”. Ai ai cũng có thể nói được, nhưng rồi đã bao lần ta lại quên?

Có ông bố nhận được món quà xinh xắn của con. Đó là con hạc giấy mà cháu rất thích nhưng do đang bận rộn, ông bố thờ ơ nhận lấy và tiếp tục chúm mũi vào công việc. Cô bé nghĩ: “Tại sao bố lạnh nhạt, có phải do con hạc không đẹp? Ở trường, cô giáo đã dạy: “Khi nhận quà tặng của ai, phải biết nói lời cảm ơn. Có thế, mới là đứa trẻ ngoan”. Thế thì, bố có ngoan? Hay người lớn không cần ngoan?”.

Rõ ràng, thái độ hờ hững, vô tình ấy đã khiến đứa con phân vân, dù ông bố không cố ý.

Trong truyện ngắn *Tình điên* của nhà văn Khái Hưng, có chi tiết: Sau khi nhân vật Giao dùng mẹo chữa cô Cúc khỏi bệnh điên, ông Tú - bố của cô Cúc cảm động bảo: “Cảm ơn ông, tôi không biết lấy gì trả ơn ông cho xứng đáng. Thực ông đã cải tử hoàn sinh cho cháu. Bệnh cháu mười phần đã khỏi đến quá chín rồi”. Lúc ấy, Giao mỉm cười: “Thưa cụ, có gì mà cụ phải nói đến ơn với huê? Bốn phận của loài người là phải cứu giúp lẫn nhau, khi mình

có thể cứu giúp được”. Vâng, khi làm một việc tốt là do thôi thúc của lương tâm, chứ không vì lý do gì khác. Nhưng dù sao, khi nhận lại được hai tiếng “cám ơn”, tất trong lòng người làm ơn cũng rộn ràng một niềm vui sướng, hân hoan.

Chẳng rõ có ai còn nhớ bài tập đọc trong sách *Quốc văn giáo khoa thư*? Bài ngắn mà chan chứa ý tứ khó quên: “Trời nắng to. Đường thì dốc. Một ông lão đẩy cái xe lợn. Trên xe có ba bốn con lợn to, chân trời, bụng phơi và mồm kêu eng éc. Ông lão cố đẩy cái xe, mặt đỏ bừng, mồ hôi chảy, mà xe vẫn không thấy chuyển. Mấy cậu bé đang chơi trên bờ đê thấy thế, vội chạy tới, xúm lại, buộc dây vào đầu xe mà kéo hộ. Xe lên khỏi dốc, ông lão cảm ơn các cậu và các cậu cũng lấy làm vui lòng, vì đã giúp được việc cho người”.

Lời cảm ơn ấy, đã khiến các mối quan hệ trở nên thân thiện, nhân ái và thắm đượm tình người. Lời cảm ơn ấy, chẳng khác nào dòng suối mát bất ngờ chảy vào lòng. Tuy nhiên, hãy nhớ lại xem, có lúc đang mải mê phóng xe ngoài phố, nếu quên gạt chống xe, ngay lập tức ta sẽ nghe được lời nhắc nhở. Như quán tính, ta gạt phắt cái chống xe lên rồi lúc ấy, ta đã quên hay nhớ đến hai tiếng “cám ơn”?

Đôi khi sống ở đời, sự hào phóng của thiên nhiên đem lại biết bao niềm vui. Khi tận hưởng, tự lòng ta cũng nên thốt lên lời cảm ơn.

Tôi từng nghe câu chuyện này ở một giáo xứ nọ, có người kể rằng, ngày kia có hai ông cháu lang thang trong một khu rừng. Trời nóng bức, cả hai đều mệt nhoài. Ước gì có được ngụm nước mát thì tốt quá. Quả nhiên, giây lát sau nghe có tiếng suối rì rào. Nước trong vắt, sau khi uống xong từng ngụm mát rười rượi, người ông bảo: “Cám ơn dòng suối nhá”. Đứa cháu nghe thế phì cười: “Ông ơi, ông lẫn thần quá đi mất. Dòng suối có phải là người, nó đâu nghe được lời cảm ơn của ông?”.

Tiếng suối vẫn róc rách, chim vẫn hót véo von, giây lát sau, người ông ôn tồn: “Cháu nói đúng, dòng suối không nghe thấy gì. Nếu một con sói uống nước có thể nó không biết cảm ơn dòng suối. Nhưng ông cháu ta không phải con sói mà là con người. Đừng quên điều đó cháu ạ”. Đứa cháu hỏi tiếp: “Ông ơi, như thế có nghĩa là gì cháu vẫn chưa hiểu”. Người ông khẽ bảo: “Cháu ơi, con người nói lên hai tiếng cảm ơn chính là để không bao giờ trở thành con sói”.

Nếu “cám ơn” bày tỏ lòng thành khi nhận sự giúp đỡ từ người khác, thì “xin lỗi” không khác gì một liều thuốc “hạ hỏa” khi ai đó bị ta xúc phạm hoặc làm điều gì đó không đúng. Chà, có phải khi nói “cám ơn”, ta cảm thấy

dễ dàng hơn phải thốt ra lời “xin lỗi”? Có những sự việc, dù biết sai lè lè nhưng mấy ai dám tự nhận lỗi?

Trong cuộc sống ồn ào, náo nhiệt, hầu như lúc ra đường phố thì ai cũng vội vội vàng vàng. Thật rợn người khi đọc tin nhan nhản trên báo chí rằng, có những vụ va quệt xe tình cờ nhưng rồi đôi bên lại lao vào nhau ẩu đả, đâm chém, giết nhau dễ như bỡn. Nếu lúc ấy, dù không phải lỗi của mình nhưng vẫn nói lời “xin lỗi”, có lẽ sự việc đã khác.

Lạ thay, lời xin lỗi chân thành không khác gì “thuốc thánh” bởi nó có thể làm lành “vết thương” người khác, do mình gây ra. Mà khi ấy, chính ta đã tự dẫn vật, tự rút ra bài học lần sau trong đối nhân xử thế. Một nhà hiền triết bảo rằng, biết nhận lỗi để lần sau không tái phạm là dấu hiệu của sự trưởng thành. Chúng ta đã thật sự trưởng thành khi bất kỳ tình huống nào cũng đổ vấy lỗi ấy cho người khác?

Ông bà ta dạy: “Ăn ngay nói thật, mọi tật mọi lành”, không chỉ kinh nghiệm ứng xử mà còn là phép nhiệm màu nhằm đạt đến sự sống vui, sống khỏe. Một khi đã thốt ra cụm từ “cám ơn” và “xin lỗi” cũng là lúc ta mở lòng đón nhận một nguồn năng lượng làm mới lại sự thân thiện trong quan hệ cộng đồng.

Nếu với lời “cám ơn”, ta có thể mỉm cười sung sướng thì với câu “xin lỗi”, ta có thể trút hết gánh nặng âu lo, dẫn vật. Tâm thế nhẹ nhàng ấy, há chẳng phải là nguồn “thực phẩm của tâm hồn” đó sao?

# CHỌN HẠT ĐỂ GIEO



**V**ới kiệt tác *Truyện Kiều* của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du, hầu như bất kỳ người Việt nào cũng thuộc vài câu. Trong 3.254 câu thơ trầm luân khốc liệt số phận của một kiếp người, nàng Kiều có năm lần gảy đàn. Lần cuối cùng, là lúc nàng tái ngộ Kim Trọng, đã “*tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời*” sau mười lăm năm phiêu bạt gió bụi. Lạ thay, lúc ấy: “*Phím đàn dặt tay tiên/ Khói trầm cao thấp, tiếng huyền gần xa/ Khúc đâu đầm ấm dương hòa/ Ấy là hồ điệp hay là Trang sinh?/ Khúc đâu êm ái xuân tình...*”.

Nghe tiếng đàn reo vui, ấm áp ấy, ngạc nhiên nhất vẫn là Kim Trọng vì không thể hiểu vì sao tiếng đàn của nàng lại khác trước? Vì sao trong từng cung bậc dặt dìu không còn tiếng nức, tiếng ghen, tiếng khóc, tiếng buồn máu chảy năm đầu ngón tay? Nghe tiếng đàn ấy, Kim Trọng bèn hỏi: “*Xưa sao sầu thảm nay sao vui vầy?/ Tẻ vui bởi tại lòng này/ Hay là khổ tận đến ngày cam lai?*”. Mọi câu hỏi tương tự, chỉ Thúy Kiều mới có thể trả lời chính xác nhất: “*Nàng rằng: Vĩ chút nghề chơi/ Đoạn trường tiếng ấy hại người bấy lâu!*”. Ghê gớm chưa? Chính cung đàn “*đoạn trường bạc mệnh*” như một sự thống khổ, dằn vặt, đeo đuổi bấy lâu đã ám ảnh lấy nàng. Và nay, nàng đã thoát ra được.

Qua sự đối đáp trên, ta nghiệm ra rằng, các loại hình nghệ thuật đều có sự tác động tiêu cực hoặc tích cực đến nhận thức, tình cảm của con người.

Nghe một bản nhạc não tình, đọc bài thơ buồn bã, trang tiểu thuyết lụy tình cũng có thể khiến người ta chìm đắm trong sự bi thảm, mất dần nhựa sống. Do đó, không phải ngẫu nhiên, nàng Kiều quyết định: “*Một phen tri kỷ cùng nhau/ Cuốn dây từ đây về sau cũng chừa*” - tức là từ nay nàng không đàn, không nghe lại cung bậc gió thảm mưa sầu một lần nào nữa bởi sợ nó “vận” vào người. Rõ ràng, thưởng thức nghệ thuật cũng cần phải có sự lựa chọn là vậy.

Mới đây, thầy thuốc Lương Lễ Hoàng có “tiết lộ” một thông tin thú vị: “*Ngâm thơ đỡ tổn tiền thuốc*”, anh cho rằng đã có công trình nghiên cứu khi đọc thơ cũng chẳng khác đang tập dưỡng sinh, hoàn toàn có lợi cho sức khỏe: “Cho dù không cần đọc đến hết, nhờ đó ăn ngon ngủ yên vì các loại nội tiết

tổ có công năng giảm đau, an thần, tạo cảm xúc lạc quan như serotonin và endorphin được phóng thích tối đa trong khi các loại nội tiết tố “tham sân si” như dopamine và adrenaline không có cơ hội tác quái. Người đọc thơ nhờ đó có huyết áp ổn định, độ loãng máu lý tưởng, mạch máu không co thắt thái quá...”.

Về mặt y học là thế. Tuy nhiên, điều quan trọng nhất, tác động đến ý thức, suy tư lẫn sức khỏe của người đọc vẫn là đọc thơ gì, nội dung thế nào? Đừng quên kinh nghiệm mà chính Kiều đã trả giá: “*Đoạn trường tiếng ấy hại người bấy lâu!*”. Đâu phải, cứ ai đưa gì là đọc, ai mở nhạc gì thì nghe mà trước hết hãy tự hỏi, những nội dung ấy sẽ tác động, ảnh hưởng thế nào đến tâm thức của mình.

Khi đọc, khi nghe, khi thưởng thức nghệ thuật chính là lúc chúng ta dung nạp thực phẩm cho tâm hồn. Nếu lựa chọn không khéo ắt “ngộ độc” như chơi! Không có nhà phong thủy nào ngốc đại đến độ khuyên khách hàng nên chọn màu sơn đen trong phòng ngủ. Sự tằm tối ấy, có lẽ kẻ khỏe mạnh cỡ Hercules dù có trợ lực thêm hàng tấn Viagra thì cũng rơi vào hoàn cảnh éo le “trên bảo dưới không nghe”. Làm sao có thể tạo nên cảm hứng xuân tình trong căn phòng chỉ một màu đen kịt đến lạnh lùng? Làm sao người ta có thể tìm thấy niềm vui sống nếu trong căn nhà mình chỉ treo những bức tranh chết chóc? Chắc nhiều người chưa quên ca khúc *Chủ nhật buồn* của nhạc sĩ Hungary Rezso Seress được mệnh danh “bài hát sát nhân” bởi nó đã khiến quá nhiều người bi quan, buồn thảm tự tìm đến cái chết.

Nhiều người bảo rằng, khi về nhà tức là trở về với nơi trú ẩn an toàn nhất bởi lúc ấy, họ được bảo vệ bằng tình yêu thương của mọi thành viên. Không chỉ có thế, mà ngay cả trong nhà từ sự bài trí tranh ảnh, sắc màu vôi trên tường, các kệ sách hài hòa đến giường chiếu sạch sẽ cũng đem lại niềm hưng phấn yêu đời. Đừng tưởng vật dụng ở nơi mình trú ngụ chỉ là vật vô tri vô giác, không đâu, tự nó trải qua năm tháng đã trở thành những hình ảnh thân thuộc từ trong tiềm thức.

Nói như thế để thấy hết sự quan trọng của việc chọn lựa những “thức ăn tinh thần” cho chính mình và người thân của mình. Tâm hồn mỗi người là một mảnh đất phì nhiêu, màu mỡ mà sự buồn vui có được cũng chính do ta gieo xuống hạt giống gì. Hạt giống bi quan, chán đời, bi lụy, buồn thảm làm sao có thể nảy nở lên cái mầm yên vui, trong trẻo, phơi phới thanh tân như năng xuân phơi phới?

“*Mỗi ngày tôi tìm một niềm vui*”, câu nói ấy nhắc nhở cho chúng ta biết bao điều khi lựa chọn một thái độ sống. Hạt giống tâm hồn của mỗi người

bao giờ cũng cần tưới lên những giai điệu, những câu thơ... luôn gợi niềm vui sống ở đời. Đó cũng là lúc mỗi chúng ta tự tìm cách bảo vệ tâm hồn chính mình. Nói cách khác chính là bảo vệ sự lạc quan, yêu đời, yêu người dẫu có vấp phải những gì không hài lòng, nếu có trong ngày. Mà sự không hài lòng ấy làm sao tránh khỏi, chi bằng ta hãy tự “đề kháng” bằng chính hạt giống an lạc đã gieo trồng mỗi ngày ngay trong tâm hồn mình...



# THÀ CHẬM MỘT GIÂY



Đôi lúc, con người ta cảm thấy mình mới là nhân vật quan trọng nhất, dù rằng, chẳng là “cái đỉnh” gì so với cả guồng máy xã hội đang vận động.

Chẳng hạn, anh bảo vệ, danh phận “bình thường thôi”, ấy thế lại nghĩ, nếu không có anh, biết đâu tòa nhà cao ngất ngưỡng của công ty bị kẻ trộm đột nhập? Chị giám đốc, đứng đầu một công sở lại nghĩ nếu đến trễ hoặc vắng mặt, liệu các nhân sự có làm việc hay chỉ đàn đúm tán gẫu? Ngay cả người giúp việc cũng tự nhủ, nếu mình không “ra tay”, liệu vợ chồng con cái chủ nhà có bữa ăn ngon miệng, đầy đủ đường chất? Tóm lại, ai cũng nghĩ công việc của mình là quan trọng nhất, nếu không có mình ắt sự việc lộn tung phèo hết trời.

Đành rằng, ai cũng có vai trò, có công việc nhưng hễ ai hoàn thành tốt nhiệm vụ cũng đều đáng khen như nhau. Chỉ có người xấu chứ không có nghề xấu. Một công nhân quét rác chu toàn công việc khác gì một giám đốc “ăn nên làm ra”, đủ sức trả lương cho hàng trăm nhân viên? Ai cũng đóng góp công sức cho cuộc sống ngày một tốt hơn. Ai cũng như ai. Nhưng rồi, thiên hạ có chịu nghĩ thế đâu. Điều này dễ dàng nhận ra nhất là lúc lưu thông trên đường phố. Dòng người nườm nượp phóng xe chạy, chẳng ai thềm nhường nhịn ai. Dù “đèn đỏ” nhưng vẫn cố vượt lên, băng qua cho băng được, hành động đó dĩ nhiên “trái tai gai mắt” nhưng họ lại bào chữa, công việc của mình quan trọng nhất nên cần phải tăng tốc, thậm chí bất chấp luật đi đường!

Rồi những lúc kẹt xe, các ngã đường tắc nghẽn, mấy ai bình tâm nhường đường cho người khác? Mấy ai nghĩ rằng, những người xa lạ kia mới cần được ưu tiên vì biết đâu vợ ốm, con đau đang chờ họ đưa đi cấp cứu? Hoặc biết đâu họ đang có một cuộc họp cực kỳ quan trọng, cần phải có mặt đúng giờ, nếu không sẽ bị đuổi việc... Nghĩ thế, bèn nhẹ nhàng nhường đường cho họ. Dù rằng, suy nghĩ ấy có đúng hay không nhưng tự dừng cảm thấy nhẹ lòng vì mình đã làm được một việc tốt.

Nếu không có suy nghĩ độ lượng ấy, cứ nghĩ rằng, chỉ công việc của mình là quan trọng nhất, không thể chậm trễ dù một giây nên bằng mọi cách luôn lách cho băng được, kể cả phóng xe lên lề đường, chèn đầu xe người

này, húc đuôi xe người kia với những câu quát tháo “đằng đằng sát khí”. Vâng, nếu chẳng ai chịu nhường nhịn ai, cả ngã tư, ngã ba, ngã bảy... lập tức tắc nghẽn, mịt mù khói xe cùng những tiếng còi nhả, tranh cãi loạn xạ, cứ như thể chỉ trong tích tắc nữa là đến giây phút của... ngày tận thế!

Đôi khi con người ta tự làm khổ lấy mình, chỉ vì nghĩ về mình nhiều quá. Nghĩ vì mình quá nhiều nên không tìm được cái tính hiếu thắng. Tính xấu ấy, thể hiện ở chỗ mình là nhất nên phải giành “được việc” trong bất kỳ tình huống nào.

Tôi biết có những người, dù chôn chân lúc kẹt xe; hoặc bị thiên hạ chen lấn tranh giành lấy vị trí phía trước nhưng vẫn thản nhiên, bình thản như không. Ngộ thay, những người đó quá thừa thãi thời gian chẳng? Không, họ cũng đang sốt ruột, đang nóng lòng nhưng rồi họ không tranh giành với ai vì... trong đầu đang nghĩ đến chuyện khác tích cực hơn.

Anh bạn tôi là một nghệ sĩ nổi tiếng, có lần chia sẻ tiết lộ “bí kíp”: khi rơi vào trong các trường hợp éo le ấy, anh “hóa giải” bằng cách quan sát gương mặt, động tác, thái độ của mọi người chung quanh với đủ các gam màu hỉ, nộ, ái, ố. Nhờ vậy, anh đã vận dụng vào các vai diễn “có hồn” hơn, thuyết phục khán giả hơn. Nếu lúc ấy, anh cũng như mọi người, làm sao có thể quan sát được gì khác?

Lại có chuyện này: Vào một buổi chiều đẹp trời, có ông giám đốc xuống kiểm tra phân xưởng chế tạo đồ gỗ, chẳng may, ông đánh rơi chiếc đồng hồ không chỉ đắt giá mà còn là kỷ vật của người vợ. Giúp ông, các công nhân lao vào tìm kiếm, biết đâu còn là cơ hội “lấy lòng” sếp. Họ chạy qua đầu này, chạy ngược lại chỗ kia lục lọi tìm kiếm, ồn ào như ong vỡ tổ. Trong lúc đó, có cô phục vụ vẫn đứng yên quan sát mọi người, chẳng tỏ ra sốt ruột gì sất. Rồi đã qua giờ Ngọ, ai nấy đều thở dài thất vọng, họ đi ăn trưa và sẽ quay về tìm kiếm lại lần nữa. Không ngờ, khi mọi người quay về, ngạc nhiên khi biết cô phục vụ đã tìm ra chiếc đồng hồ. “Bằng cách nào vậy?”, mọi người nhao nhao hỏi. Cô mỉm cười: *“Bí quyết của tôi đơn giản lắm. Tôi không hấp tấp vội vàng gì cả, vì cần được lắng nghe. Tôi nằm xuống đất rồi lắng tai nghe. Cuối cùng, tôi đã nghe tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ từ trong đồng mạt cửa”*.

Vâng, đôi khi, tự mình biết chậm lại, biết tách ra khỏi sự xô bồ nhốn nháo lại phát hiện ra lắm điều lý thú.

Xin được kể thêm mẫu chuyện này, ngày nọ, lần đầu tiên tranh của danh họa Picasso được trưng bày triển lãm tại thủ đô nước Nga. Nghe tin hot này, ngay trong ngày khai mạc đã có hàng ngàn người kéo đến chờ đợi từ sáng

sớm. Ai nấy chen lấn, đều muốn là người đầu tiên được tận mắt nhìn các bức tranh ấy. Dù ban tổ chức đã phóng loa kêu gọi mọi người hãy xếp hàng, hãy trật tự nhưng rồi cũng không thể. Sự cuồng nhiệt của công chúng dành cho tác phẩm của một danh họa là điều đáng khen, đã phản ánh được trình độ dân trí của đất nước đó nhưng nếu họ tuân thủ theo quy định chung thì vẫn tốt hơn.

Ngay lúc cực kỳ khó khăn ấy, nhà văn Ehrenburg đã giải quyết bằng cách nào?

Khi được mời ra trước đám đông, ông nhỏ nhẹ nói qua mi-cờ-rô: “*Đã chờ ngày trọng đại này từ nhiều năm rồi, bây giờ chỉ chờ thêm vài phút, chẳng lẽ chúng ta lại không làm được?*”. Lời nói của ông vang lên đầy sức thuyết phục và lạ thay, cả hàng ngàn con người đang nôn nóng, sốt ruột kia bình tâm trở lại. Chỉ chậm vài giây thôi, nhưng mọi việc lại đâu vào đó.

Biết chậm lại một giây, dễ hay khó? Vừa rồi, qua báo chí, chúng ta giật mình khi biết đến con số tai nạn giao thông hiện nay, không ngờ lại “khủng” đến thế. Có nhiều nguyên nhân được mổ xẻ, phân tích, trong đó sự nguy hiểm được cảnh báo nhiều nhất vẫn là “phóng nhanh vượt ẩu”. Ôi, nếu mỗi chúng ta đều tự nhắc nhở: “thà chậm một giây”, cuộc đời đã tốt đẹp hơn, phải không?

# THÀ BẬT MỘT QUE DIÊM



**T**rong nhịp sống hiện tại, hầu như con người ta đều nhất nhất phụ thuộc vào... điện. Trong một ngày, có thể thiếu nhiều thứ, ừ, thì thế nào cũng xong nhưng dứt khoát không thể thiếu điện. Mọi thông tin liên lạc từ truy cập Internet, check mail, xem phim, máy lạnh, giặt quần áo, tủ lạnh... đều không thể vận hành. Chao ôi, lúc ấy ai cũng có cảm giác: “Ba thu dọn lại một ngày dài ghê”. Rồi hậm hực. Rồi cáu tiết. Làm sao có thể ngủ trong không gian oi bức, làm sao “chém gió” trên Facebook... nếu không có điện? Nỗi bức dọc ấy đã khiến nhiều người quất tháo âm ỉ như đang nhai cơm ngon lành bỗng vấp phải hạt sạn, như đang phóng xe vu vu trên xa lộ lại vấp phải ổ gà! Điều này cho thấy sự lệ thuộc của con người vào thói quen mà lâu nay đã tận hưởng.

Tuy nhiên, khác với suy nghĩ ấy, có nhiều người vẫn nhẹ nhàng đón nhận, không hề than vãn gì. Ủa? Sao hay thế ta? Họ có bí kíp gì vậy? Đơn giản thôi, họ chấp nhận thực tại đó vì biết không thể nôn nóng, đòi hỏi phải diễn ra theo ý mình ngay lập tức. Họ cứ nhẫn nha chờ đợi bằng những cách thư giãn khác.

Như mọi Chủ nhật, ngày đó gia đình anh có thể ngủ nướng đến 8 giờ; sau đó, kéo nhau ra quán ăn sáng. Rồi lúc quay về nhà, từ vợ đến chồng mỗi người chiếm một không gian riêng, tự do với nhu cầu, sở thích riêng. Nếu chị dán mắt vào cái truyền hình, anh mãi mê vi tính thì hai đứa nhóc dứt khoát không thể thiếu cái iPad với các loại trò chơi. Thế mà Chủ nhật này, oái oăm quá, ông nhà đèn “chơi khăm” cúp điện.

Cả nhà sững sờ tưởng chừng như đất lún dưới chân. Tần ngần một lát, anh sức nhớ cái cửa sắt nhà mình đã loang lỗ, rỉ sét nhưng lâu nay do bận rộn công việc hằng ngày nên chưa thể mó tay vào. Rồi ngày nghỉ lại loay hoay với bàn phím nên chẳng thể sửa chữa. Thế là, anh mua sơn mới, kéo luôn cả hai đứa nhóc vào “phụ việc”. Chà, đã lâu lắm mấy cha con mới có dịp “lao động” chung. Câu chuyện cứ riu rít chẳng bù cho mọi ngày, mấy cha con có dịp tỉ tê, tâm sự gì đâu. Rồi vợ anh tranh thủ chăm sóc mấy chậu kiểng trước nhà, chị ngạc nhiên đến thích thú: “Ủa, giò lan nhà mình đã ra hoa rồi mình ơi. Vậy mà lâu nay, em chẳng biết”. Thế là chị hào hứng réo chồng con cùng

đến “chiêm ngưỡng”. Còn anh vừa sơn cửa, vừa hỏi han con cái chuyện học hành. Công việc cứ thế tuần tự trôi qua. Tiếng nói cười cả nhà náo nhiệt, vui nhộn hơn khác hẳn mọi Chủ nhật trước.

Rõ ràng, trong bất kỳ tình huống nào người ta cũng có thể tìm được niềm vui.

Nhiều người rất sợ sự thất bại, cứ mong ước, cầu nguyện sự việc phải diễn ra như ý mình. Nếu không, họ cảm thấy cuộc đời “bất công” quá. Chị bạn tôi, thời trẻ yêu anh chàng nghệ sĩ nọ nhưng bị “quăng cục lơ”. Không chịu được khổ đau, chị thất tình và đại đột quỵ sinh, may mà cứu sống được. Trải qua sự cố đó, sau này, chị nghiệm ra rằng, do đã từng “*yêu rất nhiều nhưng chẳng được bao nhiêu*” (Xuân Diệu) nên càng trân trọng tình yêu của mình. Với ý thức ấy, chị đã vun đắp, gìn giữ hạnh phúc đang có mỗi ngày.

Khi gặp những chuyện không như ý, chẳng việc gì bi quan rằng, đời mình đi vào ngõ cụt. Có câu chuyện về người đàn ông nọ do chiến tranh nên không còn nguyên vẹn chân tay, tuy vậy, lúc nào ông cũng sống thanh thản, nhẹ nhàng và được mọi người yêu mến. Ông đã dựa vào đâu để có sự lạc quan đó? Ông tâm tình: “Tôi biết nhìn cuộc đời bằng đôi mắt sáng suốt. Khi ngược lên trời, tôi còn thấy bầu trời bao la; khi cúi nhìn xuống đất, tôi hình dung đến năm đất lúc về cát bụi, nó nhỏ bé vô cùng. Vậy có khác gì mọi người đâu? Cuối cùng, nhìn chung quanh tôi thấy rằng, dù sao mình vẫn còn may mắn hơn nhiều người khác, vậy hà cớ gì tôi phải trách móc cuộc đời? Dầu tôi có nguyên rủa, van xin thì đôi chân của tôi đâu thể mọc ra lần nữa?”.

Suy nghĩ tích cực ấy, chính là nguồn vui sống đó thôi.

Không phải ngẫu nhiên nhiều người cho rằng, sự thành công quá sớm, quá dễ dàng chưa hẳn là điều tốt. Tại sao? Bởi khó có thể dễ dàng chia sẻ với nỗi khổ, bất hạnh, thất bại của người khác. Và nhất là khó có thể chấp nhận được nghịch cảnh lúc thất bại của chính mình. Một ông tỷ phú tiêu xài rất kỹ từng đồng tiền bỏ ra, thiên hạ chê cười là keo kiệt, ông chỉ từ tốn: “Tôi sinh ra trong một gia đình mà bố mẹ đều nghèo khó nên tôi phải biết quý giọt mồ hôi”. Trong khi đó, có những người lúc lọt lòng đã giàu sang phú quý nhưng nếu không thấm thía được sự nhọc nhằn của ông bố bà mẹ đã trải qua lúc tạo dựng cơ nghiệp thì trên đường đời cũng khó thành công.

Con người sinh ra đời, có số mạng hay không? Chuyện này còn bàn luận chán. Nhưng chắc chắn có một điều rằng, dù có lúc thất bại, không như ý về cuộc sống nhưng con người ta hơn nhau ở chỗ biết chấp nhận nó và tự ý thức “Thà bặt một que diêm còn hơn ngồi nguyên rủa bóng tối”.

# ĐƯA “ÔNG THIỆN” VÀO NHÀ



**N**gay còn nhỏ, tôi thường được bà ngoại dẫn lên chùa.

Lúc đi ngang qua tượng “ông Ác” nhìn gương mặt đen đúa, râu ria xồm xoàm, hai tay nắm lấy đầu thanh gươm đang chống thẳng dưới đất như sẵn sàng tuốt ra khỏi vỏ, ánh mắt lại trùng trùng nghiêm khắc khiến tôi sợ chết khiếp, nín lấy vạt áo dài của bà rón rén bước qua. Nhưng ngoảnh qua phía bên này, lòng tôi nhẹ nhàng, hoan hỷ khi nhìn thấy tượng “ông Thiện”. Gương mặt ấy thanh thoát, hiền từ, thanh gươm giắt sau lưng, ánh mắt lại nhìn triu mến luôn gợi lên sự thân mật gần gũi.

Dù sau này, vẫn chưa thể hiểu hết ý nghĩa tương phản của hai bức tượng ấy, nhưng tôi cũng mạo muội nghĩ rằng: Căn nhà mình trú ngụ êm ấm mỗi ngày, thật ra cũng có “ông Thiện” và “ông Ác” đang hiện hữu, tùy theo “gu” lựa chọn của mình khi mua sắm, bài trí các vật dụng.

Thử tưởng tượng, bước vào căn nhà mà ngay từ phòng khách đã thấy chủ nhân treo la liệt “hàng độc” như đầu bò tót, sừng nai, ngà voi hoặc gấu, cạp nhồi bông, những khẩu súng săn như muốn khoe “chiến tích” là tay sát thủ, từng giết hại nhiều con thú, lúc ấy, cảm giác ta sẽ thế nào?

Lại có nhà, trong tủ búp phê “chơi” luôn một loạt bình rượu “ông uống bà khen”, chưa biết hiệu quả ra sao nhưng tận mắt nhìn thấy trong đó những con rắn nằm khoanh tròn rồi chen chúc xác chết con bìm bịp, bò cạp, ong chúa, tắc kè, bồ cùi..., tự dưng nổi gai ốc, sờ sợ. Nghĩ đến lần sau quay lại nhà này, ta thấy ngại ngại.

Lại có những căn nhà dù đến một lần hoặc nhiều lần, bao giờ ta cũng có thiện cảm, lúc chia tay, dù không nói ra nhưng trong lòng tự nhủ “*See you again*”! (Hẹn gặp lại!) Không thiện cảm sao được khi nhà cửa ngăn nắp, sạch sẽ và ấn tượng khó quên là tủ sách, kệ sách được đặt ở vị trí trang trọng. Chỉ nhìn gáy sách được sắp xếp chu đáo, lại sách quý, sách hay, tự nhiên nhớ đến câu “*thi trung tự hữu nhan như ngọc*” (Trong sách có người con gái dung nhan đẹp như ngọc). Nhìn thấy trên tường treo những bức tranh nghệ thuật, tự dưng lòng nhẹ nhàng, tâm trí phóng khoáng, thân thiện.

Qua cách bài trí ấy, ta có thể hiểu thêm tâm tính chủ nhân, gia phong

của mỗi nếp nhà.

Ai cũng biết, nhà văn Vũ Trọng Phụng (1912 - 1939) mất sớm vì bệnh ho lao. Cả đời sống trong nghèo túng, đôi khi niềm mơ ước của ông “được ăn miếng thịt bò bít-tết thì sung sướng biết bao nhiêu”, nhưng “Phụng có những sự thù ghét mà thoát đầu không ai hiểu”. Nhà văn Lan Khai cho biết: “Một hôm anh đột ngột bảo tôi: “Trong đời tao, tao không oán gì bằng cái tủ chè”. Tôi đã trợn tròn hai mắt vì ngạc nhiên khiến anh phải mỉm cười trước khi nói tiếp: “Thực tế cái dân An Nam này đã khốn khổ và còn khốn khổ vì cái tủ chè đều giả ấy không biết đến bao giờ! Mà thử xem, trong mỗi nhà, cái chỗ tốt đẹp nhất đáng lẽ phải để tủ sách, treo những tác phẩm về mỹ thuật hay đặt máy truyền thanh, người mình chỉ kê cái tủ chè” (Tập chí *Tao Đàn* số tháng 12.1939).

Theo quan niệm ngày trước, một gia đình giàu có thì ngoài cái sập gụ bằng gỗ tốt đặt chễm chệ ngay phòng khách, còn phải kê thêm cái tủ chè được chạm trổ công phu, cẩn xà cừ tinh xảo. Nhà văn Vũ Trọng Phụng căm ghét vì sự bài trí ấy chỉ cốt khoe giàu, chứ không nghĩ đến việc tích lũy lấy tri thức, mỹ thuật thông qua các sản phẩm văn hóa.

Bây giờ, tư duy ấy vẫn chưa thay đổi nhiều, ngay cả tại các nước có thu nhập nhiều hơn ta gấp bội lần. Đừng nói đâu xa, Singapore vẫn là nơi ta dành nhiều thiện cảm nhưng người đứng đầu đất nước ấy vẫn chưa hài lòng. Trước lúc trường Đại học Nam Dương và Đại học Singapore hợp nhất thành Trường Đại học Quốc lập Singapore, ngày 20.5.1980, Thủ tướng Lý Quang Diệu đã có buổi nói chuyện với giáo chức của hai trường này. Ông cho biết có lúc bất ngờ đi thăm một số gia đình bình thường: “Các cuộc tiếp xúc khi thăm viếng đã làm cho tôi có thể suy nghĩ một cách linh hoạt hơn đối với những nguồn tin và những con số thống kê về kinh tế - xã hội”.

Qua đó, ông Lý Quang Diệu phát hiện ra điều gì?

“Trong các cuộc viếng thăm, điều làm cho tôi nhiều lần ngạc nhiên, là chỉ thấy các thiết bị âm thanh, những đồ dùng gia đình đắt tiền, những máy thu hình màu, mà chưa bao giờ tôi thấy một tủ sách hoặc một giá sách. Tôi rất ít thấy tranh vẽ” (*Tuyển tập chính luận của Lý Quang Diệu* - NXB Chính trị Quốc gia - 1994). Rõ ràng, các giá trị văn hóa ấy không thể thiếu trong mỗi ngôi nhà, nếu chủ nhân muốn nâng cao trình độ tri thức, nuôi dưỡng tâm hồn.

Trở lại với cảm giác đã từng đến chùa chiền, chẳng ai ngốc nghếch so sánh nơi thờ phượng cung kính với ngôi nhà mình đang trú ngụ. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng, những lúc bước vào/về nơi ấy, ta luôn có cảm giác bình yên, thanh thản vì đã trút bỏ mọi tị hiềm, bức dọc, ganh ghét ra ngoài cửa; vì

được tiếp cận với tình cảm yêu thương nhất, không phải lơ lảo, e dè, cảnh giác trước sau. Nhưng chắc chắn ta khó có cảm giác bình tâm, nếu trong ngôi nhà từ màu nước sơn đến các vật dụng đang bài trí luôn gợi lên sự u ám, chết chóc.

Các vật dụng mua sắm sử dụng trong nhà đã phản ánh rõ nét hình ảnh “ông Thiện” và “ông Ác” đấy thôi.

Có lẽ, “ông Thiện” gần gũi nhất của mỗi nhà vẫn chính là sách. Đưa sách vào nhà cũng là một cách tích lũy sự hướng thiện. Còn gì bình yên hơn, lúc nhìn con cái mình ngoan ngoãn ngồi chăm chú đọc sách. Lúc ấy, cháu thả hồn vào thế giới của Chân, Thiện, Mỹ, há chẳng phải một cách cháu đang tự học, tự giáo dục đấy sao? Và không chỉ có sách, còn có thể kể đến những loại hình nghệ thuật khác nữa như tranh ảnh, tượng điêu khắc, các giai điệu âm nhạc... cũng là những “thực phẩm tâm hồn” không thể thiếu mà ta cần tiếp xúc, thư giãn hằng ngày.

Đưa “ông Thiện” vào nhà, nên chăng?



# ĐÔI LÚC CŨNG CẦN...NÓI DỐI



**N**ghe kỳ cục quá, tại sao phải nói dối chứ?

Ông bà ta từng dạy: “Ăn ngay nói thật, mọi tật mọi lành”. Chẳng thà “ăn cục nói tròn”, dù vụng về, thô kệch nhưng câu nói ấy chân chất, thật thà vẫn hơn cái kiểu “ăn xuôi nói ngược”, thêm thắt “hoa lá cành” một cách dối trá. Đành rằng, quan niệm này hoàn toàn đúng nhưng đôi lúc, ta cũng phải biết nói dối. Tuy nhiên lời nói dối ấy, trước hết phải xuất phát từ thiện ý vì biết nghĩ đến người khác. Nghĩ rằng, với lời nói dối ấy, nếu họ tin là thật, có thể trở thành động lực, nguồn vui sống khi đang chìm đắm trong cõi bi quan, hoang mang về sức khỏe, về niềm tin đã mất...

Tôi chợt nhớ đến năm tháng cuối đời của thi sĩ lừng danh Hàn Mặc Tử.

Những ngày ấy, ông sống trong tâm trạng đón đau: “*Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút/ Mỗi lời thơ đều dính nảo cân ta/ Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt/ Như mê man chết đuối cả làn da*”. Làm thế nào để an ủi tinh thần người bệnh? Bấy giờ, nhà văn Trần Thanh Địch mới gửi thư giới thiệu Hàn Mặc Tử làm quen với một thiếu nữ xinh đẹp có cái tên nũng nịu, âm vang như thơ: Thương Thương. Từ đó, những cuộc giao thiệp qua thư từ đã diễn ra và khiến chàng thi sĩ hào hứng tột cùng để nảy sinh ra một nguồn thơ mới.

Do tin bạn đã giới thiệu, Hàn Mặc Tử hoàn toàn không biết Thương Thương chỉ là cô gái mới độ tuổi trăng rằm, nhưng qua trí tưởng tượng: “Em sẽ là Nàng Thơ của anh. Cứ nghĩ đến em, thế là vui sướng lắm rồi, quên hết cuộc đời tận khổ, gian lao. Mà sau này, văn thơ anh ảnh hưởng ở em, nếu có chút giá trị gì đối với văn học, cái công của em không phải là nhỏ”. Thật vậy, chính nhờ hình ảnh của Thương Thương, ông đã có cảm hứng để viết nên kịch thơ *Duyên kỳ ngộ* và *Quần tiên hội*.

Nếu khoảng thời gian Hàn Mặc Tử bị đát, đau đớn tột cùng của thể xác, Trần Thanh Địch không bịa ra chuyện Thương Thương, liệu ông có thể tìm được niềm yêu đời, sự hy vọng chói lòa: “*Nường nường ơi! Biết nhau từ độ ấy/ Tóc xanh thêm và tình đậm đã nhiều...*”? Nhiều bác sĩ bảo rằng, lúc bệnh hoạn nhưng nếu từ trong ý thức vẫn lạc quan, hoan hỷ, không âu sầu, lo lắng,

phiền muộn thì việc chữa trị sẽ có những tín hiệu tốt hơn.

Khi tiếp cận *Truyện Kiều*, thiền sư Thích Nhất Hạnh cho biết, nhân vật ông không thích là thầy tướng số! Khi Kiều còn bé dại, thơ ngây lão ta đã gieo vào đầu: “*Tinh hoa phát tiết ra ngoài/ Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa*”. Theo thiền sư, “Ông thầy tướng số này nguy lắm. Người ta còn con nít mà nói như vậy là gieo một hạt giống đau khổ rắc rắc và lo sợ trong lòng người ta! Người ta yên trí rằng mình sẽ khổ suốt đời, đó là cái không hay”. Rõ ràng, phép ứng xử ở đời, đâu phải lúc nào cũng “nói toạc móng heo”, “nói thẳng ruột ngựa” là tốt đâu.

Nhiều lần trò chuyện, GS. NGND Hoàng Như Mai, vị thầy đáng kính của nhiều thế hệ sinh viên thường tâm tình: Một đứa trẻ, dù học chưa giỏi nhưng nếu được nghe những động viên, khuyến khích của các bậc phụ huynh, nó sẽ tự thân nỗ lực nhiều hơn nữa vì biết mình còn được tin cậy, chứ không phải loại “bỏ đi”. Nhưng nếu cứ bị nghe những lời chì chiết, chê bai ắt nó chán nản, buông xuôi vì nghĩ rằng, “số” mình đã là thế, không còn cách gì thay đổi được nữa.

Cuộc sống muôn hình vạn trạng, khó có thể truyền đạt kinh nghiệm sống của người này cho người khác, nếu tự thân không tự ý thức phải thay đổi. Thật kỳ diệu, đôi khi sự thay đổi ấy lại bắt đầu từ một lời nói dối nhằm khơi dậy tinh thần hướng thiện, sự tốt đẹp dù người đó đang đối mặt với chông gai, khó khăn tứ bề.

Đọc sử Việt, người Việt luôn tự hào về cuộc kháng chiến ròng rã mười năm chiến thắng giặc Minh của anh hùng Lê Lợi. Lúc khởi binh, qua tham mưu của thiên tài Nguyễn Trãi, ngài đã sai nghĩa quân dùng mỡ viết trên lá câu: “*Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần*”. Kiến, sâu ăn dần theo vết mỡ, hiện ra dòng chữ đó, rồi lá rụng bay khắp nơi. Bàn dân thiên hạ đọc được, cho là “ý Trời” nên nườm nượp kéo về Lam Sơn tụ nghĩa.

Không riêng gì Á Đông, các nước phương Tây cũng vậy thôi. Có chuyện rằng, trước lúc xuất quân đánh một trận sống mái quyết liệt “được ăn cả, ngã về không”, một vị tướng đứng trước ba quân, trên tay ông nắm giữ hai đồng xu và bảo: “Ta sẽ thả xuống đất hai đồng xu này, nếu cả hai cùng xuất hiện mặt đỏ ắt trời đất linh thiêng phù hộ thắng trận; nếu một mặt trắng, một mặt đỏ, than ôi, thời vận của chúng ta đã kết thúc”.

Bốn bề lặng phắc như tờ, trong lòng ngực mỗi người nhịp tim đập thành thạch, lo lắng chờ đợi giây phút có tính chất quyết định ấy. Vừa dứt lời, vị tướng quân thả hai đồng xu xuống đất, tiếng vỗ tay hò reo như sấm: cả hai đồng xu đều xuất hiện mặt đỏ! Ba quân phấn kích xuất trận, họ đã thắng vì

tin rằng mình sẽ thắng. Tuy nhiên, không ai biết rằng cả hai mặt đồng xu ấy, trước đó, vị tướng quân đều sơn màu đỏ.

Nói dối không tốt, thậm chí còn là tính xấu, cần phải tu sửa. Trong quan hệ xã hội, nếu gặp những người lúc nào cũng nói những lời dối trá nhằm vụ lợi cá nhân, xúc xiểm chỗ này, “thọc gậy bánh xe” chỗ khác -nói như nhà văn Nam Cao thì “cái mặt ấy không chơi được”. Đáng ghét lắm.

Thế nhưng, một khi lời nói dối ấy được thực hiện vì lợi ích chung nhằm đạt đến kết quả tốt đẹp hơn; vì mong muốn người khác có thể vin vào đó vượt qua nỗi nguy khó trước mắt thì cũng có thể châm chước, thậm chí còn được đồng tình nữa là khác...

# ĐÔI KHI CŨNG CẦN...VÀO BỆNH VIỆN



**T**ình cờ gặp nhau trên phố, hai người bạn mừng rỡ ôm chầm, hỏi han tíu tít. Đã lâu rồi, cũng chừng nửa tháng, họ không gặp nhau. Anh A hỏi: “Cậu đi đâu xa hay bận rộn thế nào mà chẳng hề thấy mặt trong các cuộc bù khú cùng bạn bè?”. “Ừ, tớ mới đi chơi xa”. Anh A vỗ vai bạn: “Chúc mừng nha, hèn chi trông thấy mặt mày cậu phớn phở quá. Tò mò một chút, cậu du lịch nước nào? Có gì vui, kể cho tớ nghe đi”. Anh B cất lên tiếng cười sảng khoái: “Chẳng giấu gì bạn, tớ mới vừa trải qua cơn đau thập tử nhất sinh nên thời gian qua phải nhập viện”!

Chà, sao trông tươi tỉnh, vui vẻ đến thế?

Biết đâu, anh chàng B độc thân đã tán tỉnh được cô hộ lý; hay nữ bác sĩ xinh đẹp nào chẳng? Sống trên đời, có nhiều nơi cần đến nhưng chắc chắn trong danh sách đó, bệnh viện hoàn toàn không phải là nơi mọi người chọn lựa. Chẳng may bệnh hoạn, ốm đau, chẳng đáng đừng phải vào đó thôi, chứ đang khỏe khoắn thừa sức bẻ gãy sừng trâu, có cho vàng đi nữa cũng chẳng ai dại gì khấn gói vào nằm trong đó.

Tuy nhiên, khi vào bệnh viện, ở đó, một thế giới khác -thế giới của những con người đang nhờ cậy vào chuyên môn, tấm lòng của các y, bác sĩ lại có thể giúp ta có một nhận thức mới. Mà này, nói nhỏ thôi, đôi khi muốn có “một nhận thức mới” tương tự như bệnh nhân, ngay cả các y, bác sĩ cũng có lúc... cần nhập viện.

Tình cờ, tôi đọc được trên mạng xã hội nỗi lòng thầm kín của vị bác sĩ nọ. Ông đã nêu ra một vấn đề rất thật và cũng rất đời: “Khi chính mình phải đối diện với nó, chính mình trở thành bệnh nhân, tôi mới thực sự thấu hiểu và thông cảm với người bệnh. Những ngày đó thật đau đớn, căng thẳng, lo lắng, mặc cảm... Nằm trên giường bệnh, tôi suy nghĩ về chất lượng cuộc sống và cả về chất lượng cho chuyến du hành cuối cùng của cuộc đời. Thật xấu hổ tôi đã lo âu chỉ vì một viên sỏi bé tí... không là một cái gì so với hàng trăm ngàn bệnh nhân ở đây. Với tôi, bệnh viện là nhà, quanh tôi toàn là thầy, cô, bạn bè đồng nghiệp, gia đình... rất quen thuộc và thân thiện nhưng tôi vẫn lo lắng”.

Có như thế, các thầy thuốc mới có dịp soi rọi lại chính mình.

Thật vậy, thế giới đó có những điều kỳ diệu mà lâu nay ta chưa có điều kiện nhìn nhận, suy ngẫm.

Không phải ngẫu nhiên, trong tác phẩm lừng danh *Quy luật muôn đời*, nhà văn người Georgia Nodar Dumbatze đã viết một câu mà thoáng đọc qua, ta thấy trái khoáy: “Con người ta cần ốm nặng ít nhất một lần trong đời”. Trời đất ơi, ắt nhiều người đặt câu hỏi: “Tại sao lại nhấn mạnh một điều kỳ cục vậy hả? Gặp nhau, người ta chúc nhau, mừng nhau khỏe mạnh đời yêu đời, chứ sao lại nói đến chuyện ốm đau?” Nhà văn Nodar Dumbatze giải thích ngắn gọn: “Như vậy sẽ có dịp phân tích và đánh giá lại toàn bộ quãng đường đã qua”.

Khi đang khỏe như voi, chỉ cần gặp chuyện “nhỏ như con thỏ” cũng khiến người ta dễ nổi nóng, nhất định phải “ra tay” ngay tắp lự nhằm thể hiện “cái tôi” không thua ai, không sợ ai. Chẳng hạn, bước vào quán ăn sau khi nốc dăm chai bia, uống vài chén rượu, nhìn qua bàn bên cạnh chợt thấy ánh mắt nhìn là lạ, ta liền gân cổ quát: “Mày nhìn đều đấy à?”. Người kia chưa kịp phân trần, ta đã nổi nóng lao qua “ăn thua đủ” cho bỏ ghét. Mà trên đời “vỏ quýt dày thì móng tay nhọn”, chẳng ai phải sợ ai. Ta đánh họ, họ cũng đánh lại ta. Cả hai hùng hống hờ hững một phen bất phân thắng bại, cứ như thế đối mặt với kẻ thù không đội trời chung, đã từng có mối thù thâm căn cố đế.

Rốt cuộc, cả hai... cùng gặp nhau trong bệnh viện.

Chuyện gì xảy ra sau đó?

Sau một giấc mê mết bất tỉnh nhân sự không biết trời trăng mây gió gì sất, vừa tỉnh dậy, anh A liếc qua giường bệnh nhân B, chỉ cách nhau một sải tay, anh nghe được tiếng òa khóc, giọng thủ thỉ của cô bé lên mười: “Cha ơi, cha khỏe lại chưa? Ở nhà không có cha, con nhớ cha lắm. Cha mau khỏe để Chủ nhật này dẫn con đi chơi sở thú nghen”. Những giọt nước mắt lăn dài trên đôi má bầu bình, hồn nhiên ấy đã khiến anh A sức nhớ đến con mình. Tự dưng chùng lòng xuống, anh A nén tiếng thở dài: “Phải chi trước lúc choảng nhau, ta nhìn thấy cảnh này”.

Còn anh B, giây lát sau xoay người nhìn qua giường bệnh anh A, lại thấy người vợ hiền lành, đôi mắt sâu hoắm vì âu lo đến mất ngủ đang chăm cho chồng từng muỗng cháo như dỗ dành đứa trẻ. Bất giác anh B xúc động, nhớ đến cô vợ trẻ của mình, khi chồng gặp nạn, phải nhập viện thì nỗi âu lo của ai cũng giống nhau. Tự dưng anh B cảm thấy xấu hổ, hối hận cho những lúc không kiềm chế.

Khi ốm yếu, dù không hề bị quan nhưng rõ ràng ai ai cũng có cái nhìn về tình đời, tình người thân thiết hơn, nhân hậu hơn.

Tôi có quen với vợ chồng người bạn cùng công sở. Trước đây, họ đã từng nộp đơn ra tòa xin ly hôn, cùng song ca hai câu thơ của Thế Lữ: *“Anh đi đường anh, tôi đường tôi/ Tình nghĩa đôi ta chỉ thế thôi”*. Trong lúc chờ tòa phân xử, chẳng may anh bị ốm nặng. Những ngày đó, người vợ vẫn vào bệnh viện chăm sóc anh chu đáo từng ly từng chút. Quái, bao nhiêu lời nói hằn học, cay cú, mắng nhiếc sa sả với nhau mỗi ngày thì nay đã trốn biệt đâu mất. Nhìn chồng với thân thể gầy yếu, thở không ra hơi tự dưng trong lòng chị lại dậy lên một tình cảm mà lâu nay đã quên. Tình cảm của ngày mới yêu nhau, chị nhớ thuở ấy anh khỏe mạnh là thế, nay lại ốm o như con mèo ướn. Còn anh, lúc mỗi một nửa khuya giật mình tỉnh giấc đã thấy người vợ ngồi bên cạnh. Chị cầm chặt lấy bàn tay anh như đang chở che, an ủi, bất giác anh cảm động đến ứa nước mắt.

Khi chênh vênh giữa sống và chết, chẳng ai nhọc tâm khổ trí tính toán, nghĩ ngợi đến chuyện tranh giành, tị hiềm, thù oán, thủ đoạn... nữa. Họ nghĩ đến cuộc đời bên ngoài cửa sổ bệnh viện. Họ nghĩ đến sự ân cần chăm sóc của các y, bác sĩ đã tận tụy ngày đêm vì sự sống của họ. Đời đẹp lắm. Mỗi ngày, nắng lên xanh, mưa dịu mát, sao lúc khỏe khoắn họ không làm tròn phận sự nhường nhịn, vun vén niềm vui cho nhau. Rồi họ lại nghĩ đến khoảng thời gian trôi qua mình đã sống, đã cư xử với mọi người thế nào và lúc lo lắng nhất, sự sống đã nằm ngoài tầm tay thì những ai là người thường xuyên thăm nom, chăm sóc từng ngày, từng giờ?

Vâng, đó là lúc mỗi chúng ta biết nghĩ về “phần hồn”, nghĩ về “sức khỏe cho tâm hồn” chứ không phải mãi mê chạy theo dục vọng “hỉ, nộ, ái, ố, lục tặc, tam bành” của cái thể xác đang đòi hỏi. Nhà văn Nodar Dumbatze hoàn toàn chí lý khi viết: “Tâm hồn con người nặng gấp trăm lần thể xác. Nó nặng đến nỗi một người không mang nổi... Bởi thế người đời chúng ta chường nào còn sống phải ra sức giúp đỡ nhau, gắng làm cho tâm hồn trở nên bất tử, ông giúp cho tâm hồn tôi sống mãi, tôi giúp người khác, người ấy lại giúp người khác nữa, cứ thế đến vô cùng... Sao cho cái chết của một người không đẩy ta vào tình trạng cô đơn trong cuộc sống”.

Điều đáng tiếc nhất, chỉ khi nằm bệnh, lúc chênh vênh sống - chết thì ta mới quay về sống trong tâm thể đó. Lúc khỏe khoắn, đang “lên hương” nếu ta suy ngẫm mỗi ngày về điều hướng thiện ấy, cuộc đời tốt đẹp hơn biết bao nhiêu.

# SỨC KHỎE QUÝ HƠN VÀNG



Mỗi sáng mở mắt dậy, nhìn thấy trời xanh mây trắng, nghe tiếng chim ríu rít, có mấy ai nghĩ đó là hồng ân của cuộc sống mà ta đang tận hưởng? Công việc đang thúc giục từng giây, từng giờ, vậy làm sao có thể thả hồn theo những thứ “vu vơ” đó? Vâng, công việc bận rộn mỗi ngày lại cuốn hút, chẳng có một khoảng thời gian nghỉ ngơi, chứ đừng nói dành một ít thời gian vươn vai hít thở khí trời, ngắm nhìn thiên nhiên trong lành mỗi sáng.

Lúc ấy, con người ta lại vội vã lao ra đường, va chạm với khói xe mù mịt mà đôi khi chẳng có một lý do gì chính đáng; hoặc lại tất bật với công việc đang bề bộn trên bàn giấy. Trong một ngày, chúng ta quan tâm đến nhiều thứ nhưng oái ăm thay, không phải lúc nào cũng nhớ đến sức khỏe. “Ồi dào, cần quái gì, tớ vẫn còn khỏe chán”. Đó là câu nói quen thuộc của nhiều người. Khi đang khỏe, ai cũng nghĩ không phải mình đang khỏe mà... rất khỏe.

Có thật vậy không?

Quan hệ xã hội, có thể người ta thừa nhận mình không giàu, không trẻ, không đẹp trai bằng người khác nhưng về sức khỏe thì... đừng hòng. Do đó, có những cuộc vui thâu đêm suốt sáng, “xả láng sáng về sớm” bởi nghĩ rằng mình còn trẻ, còn khỏe, còn thừa sức chống chọi lại sức tàn phá của bia rượu qua những đêm thức trắng. Bằng chứng, “ai kêu tôi đó có tôi đây”, “thích là chiều” nên cứ nốc ồng ộc “bằng anh bằng em” chứ không thềm né tránh. Mà bia rượu là “cái đỉnh” gì? Chỉ cần ngủ một giấc là hôm sau lại khỏe re, việc gì phải bận tâm?

Vì vậy, mới có câu chuyện hài hước: Ngày nọ trung tâm kỷ lục trao giấy chứng nhận tuyên dương những ông cụ sống lâu, sống thọ, sống khỏe nhất trong làng. Có một ông cụ cho biết kinh nghiệm là thích gì ăn nấy, không thềm kiêng cử, cứ nốc rượu bia vô tội vạ, cứ miệt mài tình ái với bồ bịch, mèo mỡ bất kể ngày đêm... Nghe thế, thiên hạ ngạc nhiên quá bèn nhao nhao hỏi: “Thưa cụ thể năm nay cụ đã bao nhiêu xuân xanh rồi ạ”. Câu trả lời đồng dục và dứt khoát: “Năm nay, tôi tròn 25 tuổi!”

Một trong những điều tai hại nhất mà nhiều người ảo tưởng nhất, phung

phí nhiều nhất vẫn chính là sức khỏe. Họ chủ quan nghĩ rằng, cơm ăn ngày ba bữa, ăn uống như voi thì còn lâu mới nằm liệt giường liệt chiếu. Do đó, đã vui đã chơi thì “bất cần thân thể”. Đã lao vào công việc thì bất chấp thời gian, không thềm nghỉ ngơi. Đã marathon trên đường đời, cứ chạy hết tốc lực “qua mặt” thiên hạ mới oách! Cái sự ham hố này đúng hay sai là tùy theo quan niệm sống của mỗi người. Chỉ tiếc, trong lúc đó, mấy ai bình tâm, tự hỏi cơ thể của mình dạo này sức khỏe thế nào?

Không riêng gì tôi, chỉ cần một cú hắt hơi, sổ mũi là đã thấy thân thể “có vấn đề”. Chỉ một vết xước nhỏ trên ngón tay là đã thấy khó chịu lắm rồi. Chỉ một cơn đau nửa đầu ủa tới là mọi thứ đã lộn nhào, rối tung lên cả. Rồi trăm người như một, lúc ngã bệnh vì bất kỳ lý do gì, nếu hỏi: “Bây giờ anh cần gì nhất?”. Dù uế oải, mệt mỏi khó thốt thành lời nhưng ai ai cũng thành thật cho biết, báu vật mà họ cần nhất vẫn chính là sức khỏe. Ơ hay, chứ không phải tiền tài, danh vọng, địa vị mà trước đó họ đã có, đã từng tranh giành cho bằng được? Rõ ràng, sức khỏe mới là thứ quý nhất mà khi mất đi người ta mới thấy tiếc.

Không phải ngẫu nhiên, danh ngôn Nga có câu: “Người có sức khỏe có một trăm ước muốn. Người không có sức khỏe chỉ có một ước muốn duy nhất, đó là sức khỏe”. Thế nhưng khi đang khỏe, nghịch lý thay, ít ai quan tâm, lắng nghe đến sự thay đổi bên trong cơ thể chính mình. Phải nói thật rằng, trong cuộc sống, chúng ta chỉ thay đổi quan niệm sống khi có được một nhận thức mới. Nhận thức ấy là gì? Tôi đã từng gặp nhiều người dù không giàu có hơn ai nhưng lúc nào cũng thanh thản, vô ưu trong nếp sinh hoạt hằng ngày.

Anh bạn chí thân của tôi cho biết, một trong những điều khiến anh thay đổi nhận thức là từ câu chuyện này: Có một điều không may mắn xảy ra là ngôi nhà của anh bị hỏa hoạn. Toàn bộ của cải vật chất vun vén bao nhiêu năm, thậm chí dành dụm cả đời người, chỉ trong nháy mắt đã trở thành tro bụi. Anh đau khổ, buồn rầu đến phát bệnh và nhiều thầy thuốc đành bó tay, khó có thể chữa trị dứt.

Ngày kia, lúc anh đang nằm vùi trong sầu khổ, tình cờ có một nhà sư đến, lay anh và bảo: “Bần đạo xin chúc mừng ông”. Câu chối tai ấy khác nào sự mỉa mai, châm chọc, anh nổi giận đùng đùng: “Điên à? Chúc mừng cái gì trong khi tài sản của tôi đã bị thiêu rụi?”. Nhà sư vẫn từ tốn: “Ồ, không phải đâu. Tôi chúc mừng vì anh vẫn còn một thứ của cải quý báu nhất mà lửa không thiêu cháy nổi”. Anh ngạc nhiên hỏi: “Cái gì?”. Nhà sư mỉm cười: “Chính là thân xác của anh vẫn còn tồn tại”. Câu nói ấy như ánh sáng đã



khiến anh bình tĩnh.

Tục ngữ Việt Nam có câu cực hay: “Sức khỏe quý hơn vàng”. Câu nói này, đúng với mọi thời đại, mọi con người cho dù họ là sắc tộc nào đũa.

# ĐỪNG PHÁN XÉT NGƯỜI KHÁC



**N**ếu chọn lấy bức tranh biếm họa tiêu biểu nhất, có thể nói lên tính cách của nhiều người khi tham gia thế giới mạng nói chung, tôi sẽ lấy bức tranh này: Biểu tượng Facebook được vẽ thành cái cổng, từ phía bên này là những con người bình thường nhưng sau khi bước qua cổng, họ lại trở thành... luật sư, thầy cãi, thẩm phán đầy uy quyền, hầu như ai cũng cho mình có cái quyền được phán xét, chỉ trích người khác.

Một lời họ nói ra lừng lững uy quyền, không trật đi đâu được, các phản biện khác chỉ sai lè lè, không thêm chấp! Với các trường hợp này, tôi nghĩ, do chỉ đối diện với bàn phím, không ít người đã quên đi thế giới bên ngoài nên thân nhiên “múa gậy vườn hoang”. Họ nghĩ gì viết nấy, không cần phải cân nhắc liệu các comment, note, status của mình có thể tổn thương đến ai khác không?

Mà không riêng gì “thế giới ảo”, trong đời thật cũng chẳng khác gì.

Nhiều người cho mình có cái quyền được phán xét người khác, nhìn vào đâu cũng thấy sự đáng ghét, khó ưa nên vội vàng kết luận theo suy nghĩ cá nhân rất sai lệch. Hỡi ôi, sự vận động trong cuộc sống không hề đơn giản như một cộng một bằng hai. Có những sự việc đang là thế, diễn ra như thế nhưng nếu không đặt mình vào trong hoàn cảnh ấy, chắc chắn mình sẽ có một kết luận theo cái nhìn chủ quan, chưa chắc đã đúng và trúng.

Tôi xin kể mẫu chuyện nhỏ:

Thời kháng chiến chống Pháp, thi sĩ Xuân Diệu đi thực tế sáng tác, ông được phân công ở cùng gia đình bố con bác nông dân. Chiều nọ, ông ngồi làm thơ bỗng nghe tiếng khóc thầm tức. Thì ra, cô gái nhỏ của chủ nhà vừa ngủ dậy, đang ngồi khóc ngon lành. Ông bố đến hỏi tại sao, em cũng không trả lời, cứ khóc thút thít. Tiếng khóc ngân ngật buồn bã cứ kéo dài, chẳng ai hiểu do có sự gì, dỗ mãi cũng không nín. Bực quá! Ông bố muốn phết cho vài roi nhưng Xuân Diệu can: “*Đừng đánh em. Tội nghiệp! Biết đâu trong giấc mơ chiều nay, em mơ thấy gì chẳng?*”.

Ngẫm cũng có lý, bác nông dân gặng hỏi, em đáp vừa nằm mơ thấy mẹ. Thức dậy, không có mẹ nên nhớ quá mà khóc. Thật vậy, vợ của bác vừa mất

trong một trận càn của giặc Pháp. Sự nhạy cảm, tinh tế của Xuân Diệu về trường hợp của cháu bé mồ côi thật cảm động.

Thế đấy, nếu không hiểu thấu ngọn ngành, người ta dễ dàng có một kết luận không đúng, dù mắt đã thấy, tai đã nghe.

Nhiều người đã đọc Kinh thánh, có lẽ vẫn còn nhớ lúc Chúa Jesus đến núi Olives. Táng sáng, ngài trở lại Đền Thờ, có người dẫn đến một phụ nữ bị bắt quả tang ngoại tình, nếu theo luật thì phải chịu hình phạt ném đá đến chết. Trước tình huống này, ngài đã nói một câu nổi tiếng và sau này trở thành nguồn cảm hứng cho nhiều tác phẩm nghệ thuật: *“Ai trong các ông sạch tội, thì cứ việc lấy đá mà ném trước đi”*. Tự xét lại chính mình, dần dà, đám đông bỏ đi hết. *“Ai nhìn người phụ nữ mà thèm muốn thì trong lòng đã ngoại tình với người ấy rồi”* (Mt 5: 27-28). Rõ ràng, trước khi phán xét một ai đó, mỗi người phải tự soi rọi lấy chính mình, bằng không chỉ thấy “cái dăm trong mắt người khác mà không thấy cây đũa trong mắt mình”.

Câu nói trên có tầm khái quát một triết lý sống.

Sống trên đời, sự chỉ trích, phán xét thật ra rất dễ dàng bởi lúc ấy, con người ta quên mất mình là ai, chỉ còn lại “cái tôi” to tổ chẳng như cái đình chiếm hết trong óc.

Sống trên đời, biết nhìn ra sự tốt đẹp của người khác thật khó, khó lắm bởi lúc ấy, con người ta kiêu ngạo với “cái tôi” và cho rằng hoàn hảo nhất.

Thật khó chịu, khi trò chuyện với ai đó, họ luôn ưỡn ngực xưng tên, mọi lúc, mọi nơi đều tìm cách “đánh bóng” bản thân. Thái độ ngổ ngẩn ấy làm sao có thể nhìn thấy vẻ đẹp của người chung quanh? Đừng quên, dù về địa vị xã hội, tuổi tác, thu nhập... tuy thua kém nhưng ai dám bảo họ không có những điều hơn hẳn mình?

Trong cuộc sống hiện đại, hầu như mỗi chúng ta - dù không cố tình, nhưng đều vấp phải một sai lầm là sống quá vội. Vội đến độ khi chứng kiến một điều gì đó, chưa kịp tìm hiểu thấu đáo đã vội vàng kết luận chắc chắn như đinh đóng cột. Sự vội vàng này nguy hiểm đến độ không có cơ hội sửa chữa. Mấy hôm nay, tôi suy nghĩ đau đầu về một chuyện đau lòng vừa xảy ra tại bệnh viện đa khoa huyện Vũ Thư (Thái Bình): Biết anh trai mình thiệt mạng sau khi cấp cứu, nam thanh niên 19 tuổi đã dùng dao bấm đâm chết nam bác sĩ 60 tuổi, một bác sĩ khác bị trọng thương. Đó chính là hậu quả của sự phán xét vội vàng, thiếu kiềm chế và tất nhiên sẽ bị luật pháp trừng trị. Tội nghiệp cho những lương y cứu người nhưng lại không thể bảo vệ được mạng sống của chính mình trước cái xấu.

Khi chúng ta bàn về “Sức khỏe cho tâm hồn”, ai cũng muốn cùng hưởng

về cái đẹp, lòng nhân ái, san sẻ cho nhau những mầm xanh tươi tốt, những bông hoa thắm hương nhưng rồi đôi lúc cũng không thể đứng ngoài thời cuộc. Tôi nghĩ, qua đó, ta lại càng thêm trân quý những mầm thiện đang được vun vén chặt chiu, gìn giữ mỗi ngày. Và có lẽ một trong những điều cần nhắc nhở nhau, trước lúc phán xét ai về một điều gì, sự cần trọng phải là yếu tố đầu tiên, nếu không sẽ tổn thương đến người khác.

Chỉ là thế thôi ư? Không đâu. Làm sao có thể quên được lời dặn dò của một triết gia khuyết danh đã từng nhắn nhủ: *“Cuộc sống là tiếng vọng. Điều bạn gửi đi quay trở về. Điều bạn gieo trồng bạn sẽ gặt hái. Điều bạn cho bạn sẽ nhận lại. Điều bạn thấy ở người khác tồn tại trong chính bạn”*.

# MÂY BAY... TRONG ĐẦU



**M**ây bay trong đầu ư? Làm sao có thể diễn ra điều đó? Có lẽ, gã nhà thơ lơ mơ này lẫn thẩn rồi chăng? “*Mây che trên đầu và nắng trên vai*” mới đúng là ca từ của Trịnh Công Sơn chứ? Lại nữa, câu thơ trong *Hoàng hạc lâu* của Thôi Hiệu, Tản Đà dịch: “*Hạc vàng đi mất từ xưa/ Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay*”. Tất nhiên, mây phải bay ngang trời, chứ không thể... trong đầu được. Các bạn nói đúng, nhưng ở đây xin bàn đến một khía cạnh khác.

Một ngày kia, nhân buổi chiều mưa lại đang nhàn rồi, ngồi soạn lại các đĩa VCD chất đầy trong ngăn tủ, lâu nay bỏ mặc, không quan tâm đến, tôi tình cờ tìm thấy và xem được bộ phim này. Đại khái, có một gia đình nông dân nghèo, vì sinh kế họ phải từ bỏ quê nhà lên Paris lập nghiệp. May mắn, cậu con trai được nhận vào nấu bếp tại quán ăn hạng xoàng, đối diện là một nhà hàng sang trọng. Từ khi cậu đứng bếp, lập tức đã có một sự thay đổi lớn: các thực khách đều tìm qua quán ăn này, còn nhà hàng đối diện ngày một vắng teo, vắng tanh như chùa Bà Đanh. Bí quyết nấu ăn của cậu ở đâu? Câu hỏi này đã khiến nhiều người tò mò. Phải tìm ra câu trả lời cho bằng được.

Trong một cuộc thi thể hiện tài nấu bếp, cậu và tay đầu bếp nhà hàng kia cùng làm bánh bông lan. Bánh của cậu, khi ăn, ai cũng khen ngon. Vị béo của trứng, vị ngọt của đường quyện nhuần nhuyễn với bột. Cắn một miếng, vị ngon thơm tho cứ lưu luyến mãi không thôi. Ăn một miếng, lại muốn ăn thêm. Cậu “bật mí”: “Khi thực hiện bất kỳ món ăn gì, trong đầu tôi chỉ nghĩ đến niềm vui, sự ngon miệng của thực khách. Muốn được thế, tâm hồn tôi phải nhẹ nhàng, thanh thoát, toàn tâm toàn ý với món sẽ nấu. Thâm tâm vướng víu đến sự bức dọc, hằn học, cay cú thì cái bánh này đây, các vật liệu sẽ không trộn lẫn, hòa nhập ưng ý đến thế. Nói cách khác, nếu ý nghĩ trong đầu mỗi người là mây thì tôi chọn lấy mây trắng thông dong, thanh thơi bay; chứ không chọn những đám mây đen ùn ùn kéo đến sẵn sàng tạo ra cơn giông tố, những tiếng sấm sét kinh hãi”.

Khi nghe tôi kể lại mẩu chuyện trên, nhà thơ Hồ Đắc Thiếu Anh - chuyên gia ẩm thực từng hướng dẫn nấu ăn trên đài truyền hình và cũng là tác

giả tập sách *An lạc mùa chay*, chị rất tán thành: “Thật vậy, khi nấu ăn với tâm thế giận dữ, cau có, buồn phiền chắc chắn chất lượng của nó sẽ khác hẳn lúc ta thực hiện bằng niềm vui, bằng sự tự nguyện mong muốn người thân, người thương ăn ngon miệng. Vì thế, những lúc nấu hàng trăm suất ăn từ thiện, giúp đỡ người nghèo, bao giờ tôi cũng cho mở nhạc nho nhỏ, réo rắt, reo vui. Những người nấu bếp thả hồn theo tiếng nhạc, tâm hồn thơ thới, hoan hỷ thì chất lượng của từng món ăn cũng ngon hơn”.

Cuộc sống này kỳ diệu quá phải không?

Tôi có đọc một tài liệu nghiên cứu của người Mỹ: Tại một cô nhi viện, các trẻ mồ côi đều có hoàn cảnh xuất thân như nhau là bị bố mẹ bỏ rơi lúc vừa lọt lòng. Tại đây, các em được nuôi dưỡng, giáo dục cùng một chế độ dinh dưỡng. Tuy nhiên, người ta phân ra làm hai loại, một nhóm trẻ được nuôi nấng bằng sự yêu thương, trìu mến, được các bảo mẫu tâm tình nhắc nhở như mẹ dành cho con; một nhóm trẻ cũng được nuôi ăn nhưng hoàn toàn không có sự quan tâm về tình cảm. Về sau, tính nết, sự thông minh, thái độ chan hòa với mọi người của hai nhóm trẻ không hề giống nhau.

Không phải ngẫu nhiên, các nhà thực vật cho rằng, trên cùng một mảnh đất, cùng phân bón, cùng hạt giống nhưng sau khi gieo trồng, các cây sẽ lớn lên khác nhau bởi nó còn tùy thuộc vào tình cảm của người chăm sóc.

Rõ ràng suy nghĩ hướng thiện hoặc tối tăm dù xuất hiện trong đầu nhưng cũng có tác động đến những vật mà ta cứ ngỡ “vô tri vô giác”. Ngay cả cái bánh bông lan kia, chất lượng nó cũng khác vì còn tùy thuộc vào tình cảm của người thực hiện. Từ đó, tôi cũng nghiệm ra rằng, suy nghĩ của mỗi người, chỉ nghĩ đến, chỉ hiện hữu trong óc nhưng nó lại có tác động sự vật bên ngoài. Các suy nghĩ này dù thoáng nhẹ như mây, nhưng nếu ta cứ suy đi nghĩ lại mãi, chắc chắn nó sẽ hằn một vết sâu rồi về dài lâu khó tẩy xóa. Chỉ bằng, một khi đã gặp những điều không hài lòng, ta nén lòng lại và tặc lưỡi bỏ qua, có phải tốt hơn không?

Trong nhịp sống hiện đại, có lẽ một trong những mối quan tâm “đau đầu” nhất đã khiến nhiều người vấp phải, chính là sự mất ngủ. Nằm trên giường, dù chăn êm nệm ấm bên cạnh vợ/chồng nhưng nào có chợp mắt được đâu vì lúc ấy, những đám mây xám xịt đang lờn vờn trong đầu. Nào là tiền nợ ngân hàng, công việc sắp đến ngày nghiệm thu nhưng vẫn còn dang dở, chưa đâu vào đâu, rồi nhớ lại những lời mắng mỏ của sếp mà uất lên đi mất... Suy tư ấy cứ lẩn quẩn nên khó có thể chợp mắt. Vậy phải làm gì? Có nhiều bác sĩ hướng dẫn cách nằm thả lỏng người và tập thở. “*Hít vào bụng phình ra, thở ra bụng tóp lại*”, thở thật chậm, thở thật sâu. Nhưng rồi nhiều người vẫn...

không ngủ được!

Có lần, bác sĩ, nghệ sĩ Trương Thìn cho biết, với những “ca” như vậy ông thường kể cho họ nghe một đối thoại về thiền: Vào ngày đẹp trời có nhà vua đến viếng vị thiền sư, thọ giáo về thiền. Ngài mời nhà vua thưởng thức trà ướp sen thơm ngát, có điều, tách trà của nhà vua đã đầy nhưng ngài vẫn tiếp tục rót thêm. Nhà vua ngạc nhiên cho đến lúc không kiềm được bèn nói: “Đầy quá rồi. Đừng rót nữa”. Thiền sư trả lời: “Muôn tâu bệ hạ, giống như cái tách này, trong đầu bệ hạ cũng đầy ắp những quan niệm, tư tưởng của bệ hạ. Làm sao hạ thần có thể bày tỏ được thiền cho bệ hạ, trừ phi bệ hạ cạn cái tách của bệ hạ trước”.

Vâng, nếu còn giữ lấy u ám trước đó đã có, làm sao có thể tiếp nhận được những gì tích cực khác? Nếu trong đầu các bóng mây tăm tối cứ lượn lờ qua lại, không riêng gì mình mệt mỏi, mà chính nó cũng tác động đến cả sự vật chung quanh nữa. Hiểu thế và biết thế cũng không ngoài mục đích khi bắt tay vào một việc làm gì, dù nhỏ thì bao giờ cũng chọn lấy một tâm thế thư thái, sáng khoái nhất.

# TÌM NIỀM VUI TRONG SỰ THA THỨ



**N**gười trần mắt thịt, chứ có phải ông thánh đâu mà có thể đối diện với sự thù hằn bằng tấm lòng từ bi hỷ xả? Khi thua thiệt, bị ai đó lừa gạt, chơi xấu điều gì đó, ngay đầu đã cay cú nghĩ đến sự trả thù. Phải “ăn miếng trả miếng”, phải “ơn đền oán trả” sòng phẳng. Ít có ai, tự nhủ một cách nhẹ nhàng “thôi kệ”, rồi xí xóa mọi chuyện. Thậm chí, khi kẻ có lỗi, làm sai, làm quấy đến xin lỗi rồi nhưng người ta vẫn cố chấp, vẫn khư khư giữ rịt sự oán ghét, không “trả đũa” lúc này thì sẽ lúc khác.

Do đó, khi nghe ai đó khuyên can “chín bỏ làm mười”, ta liền nghĩ rằng “giáo điều” quá, “khẩu hiệu” quá. Hằng ngày, kiếm cái ăn, cái mặc cho chính mình rồi lo cho vợ/chồng, con cái đã bở hơi tai, thế mà có kẻ nhẫn tâm cướp giật mất, thử hỏi sao không giận, không oán hờn? Sự căm giận ấy như lửa gặp gió, chỉ chờ có cơ hội là bùng phát dữ dội. Khi trả thù được ắt lòng hả hê, vui sướng vì mọi việc xem như đã giải quyết xong? Chắc gì. Biết đâu oán lại chồng chất thêm oán.

Thế nhưng, kỳ diệu thay trong đời vẫn còn có những con người biết trút bỏ gánh nặng ấy nhẹ nhàng như không.

Chắc nhiều người còn nhớ đến tập truyện ngắn *Bãi vàng, Đá quý, Trầm hương* (NXB Trẻ) của nhà văn Nguyễn Trí -đoạt giải Giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam năm 2013. Tác giả dẫn bạn đọc vào thế giới của những con người bần cùng, khổ khổ, muốn có miếng cơm phải trả bằng mồ hôi và máu. Nhân vật của anh là những tay giang hồ khét tiếng, bặm trợn; những người sống bằng nghề đãi vàng sẵn sàng giết nhau nơi rừng thiêng nước độc. Dù tranh giành miếng ăn, chém giết để tồn tại nhưng rồi họ “ngộ” ra: sống trên đời cần một tấm lòng. Chính tấm lòng chân thành dành cho nhau mới có thể khiến họ vui sống, biết sống, vượt qua gian khó chứ không phải cay cú hơn thua bằng mọi cách nhằm chiếm đoạt, lọc lừa nhau...

Do chính cảm nhận như thế, nhà văn Nguyễn Trí mới dám đối đầu với nỗi đau tột cùng của người làm cha. Ngày đó, con gái anh bị kẻ xấu đâm chết. Hung thủ là cô gái mới 17 tuổi. Khi ra tòa, vợ anh phải ẵm con cho bị cáo. Còn anh ngồi trầm ngâm thầm mong tòa giảm án cho kẻ đã giết con mình.



Anh tâm sự: “Khi ta “chấp” thì địa ngục ở trong lòng, khi ta hỷ xả thì lòng ta thanh thản. Nhưng quan trọng nhất là vợ tôi, bà nói: “Thôi, bỏ đi. Tha thứ cho người ta thì linh hồn con mình cũng nhẹ nhàng và siêu thoát”.”

Phiên tòa kết thúc, hung thủ lặng người, níu chặt tay vợ chồng anh, khóc ngất: “Con đội ơn tấm lòng trời biển của hai bác vì đã tha thứ và xin giảm án cho con. Hai bác đã sinh ra con một lần nữa...”.

Nhà văn hóa Lacordaire (1802 - 1861) có nói một câu thật chí lý: “*Bạn muốn vui trong chốc lát: cứ trả thù; bạn muốn yên vui mãi mãi: nên tha thứ*”. Nghe dễ dàng nhưng thực hiện sao lại khó khăn quá đi thôi. Vậy phải làm gì? Khi nghe tôi đặt câu hỏi này, một lão nông ở Quảng Nam dù ít học, chữ nghĩa không đầy lá mít, cả một đời chỉ biết “trên đồng cạn dưới đồng sâu” đã trả lời bằng câu chuyện thật hay.

Cho phép tôi được chia sẻ: Có người nông dân sau khi thu hoạch mùa màng, có chút ít tiền, ông lên thành phố tìm mua một ít vật dụng. Chẳng may, ông bị kẻ xấu lợi dụng tính tình chất phác, quê mùa của ông lừa lấy sạch tiền của. Trở về nhà, nghe vợ con căn nhắc, láng giềng chê cười, ông thông thả đáp: “Đây cũng là điều may mắn vì tôi bị cướp tiền, chứ không bị cướp đi mạng sống. Tuy nhiên, điều may mắn hơn cả, chính tôi bị ăn cướp chứ không phải là kẻ cướp”.

Rõ ràng, bất kỳ tình huống nào, con người ta cũng có cái nhìn tích cực hơn dù đang bế tắc, bi quan. Sự thanh thản ấy, giúp ích gì? Ít ra, người nông dân ấy không phải canh cánh trong lòng sự buồn bực, tức tối và tìm cách trả thù, mà chắc gì đã thỏa mãn được ý nguyện đó? Chi bằng, dù thiệt thòi, mất mát mà cứ sống với tâm niệm hỷ xả vẫn tốt hơn.

Tâm lý này, có phải cũng là “phép thắng lợi tinh thần” trong kiệt tác *A. Q chính truyện* của văn hào Lỗ Tấn không? Tôi quyết rằng không. Thời đi bộ đội, chính trị viên của tôi thường dặn dò: “Tư tưởng không thông, vác bi đông cũng nặng”. Câu nói ấy nghe tếu táo mà lại rất đúng. Có gánh nặng nào nặng hơn nỗi lòng đang mang vác?

Thử đứng nhìn vào tấm gương soi đang đặt trước mặt. Lúc ấy, ta sẽ nghe những lời thì thầm gì từ tâm tưởng vọng ra? Một nhà hiền triết cho rằng, cái bóng nói với thân thể: “Anh thấy không, tôi là người bạn chí cốt, thân thiết của anh. Bất kỳ ở đâu, dù anh đang trên đỉnh cao của sự hoan lạc, dù anh cheo leo mong manh đối mặt với cái chết thì tôi vẫn không lìa khỏi anh”.

Thân thể đáp lại: “Vâng, hình bóng của đôi ta tuy hai mà một, không ai có thể tách rời. Đó là lúc có ánh sáng. Còn khi gặp cảnh tối tăm, tôi chẳng thấy anh đâu. Đã là bạn bè chân chính thì phải có nhau trong những lúc tăm

tối ấy chứ?”. Cái bóng đáp: “Lúc ấy, tôi vẫn cận kề bên anh đó thôi, nhưng sự giận dữ, tức tối, oán ghét, căm giận đã choáng ngợp trong lòng anh, làm sao anh có thể tìm thấy được chính mình?”.

Tha thứ cho người khác cũng là tha thứ cho chính mình. Tại sao? Vì không còn phải đau đáu vác một gánh nặng u ám từ ngày này qua tháng nọ. Chà, câu nói đó, lại “giáo điều”, “sách vở” nữa rồi. Không phải đâu. Ngày nọ, khi sang thăm lại chiến trường xưa trên quê hương Chùa Tháp, nơi tôi đã trú quân làm nghĩa vụ quốc tế thời trai trẻ. Với tư cách nhà báo, tôi đã hỏi người bà đàn bà bất hạnh đã bị bọn diệt chủng Khmer đỏ tàn sát chồng con vào năm 1979: “Xin hỏi thật, đến nay bà có còn muốn trả thù bọn sát nhân đó không?”. Bà trả lời: “Phải nhổ sạch cỏ, mới có thể gieo hạt lúa. Xóa bỏ đi sự oán hận, lòng mới có thể thanh thản”. Chỉ câu nói ấy, bà không nói gì thêm nhưng tôi hiểu rằng bà đã “ngộ” ra lẽ sống ở đời.

Chắc hẳn các bạn cũng đồng tình rằng, có thể tìm thấy niềm vui trong sự tha thứ. Niềm vui ấy cao thượng và trong sạch biết chừng nào.

# SAU CƠN MƯA, TRỜI LẠI SÁNG



**K**hông chỉ với tuổi mới lớn, bất kỳ ai một khi đã lao vào tình yêu như thiêu thân đâm đuối ánh đèn cũng đều có lúc cảm nhận cay đắng: “*Đường vào tình yêu có trăm lần vui, có vạn lần buồn*”. Buồn như thế nào? Buồn đến độ tuyệt vọng, có lúc tưởng rằng, nếu chết đi thì sung sướng biết bao nhiêu. Họ không thể chịu đựng nổi cảm giác: “*Nhớ ai bồi hồi bồi hồi/ Như đứng đống lửa, như ngồi đống than*”. Làm sao có thể chịu đựng được vì trong lúc mình nhớ nhung da diết đến trần trọc mất ăn mất ngủ, chàng/nàng lại tếch theo người khác, dung dăng dung dẻ hú hí nơi nào đó. Chỉ cần mường tượng đã giận sôi gan, nghiêng răng kèn kẹt những muồn nhảy bổ vào ăn tươi nuốt sống ngay tắp lự.

Trước tình huống này, mỗi người có sự lựa chọn khác nhau, tùy theo tâm thế và bản lĩnh văn hóa. Tôi rùng mình khi đọc trên báo, biết rằng có những người giải quyết bằng cách “ăn thua đủ”. Sự bạo lực, máu me chảy dài trên trang báo, đọc và nhìn hình ảnh ấy khiếp quá. Chỉ có thể nhắm nghiền mắt mà tự nhủ “Nam mô A Di Đà Phật”; hoặc “Amen! Lạy Chúa tôi”.

Hôm nọ, có cô bé sinh viên hỏi rằng: “Chú ơi! Bản chất đích thực của tình yêu là gì?”. Tôi ngần ngừ, suy nghĩ và hỏi lại: “Theo cháu thì sao?”. Cô bé tròn xoe mắt trả lời: “Thưa chú, đó là sự chiếm hữu”. Nhiều người vẫn nghĩ như thế. Một khi đã yêu nhau, người đó phải hoàn toàn thuộc về mình. “Thuộc về” theo nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Với quan niệm ấy, kẻ khác đừng hòng có cơ hội nhảy vào “xâm chiếm”. Do đó, một khi “chủ quyền” có nguy cơ bị xâm phạm, phản ứng trước nhất của họ là gì? Là sử dụng bạo lực để giải quyết! Thậm chí, cho dù cả hai người cùng một điểm xuất phát, cùng một lúc “tấn công” chiếm lấy trái tim người đẹp, họ cũng xử sự không khác gì mấy.

Này nhá, lúc Sơn Tinh đã lọt vào “mắt xanh” nàng My Nương xinh đẹp, lập tức chàng Thủy Tinh: “*Sóng cả gầm reo lẫn như chớp/ Thủy Tinh cười lưng rồng hung hăng/ Cá voi quác mõm to muốn đớp/ Cá mập quấy đuôi cuồng nhe răng*” (Nguyễn Nhược Pháp). Cảnh tượng giao chiến rợn da gà chứ đâu phải đùa. Sở dĩ vậy là do tâm lý ích kỷ khi nghĩ rằng, người đó là của

họ, bằng mọi giá phải tranh giành, chiếm lại cho bằng được. Lúc đó, khoảnh khắc đó, họ chỉ nghĩ đơn giản, cả vũ trụ này, cả Trái Đất này chỉ có chàng/nàng là duy nhất, còn lại hàng tỷ người trên hành tinh chỉ là con số zero to tổ chẳng. Phải nhanh chóng chiếm hữu về tay mình bằng mọi giá.

Thật ra, chiếm hữu không phải là bản chất của tình yêu. Đã thật sự yêu thì không bao giờ làm tổn thương người mình yêu, dẫu một lời chì chiết, đay nghiến chứ huống gì sử dụng đến sức mạnh của cơ bắp. Người khôn ngoan, lịch lãm không cho phép mình chọn lấy phép ứng xử ấy.

Không chỉ tình yêu, trong đời thường diễn ra nhiều tình huống tréo ngoe, oái oăm như trêu chọc, thử thách bản lĩnh con người ta. Đôi lúc thấy sờ sờ ra trước mắt là “mất”, là thiệt thòi nhưng biết đâu ấy lại là “được”, là may mắn. Ngày xưa, có một người nghèo, rất nghèo, gia tài quý báu nhất của ông chỉ có một nhúm gạo. Một hôm có người giàu sang, đi xe hơi đời mới ghé lại nhà và chìa tay xin: “Ông có gì ăn, cho tôi ăn với”. Người ta đã nghèo khó, bần cùng thế này mà còn đến xin với xỏ, bức mình quá, ông ta bèn nhón lấy cho một hạt gạo và tất nhiên, không quên rửa miệng vài câu bỗ ghét. Tối hôm đó, khi mở bị gạo ra nấu cơm, ông kinh ngạc khi thấy lẫn lộn trong gạo có một viên ngọc. “Chà, nếu mình cho nhiều hơn thì đã nhận được ngọc nhiều hơn”. Ông ta tiếc rẻ nhưng làm gì còn có cơ hội.

Chị bạn tôi, lúc bị “đá giò lái” đã uất lên quyết một phen sống mái, “một mất một còn” với kẻ tình phụ. May nhờ người thân khuyên can, an ủi nên chị bình tâm trở lại, vết đau nhức nhối trong tim dần dần lành sẹo. Chị có chồng, sinh con đẻ cái và thỉnh thoảng gặp lại người cũ nhưng trong lòng nhẹ tênh, không một chút bận tâm gì. Đơn giản, người đàn ông đó không xứng đáng nhận lấy tình yêu chân thật của chị: “Thế mà ngày ấy, những tưởng có thể chết đi được nếu không lấy được người đó làm chồng”, chị tâm sự. Ngược lại, nhiều đắng cay rầu rĩ cũng có cảm giác ấy. Có kẻ quan niệm “không ăn được, phá cho hôi”, có người xử sự như câu thơ của Pushkin: “*Cầu mong em được người tình như tôi đã yêu em*”. Ai cao thượng hơn?

Sau cơn mưa rồi trời lại sáng. Sự vận động trong trời đất cũng không khác gì lòng người. Lúc giông bão cuộn cuộn có thể biến mình thành kẻ khác, nếu không bình tâm mọi việc sẽ xấu đi. Có người ngậm ngùi hối tiếc: “Biết thế này, lúc ấy đã giải quyết theo cách khác”.

Vâng, có nhiều cách nhìn nhận, tháo gỡ một cuộn chỉ đang rối.

Nếu đã nhẫn nại tìm mọi cách mà vẫn không thể, cách tốt nhất hãy buông bỏ. Đừng nuôi tiếc giữ lại. Đời người chỉ sống một lần, vậy hà cớ gì phải ôm lấy sự buồn tủi, oán hận ấy theo suốt năm tháng còn lại? Có một

người ngao ngán với thất bại nã nê, cay đắng ê chề trên đường đời, đường tình đã hỏi vị thiền sư: “Thưa thầy, con không muốn sống nữa”. “Tại sao?”. Người này thở dài: “Con không thể tìm thấy niềm vui trong cuộc sống hiện tại”. Vị thiền sư đáp: “Đâu phải con đang sống với hiện tại, con đang sống với quá khứ”. “Thầy nói đúng. Nhưng quá khứ của con đâu phải đều xấu?”. Có tiếng nói nhẹ nhàng vang lên: “Con cần phải từ bỏ quá khứ, không phải vì nó xấu mà nó đã chết rồi”.

Một bài học giản dị, thức tỉnh nhưng mấy ai đã nhìn ra? Một khi quá khứ đã chết, ôm giữ mãi trong lòng liệu ích gì cho nhịp sống hiện tại? Buông bỏ đi, nếu vật ấy đã không còn thuộc về mình. Chấp nhận sự thật và buông bỏ, mới có thể dẫn dắt chính mình ra khỏi ngõ cụt đang tìm đến một con đường khác. Sau cơn mưa, rồi trời lại sáng.

# PHÚC HỌA - KHÔNG KHÁC GÌ NHAU



Ấy thử tưởng tượng: Vào một ngày đẹp trời, lúi húi làm cỏ ngoài vườn rồi đào đất trồng cây xanh, bỗng dưng phát hiện ra một hũ vàng! Trời ơi đất hời, các thỏi vàng ròng lấp lánh lóe sáng dưới ánh nắng mặt trời. Mình đang tỉnh hay mơ? Bèn lấy răng cắn vào môi thật mạnh, thấy đau điếng, rõ ràng không phải mộng mị gì cả. Sung sướng quá, hét toáng lên cho làng trên xóm dưới đều biết từ nay mình đã trở thành tỷ phú, giàu có nhất trong thiên hạ.

Tương tự, có nhiều người mua vé số, bỗng dưng trúng độc đắc. Chỉ một đêm thức giấc, đã hoàn toàn trở thành con người khác. Trước đây, muốn chi tiêu gì, phải nhằn đầu bóp trán, tính toán chi li đến từng xu, từng đồng, nay không cần phải thế, cả một xấp tiền được ném ra nhẹ nhõm như lật bàn tay.

Ai cũng nghĩ suy, may mắn ấy là phúc. Có thật là phúc?

Tôi kể lại câu chuyện hoàn toàn có thật, chị nọ mua vé số và trúng lô độc đắc, sợ chồng tiêu xài hoang phí nên nhờ chị ruột cất giữ giúp đặng sau này còn lo cho các con. Bẵng đi một thời gian dài, người chồng tình cờ biết chuyện vợ trúng số, tất nhiên anh ta đòi phải được sử dụng số tiền đó. Chị vợ không đồng ý. Đôi bên cãi cọ, ẩu đả nhau. Trong một phút thiếu kiềm chế, chị đã đâm chồng chết. Từ chỗ dù nghèo khó, chung sống yên vui, chị trở thành góa chồng, vướng vào lao lý. Tưởng trở thành tỷ phú là phúc nào ngờ lại là mầm mống của họa.

Ở nhà kia, anh em ruột thịt lâu nay đối xử như bát nước dầy, chan hòa tình cảm. Nhân cuộc vui, họ hùn tiền mua thùng bia uống chơi như mọi lần. Lần này, do có chương trình khuyến mãi, đại loại như “Uống bia trúng xe hơi”. Quả nhiên, anh em họ trúng thật. Mừng quá đi chứ? Vâng, mừng ới là mừng. Nhưng ngay lúc đó, tình huynh đệ trở nên “nồi da xáo thịt”, không ai chịu nhường ai. “Chiếc xe hơi phải thuộc về tôi. Ai là người bỏ tiền mua bia? Trả lời đi?”, “Không, ai là người khai bia? Chính tôi!”, “Nói nhảm, ai làm chủ căn nhà này?”. Cãi nhau như mỗ bò. Cãi nhau như vờ chọi. Không thể tự phân xử, họ ùn ùn kéo nhau ra tòa án. Thử hỏi, tiền tỷ ấy có thể sánh bằng tình máu mủ ruột thịt?

Có nhiều người, đột nhiên sở hữu một khối tài sản lớn dù không đổ một giọt mồ hôi, ai cũng mừng cho họ. Nào ngờ, chính họ lại thở than: “Phải chi đừng có nhận được gì sất, cứ cặm cụi làm ăn thì tốt hơn nhiều”. Tại sao? Một khi nhận được đồng tiền ngẫu nhiên “trên trời rơi xuống”, không do công sức lao động chính mình làm ra, hầu như người ta không biết trân trọng giá trị của nó. Con cái, vợ/ chồng tiêu pha, mua sắm, chơi bời vô tội vạ, dẫu kho tiền cao như núi cũng sạch sành sanh! Khi quan sát các trường hợp này, tôi luôn nhớ đến lời răn dạy của chúa Jesus: *“Con hãy sống bằng mồ hôi trên trán của con”*. Triết lý nhân sinh này, không chỉ các bậc hiền triết, vĩ nhân của nhân loại tâm niệm mà ngay cả bất kỳ người lương thiện nào cũng hướng tới.

Ngẫm lại mới thấy, cổ nhân nói chẳng hề sai: “Ông trời chẳng cho không ai một thứ gì”. Nói cách khác, khi chìa tay ra nhận cái gì, ngay lập tức đã có cánh tay vô hình lấy của ta thứ khác. Suy nghĩ như thế, có “duy tâm” quá không? Hoàn toàn không. Bởi lẽ, trên đời này làm gì có người đầy đủ đến mức hoàn hảo, “trên cả tuyệt vời”, hoàn toàn thỏa mãn mọi nhu cầu. Bất kỳ ai dù giàu, dù nghèo thì mỗi người đều có nỗi sung sướng, niềm khổ đau ẩn giấu bên trong, khó chia sẻ với ai khác, chỉ chính họ mới cảm nhận được trọn vẹn. Vấn đề đặt ra, dù kinh tế, thành phần xuất thân, địa vị xã hội... khác nhau thì ai ai cũng “bình đẳng” trong đời sống cá nhân, trăn ẩn nội tâm, miễn họ tự hài lòng là được.

Bên cạnh đó, ông trời cũng dễ thương, đáng yêu quá đi mất. Ơ hay, chuyện gì vậy? Thì đây, khi gặp họa, chưa chắc đó là lúc con người ta bị đẩy vào tuyệt lộ. Hãy tin bao giờ và lúc nào cũng có ánh sáng le lói cuối đường hầm mờ mịt thăm thẳm. Đừng tuyệt vọng. Đánh mất niềm hy vọng mới là sự phá sản khủng khiếp nhất.

Tôi nghe kể rằng, chiếc tàu nọ bị đắm ngoài trùng khơi, may mắn có một người sống sót nhờ bám vào thanh gỗ và trôi dạt vào hoang đảo. Sau lúc kiệt sức, anh ta tỉnh dậy, hoảng sợ, lo lắng khi trơ trọi một mình. Trong hoàn cảnh không khác gì Robinson, anh ta gắng gượng cất lên một cái lều tạm bợ che mưa nắng. Ngày qua ngày, đầu đầu nhìn về phía chân trời, anh ta cầu mong sẽ được cứu thoát. Rồi như thường lệ, ngày kia anh vào rừng tìm thức ăn. Bếp lửa vẫn bập bùng cháy trong lều. Hỡi ôi, lúc anh ta quay về thì túp lều đã ngập trong lửa, khói cuộn bốc lên trời cao. Mọi thứ đều tiêu tan thành tro bụi. Anh cay đắng, chết lặng trong tuyệt vọng: “Sao ông trời lại đẩy tôi vào đường cùng?”.

Sự tồi tệ này có thật là họa?

Rạng sáng hôm sau anh bị đánh thức bởi âm thanh của một chiếc tàu đang tiến đến gần đảo. Người ta đã đến để cứu anh. “Làm sao các anh biết được tôi ở đây?” - Anh hỏi những người cứu mình. Họ trả lời: “Chúng tôi thấy tín hiệu khói của anh”.

Thế đấy, phúc - họa đan chéo, xen kẽ trong nhau. Đừng bao giờ nhận phúc chỉ thấy phúc, hãy bình tâm nhận ra mầm họa đang ẩn náu bên trong. Và ngược lại. Danh y Tôn Tư Mạo (581 - 682) có một câu rất nổi tiếng, ở đây, xin nhắc lại vế chót: “*Tâm tâm thường tự quá kiêu thi*” (cái lòng thì phải e sợ như lúc đi ngang cây cầu vậy). Có thể hiểu, dù bất kỳ trường hợp nào cũng phải bình tâm cẩn trọng, chu đáo, chận chu như lúc bước qua cầu, phải nhìn trước ngó sau, thận trọng, không chủ quan. Bất kỳ sự việc nào cũng có hai mặt của nó. Biết thế, hiểu thế, vậy cứ nhẹ nhàng như trước và sau lúc nhận được phúc/họa bởi lẽ sự biến hóa khôn cùng trong quy luật biện chứng ngàn đời nay đã là vậy.



# SƯƠNG, KHỔ CÙNG TỰ LÒNG MÌNH



66 **T**

ôi sinh ra đời dưới một ngôi sao xấu. Khi hãy còn ở cái tuổi mà những đứa trẻ khác được chiều chuộng, nâng niu, ẵm bế, riêng tôi là đứa bé một mình phải chịu nhiều nỗi gian lao”. Câu văn của Vũ Trọng Phụng, chắc nhiều người vẫn còn nhớ. Tuy vậy, dù trong hoàn cảnh đó, có người lúc nào cũng lạc quan yêu đời và dám sống mạnh mẽ. Ngược lại, dù điều kiện sống thuận lợi hơn, nhưng có người vẫn luôn canh cánh trong lòng một nỗi khổ.

Sao lại không khổ?

Sáng bảnh mắt ra, đã vội vội vàng vàng với công việc của mỗi ngày đang ùn ùn lao tới. Ngày phải đưa con đến trường, rồi ba chân bốn cẳng chạy vào cơ quan, mở máy tính vùi đầu vào các mẫu biểu, con số, kế hoạch... Nhức cả mắt. Mệt cả đầu. Mà nào có yên đâu, thỉnh thoảng sếp lại nhắc nhở, căn nhắc, gắt gỏng: “Việc này đã làm đến đâu? Việc kia đã thế nào?”. Chiều về đến nhà, mệt bờ hơi tai lại nghe vợ/ chồng “chửi chó mắng mèo” bởi sự bức dọc vô cơ nào đó. Ấy là chưa nói đến lúc bệnh hoạn, thiếu thốn, thu nhập quá bèo không đủ tiền mua sữa cho con, thiếu tiền nhà trọ...

Không phải ngẫu nhiên nhiều người tâm đắc với “chân lý” cỡ như: “*Đời là bể khổ*”. Nhà thơ Đoàn Như Khuê từ năm 1917 đã viết bài thơ *Bể thăm*, có những câu thật ai oán:

*Mới lọt lòng ra đã khóc rồi*

*Kiếp trần ngán lắm chị em ơi*

*Một lần mình khóc, lần người khóc*

*Sống thác đôi lần giọt lệ rơi.*

Một trong những nỗi sợ hãi lớn nhất của con người là khi tiếp cận với cái chết. Tuy nhiên, nếu “quán triệt” được suy nghĩ này, ta sẽ có một cảm nhận hoàn toàn khác, tự tin hơn, không sợ hãi, không than phiền mà biết chấp nhận quy luật. Thiền sư Thích Nhất Hạnh nhấn mạnh: “Sự sống luôn có mặt đồng thời với cái chết, không có trước mà cũng không có sau. Sự sống không thể tách rời khỏi cái chết. Nơi nào có sự sống, nơi đó có cái chết; nơi nào có cái chết, nơi đó có sự sống... Nó cũng giống như bên trái và bên phải. Không thể nào có thể lấy bên trái ra khỏi bên phải; hoặc lấy bên phải ra khỏi bên trái.

Điều này cũng đúng với các cặp đối lập như: tốt - xấu, trước - sau, ở đây - ở đó, anh - tôi. Cũng giống như hoa sen kia không thể nào có mặt nếu không có bùn. Không có bùn thì cũng không có sen. Cũng tương tự như vậy, hạnh phúc sẽ không thể nào có được nếu không có khổ đau, cũng như không thể nào có sự sống nếu không có cái chết”.

Nhận thức này, có thể giúp nhiều người bình tâm hơn trước một sự việc xảy ra. Vấn đề là đối diện với nó như thế nào?

Ai cũng có những chuỗi ngày phiền muộn, âu lo, bi quan và nó trở thành nỗi ám ảnh như chiếc bóng song hành. Sống như thế, ngao ngán lắm. Mỗi ngày, khi mở mắt dậy, dù nắng sớm chói chang, tiếng chim reo vang nhưng chỉ thấy bóng tối và thì thầm bên tai những âm thanh nặng trĩu tiếng thở dài xây xẩm mặt mày, quay cuồng với câu hỏi: “Tại sao?”. Một khi không trả lời được câu hỏi đó, họ khó có thể bình phục, không thể sống với tâm bình yên, nhẹ nhàng như ngày trước...

Tôi xin kể mẩu chuyện nhỏ, có lẽ nhiều người đã biết những trường hợp tương tự: Ngày kia, sếp cũ ghé thăm nhà. Tôi xúc động vì thuở ông đang “lên ngựa xuống xe”, “tiền hô hậu ủng”, “tả phù hữu bật”, nhân viên quèn như tôi làm sao “có cửa” đón chào “rồng đến nhà tôm”? Nay đã về hưu nên ông “bình dân” hơn. Sau một hồi hỏi han, tỉ tê tâm sự, ông thổ lộ: “Khi đang chức đang quyền, ai cũng tốt với mình. Nhưng đến lúc về nhà “đuổi gà cho vợ”, mới biết trước đây mình đã nhảm”.

Nhảm ra làm sao?

Ngày nọ, do có việc nên ông vào cơ quan cũ và tưởng rằng những người ngày trước đã nhận “bổng lộc” do ông “ban phát” sẽ vui mừng chào đón. Không hề. Có người thoáng thấy từ xa, ông í ới réo gọi nhưng họ lại vờ như không nghe, lén qua lối đi khác. Có người vừa chạm mặt ông đã vội vàng rút điện thoại ra “a lô, a lô” như đang bận rộn lắm không kịp chào hỏi. Ông cảm nhận sự dừng dưng đến nhói lòng. Quay trở về nhà, ông thần thờ, thất thần, thẳng thốt đến mất ăn mất ngủ. Buồn cho nhân tình thế thái. Trước, mình nâng chúng nó lên, cho ăn trên ngai tróc, hưởng bổng lộc, tưởng chúng đội ơn suốt đời. Ai ngờ, chúng lại tẻ bạc đến thế. Chỉ cần nghĩ sự tráo trở ấy, ông đã ứa gan căm giận, trước mắt chỉ một khoảng trời xám xịt. Sức khỏe suy sụp hẳn.

Biết được nỗi lòng của chồng, bà vợ nhẹ lời: “Này ông, trước kia thiên hạ xum xoe, khen ngợi xem ông như thánh như tướng là vì cương vị ông đang đảm nhiệm. Họ cầu cạnh là cầu cạnh cái chức vụ của ông chứ nào phải cầu cạnh ông. Nay ông rời khỏi cương vị đó, về hưu rồi thì hà cớ gì buộc họ

phải có thái độ vồn vã, xun xoe như trước? Ông rầu rĩ, ông chịu thiệt. Chứ chúng có thèm biết tới đâu? Hiểu ra chưa?”.

Thế đấy! Có những công việc, hoàn cảnh diễn ra như nhau, nhưng cảm nhận của mỗi người lại khác. Hơn nhau chính là chỗ đó.

Tôi nghe kể rằng, trên một công trường đang xây dựng, nơi ấy, nắng chang chang, không một bóng cây, ai nấy đều chú tâm vào công việc. Có nhà báo hỏi anh công nhân đang khiêng đá: “Công việc của anh thế nào?”. Người này quạu quọ: “Tôi đang sắp kiệt sức, bộ ông không thấy sao?”. Gặp người thứ hai đang cưa sắt mồ hôi mồ kê nhễ nhại, nghe câu trả lời: “Tôi vất vả để kiếm tiền nuôi vợ con. Kiếm đồng tiền sao mà khổ quá?”. Đến gặp người thứ ba đang oằn lưng vác bao xi-măng, lạ thay, người này dừng lại, đứng thẳng người và nói một cách hãnh diện: “Tôi đang góp phần xây trường học, chỉ nghĩ đến ngày trẻ em trong làng tung tăng đến trường, lòng tôi đã rộn ràng niềm hạnh phúc”.

Cùng đổ sức lao động kiếm sống nhưng người thứ ba lại hài lòng, thích thú với công việc. Chính nhờ thế, đã không thấy khổ mà anh ta còn vui sướng nữa là khác.

Trên trái đất này, đã có những ông bố bà mẹ suốt một đời làm lụng, hy sinh cho con nhưng không bao giờ thốt lên lời thở than, không than thân trách phận “Sao tôi phải khổ thế này?”. Đơn giản chỉ vì họ lấy sự nhọc nhằn đó làm niềm vui sống. Sống vì con, lo lắng cho con nên người. Ước mơ ấy chính đáng quá đi chứ.

Tôi thích mẩu chuyện này, nhân sinh nhật của mẹ, cô bé lên mười đập heo đất mua tặng mẹ con búp bê, vì nghĩ mẹ cũng thích như mình. Người mẹ cảm động thốt lên: “Mẹ cảm ơn con. Ba với mẹ đều cực nhọc, lo lắng cho con, sao vừa rồi sinh nhật của ba, con không tặng món quà nào?”. Cô bé hồn nhiên trả lời: “Mẹ ơi, mẹ chẳng bao giờ than phiền gì, chỉ lẳng lặng làm việc. Trong khi đó, ngày nào bố cứ làm ầm lên nào kể lể, than trách như thế con là gánh nặng ở trong nhà”.

Có người bảo rằng, trong các loại hình nghệ thuật, chỉ có xem tranh là là không cần “phiên dịch”. Đứng trước một bức tranh, tùy nhận thức, tâm trạng mà mỗi người có cảm xúc khác nhau. Chẳng hạn, cùng thưởng ngoạn bức tranh *Chim bồ câu* - biểu tượng hòa bình của danh họa Picasso nhưng cảm xúc của các ông trùm diệt chủng như Pol Pot, Ieng Sary lại khác với người hướng thiện.

Mọi sự vật diễn ra trước mắt là thế, nhưng tùy vào tâm trạng của chính mình đón nhận nó. Đón nhận tích cực hay tiêu cực? Sự lựa chọn ấy, nghĩ cho

cùng là bản lĩnh sống, thái độ sống của mỗi người. Biết chấp nhận hoặc vượt qua nghịch cảnh, hoàn cảnh đang sống không phải câu nói suông mà sự lựa chọn đó có ý nghĩa ở chỗ: hoặc nhìn thấy sự thăng hoa lung linh ánh sáng, hoặc cam chịu bóng tối thăm thẳm tiếng thở dài...

# NGHĨ TỐT VỀ NHAU



<sup>66</sup> **K**hi thương trái ấu cũng tròn, khi ghét trái bồ hòn cũng méo”, không riêng gì người Việt, đó là đặc tính chung của con người năm châu bốn biển. Bình thường chẳng sao, nhưng lúc “gặp chuyện” ắt những gì đã vun vén, đã dành nhiều thiện cảm cho nhau bỗng dưng “đổ sông đổ biển” hết trơn.

Ai lại không từng rơi vào cảnh ngộ éo le: Cả một tuần, một tháng miệt mài như con ong, chăm chỉ công việc không ngoài mục đích kiếm tiền lo cho gia đình. Không dám ăn, không dám chơi, không đàn đúm bia bọt, tần tiện từng chút một cũng vì vợ vì con. Sáng Chủ nhật, anh thức dậy sớm, ngồi trước hiên nhà nhâm nhi tách trà, lắng nghe tiếng chim hót véo von. Tâm hồn đang khoan khoái nên anh cho phép mình làm một việc mà từ lâu đã quên. Vừa mới thực hiện ý định đã nghe tiếng quát ầm ĩ bên tai: “Anh lại hút thuốc lá nữa rồi. Ngày nào cũng thuốc lá. Vứt ngay. Anh có biết nó có hại sức khỏe thế nào không?”. Chà, người đâu lại quá quắt, buổi sáng đẹp, tự cho phép tận hưởng thú vui nho nhỏ cũng không được sao? Lại còn thông thêm sự đánh giá rất “oan ông Địa”: “Ngày nào cũng thuốc lá”!

Vặt lại một câu cho đỡ tức tối chẳng?

Cái đó còn tùy vào tâm tính, phép ứng xử của từng người. Anh bạn tôi, sau câu nhắc nhở “quá hớp” đó của vợ, bèn cười bẽn lẽn, không nói gì, anh lẳng lặng vứt mẩu thuốc lá. Chỉ một cử chỉ “sửa sai” nho nhỏ đã “hóa giải” được ngọn lửa đang ngùn ngụt lao tới. Rồi mọi việc trở nên nhẹ nhàng như chưa hề có chuyện gì. Cử chỉ ấy, không phải “lép vế” trước “uy quyền” của vợ mà biết nhận cái sai của mình. Điều này mới quan trọng hơn, sau này, con cái thấy bố gương mẫu nên không bắt chước theo thói xấu ấy.

Cũng trong trường hợp đó, ắt sẽ trở nên cuộc đấu khẩu quyết liệt nếu người chồng quắc mắt: “Hứ, cô thì tốt lắm chứ gì? Trước đây, ai đã từng ăn uống vô tội vạ, tăng cân vùn vụt đến độ béo phì? Hay hóm gì mà góp ý người khác?”. Thế đấy, cứ soi mói lỗi lầm của người khác ư? Rất dễ. Dễ bởi vì ai lại không có lỗi? Ai lại không có những điều chưa hoàn thiện?

Tôi rất thích quan niệm sống của ông cụ gần nhà. Cụ bảo, sống trên đời, cách tốt nhất cho mình và cho người là hãy tìm lấy tính tốt của nhau. Cụ nói

thêm, khi quan sát chữ “nhân”, ta thấy do 人 “nhân” (người) và 二 “nhị” (số hai) hợp thành. “Nhị” có thể xem là ký hiệu chỉ sự lặp lại, cũng biểu thị con người. Như vậy, nghĩa gốc của “nhân” là “người thân ái với người”.

Sự thân ái đó rõ ràng là có, đã tạo dựng được trong các mối quan hệ trước đó, nhưng oái oăm, lại có lúc người ta xố toẹt cả. Trong truyện ngắn *Cười*, nhà văn Nam Cao viết câu này thật hay, vợ chồng nọ từng thương yêu đến tận cùng chân tơ kẽ tóc, nhưng lúc cãi nhau: “Cứ vậy, tiếng bắc đưa đi, tiếng chì quăng lại, người nào cũng nghĩ đến sự quá quắt của người kia mà không chút ngó đến sự quá quắt của mình. Cũng không ai chịu nhớ rằng: ngoài những lúc giận nhau, họ là cặp vợ chồng rất tốt. Chồng thương vợ, vợ thương chồng, đôi bên luôn luôn tìm cách làm cho nhau đỡ khổ”. Ấy thế, lúc cơn giận ủa đến như lửa cháy phừng phực, họ lại quên đi những gì đã từng tâm niệm, từng san sốt, từng vỗ về. Cứ cãi nhau chí chóe, ngang nhiên đổ thêm dầu vào lửa. Vợ chồng còn thế, huống gì người dưng nước lã, những quan hệ đồng nghiệp, bà con láng giềng?

Rõ ràng tính nết con người ta, lạ lùng thật, khi đã ghét, đã tranh cãi, lập tức trong mắt mình chỉ thấy rất tính xấu, dù trước đó, họ đã làm cho ta biết bao điều tốt. Nếu lúc “gay cấn” ấy biết nghĩ lại một chút thôi, nghĩ lại sự tốt đẹp đã làm cho nhau thì mọi sự đã khác. Đọc trên báo, chúng ta rùng mình với những vụ án rợn tóc gáy, không hiểu tại làm sao có những đôi tình nhân, từng yêu nhau thắm thiết nhưng lại có thể tước đi mạng sống của nhau? Chỉ có thể giải thích, do lúc ấy, sự ghen tuông, ích kỷ đã làm mờ lý trí khiến người này quên đi sự tốt đẹp của người kia. Sự tốt đẹp ấy, chắc chắn cả hai từng có nên mới gắn kết để tạo ra sự đồng điệu. Nhưng rồi lúc giận dữ, chỉ thấy mỗi cái xấu, cái hư hỏng nên đã hành xử tàn nhẫn nhất, chỉ có thể “trò chuyện” bằng mã tấu! Đến lúc nghĩ lại, còn có cơ hội để ăn năn, phục thiện không?

Không những thế, có những người luôn nghĩ xấu về người khác, dù chỉ mới gặp lần đầu tiên. Trong ngôi làng nọ, có người đàn bà vừa dọn đến, ngày kia, bà đem phơi ngoài sân quần áo, mừng mền trắng tinh vừa mới giặt. Một người khác đứng trong nhà nhìn qua cửa sổ kiếng, thấy mọi thứ đều có những vết lấm tẩm đen, cho là người hàng xóm giặt không sạch. Thế là, bà ta gặp ai cũng chỉ trích, phê bình bà hàng xóm cầu thả, chỉ có việc giặt quần áo, mừng mền cũng không xong. Chiều về, sau khi bà ta mở cửa sổ kiếng ra, thì thấy quần áo, mừng mền đều sạch sẽ trắng tinh, không hề có vết dơ bẩn nào cả. “Hồi sáng, chính mắt mình đã trông thấy dơ lấm, sao nay lại không?”. Ngẫm nghĩ một lát, bà đóng cửa sổ, nhìn lại lần nữa, mới hay chỉ có kiếng nhà mình

là dơ, do đó, khi nhìn qua đó thấy mọi vật của người khác cũng vậy.

Nhìn qua lăng kính nào trong đôi nhân xử thế?

Tôi tin nhiều người cũng tự nhủ rằng, nếu lúc buồn, lúc không hài lòng, không ưng ý với ai điều gì thì hãy nhớ lại những gì tốt đẹp đã có; hoặc nghĩ rằng, mỗi con người đều có phần tốt đẹp, không phải hoàn toàn xấu như ta đang thành kiến. Với sự độ lượng này, ai cũng thấy nhẹ lòng và cảm thấy cuộc đời vẫn còn đáng yêu lắm, chứ không phải u ám, tối tăm, đáng ghét như suy nghĩ đang lẫn lộn ngay trong đầu. Nghĩ tốt về nhau, có thể nói đã là một “phương thuốc” hữu hiệu giúp mình vui sống hơn vì biết tin, biết chọn lấy cái đẹp vẫn hiện hữu....

# CHÍN BỎ LÀM MƯỜI



**T**hứ nhất ai đó đã làm điều gì “không phải” với mình, điều này khó hay dễ? Một khi căm ghét ai hễ gặp người đó, ta có thể mở miệng cười? Có lẽ, chỉ những ai sống độc thân trong hang động, vị tiên tu luyện nơi hang sâu núi thẳm mới không oán ghét ai và tránh được lỗi lầm. Chứ “người trần mắt thịt” chúng ta không thể.

Mỗi một ngày, chỉ cần phóng xe xuống phố vào giờ cao điểm, không chóng thì chày cũng có những va chạm khiến bức cả người. Xe chạy bình thường, đang ngược mắt nhìn dòng đời ngược xuôi, bỗng đâu có kẻ phóng xe rú còi inh ỏi như hú như hét như tru như chọc! Bực bội chưa? Ngay tại ngã tư, lúc đèn đỏ, theo ý thức tôn trọng giao thông, ta dừng lại thì bỗng đâu từ phía sau/ phía trước một chiếc xe khác lao đến cái ầm! Tai nạn tự nhiên như từ trên trời rơi xuống, né tránh làm sao? Ta có thể tha thứ lỗi lầm người đó không?

Sự bực bội, căm ghét, oán thù là một trong những “thuộc tính” của con người ta. Vì lẽ đó, có những điều tưởng rằng dễ dàng thực hiện nhưng cực khó. Khó không khác gì lạc đà chui qua lỗ kim - như một câu quen thuộc trong *Kinh Thánh*. Có một câu nữa mà tôi còn nhớ loáng thoáng rằng: “*Nếu không trở nên như trẻ thơ, thì người sẽ không được lên nước Thiên Đàng*”. Ai cũng có cách lý giải cho riêng mình, riêng tôi nghĩ, ở trẻ thơ không có sự tị hiềm, tâm hồn như lá biếc, tâm tính hồn nhiên, vô tư nên bao giờ cũng nhìn nhận sự vật một cách mới mẻ và hào hứng khám phá. Nói cách khác, ở đó không có chỗ cho sự định kiến, đánh giá theo quán tính. Mà than ôi, những người lớn chưa chắc được như thế. Nói theo đạo Phật, cái “chấp” trong lòng mỗi chúng ta còn nặng nề lắm.

Lâu nay, tôi rất thích cụm từ “trăm sông về biển”. Lẽ tất nhiên, niềm vui của người này đôi khi lại là nỗi buồn của người khác. Biết làm sao được, sự vận động của đời sống vốn thế. Điều cần thiết nhất, mỗi một người có thể “chín bỏ làm mười” được không? Có thể nhìn thấy ở người đối diện những phẩm chất tốt đẹp hay chỉ là sự hận thù, oán hận đã định hình trước đó? Từ mỗi góc nhìn, nếu theo hướng tích cực của hòa hợp, thiện chí thì sự khúc mắc



nào cũng có thể giải quyết ổn thỏa. Hãy nhìn một cuộn chỉ rối, nếu nhẫn nại, bình tâm ta có thể gỡ được đấy thôi.

*Lên non đón gió lấy trầm*

*Xui ong lấy mật, giục tằm nhả tơ.*

Câu ca dao này hay quá. Hay, vì ông bà ta đã ngụ ý một triết lý sống cực kỳ vị tha, nhân ái. Sự hòa hợp nào, nếu tâm đầu ý hợp cũng có thể dẫn đến một kết quả đáng quý như thế. Gió chỉ là gió nhưng hãy tin trong gió có trầm. Hãy tin mật ở ong. Hãy tin tơ ở tằm. Niềm tin ấy chỉ có được một khi cùng nhìn về một hướng và xóa bỏ đi những định kiến trước đó.

Mẹ tôi có kể tôi nghe câu chuyện này, có chàng trai nọ rất ghét căn nhà đối diện, nói như dân gian “ghét đến mức muốn xúc đất đổ đi”. Một hôm, bà mẹ bảo: “Con hãy qua nhà đối diện xin cho mẹ chút lửa. Bếp nhà mình đã tắt ngúm rồi”. Không còn cách nào khác, cậu bước sang nhà đó theo lời mẹ dặn. Vừa bước đến, trước mặt cậu là một bà già ốm yếu bệnh hoạn, da bọc lấy xương, những đứa con nheo nhóc lại rách rưới, than khóc vì đói. Khiếp! Cậu dừng chân lại, vội quay lưng nhanh. Không thể nào bước vào trong căn nhà hôi hám, bẩn thỉu ấy. Vừa đi vài bước, cậu đã nghe tiếng gọi: “Cậu ơi, cậu không thể đi ngay vì tôi chưa nói lời cảm ơn. Tôi cảm ơn cậu đã đến thăm tôi”. Câu nói tha thiết của bà già đã khiến cậu sững người. Thì ra những gì trước đây mình đã nghĩ về họ là không đúng.

Trong cuộc sống mỗi ngày với nhiều mối quan hệ, có những lúc ta cũng như chàng trai kia thôi. Cứ nghĩ trong đầu như thế là mãi mãi như thế. Thật ra không phải. Nếu biết “mở lòng”, thì sẽ có một nhận thức khác. Muốn vậy, phải làm thế nào? Thú thật, tôi không đủ kiên nhẫn lắm sự lịch lãm, kinh nghiệm sống để trả lời. Tuy nhiên, tôi mạo muội nghĩ rằng, với những con người đã từng “gây thù chuốc oán”, nếu mình rộng lòng tha thứ, đó chính là giây phút khởi đầu cho sự “mở lòng”.

Có như thế mới thấy hết cái Đẹp của thế giới xung quanh.

Tôi nói thật rằng, có những người thích tiêu khiển bằng cách... giết kiến. Một ngày kia, trong lúc buồn bã, suy sụp, thất vọng nhân tình thế thái, anh ta chui vào phòng đóng cửa lại, vắt tay lên trán, thở ngắn than dài. Như mọi lần, có con kiến bò vào phòng, nhưng lần này anh đã mệt mỏi thân xác, rã rời tâm trí đến độ không còn hào hứng với thú tiêu khiển trước đó. Lần này, anh lặng lẽ quan sát con kiến thật kỹ. À, thì ra lâu nay con kiến xấu xí, đáng ghét kia vẫn có vẻ đẹp mà không nhìn thấy. Từ đó, anh thay đổi tâm tính.

Có lần bác sĩ Nguyễn Khắc Viện khiêm tốn bảo rằng, bí quyết của phương pháp thở của ông không gì cao siêu mà chính là lúc chúng ta học

cách thở của trẻ thơ đầy thôi. Thở tự nhiên như hơi thở vốn có, theo đúng phương pháp chứ không phải trong lúc thở lại nghĩ về sự thù hận, oán ghét, tị hiềm, cay cú... Cho phép tôi suy ra rằng, muốn được vậy hẳn ta phải loại bỏ những suy nghĩ hắc ám, những áng mây tích điện giông đang âm ầm trong đầu. Rõ ràng, ý thức “chín bỏ làm mười” cũng có ích cho sức khỏe đấy chứ?

# BẰNG LÒNG VỚI NHỮNG GÌ ĐANG CÓ



**T**rong cuộc sống, mỗi người một số phận. Có người lúc sinh đã nhà cao cửa rộng; có người lại “màn trời chiếu đất”. Với điểm “xuất phát” ban đầu, có phải sau này sự thành đạt của mỗi người sẽ khác?

Khó có thể đưa ra một kết luận rõ ràng, nhưng chắc chắn ông trời công bằng lắm, đã lấy của ai cái gì ắt lại đền bù cái khác. Vì thế, không phải ngẫu nhiên, nhiều bậc thức giả dạy rằng: *“Sống trên đời, không có một điểm tựa nào vững chắc nhất là tựa vào chính mình”*. Tưởng rằng, những mỹ từ ấy chỉ là lý thuyết, “mô phạm” chứ sự vận động trong đời sống còn phức tạp hơn nhiều. Đúng thế. Nhưng đừng quên rằng, đã có những người vượt lên nghịch cảnh, sống tốt, thậm chí còn có nhiều cống hiến cho xã hội hơn người bình thường khác.

Nhà ngôn ngữ học tài ba Lê Ngọc Trụ thuở nhỏ bị đau lỗ tai và phải mổ mép xương tai trái, do đó, đau ốm luôn. Không thể vui chơi như bạn bè trang lứa, cụ ngồi nhà cặm cụi với sách vở. Dù không bằng cấp gì nhưng nhiều người có bằng cấp phải gọi cụ là thầy. Cụ viết nhiều, nhưng tựu trung *Tâm nguyên tự điển Việt Nam* vẫn là bộ sách giá trị nhất, đến nay, chưa ai có thể vượt qua.

Nhà bác học thiên tài John Edison thuở nhỏ ốm đau luôn, rồi do một lý do gì đó nên bị điếc, sau này ông hài hước: “Tôi rất nên cảm ơn cái người đã vô tình làm cho tôi bị điếc. Trong cái thế giới ồn ào hỗn tạp này, chỉ có điếc mới giúp tôi yên tĩnh làm những việc mà mình thấy cần làm. Nếu không bị điếc, chắc có lẽ tôi cần phải nút lỗ tai chặt lại, may ra mới có thể làm việc được”. Rõ ràng, dù trong hoàn cảnh không may mắn nhưng ai cũng có thể tìm được sự hài lòng ở đó.

Sống trên đời, ai không mong khỏe mạnh như bao người, nhưng rồi cũng có lúc ốm đau. Nếu cụ Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác không có thời gian bị bệnh nặng, liệu cụ có “cơ duyên” trở thành Thánh y Việt Nam? Lúc ấy, thuốc thang mãi không khỏi, nghe tiếng thầy Trần Độc ở Thành Sơn (Nghệ An) là người giỏi thuốc, thi đậu Hương tiến nhưng thi mãi không đậu đại khoa nên lui về ở ẩn, cụ liền tìm đến dưỡng bệnh. Suốt một năm trời ở

đây, Lê Hữu Trác đã mượn thầy nhiều sách thuốc để nghiên cứu, càng đọc cụ càng “ngộ” ra rằng chỉ có nghề làm thuốc thì mới thật sự đem lại lợi ích cho mình và cho người. Đặc biệt, cụ được đọc bộ sách *Phùng thị cấm nang bí lục* của danh y Phùng Triệu Trương.

Do đó, khi luận bàn nghề thuốc với thầy, Lê Hữu Trác tỏ ra rất am hiểu lý luận âm dương, về phương dược, về thực tiễn lâm sàng... Trần Độc lấy làm kinh ngạc và truyền hết nghề làm thuốc cho cụ. Từ đây, cụ quyết chí đeo đuổi nghề cứu nhân độ thế mà sau này cụ tự hào: “Làm thuốc giỏi chẳng hơn là tu tiên, tu Phật hay sao?”.

Những mẩu chuyện này khiến chúng ta nhận ra rằng, một khi gặp điều gì không suôn sẻ thì chớ vội bi quan, chán nản, buông xuôi theo dòng đời. Có câu chuyện cổ tích, thuở nhỏ nghe thầy cô kể, nay tôi vẫn còn nhớ: Ngày kia, cây cổ thụ miệt thị cây lau sậy: “Cậu hèn kém lắm, biết bao giờ mới có thể ngẩng đầu hiên ngang nhìn lên bầu trời như ta?”. Cây lau sậy từ tốn: “Tớ bằng lòng với số phận của tớ. Dù không được như cậu nhưng tớ vẫn an toàn hơn”. Nghe câu trả lời ấy, cổ thụ cười ngạo nghễ: “Không ai có thể búng ta ra khỏi gốc, vạn dầu ta xuống đất nổi”.

Đã có nhiều người luôn tự cao, tự đắc trong suy nghĩ hạn hẹp ấy. Vào một ngày, cổ thụ hối hận vì đã khoắc lác, ngoa ngôn. Một cơn giông tố dữ dội lướt qua đã khiến nó ngã sóng soài, trong khi đó, sau lúc tan bão thì lau sậy vẫn bình thản vì vút reo theo tiếng gió.

Một khi đã ý thức như thế, hà cớ gì ta phải bận tâm, bức bối khi so sánh với ai khác? Mà nếu được thế, chắc gì ta đã cảm thấy hạnh phúc hơn, sung sướng hơn? Năm 1781, khi lên kinh đô chữa bệnh chúa Trịnh, cụ Lê Hữu Trác đã chẩn bệnh chính xác: “*Còn như phú quý nhàn cư/ Ngày đêm yến tiệc ăn no lại nằm/ Rượu say rồi lại nhập phòng/ Khỏi sao tích trệ phạm phòng chết non?*”. Rõ ràng, sống giàu sang trong phủ chúa nhưng nếu không ăn uống điều độ, sinh hoạt tình dục “xả láng sáng về sớm” thì phúc hay họa?

Lại có chuyện bà tỷ phú nọ đã khoe chỉ có mình sở hữu viên ngọc có trị giá nhất, không một ai sánh nổi. Tuy nhiên, một bà mẹ cần lao lại ẵm đứa con và bảo: “Đây mới là viên ngọc quý mà tôi được sở hữu”. Vâng, dù giàu nghèo thế nào, ai cũng có một niềm tự hào riêng, tùy theo suy nghĩ của mỗi người.

Đi tìm định nghĩa về “hạnh phúc” là điều vừa dễ lại vừa khó. Thế nào là hạnh phúc? Tôi tin chắc rằng nhiều người đồng tình rằng, hạnh phúc chính là lúc ta bằng lòng với những gì đang có, dù rằng cái sự bằng lòng ấy không là gì so với kẻ khác. Thử hỏi, một người nằm ngủ trong khách sạn năm sao, có

máy lạnh điều hòa, có mỹ nhân vỗ về, ve vuốt; một người nằm ngủ trên chõng tre ngoài vườn thì có gì khác nhau không? Chắc hẳn là không, nếu cả hai cùng ngon giấc và hài lòng với chỗ nằm mỗi đêm. Thế thì, chẳng việc gì phải “đứng núi này, trông núi nọ” để so sánh rồi than thân trách phận. Đã từ lâu, nhiều người thuộc nằm lòng câu thơ của nhà thơ E.A. Evtushenko, bởi tác giả đã nói được một điều hiển nhiên: *“Chẳng có ai tẻ nhạt ở trên đời/ Mỗi số phận chứa một phần lịch sử/ Mỗi số phận rất riêng, dù rất nhỏ/ Chắc hành tinh nào đã sánh nổi đâu?”* (Bằng Việt dịch). Sự lạc quan ấy, tại sao ta lại không trang bị cho chính mình?

# MỤC HẠ VÔ NHÂN (!?)



Có những người khi “lên voi”, gặt hái thành công trên đường đời, bao giờ họ cũng nghĩ mình đang đứng ở vị trí cao nhất. Chẳng hề tỉnh tâm nhìn lại chung quanh, quan tâm đến người khác bởi “cái tôi” đã choáng ngợp tâm trí.... Thậm chí, họ còn có suy nghĩ “mục hạ vô nhân” rất chủ quan - nghĩa là dưới mắt họ không còn ai khác. Tưởng là thế, nhưng sự đời chẳng đơn giản chút nào. Thế rồi, lúc “xuống chó”, lúc thất bại thì họ lại đâm ra hoang mang, muốn buông xuôi mọi thứ miễn tìm được sự bình an. Ít ra đó là sự yên ổn trong tâm hồn, mỗi tối có thể gác tay lên trán đánh một giấc ngon lành như người nông dân sau khi cày xong thửa ruộng.

Ước mơ bình thường ấy, sao bây giờ mới nhận ra? Có muộn màng quá không? Không hề. Trên đời này mọi việc vận hành theo quy luật tự nhiên của nó, nếu biết thức tỉnh, chẳng bao giờ là trễ.

Một trong những ác nghiệp khổ nhất của con người, còn do sự háo thắng, ham muốn không giới hạn. Anh bạn tôi thành đạt trên thương trường nên đã sắm được nhiều tiện nghi, kẻ khác thèm thuồng đến độ nằm mơ cũng không có nổi. Ấy thế, anh vẫn muốn phải hơn người cho xứng “vai vế” đại gia. Đã vợ đẹp, con ngoan nhưng anh còn ham hố cặp kè thêm một, hai “chân dài, váy ngắn” đăng lúc ký hợp đồng, giao tiếp, dự tiệc tùng khiến thiên hạ lác mắt chơi.

Cuối cùng, những cuộc tình lãng nhãng ấy dẫn đến sự xào xáo vợ chồng, những cuộc đánh ghen, những chi trả “tình phí” đã đẩy anh vào ngõ cụt. Anh tâm sự một nỗi niềm mà chính người trong cuộc mới nhận ra: “Lúc thành đạt, nếu không tỉnh tâm thì “cái tôi” trỗi dậy như bản năng.

Cứ nghĩ, “thời” đang của mình, “thế” đang của mình, muốn gì mà không được?”. Vâng, sự háo thắng “hơn thua” ấy đã khiến nhiều người cảm thấy mệt mỏi, thậm chí đâm ra oán ghét luôn cả “cái tôi” một thời hãnh hoáng.

Trong quan hệ xã hội, nếu biết hạn chế lại “cái tôi”, có lẽ mọi người sẽ nhìn nhau, đối xử nhau mỗi ngày chan chứa tình người hơn. Nếu ai cũng tự nghĩ mình là nhất, là số một thì làm sao tìm được tiếng nói chung khi bàn thảo, hợp tác trong công việc?

Có những người kỳ quặc, thấy ai đó hơn mình một điều gì, thay vì nỗ lực và cố gắng noi gương thì họ cản đường bằng cách “đâm bị thóc, chọc bị gạo”, rồi “bỏ nhỏ” người này, vu oan cho người kia. Lý luận “cùi bắp” phổ biến vẫn là, đại khái, mình có tài nhưng không được lòng sếp nên sếp không trọng dụng, phân công không đúng sở trường nên mới ị ạch thế này! Còn kẻ kia chắc chắn do nịnh bợ, ton hót nên mới được cấp trên cất nhắc chứ tài cán gì!

Sự tỵ nạnh này vừa trẻ con lại vừa chẳng có một chứng cứ gì bởi làm việc trong một tập thể thì tài năng, khả năng của từng người được ghi nhận từ hiệu quả của công việc cụ thể, chứ không phải “phán” vu vơ như kiểu thầy bói. Ganh ghét thành công của người này; hoặc lấy sự thất bại của người kia làm niềm vui là một thói ích kỷ.

Tôi từng nghe một chuyên gia kinh tế bảo rằng, so với người Nhật, ý thức giúp đỡ đồng nghiệp của người Việt mình còn kém xa lắm. Khi sa xuống hố thay vì tìm cách nâng đỡ nhau, ai cũng có thể lên khỏi hố thì người Việt mình thường chòi đạp kẻ khác, ngoi lên một mình. Ai còn dưới hố cũng mặc kệ. Miễn “được việc” cho mình mà thôi. Lời phê bình khắt khe này cho thấy rằng, một khi đã phát hiện ra sự hạn chế trong tính cách, cần phải thay đổi luôn theo hướng tích cực.

Thiết nghĩ, xuôi ngược trên đường đời, chẳng khác gì mọi người cùng đi qua một chiếc cầu. Có lúc, cả hai hướng chạm mặt nhau, không thể lách qua được, vậy người này phải lùi bước, nhường đường cho người kia chứ? Nhưng rồi, mấy ai có được suy nghĩ nhẹ nhàng ấy? Nếu ai ai cũng chỉ chăm bẵm tranh giành phần thắng về mình, biết đâu sẽ cùng rơi tõm xuống sông suối.

Thời ở bộ đội, nhằm giáo dục anh em tân binh mới nhập ngũ tình đoàn kết, “mình vì mọi người, mọi người vì mình”, chính trị viên đơn vị tôi có kể câu chuyện này: Có họa sĩ nọ vẽ hai bức tranh miêu tả Thiên Đàng và Địa Ngục. Trong hai bức tranh đó, đều có những thực khách ngồi quanh chiếc bàn tròn, toàn là sơn hào mỹ vị, có điều ai nấy cũng đều cầm một đôi đũa rất dài. Điểm khác nhau là gì? Ở nơi Địa Ngục, khi gấp thức ăn, họ tự đưa vào miệng mình nhưng do đũa quá dài nên đều chệch ra ngoài. Do đó, cùng được tận hưởng bữa tiệc linh đình nhưng chẳng ai ăn được gì. Ở nơi Thiên Đàng lại khác, thay vì tự gấp thức ăn bỏ vào miệng mình, người này gấp đưa vào miệng người đối diện nên ai cũng ăn uống no nê.

Với câu chuyện giản dị này, tôi tin chắc, ai cũng có thể rút ra một kết luận hữu ích cho riêng mình.

# CÚ "HỮU XẠ" ẮT "TỰ NHIÊN HƯƠNG"



Cách đây khá lâu, trên chuyến tàu đi nghỉ mát, tôi ngồi cạnh ông cụ có dẫn theo một cháu nhỏ. Thiên nhiên tươi đẹp lướt qua ngoài khung cửa sổ, tôi ngược mắt nhìn theo. Lúc thấy núi đồi xanh, khi nhìn được bãi bờ nhịp nhàng từng con sóng biếc. Năng chói chang. Mây trắng nõn. Tự dưng, tâm hồn sáng khoái lạ thường. Bỗng có tiếng nói thì thầm, lắng tai nghe, tôi biết ông cụ đang kể chuyện cổ tích cho đứa cháu.

Câu chuyện thế này: Ngày xưa ngày xưa, có người tỷ phú trước lúc lìa bỏ cõi đời mới gọi các con lại và nói: “Ta đưa số tiền này, các con hãy tìm mua bất kỳ một thứ gì đó, có thể làm đầy căn phòng của ta đây. Nếu ai thực hiện được, ta sẽ trao cho toàn bộ gia tài”. Cầm số tiền chẳng đáng là bao, các con vội vàng lao ra khỏi nhà, ai cũng nghĩ mình sẽ là người đáp ứng được yêu cầu của người cha. Tuy nhiên, lúc bước ra chợ, họ mới thấy khó bởi số tiền quá ít ỏi. Biết mua gì?

Dẫn đo mãi, trời đã về chiều, phải mua cái gì đó ngay thôi.

Thế là, người con thứ nhất mua và vác về nhà một kiện rơm. Quả thật, sau khi tháo rời ra, những cọng rơm nhẹ tênh ấy đã choán đầy cả phòng. Người cha không nói gì, sai ô-sin thu dọn hết đồng rơm ấy; xong, người con thứ hai lại đem vào phòng những ngọn nến, thắp lên, ánh sáng đã tỏa sáng hết căn phòng. Vậy gia tài sẽ trao cho ai? Sở dĩ hỏi như thế, vì người con thứ ba vẫn lặng lẽ đứng yên, không thấy cầm theo bất kỳ vật gì.

“Còn con thế nào, hả út?”. Nghe cha hỏi, anh ta lễ phép: “Thưa cha, số tiền của cha, con trả lại, không muốn mua bất kỳ thứ gì vì chưa thật cần thiết. Con nghĩ, làm đầy căn phòng của cha hiện nay đã có rồi”. Người cha ngạc nhiên: “Ta vẫn chưa hiểu ý con muốn nói”. Người con út quả quyết: “Trong phòng cha đã có đầy không khí. Nó đã có một cách hiển nhiên như đã có nên chẳng mấy ai để ý đến. Nếu không có không khí làm sao ta có thể hít thở mỗi ngày?”

Từ câu kết của mẩu chuyện nghe lóm, tôi nghĩ thêm đôi điều băng quơ.

Trên trái đất này, hầu như mỗi sinh vật đều có vai trò cần thiết của nó. Ca dao có câu: “Đèn khoe đèn tỏ hơn trăng/ Đèn ra trước gió còn chẳng hồi



*đèn?/ Trăng khoe trăng tỏ hơn đèn/ Có sao trăng lại chịu luồn đám mây?''*. Sự hơn thua, so sánh ở đây, ngấm ra thấy buồn cười. Trăng là trăng. Mà đèn là đèn. Cả hai đều có sở trường lẫn sở đoản. Con người ta cũng vậy thôi. Ông trời cực kỳ công bằng, khi đã đưa bàn tay này trao ai quà tặng gì, lập tức bàn tay kia cũng lấy lại một thứ khác.

Làm gì có người từ lúc lọt lòng, cất tiếng khóc oe oe đã nhận sự sung sướng cho tới lúc chui tọt vào lòng đất; ngược lại, chẳng có ai phải gánh chịu lầm than, khổ nhọc cả một kiếp người? Từ nhận thức này, ông bà ta đã đúc kết lại sự trải nghiệm: *“Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời”*. Rồi *“sông có lúc, người có lúc”*. Tùy giai đoạn cuộc đời, mỗi người có lúc thăng lúc trầm, lúc *“lên voi xuống chó”*. Ai cũng như ai thôi.

Nhiều người lại không nghĩ thế.

Do đó, một khi hanh thông công việc làm ăn, tiền bạc thu vào như nước chảy chỗ trũng, lập tức họ *“thông báo”* cho *“làng trên xóm dưới”* lác mắt chơi. Đôi khi, sự hờn hĩnh ấy lại chạm đến niềm trắc ẩn, buồn tủi của người khác. Lúc khoe khoang những thứ đắt tiền, tiêu xài phung phí, ném tiền qua cửa sổ thì những con người nghèo rất mong tới biết được chuyện ấy, họ sẽ vui hay buồn? Đành rằng, vui buồn thế nào là chuyện của mỗi cá nhân, chẳng ai phải chịu trách nhiệm cho ai. Mình có tiền *“giàu nứt đố đổ vách”* ắt có quyền tận hưởng, còn lại thiên hạ *“sống chết mặc bay”*, chẳng can có gì đến mình.

Suy nghĩ này, có đúng không?

Ai đã từng lướt qua các trang mạng xã hội, hẳn có lúc chạnh lòng, chẳng hạn, thời buổi *“gạo châu củi quế”*, tìm ra đồng tiền nuôi sống vợ con muốn chảy máu nước mắt, phải tần tảo từng đồng xu gửi về quê nuôi cha mẹ già, ấy thế, lại *“đập vào mắt”* là hình ảnh xe hơi, biệt thự rồi la liệt những cái váy, túi xách, đôi giày, smartphone... thuộc *“hàng hiệu”*. Thậm chí, còn khoe ngay cả con chó giữ nhà mỗi ngày cũng được ăn vài ký thịt bò... Khoe làm gì thế? Chẳng để làm gì, chỉ trong một phút cao hứng muốn thiên hạ biết mình *“không phải dạng vừa đâu”*.

Tuy nhiên, vì thích khoe khoang mà đôi khi chính mình phải gánh lấy sự phiền toái không đáng có. Chị bạn tôi vừa giậm chân kêu trời cũng vì cái tính ấy. Mọi việc riêng tư từ mua sắm đến du lịch, ăn uống ở đâu thì *“nhất cử nhất động”* chị đều *“tương lên”* mạng xã hội. Dù chưa ghé chơi nhưng ai cũng biết rõ chị đã sắm những vật dụng gì, đặt ở vị trí nào ở trong nhà. Phải thế chứ, thiên hạ có biết thì mới trầm trồ, thèm thuồng, ganh tỵ. Làm sao họ có thể sánh kịp *“đẳng cấp”* của mình. Có xách dép chạy theo cũng còn lâu.

Tháng vừa rồi, cả gia đình chị hào hứng du lịch nước ngoài. Chị post hình ảnh liên tu bất tận, ngày này đã đáp xuống phi trường nào, ngày kia đã tham quan nơi đâu; qua ngày sau lại đang vui chơi chỗ nào... Tóm lại, lịch trình dài dằng dặc ấy, “năm châu bốn biển” đều biết đến.

Không ngờ, sau lúc kết thúc cuộc hành trình, quay trở về, chị suýt ngất khi biết kẻ trộm đã đột nhập vào nhà “khoảng sạch” mọi thứ. Thì ra, sự khoe khoang công khai ấy không khác gì “vẽ đường cho hươu chạy” và khiến kẻ xấu động lòng tham. Mà chúng dám “ra tay” và “thành công trên cả tuyệt vời” bởi thừa biết vào ngày ấy, giờ ấy gia đình chị đang ở đâu, đang làm gì.

Trở lại câu chuyện mà tôi đã nghe “lóm” trên chuyến tàu lửa, có lẽ nhiều người đồng tình: Khi cậu con trai út nhấn mạnh về vai trò của không khí, không phải những thứ khác lại không có giá trị bằng. Mọi vật dụng đều có giá trị riêng biệt, khó có thể so sánh, tuy nhiên nó chỉ phát huy hết giá trị trong từng trường hợp cụ thể. Con người ta cũng vậy thôi. Ai cũng có sở trường lẫn sở đoản.

Cứ “hữu xạ” ắt “tự nhiên hương”. Nghĩ như thế, sống như thế để cảm nhận và chọn lấy cuộc sống nhẹ nhàng, thư thái vẫn tốt hơn. Hà có gì lúc nào cũng phải “lao tâm khổ trí” tìm mọi cách “đánh bóng” cái tôi? Nghĩ cho cùng, “cái tôi” của người này chắc gì đã hơn “cái tôi” của người khác?

# IM LẶNG ĐỂ LẮNG NGHE



**D**ược nói cũng là một lạc thú ở đời. Có câu chuyện thế này, nhân dịp Tết đến, nhóm bạn rủ nhau khề khà bên cội mai “*mừng xuân nâng chén ta chúc nơi nơi*”. Câu chuyện rôm rả, hào hứng và ai cũng muốn được nói, được tâm tình. Điều này là lẽ thường tình. Chẳng có gì phải phàn nàn, nếu không có một, hai người độc chiếm diễn đàn. Lưỡi họ trơn hơn thoa dầu, bôi mỡ trở thành diễn giả “thao thao bất tuyệt” trước công chúng. Họ “một mình một ngựa” tung hoành ngang dọc, không nhường cho ai có thể góp lời.

Làm sao buộc người đó ngừng nói?

Cuối cùng nhóm bạn đề nghị, nếu anh ta im lặng đúng 10 phút, sẽ có quà thưởng hậu hĩnh. Cũng lạ, có những người nếu buộc im lặng, họ có cảm giác như cổ họng nghẹt nghẹt. Tay chân bức bối. Đầu óc bức bối. Vì thế, trước đề nghị của bạn bè, chỉ đến phút thứ 9, không thể chịu đựng nổi, anh ta đứng phắt dậy, bỏ ra về. Càng tốt. Ai có thể chịu đựng được một người luôn oang oang như súng bắn liên thanh?

Tâm lý của con người ta không khác nhau ở chỗ, đôi lúc cần có người cùng tâm tình, đấu hót, “chém gió”. Người này nói, người kia lắng nghe và ngược lại. Mà ai còn có nhu cầu được nói. Chẳng ai muốn lỗ tai của mình trở thành nơi phải chứa tất tần tật lời lẽ của người khác, dầu rất thân tình. Nói tắt một lời, “được ăn được nói” là lạc thú không thể thiếu được trong 24 giờ của một ngày.

Tuy nhiên, ít ai chịu khó ngấm lại rằng, tại sao cứ phải nói? Cứ phải há miệng, đảo lưỡi liên tu bất tận phát ra tiếng động như suối chảy róc rách, như thác lũ dạt dào từ ngày này qua tháng nọ? Thế thì, hãy thử im lặng xem sao. Ừ, hãy dành lấy cho mình một khoảng thời gian tự ngậm miệng. Không thốt ra một lời nào. Lúc ấy, có gì khác hay không? Tôi nghĩ, khi im lặng cũng là lúc người ta có thể hướng nội, tự mình soi rọi lại tâm thế chính mình. Việc làm ấy, mạo muội nghĩ rằng, nói như từ ngữ tin học, đó chính là lúc “defragmenter” các dữ kiện ngổn ngang trong tâm hồn.

Không phải ngẫu nhiên ở Nhật có những thiền viện heo hút nơi rừng thẳm non cao. Những lúc quá mệt mỏi, quá ngao ngán bởi từng ngày cuốn

theo dòng đời chảy xiết, thiền viện ấy là nơi người ta tìm đến. Nơi ấy, có những bậc thiền sư rao giảng về lẽ vô thường của cuộc đời? Nơi ấy, có tiếng chuông ngân nga, câu kệ trầm bổng an ủi chẳng? Không. Bước vào phòng, chỉ có nến sáng, trầm thơm và một vài chậu bonsai phía trước mặt. Không có thêm gì nữa. Hãy ngồi xuống. Im lặng. Chỉ ngồi im lặng và làm chủ hơi thở. Thế là đủ. Vâng. Đôi khi trong đời chỉ cần có thế.

Mẹ tôi có kể câu chuyện này, ngày nọ, một cây to sum suê cành lá nói với với cây ăn trái: “Cuộc đời anh tẻ nhạt quá, chẳng được như tôi. Lúc nào tôi cũng có thể xạc xào, reo vui trong gió khiến nơi xa cũng có thể nghe đến”. Cây ăn trái khiêm tốn: “Tôi không cần những lời ồn ào, trái cây ngon ngọt đã thay lời tôi muốn nói mỗi ngày”.

Lâu nay, khi đọc tuyệt phẩm *Mái tây* của Vương Thực Phủ, thiên hạ năm châu bốn biển đều khoái trá với lời bình Kim Thánh Thán. Một trong 33 điều “Chẳng cũng sướng sao” của ông, tôi rất thích: “Qua phố thấy hai bác đồ gàn cãi nhau một chuyện... Cả hai đều đỏ mặt tía tai, tưởng không đội trời chung! Thế mà còn chấp tay lên, khom lưng xuống, đầy mồm “chi, hồ, dã, giả”... Câu chuyện kéo dài, có thể mấy năm không xong. Bỗng một tráng sĩ vung tay đi lại, ra oai quát một tiếng, thế là nín thít. Há chẳng sướng sao!”.

Sự im lặng của hai bác đồ gàn đã cho thấy gì? Chỉ trong tích tắc ấy, có thể họ sững người, rồi lập tức nhận ra ngoa ngôn này giờ chỉ là những câu tranh cãi tầm phào!

Tôi không tin người ta có thể vừa ồn ào nói chuyện, vừa chuyên chú đọc sách. Không bao giờ. Nếu có, chỉ lướt trên mặt chữ, chứ không thể nhìn ra ánh sáng lấp lánh nằm giữa các dòng chữ. Nếu chọn lấy duy nhất, vâng, chỉ chọn một bài thơ Đường, bạn sẽ chọn bài thơ nào? Câu hỏi này khó quá, phải không? Tuy nhiên, nếu không thể thoái thác được, tôi xin chọn *Tâm ấn giả bất ngộ* của thi sĩ Giả Đảo (788? - 843?):

Ngày nọ đứng bên cội tùng, khách hỏi chú tiểu đồng là thầy đang đâu, có ở nhà không? Tiểu đồng cho biết thầy đi hái thuốc. Rồi đưa tay chỉ vào cỏ nội mây ngàn, núi xanh rừng xanh thẳm. Khách nhìn theo, thấy trước mắt mây mù mịt, giăng kín núi non: “*Núi này quanh quẩn không xa/ Mây che mù mịt biết là nơi đâu?*”. Khách lặng lẽ, đứng nhìn mây tỏa mờ sương khói, không thốt một lời nào nữa. Sự im lặng ấy, với chúng ta có khó khăn quá không? Không à? Thế mà có đấy! Ít ra, là sự bức bối vì đã mất thời gian đến tìm cổ nhân nhưng không gặp, bèn căn nhắc một vài câu chữ gì? Nhân vật trong thơ Giả Đảo lại khác, biết tận hưởng vẻ đẹp của thiên nhiên chính từ giây phút ấy.

Không nhớ rõ nhà hiền triết nào đã bảo, chúng ta mất vài năm học nói nhưng lại mất cả đời để học cách im lặng. Trong cuộc sống hằng ngày, đôi lúc sự im lặng lại đem đến sự bình an tâm hồn. Có câu chuyện thế này, anh chàng nợ vốn để tử số dzách của Lưu Linh bợm nhậu. Mỗi lần say, anh trở về nhà là quát mắng vợ con, tất nhiên vợ con cãi lại. Lần kia, mặc tình anh ta muốn nói gì thì nói, vợ con chỉ im lặng. Càng nói, anh càng nghe tiếng nói của chính mình dội ngược lại vào tai. Mình có thể thốt ra những lời thô lỗ, cục cằn này sao? Thử im lặng xem sao. Và anh ta nghe thấy những gì? Nghe thấy trẻ con hàng xóm vọng sang ê a tiếng học bài, nghe lời vợ dịu dàng ru con... Bước ra ngoài sân, anh ta còn nghe cả tiếng cựa mầm, nảy lộc trong khoảnh khắc giao mùa.

Mùa xuân đến rồi đó ư? Sao bây giờ mới nghe được tiếng thì thầm da diết ấy? Vâng, tình xuân vẫn chan chứa từng ngày trong cuộc sống, có điều ta có biết lắng nghe hay không?

# VỀ THU XẾP LẠI



**D**ã từ lâu, tôi thích ca từ này của Trịnh Công Sơn: “Về thu xếp lại. Ngày trong nếp ngày. Vội vàng thêm những lúc yêu người”. Trong những ngày cuối năm, ở Sài Gòn có ai để ý ngoài phố có nhiều lá vàng rơi? Vòm cây bên đường từng ngày lặng lẽ trút đi những chiếc lá cần cỗi. Rồi một sớm mai, mở mắt dậy, ngược nhìn lên trời xanh, ta đã thấy lộc mới tươi ngon chi chít như sao trời vừa nhú. Thiên nhiên đã tự “dọn lòng” để chào đón ngày mới, mùa mới theo quy luật tuần hoàn ngàn đời vạn kiếp.

Còn chúng ta thì sao? Có lẽ những ngày cuối năm cũng là lúc “về thu xếp lại”, loại bỏ những gì đã cũ để từng ô, ngăn của đời sống thông thoáng hơn.

Nhìn qua kia, thừa biết tủ chứa quần áo đã đầy, có lúc mở tủ chọn lấy cái áo, cái quần cho phù hợp cuộc tiệc tùng, họp hành nào đó mà nhiều lần đứng thờ người chẳng biết chọn thế nào. Sáng nay, lấy hết mọi thứ ra, sắp xếp, phân loại, đặt riêng từng phần. À, cái này còn mới, sang năm mặc lại. Nọ, những cái kia đã cũ, hôm nào gửi về quê cho người nghèo. Có lúc nhìn những vật dụng cũ mà lòng bồi hồi. Chiếc áo này, đôi vợ nọ, cà vạt kia chẳng nhớ ai đã tặng hay mình đã mua nhân dịp nào? Biết đâu có thể do cô người yêu tặng. Nói khê thôi, cô ấy ngày xưa mình yêu lắm nay đã có chồng, định cư nước ngoài, chẳng biết hiện nay sống ra sao?

Nghĩ thế, bất giác buột miệng hát vu vơ: “*Mắt biếc năm xưa nay đâu...*”. Chỉ dám hát khe khẽ trong cuống họng, nhờ vợ nghe được mà đoán hiểu nỗi niềm bấy lâu giấu kín trong lòng thì mệt. Sợ vợ đến thế là cùng, nghĩ thế bèn tùm tùm cười. Rồi, bước xuống bếp. Chao ôi, bao nhiêu thứ cũ kỹ, linh tinh chập một góc nhà vậy mà lâu nay chẳng hề gai mắt chút tẹo nào.

Cứ như thế, cả một ngày sắp xếp lại, tự mình thấy rằng, phải loại bỏ đi những gì không cần thiết. Có thể bán ve chai, cũng có thể đem cho nhà hàng xóm như san sẻ tình cảm láng giềng “tối lửa tắt đèn có nhau”. Thấy cô bé nghèo bên cạnh nhà, nhận lấy con búp bê đã cũ, những trang sách đã nhàu mà mắt sáng rực, cảm ơn rồi rít, tự dừng trong lòng cảm động. Cảm thấy dường như ánh nắng tốt tươi hơn mọi ngày. Những chia sẻ ấy, chẳng to tát gì nhưng

rời từ người cho đến người nhận đều hân hoan, sung sướng chẳng khác gì nhau. Khi đã cho đi nhiều thứ, trong nhà dường như thoáng đặng hơn đây chứ? Mà cũng phải thôi, ngày cuối năm rồi, phải dọn dẹp lại mọi thứ cho ngăn nắp.

Ý thức “Về thu xếp lại” như thế vẫn chưa đủ. Tôi xin kể một câu chuyện: Có một bà quý phái nọ than phiền, cái khăn tay của bà rất đẹp nhưng bị vấy mực đen sì, chẳng biết làm thế nào để chiếc khăn trở lại như xưa. Bỏ đi, không nỡ, xuyết xoa tiếc rẻ nhưng giữ lại bà vẫn không ưng ý lắm. Nghe thế, một họa sĩ bảo hãy đưa chiếc khăn tay ấy và không nói thêm lời nào. Ngày hôm sau, bà quay lại và nhận chiếc khăn tay. Bà không tin vào mắt mình, nơi vết mực xấu xí ấy, chàng họa sĩ đã biến thành một bức tranh tuyệt mỹ. Thế đấy, có những thứ tưởng đã vứt đi nhưng nếu khéo léo có thể trở thành một tác phẩm nghệ thuật để đời.

Qua mẩu chuyện này, ta thử soi rọi lại lòng mình, có phải ngay bây giờ, trong lúc này, nhớ đến một gương mặt, sự việc nào đó thì lòng mình lập tức ghét bỏ? Sự ghét bỏ ấy cũng như vết mực trên bức tranh kia, có thể thay đổi được chứ? Đó là điều có thể, nếu mỗi chúng ta biết nhìn lại bằng tấm lòng nhân ái hơn, khoan dung hơn.

“Về thu xếp lại” cũng là lúc “dọn lòng” của chính mình, loại bỏ đi những tị hiềm ganh ghét nhỏ nhen đã giăng tơ nhện từ ngày này qua tháng nọ. Sự u ám ấy, sao không gạt bỏ đi cho nhẹ lòng? Mà trong lòng mỗi chúng ta sự ngổn ngang ấy, đừng nói thánh nói tướng làm gì, vẫn còn nhiều lắm. Có điều dù đã nhìn ra nhưng có dám sắp xếp lại hay không là chuyện khác.

Nói thêm điều này, chẳng phải là một “triết lý” sâu xa gì nhưng có thể gợi nhiều điều suy ngẫm. Ngày kia, có đứa trẻ rong chơi trên cánh đồng và ngẫu nhiên hô to: “Ơi”. Lập tức nghe vọng đến tiếng “Ơi”. Nó ngạc nhiên quá, nhìn quanh quất chẳng thấy ai nên gọi to, hỏi lại: “Người là ai?”. Liền nghe tiếng trả lời: “Người là ai?” như trêu chọc. Nó giận dữ trả đũa: “Người là thằng điên”. Lập tức có tiếng trả lời: “Người là thằng điên”. Giận sôi gan, nó về nhà hỏi mẹ và than phiền. Người mẹ từ tốn giải thích đó chỉ là tiếng vọng của chính nó: “Con hãy nhớ rằng, thái độ cư xử của kẻ khác đối với con luôn luôn là tiếng dội lại thái độ của con”.

Trong đạo Phật có từ “chấp mê” hiểu theo nghĩa là “khư khư cầm, nắm, giữ cái mỗi mê muội, lầm lạc”. Vâng, đó là những gánh nặng lâu nay chất chứa trong lòng, sao ta lại không buông, không trút bỏ vì tự nó đã dội lại trong tâm biết bao phiền muộn?

Đã cuối năm rồi. Đã sắp bước sang mùa mới, nắng mới, tình người cũng

mới. Và lúc gặp nhau, mọi người thường chúc tụng nhau những lời tốt đẹp nhất. Muốn cùng cảm nhận được từng lời chúc ấy, từ người nói đến người đón nhận phải thoát ra ngoài sự “chấp mê”. Có như thế, mới là sự chân thành lúc kết nối, gắn kết tình người trong nhịp sống hằng ngày.

**LÊ MINH QUỐC**

*(Phú Nhuận - 2015)*